

2019
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

SANH SANG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN GIA LAI

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN GIA LAI

Địa chỉ: 114 Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

Điện thoại: 0269 3823 604

Fax: 0269 3826 365

Email: info@geccom.vn / ir@geccom.vn

Website: <http://www.geccom.vn>



GEC

SÁNG SÁNG

Ánh Sáng mỗi ngày lan tỏa đến từng nhu cầu của cuộc sống.

Ánh Sáng góp phần vào sự phát triển năng động của kinh tế ban ngày, sự nhộn nhịp của kinh tế về đêm.

BAN BIÊN TẬP
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019

| | |
|-------------------------------------|-----|
| Thông điệp của Chủ tịch | 06 |
| Chia sẻ từ Tổng Giám đốc | 10 |
| Thông tin đầu tư - Giá trị thúc đẩy | 14 |
| Những thuật ngữ viết tắt | 185 |

01

BAN MAI

Thời khắc chuyển giao buổi sớm mai..., Ánh sáng từ những ngọn đèn đầu tiên đưa mọi nẻo đường..., Người lao động bước vào ngày mới...

GEC đánh dấu bước chân đầu tiên vào lĩnh vực Năng lượng cùng Thủy điện...

| | |
|------------------------------------|----|
| Về Chúng tôi | 20 |
| 30 năm - Một hành trình | 24 |
| 2019 - Chặng đường mới | 26 |
| Tài chính - Tăng trưởng và an toàn | 28 |
| Rủ ro - Nhận diện và quản trị | 30 |
| Pháp luật - Thượng tôn và tuân thủ | 33 |
| Nhân lực - Quan tâm và thúc đẩy | 36 |

02

NGÀY MỚI

Khi Ánh sáng Mặt trời đánh thức một ngày mới..., Cả thành phố hăng say với công việc..., Ánh sáng từ các nguồn Năng lượng tràn ngập trong các tòa nhà, văn phòng, nhà máy, công trường...

GEC phát triển ấn tượng và chuyển mình với Năng lượng tái tạo..., Tiên phong những dự án Điện Mặt trời đầu tiên...

| | |
|--|----|
| Năng lực Hội đồng Quản trị | 40 |
| Chiến lược phát triển - Chuỗi giá trị Ngành Năng lượng | 43 |
| Quản trị, Giám sát, Điều hành - Những mảnh ghép của chiến lược | 47 |
| Hội đồng Quản trị độc lập - Giám sát độc lập | 55 |
| Ủy ban Kiểm toán - Kiểm soát độc lập | 58 |
| Quản trị Công ty - Chuẩn mực và hiện thực | 60 |

04

ĐÊM TRẮNG

Khi ánh đèn rực rỡ chiếu sáng từng khoảnh khắc..., Dòng người tấp nập..., Thành phố trở lại sự nhộn nhịp vốn có với ẩm thực, âm nhạc và giải trí...

Đội ngũ Kỹ thuật của GEC vẫn đồng hành với mỗi nhà máy..., để từng ngọn đèn vẫn sáng, để nhịp sống vẫn luôn sôi động...

Đêm trắng... Cho một hành trình mới bắt đầu...

| | |
|--|-----|
| Năng lực Ban Tổng Giám đốc | 98 |
| Lợi thế cạnh tranh - Khai thác và vận hành | 101 |
| Mô hình kinh doanh - Xây dựng Chuỗi giá trị | 111 |
| Quan hệ Nhà đầu tư - Phát triển Thị trường vốn | 116 |
| Nghiên cứu và phát triển - Xu hướng Công nghệ | 122 |
| Báo cáo Tài chính Hợp nhất Kiểm toán | 125 |
| Báo cáo Tài chính Riêng Kiểm toán tóm tắt | 180 |
| Kiểm toán nội bộ - Cam kết minh bạch | 184 |

03

LÊN ĐÈN

Khi thành phố lên đèn là nguồn Năng lượng của hạnh phúc..., Mỗi gia đình quây quần bên nhau sau một ngày cho công việc...

GEC kiên định với sứ mệnh Phát triển vì Cộng đồng..., Sẽ thêm nguồn Ánh sáng đến từ những Turbine Gió chuyển động không ngừng..., với danh mục Điện Gió chuẩn bị đầu tư đa dạng tại nhiều Tỉnh Thành, GEC sẵn sàng tăng tốc...

| | |
|--|----|
| Quy chế ứng xử - Xây dựng niềm tin | 68 |
| Các Bên liên quan - Cộng hưởng giá trị | 72 |
| Kinh tế - Nỗ lực đồng hành | 77 |
| Xã hội - Nỗ lực xây dựng | 82 |
| Môi trường - Nỗ lực bảo vệ | 89 |

SÁNG SÁNG

ĐẾN TỪ ...

ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông Tân Xuân Hiến - Chủ tịch Hội đồng Quản trị

QUY MÔ HỆ THỐNG ĐIỆN VIỆT NAM ĐỨNG THỨ 2 KHU VỰC ASEAN SAU INDONESIA VÀ THỨ 23 THẾ GIỚI. NĂM 2019, SẢN LƯỢNG ĐIỆN SẢN XUẤT VÀ MUA CỦA TOÀN HỆ THỐNG ĐẠT 231 TỶ KWH, TĂNG 9% SO VỚI NĂM 2018; TRONG ĐÓ, ĐIỆN THƯƠNG PHẨM ĐẠT 210 TỶ KWH, TĂNG 10%. NĂM 2019 CŨNG CHỨNG KIẾN SỰ SÔI ĐỘNG HƠN BAO GIỜ HẾT CỦA THỊ TRƯỜNG NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO VIỆT NAM, ĐẶC BIỆT LÀ SỰ THAM GIA CỦA THÀNH PHẦN KINH TẾ TƯ NHÂN TRONG MẢNG HOẠT ĐỘNG NÀY.

THÔNG ĐIỆN TỪ CHỦ TỊCH

BA MƯƠI NĂM KỂ TỪ NGÀY ĐẦU THÀNH LẬP, VƯỢT QUA NHỮNG THỬ THÁCH BAN ĐẦU VỀ QUY MÔ, CÔNG NGHỆ, MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN, GEC ĐÃ VƯỢN MÌNH CHÀO ĐÓN MỘT THẬP NIÊN MỚI - NĂM 2020 VỚI NHỮNG THÀNH QUẢ ĐÁNG GHI NHẬN TRONG NĂM 2019.

Kính gửi Quý Cổ đông, Nhà đầu tư, Quý Khách hàng và Đối tác,

Ba mươi năm kể từ ngày đầu thành lập, vượt qua những thử thách ban đầu về quy mô, công nghệ, mô hình phát triển, GEC đã vươn mình chào đón một thập niên mới - năm 2020 với những thành quả đáng ghi nhận trong năm 2019. GEG trở thành Mã chứng khoán duy nhất hoạt động đa dạng danh mục NLTT đang niêm yết tại HOSE. Tính đến ngày 31/3/2020, HOSE đã quy tụ khoảng 487 mã cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ niêm yết với giá trị vốn hóa đạt gần 100 tỷ USD, tương đương 38% GDP năm 2019. GEC hiện đang sở hữu 19 NM với tổng công suất 284 MW trong đó 14 NMTĐ vừa và nhỏ 85 MW và 5 NM ĐMT 260 MWp. GEC cũng là Công ty sở hữu 2 NM ĐMT đầu tiên hoạt động tại Việt Nam. Định hướng đến 2025, GEC sẽ đẩy mạnh danh mục bằng cách đa dạng các loại hình Năng lượng, tập trung chiến lược vào Điện Gió, mở rộng sang Điện Áp mái cũng như phát huy các thành tựu đã có từ ĐMT, Thủy điện vừa và nhỏ; hướng tới mục tiêu chiến lược 1.650+ MW đến năm 2025.

Kinh tế vĩ mô ổn định, cơ sở tăng trưởng mọi ngành nghề

Kinh tế Việt Nam 2019 tiếp tục duy trì trạng thái tích cực với những điểm sáng đáng chú ý đến từ các yếu tố vĩ mô khi GDP tiếp tục duy trì mức tăng trưởng cao nhiều năm liền, lạm phát được kiểm soát ở mức rất thấp so với kế hoạch và dòng vốn FDI đăng ký cũng như giải ngân đạt kỷ lục trong 10 năm trở lại đây. Mặc dù vẫn còn những tồn tại, song việc cơ cấu lại nền kinh tế của Chính phủ đã dẫn đi vào chiều sâu, đúng hướng hơn. Khu vực Công nghiệp ghi nhận mức tăng trưởng khá, chuyển dịch cơ cấu nội ngành có những bước đi thực chất hơn, Công nghiệp chế biến, chế tạo giữ vai trò là động lực phát triển toàn ngành và nền kinh tế. Khu vực Dịch vụ duy trì đà tăng trưởng cao, từng bước trở thành động lực tăng trưởng chủ yếu.

Trong bối cảnh hội nhập ngày càng sâu rộng, hàng loạt các Hiệp định thương mại được ký kết, kỳ vọng tạo nên những cú hích lớn cho xuất khẩu của Việt Nam. Môi trường kinh doanh và năng lực cạnh tranh của Việt Nam tiếp tục được cải thiện mạnh mẽ và được cộng đồng quốc tế đánh giá cao. Vai trò, vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế theo đó tiếp tục được khẳng định.

Tổng sản phẩm quốc nội (GDP)

- ❖ GDP 2019 đạt 7,02%, vượt so với mục tiêu tăng trưởng 6,6-6,8% do Quốc hội đề ra
- ❖ Đây là năm thứ 2 liên tiếp tăng trưởng kinh tế đạt trên 7% kể từ năm 2011
- ❖ Nền kinh tế đang giữ vững đà tăng trưởng ổn định

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)

- ❖ CPI bình quân 2019 là 2,79% so với bình quân năm 2018 là 3,54%
- ❖ Lạm phát cơ bản bình quân là 2,01%, hoàn thành mục tiêu đặt ra của Chính phủ là dưới 4%
- ❖ Lạm phát đang được kiểm soát tốt khi đánh dấu mức tăng bình quân thấp nhất trong 3 năm qua

Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)

- ❖ Tổng vốn FDI đăng ký mới, điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần đạt 38,02 tỷ USD, tăng 7,2% so với năm 2018
- ❖ NĐT nước ngoài đầu tư 19 lĩnh vực, tập trung Ngành chế biến, chế tạo với 24,56 tỷ USD - 65%; Bất động sản với 3,88 tỷ USD - 10%, theo sau là Bán buôn bán lẻ, khoa học và công nghệ
- ❖ FDI giải ngân đạt đỉnh 20,38 tỷ USD, tăng 7% so với năm 2018.

Năng lực cạnh tranh quốc gia

- ❖ Theo báo cáo Năng lực cạnh tranh toàn cầu 2019 - Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF), Việt Nam tăng 10 bậc so với năm 2018, xếp hạng 67/141 nước, trung bình toàn cầu là 61 điểm
- ❖ Việt Nam có đến 8 nhóm tiêu chí được cải thiện đáng kể trong 12 nhóm tiêu chí được đánh giá như thể chế, cơ sở hạ tầng, ứng dụng công nghệ thông tin, ổn định kinh tế vĩ mô, y tế, kỹ năng, thị trường hàng hóa, thị trường lao động, thị trường tài chính, quy mô thị trường...

Đổi mới sáng tạo toàn cầu

- ❖ Theo báo cáo về Xếp hạng chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu năm 2019 - Tổ chức Sở hữu Trí tuệ Thế giới (WIPO), Việt Nam tăng 3 bậc lên vị trí 42/129 quốc gia, với 6/7 nhóm trụ cột tăng điểm
- ❖ Việt Nam vươn lên thứ 1 trong nhóm 26 quốc gia thu nhập trung bình thấp, thứ 3 trong ASEAN, sau Singapore, Malaysia

Cải thiện môi trường kinh doanh

- ❖ Theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới (WB) 2019, kết quả cải thiện Môi trường kinh doanh của Việt Nam tăng 1,2 điểm, xếp hạng 70/190 về môi trường kinh doanh
- ❖ Môi trường kinh doanh của Việt Nam đã ở mức trung bình khá trên bình diện quốc tế.

Cơ hội lớn cho Ngành Năng lượng tái tạo Việt Nam

Với nhịp độ tăng trưởng kinh tế còn nhiều tiềm năng và dư địa, việc đáp ứng nhu cầu Năng lượng phục vụ phát triển kinh tế được đánh giá là yếu tố trọng yếu và then chốt. Với đà tăng trưởng kinh tế như những năm qua, nếu các nhà máy điện đang chậm tiến độ vẫn tiếp tục chậm và không thể hoàn thành, công tác sử dụng điện tiết kiệm và hiệu quả không được triển khai tốt, khả năng thiếu hụt nguồn điện lớn sẽ xảy ra trong giai đoạn 2021-2025. Dự kiến mức thiếu hụt sẽ đạt đỉnh vào năm 2023 - 15 tỷ kWh, 2022 - 11,8 tỷ kWh, 2021 - 6,6 tỷ kWh, 2024 là 6,4 tỷ kWh và thấp nhất là năm 2025 với 1,9 tỷ kWh.

Trước những dự báo về việc thiếu điện trong các năm tới và nguồn lực vô hạn khi phát triển các loại hình Năng lượng từ tự nhiên, tránh tác động đến Môi trường, Chính phủ đã có nhiều chính sách thể hiện cơ chế khuyến khích phát triển, tạo động lực cho các doanh nghiệp tiếp cận mạnh mẽ với lĩnh vực này như:

- ❖ QĐ số 11/2017/QĐ-TTg về cơ chế khuyến khích phát triển các dự án ĐMT tại Việt Nam với các ưu đãi như bao tiêu sản lượng điện đầu ra, được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định cho dự án và giảm tiền thuế sử dụng đất
- ❖ QĐ số 39/2018/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung QĐ 37/2011/QĐ-TTg về cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án Điện Gió tại Việt Nam khi nâng giá mua Điện Gió đất liền lên 8,5 cents/kWh và 9,8 cents/kWh đối với Điện Gió trên biển.

Quy mô hệ thống điện Việt Nam đứng thứ 2 Khu vực ASEAN sau Indonesia và thứ 23 thế giới. Năm 2019, sản lượng Điện sản xuất và mua của toàn hệ thống đạt 231 tỷ kWh, tăng 9% so với năm 2018; trong đó, Điện thương phẩm đạt 210 tỷ kWh, tăng 10%. Năm 2019 cũng chứng kiến sự sôi động hơn bao giờ hết của thị trường NLTT Việt Nam, đặc biệt là sự tham gia của thành phần kinh tế tư nhân trong mảng hoạt động này.

Điện Mặt trời

- ❖ Cuối năm 2018, Việt Nam chỉ mới có 2 NM là Phong Điền và Krông Pa với tổng công suất là 117 MWp - đều là công trình thuộc GEC
- ❖ Bước sang nửa đầu năm 2019, Năng lượng Mặt trời đã có bước nhảy vọt với tổng công suất lên tới 4.400 MW vào cuối tháng 6/2019 - thời điểm hết hiệu lực cơ chế giá bán ĐMT ưu đãi cố định FIT 9,35cents/kWh áp dụng trong 20 năm; và tiếp tục tăng nhẹ lên 4.450 MW tính đến cuối năm 2019 với 89 NM
- ❖ Theo báo cáo mới của WB vào tháng 2/2020 "Chiến lược và khung đầu thầu cạnh tranh dự án ĐMT ở Việt Nam", WB đề xuất 2 phương án mới để triển khai ĐMT là Đầu thầu cạnh tranh công viên ĐMT và Đầu thầu cạnh tranh theo trạm biển áp. Đợt Đầu thầu cạnh tranh thí điểm đầu tiên với quy mô 500 MW theo trạm biển áp và 500 MW công viên ĐMT mặt đất dự kiến bắt đầu vào nửa cuối năm 2020 với hỗ trợ kỹ thuật và tài chính của NHTG

Điện Gió

- ❖ Cuối năm 2018, cả nước có 6 NM Điện Gió, tổng công suất 197 MW
- ❖ Đến tháng 12/2019, số lượng NM Điện Gió tăng không đáng kể với 9 NM Điện Gió và tổng công suất tăng khoảng 1,8 lần đạt 353 MW. Hiện nay 31 dự án tổng công suất 1.645 MW đã ký Hợp đồng mua bán điện, đang đầu tư xây dựng nhưng chưa vận hành thương mại. Ngoài ra, 59 dự án - 2.700 MW đã BSQH đến 2025 nhưng chưa ký Hợp đồng mua bán điện. Tổng công suất bổ sung vào quy hoạch phát triển điện lực cũng đạt đến 8.935 MW
- ❖ Các dự án Điện Gió tập trung ở Bạc Liêu, Cà Mau, Trà Vinh, Ninh Thuận, Bình Thuận, Quảng Trị, Phú Yên, Sóc Trăng... Giá điện FIT trên bờ là 8,5 cents và ngoài khơi là 9,8 cents/kWh, cố hiệu lực đến hết tháng 11/2021, do vậy các NĐT đang dồn dập đầu tư vào Điện Gió để hưởng mức giá hấp dẫn trong vòng 20 năm.

Tuy nhiên, việc phát triển quá nóng trong một thời gian ngắn đã đặt Ngành Điện vào một khó khăn mới là vấn đề đầu nối quá tải. Các NM ĐMT tại các điểm "nóng" về NLTT như Ninh Thuận, Bình Thuận đồng loạt phát điện trong khi công suất đường dây không đáp ứng đã gây quá tải lưới điện tại Khu vực này. Nhiều NM NLTT, kể cả ĐMT lẫn Điện Gió buộc phải giảm công suất để đảm bảo việc điều độ và dự kiến việc giảm tải này sẽ còn tiếp diễn trong thời gian tới. Trước thực trạng này, GEC đã linh hoạt chủ động lựa chọn các khu vực còn thiếu hụt nguồn cung điện năng để tập trung phát triển dự án, tránh tình trạng "tắt nghẽn" do hạ tầng lưới điện không đáp ứng, ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của Công ty.

Kiến toàn năng lực Quản trị Điều hành - Hiện thực hóa chiến lược kinh doanh

Với phương châm "Quản trị chuẩn mực - Điều hành chuyên nghiệp - Kiểm soát trách nhiệm", HĐQT GEC năm 2019 đã cụ thể hóa chiến lược kinh doanh đã được ĐHCĐ phê duyệt thông qua việc đưa ra những định hướng chiến lược hợp lý theo xu hướng thị trường, tăng cường mối quan hệ với các CĐ chiến lược nước ngoài IFC và Armstrong để tăng quy mô Công ty, làm cơ sở vững chắc cho các hoạt động điều hành của Ban TGD. Với mục tiêu tăng quy mô và giá trị của Công ty trong năm 2020, việc không ngừng nâng cao và cải thiện các tiêu chuẩn QTCT tiệm cận với chuẩn mực quốc tế đã được HĐQT GEC quan tâm thực hiện nhằm đảm bảo niềm tin cho những CĐ đã gần bó cùng Công ty. Tôi tin rằng việc niêm yết trên sàn HOSE sẽ đưa GEC đến gần hơn với các NĐT lớn, tiềm năng, tăng tính thanh khoản cho cổ phiếu, nâng cao năng lực tài chính, tăng tính minh bạch và củng cố thương hiệu cổ phiếu GEG trên thị trường tài chính cũng như Năng lượng; mang lại những lợi ích thiết thực cho những CĐ và NĐT dài hạn đã đồng hành cùng Công ty.

Năm 2019, GEC đã nắm bắt nhanh chóng những thay đổi của thị trường, đưa ra những định hướng phát triển phù hợp cho từng giai đoạn phát triển: Đón đầu, Đa dạng và Đồng bộ các loại hình Năng lượng - tập trung tại nhiều địa phương để đảm bảo đầu nối. Đây là bước đi kịp thời, hài hòa mối quan hệ phát triển giữa doanh nghiệp và địa phương, đảm bảo cân bằng bài toán phát triển Năng lượng và hiệu quả đầu tư. GEC đã tối ưu các NMTĐ, ĐMT hiện hữu, nâng cao năng suất phát điện, hiệu quả quản lý vận hành hướng đến đẩy mạnh tiếp cận, tham gia thị trường Điện cạnh tranh theo định hướng phát triển chung của Ngành Điện Việt Nam.

Năm 2019, đánh dấu một thành công mới khi GEC đã thành công trong việc tự phát triển dự án ĐMT với chi phí được tiết giảm đáng kể 18%; kịp thời nắm bắt các cơ hội trên thị trường để M&A các NM ĐMT và Điện Gió phù hợp với định hướng. GEC cũng mở rộng phát triển ĐMT Áp mái trên cơ sở tiếp cận, hợp tác phát triển Điện Mái nhà cùng với các hộ kinh doanh nông nghiệp đã gắn kết hơn nữa công cuộc phát triển Công ty với kinh tế xã hội địa phương.

Năm 2019, đội ngũ Kỹ thuật cũng là niềm tự hào của chúng tôi khi đã không ngừng học hỏi các công nghệ tiên tiến, thử nghiệm, chế tạo các hệ thống mới như hệ thống ĐMT Nổi, ĐMT Xoay trục, Robot Lau Pin thương mại hóa tạo DT. Đội ngũ cũng không ngừng đúc kết kinh nghiệm quản lý vận hành, liên tục cải tiến kỹ thuật, làm chủ công nghệ, nghiên cứu các giải pháp tối ưu và các giải pháp tự động hoá tại các NM Năng lượng mở rộng... tiến đến phát triển cung cấp dịch vụ O&M cho các NM sản xuất Điện bên ngoài thị trường.

Năm 2020, linh hoạt để thích ứng với những thay đổi của thị trường, của thời tiết, tối ưu hóa các nguồn thu từ Thuỷ điện, ĐMT, Dịch vụ Kỹ thuật, Điện Áp mái và chuẩn bị chu toàn cho sự vận hành của NM Điện Gió đầu tiên trong danh mục là mục tiêu tiên quyết phải đạt được, hoàn thành kế hoạch DTT và LNTT tăng trưởng lần lượt 31% và 17%.

Chân thành cảm ơn.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
ÔNG TÂN XUÂN HIẾN

SÁNG SÁNG

ĐẾN TỪ ...

NĂNG LỰC TRIỂN KHAI² CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Bà Nguyễn Thái Hà - Tổng Giám đốc

NĂM 2019 VỪA QUA CHỨNG KIẾN QUẢNG THỜI GIAN SÔI ĐỘNG HƠN BAO GIỜ HẾT ĐẾN TỪ CỘNG ĐỒNG NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO VIỆT NAM, VỚI BƯỚC PHÁT TRIỂN ĐỘT PHÁ CỦA CÔNG SUẤT ĐIỆN MẶT TRỜI ĐƯA VÀO HÒA LƯỚI - TRƯỚC MỐC THỜI GIAN THÁNG 6/2019 LÀ 89 DỰ ÁN ĐIỆN MẶT TRỜI NỐI LƯỚI VỚI TỔNG CÔNG SUẤT 4.450 MW, 20.472 DỰ ÁN (HỢP ĐỒNG) ĐIỆN MẶT TRỜI MÁI NHÀ VỚI TỔNG CÔNG SUẤT 340 MW. HÒA VÀO NHỮNG NỖ LỰC ĐÓ, GEC ĐÃ ĐƯA VÀO VẬN HÀNH 3 DỰ ÁN ĐỨC HUỆ 1, HÀM PHÚ 2 TRONG THÁNG 4, 5 VÀ ĐẶC BIỆT LÀ TRÚC SƠN TRONG THÁNG 6/2019 SAU 2 DỰ ÁN PHONG ĐIỀN VÀ KRÔNG PA ĐÃ ĐÓNG ĐIỆN VÀO CUỐI NĂM 2018. LÀ ĐƠN VỊ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG CHUYÊN NGHIỆP VÀ BỀN VỮNG, GEC VẪN ĐANG KIẾN TRÌ ĐỊNH HÌNH VÀ PHÁT TRIỂN DANH MỤC DỰ ÁN ĐIỆN MẶT TRỜI, ĐIỆN GIÓ PHONG PHÚ, PHÂN KỶ THỜI GIAN THI CÔNG, VẬN HÀNH PHÙ HỢP CHO TƯƠNG LAI TƯƠI SÁNG PHÍA TRƯỚC...

CHIA SẺ TỪ TỔNG GIÁM ĐỐC



Ban Lãnh đạo GEC

TỔNG TÀI SẢN
NĂM 2019

6.763 TỶ ĐỒNG
↗ 4 LẦN SAU 2 NĂM

DOANH THU THUẦN
NĂM 2019

1.159 TỶ ĐỒNG
VƯỢT 16% KẾ HOẠCH

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ
NĂM 2019

304 TỶ ĐỒNG
VƯỢT 27% KẾ HOẠCH

Năm 2019 vừa qua chứng kiến quãng thời gian sôi động hơn bao giờ hết đến từ Cộng đồng NLTT Việt Nam, với bước phát triển đột phá của công suất ĐMT đưa vào hòa lưới - trước mốc thời gian tháng 6/2019 là 89 dự án ĐMT nổi lưới với tổng công suất 4.450 MW, 20.472 dự án (hợp đồng) ĐMT Mái nhà với tổng công suất 340 MWp. Hòa vào những nỗ lực đó, GEC đã đưa vào vận hành 3 Dự án Đức Huệ 1, Hàm Phú 2 trong tháng 4, 5 và đặc biệt là Trúc Sơn trong tháng 6/2019 sau 2 Dự án Phong Điền và Krông Pa đã đóng điện vào cuối năm 2018, đưa tổng số NM ĐMT của GEC lên con số 5 với tổng công suất 260 MWp. Dù công suất này còn khiêm tốn, nhưng sản lượng điện từ ĐMT đã cân bằng được sản lượng Thủy điện của GEC có phần sụt giảm trong bối cảnh chung của năm 2019, trước tình hình khô hạn xảy ra ở hầu hết các khu vực, nước về các hồ chứa ở mức thấp nhất trong 30 năm trở lại đây.

Năm 2019 cũng là năm GEC thể hiện sự nỗ lực lớn - đến từ việc triển khai hiệu quả các quyết sách của ĐHĐCĐ và HĐQT về các chỉ tiêu kinh doanh, với DTT đạt 1.159 tỷ đồng, tương đương 116% kế hoạch năm và LNTT đạt gần 304 tỷ đồng, tương đương 127% kế hoạch năm. Cuối năm 2019, quy mô TTS của GEC cũng đã tăng trưởng 4 lần sau thời gian 2 năm, lên mức 6.763 tỷ đồng so với mức 1.659 tỷ đồng đầu năm 2018. Đây thực sự là cột mốc đáng nhớ của GEC vào năm 2019 vừa qua - năm mà GEC tròn 30 tuổi kể từ ngày thành lập. Cùng với các mục tiêu khác trong lộ trình Chiến lược phát triển GEC đến 2020 và giai đoạn 2021-2025 đang được từng bước triển khai trong năm 2019:

(i) Về Tài chính - chuyển sàn thành công sang HOSE vào 19/9/2019, mở rộng, phát triển danh mục các Đối tác, Nhà cung cấp và tối ưu hạn mức tín dụng xuất nhập khẩu phục vụ cho hoạt động

(ii) Về Phát triển dự án - mở rộng danh mục phát triển Điện Gió gần 700 MW tại các địa bàn tiềm năng, tiếp cận và thực hiện các hoạt động M&A các dự án ĐMT và Điện Gió có tiêu chí phù hợp bên cạnh việc tự phát triển dự án

(iii) Về Kỹ thuật - tự triển khai Dự án ĐMT Trúc Sơn với thời gian thi công 100 ngày sau các dự án đã thực hiện tổng thầu EPC đến từ các nhà thầu uy tín Nhật Bản như Sharp và JGC, tự triển khai công tác O&M các NM ĐMT với đội ngũ chuyên gia nước ngoài và kỹ sư lành nghề, phát triển hoạt động R&D với sản phẩm đặc thù mang thương hiệu GEC là Robot Lau Pin với 4 model phù hợp cho từng loại địa hình...

GEC cũng đang tích cực tìm kiếm các cơ hội phát triển dự án Thủy điện, ĐMT tại các nước lân cận như Lào và Campuchia, từ đó, cộng hưởng các cơ hội phát triển Chuỗi giá trị Ngành Năng lượng với Công ty ĐMT Mái nhà là TTCE - CTCP Năng lượng TTC. Trong bối cảnh chung của Ngành Năng lượng, dù rất tiềm năng với nhu cầu tăng trưởng nguồn cung điện 8-10%/năm phục vụ yêu cầu phát triển

kinh tế, tuy nhiên, BDH GEC cũng nhận diện những thách thức chung với Ngành - với GEC, và nỗ lực cân đối các giải pháp thực sự phù hợp nhằm triển khai tối ưu nhất các mục tiêu được ĐHĐCĐ và HĐQT giao phó. Bước qua 2020, GEC đang hướng đến nhiệm vụ trọng tâm

(i) Trình Đại hội và triển khai kế hoạch tăng vốn GEC nhằm đảm bảo nguồn lực tương thích với quy mô và công suất phát điện phát triển qua các năm

(ii) Phần đầu kế hoạch LNTT 2020 đạt 350 tỷ đồng

(iii) Cân đối công suất ĐMT phát triển của GEC phù hợp với các hướng dẫn cụ thể về hình thức thực hiện từ việc ban hành mới cơ chế phát triển ĐMT của Chính phủ

(iv) Phần đầu công suất phát triển Điện Gió phù hợp trong 2 năm 2020-2021 để được hưởng cơ chế giá FIT dành cho Điện Gió đến tháng 11/2021

(v) Tiếp tục chuyên nghiệp mọi mặt hoạt động, phát triển đội ngũ và mở rộng quan hệ với các Đối tác, NĐT, Nhà cung cấp trong và ngoài nước...

Tất cả các mục tiêu được cụ thể hóa qua Chương trình hành động thực sự cụ thể, khắc phục các điểm còn hạn chế của GEC, và đặc biệt là luôn ý thức về "tính thích nghi" cao để có thể kịp thời xử lý, đảm bảo các kế hoạch dự phòng và các giải pháp điều chỉnh thích hợp, trên cơ sở đảm bảo được các mục tiêu, nhiệm vụ chung.

Với sự quyết tâm, đồng lòng của BDH GEC, sự đoàn kết, tận tâm và năng lực của đội ngũ CBNV GEC... GEC đang bước qua tuổi 30 đầy năng lượng để "THẮP SÁNG" cho 1 Chương mới của Chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2025, mà năm 2020 chính là nền tảng, là năm bản lề với đội ngũ CBNV gần 400 nhân sự đang hăng say, đầy tâm huyết, hổi hắt, tất bật mỗi ngày để phát triển và vận hành các dự án của GEC tại khắp mọi miền đất nước... Từ Ban mai - Thủy điện, GEC vươn mình qua Ngày mới - Điện Mặt trời, đang tự tin thắp sáng Lên đèn với Điện Gió, và vẫn luôn mẫn cán, cần cù với Đêm trắng - đến từ đội ngũ Kỹ thuật, đội ngũ Phát triển dự án... để GEC luôn luôn vận hành liên tục - hiệu quả, và tiếp tục vươn cao, vươn xa...

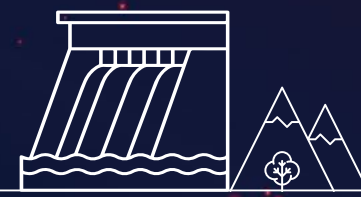
Trân trọng./.

TỔNG GIÁM ĐỐC
BÀ NGUYỄN THÁI HÀ

SÁNG SÁNG

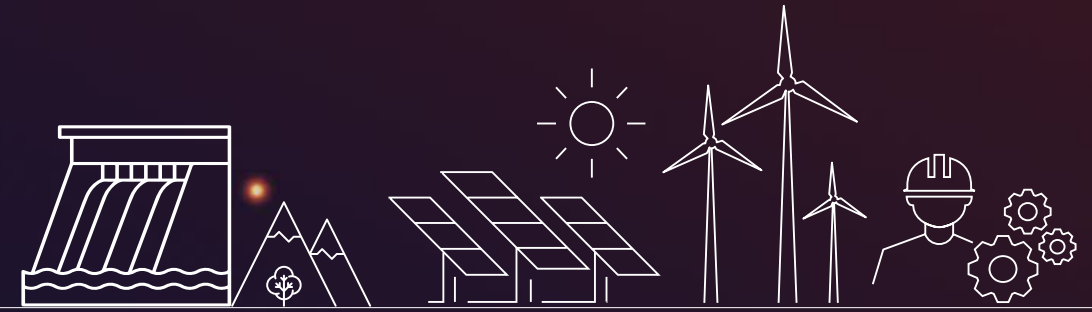
ĐẾN TỪ ...

**CÁC DỰ ÁN
ĐÃ VẬN HÀNH
THƯƠNG MẠI**



THÔNG TIN ĐẦU TƯ GIÁ TRỊ THÚC ĐẨY

NHÀ PHÁT TRIỂN GIÀU KINH NGHIỆM TRONG LĨNH VỰC NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO VỚI DANH MỤC DỰ ÁN TIỀM NĂNG VỀ ĐIỆN MẶT TRỜI, ĐIỆN GIÓ, ĐIỆN MẶT TRỜI NỔI, THỦY ĐIỆN, ĐIỆN MẶT TRỜI ÁP MÁI



2019 - 2.039 TỶ ĐỒNG

- ◆ Niêm yết HOSE
- ◆ 5 NM ĐMT: 260 MWp
- ◆ 14 NMTĐ: 85,1 MW
- ◆ DTT: 1.159 tỷ đồng
- ◆ LNST: 291 tỷ đồng
- ◆ Biên LNG: 56%

2018 - 1.942 TỶ ĐỒNG

- ◆ 14 NMTĐ: 84,1 MW
- ◆ 2 NM ĐMT đầu tiên Việt Nam: 117 MWp
- ◆ DTT: 560 tỷ đồng
- ◆ LNST: 187 tỷ đồng

2016 - 745 TỶ ĐỒNG

- ◆ IFC - WB: 15,95%
- ◆ Armstrong - Singapore: 20,05%
- ◆ 14 NMTĐ: 84,1 MW

2013 - 523 TỶ ĐỒNG

- ◆ TV Tập đoàn TTC
- ◆ 12 NMTĐ: 73,1 MW

2010 - 262 TỶ ĐỒNG

- ◆ IPO 26,2 triệu cổ phần
- ◆ 10 NMTĐ: 53 MW

1989 - 1,8 TỶ ĐỒNG

- ◆ Công ty 100% Nhà nước
- ◆ 1 NMTĐ la Đrăng 2: 1,2 MW

BỘ PHẬN QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

Bà Huỳnh Thị Yến Nga
Email: ngahty@geccom.vn
Điện thoại: 028 3999 8822 - 6035

TẦM NHÌN

Đến năm 2025, GEC trở thành tổ chức tư nhân dẫn đầu về lĩnh vực Năng lượng tái tạo tại Việt Nam

SỨ MỆNH

Tối đa hóa nguồn Năng lượng từ Thủy điện, ĐMT, Điện Gió và Điện Sinh khối

Đáp ứng nhu cầu về Giải pháp Năng lượng sạch, phục vụ Cộng đồng, bảo vệ Môi trường

KHẨU HIỆU

Phát triển đồng bộ các loại hình Năng lượng

GIÁ BÁN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO CHO EVN

| Loại | Giá điện | Điều kiện |
|----------------------|--|---|
| ĐIỆN MẶT TRỜI | | |
| Trước 30/6/2019 | FIT 1 9,35 cents/kWh ~ 2.156 VND/kWh | Vận hành thương mại trước 30/6/2019, hợp đồng thời hạn 20 năm |
| Sau 30/6/2019 | FIT 2 7,09 cents/kWh ~ 1.644 VND/kWh | <ul style="list-style-type: none"> ◆ Trước 23/11/2019: Đã có chủ trương đầu tư ◆ Đến hết 31/12/2020: Vận hành thương mại ◆ 36 dự án - 2.989 MW: 7 dự án - 517 MW đã ký Hợp đồng mua bán Điện ◆ Đấu thầu cạnh tranh Công viên ĐMT mặt đất: 500 MW ◆ Đấu thầu cạnh tranh theo trạm biển áp: 500 MW |
| ĐIỆN GIÓ | | |
| Đất liền | 8,5 cents/KWh - 1.928 VND | ◆ Vận hành thương mại trước 1/11/2021 |
| Trên biển | 9,8 cents/KWh - 2.223 VND | ◆ Hợp đồng thời hạn 20 năm |

CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI

- ◆ **Thuế Thu nhập doanh nghiệp tại các Vùng kinh tế khó khăn và ngành Năng lượng tái tạo:**
 - » 10% trong vòng 15 năm
 - » Miễn thuế trong 4 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế
 - » Giảm 50% thuế trong 9 năm tiếp theo
- ◆ **Thuế nhập khẩu:** Miễn thuế đối với hàng hóa nhập khẩu được dùng làm Tài sản cố định
- ◆ **Tiền sử dụng đất:** Miễn hoàn toàn trong khoảng thời gian xác định

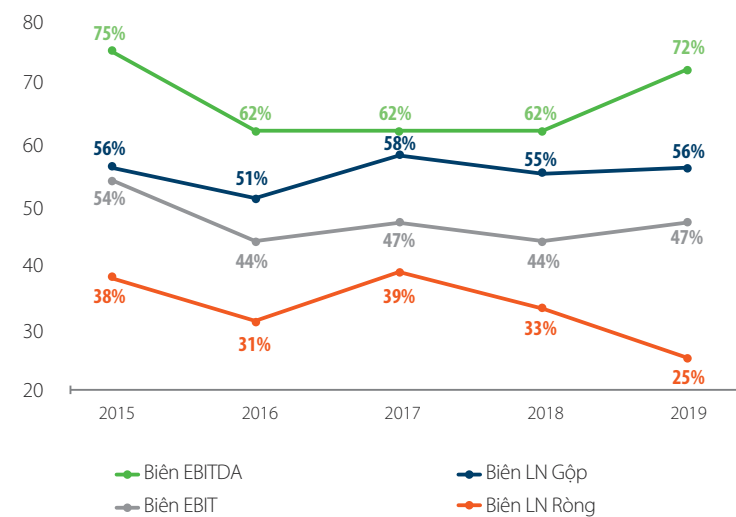
Nguồn: GEC tổng hợp

BIỂU PHÍ TRÁNH ĐƯỢC ÁP DỤNG CHO CÁC NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN CỦA GEC

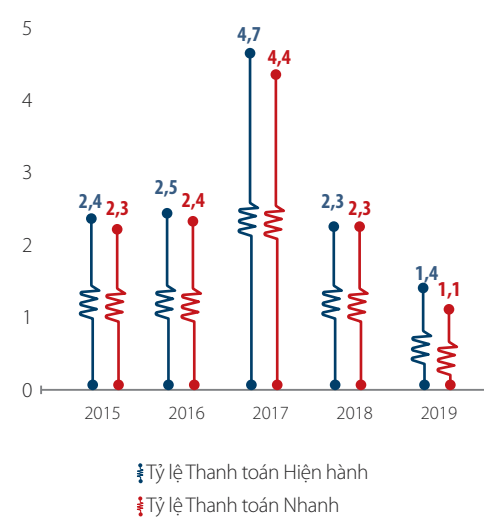
| Điện năng | Mùa khô (T11-T6) | | | Mùa mưa (T7-T10) | | | | |
|--------------------------------|------------------|-----------|-------------|------------------|-----------|-------------|----------|----------|
| | THỦY ĐIỆN | Thấp điểm | Bình thường | Cao điểm | Thấp điểm | Bình thường | Cao điểm | Thặng dư |
| Giá điện (VND/kWh) | | | | | | | | |
| Miền Bắc | | 725 | 726 | 726 | 702 | 704 | 703 | 351 |
| Miền Trung | | 729 | 729 | 729 | 706 | 708 | 707 | 353 |
| Miền Nam | | 748 | 749 | 749 | 726 | 727 | 727 | 363 |
| Giá công suất (VND/kWh) | | | | 1.932 | - | - | - | - |

Nguồn: Bộ Công thương

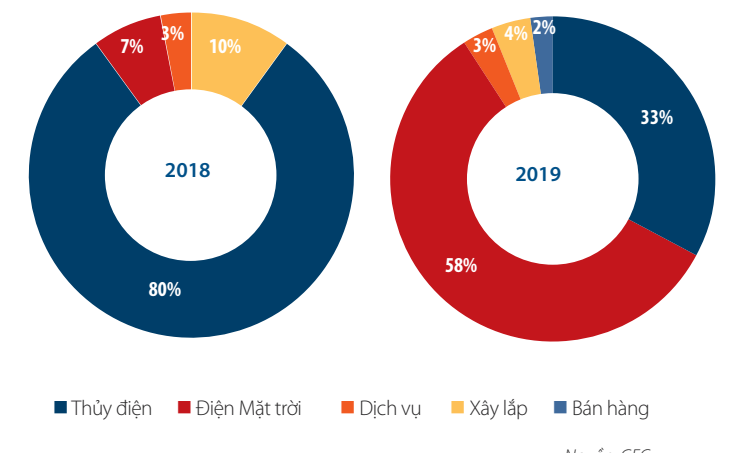
TỶ SUẤT LỢI NHUẬN



HỆ SỐ THANH KHOẢN



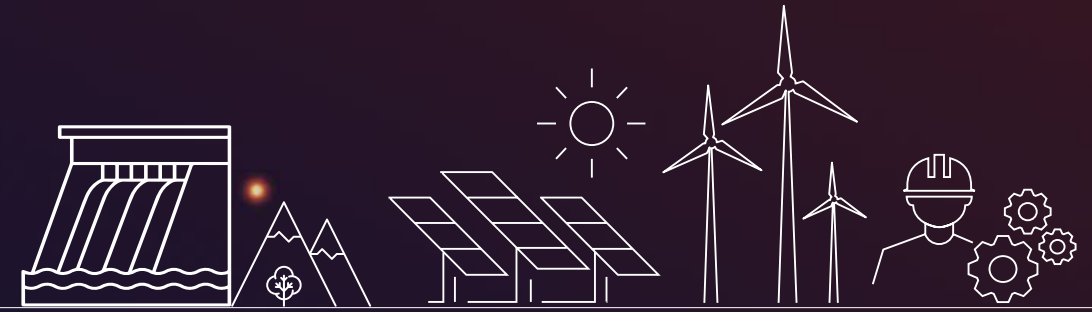
CƠ CẤU DOANH THU



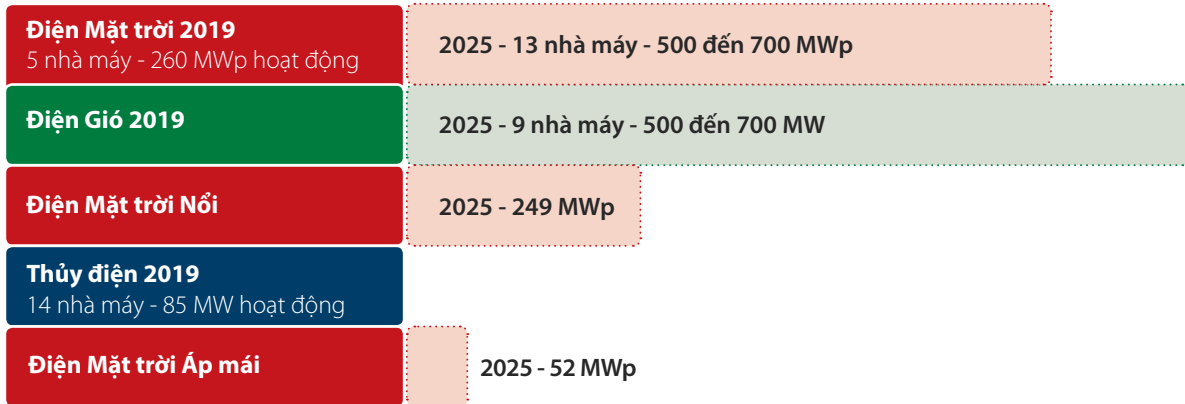
Nguồn: GEC

THÔNG TIN ĐẦU TƯ GIÁ TRỊ THỨC ĐẨY (tiếp theo)

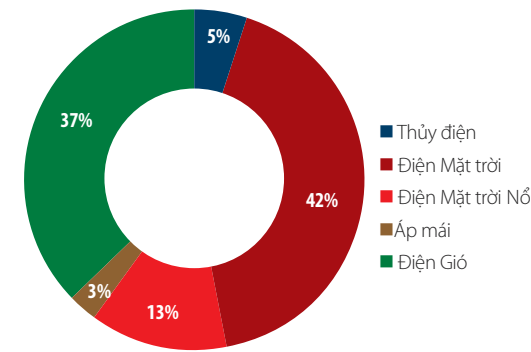
NHÀ PHÁT TRIỂN GIÀU KINH NGHIỆM TRONG LĨNH VỰC NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO VỚI DANH MỤC DỰ ÁN TIỀM NĂNG VỀ ĐIỆN MẶT TRỜI, ĐIỆN GIÓ, ĐIỆN MẶT TRỜI NỔI, THỦY ĐIỆN, ĐIỆN MẶT TRỜI ÁP MÁI



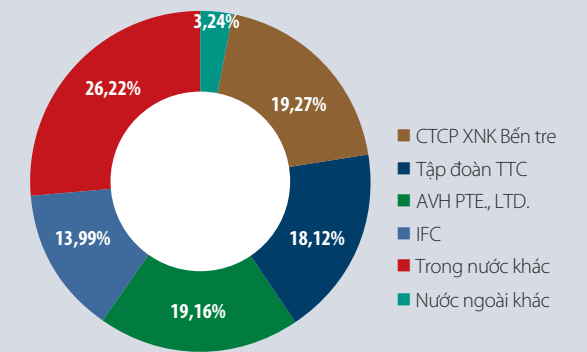
KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2025 - 1.650+ MW



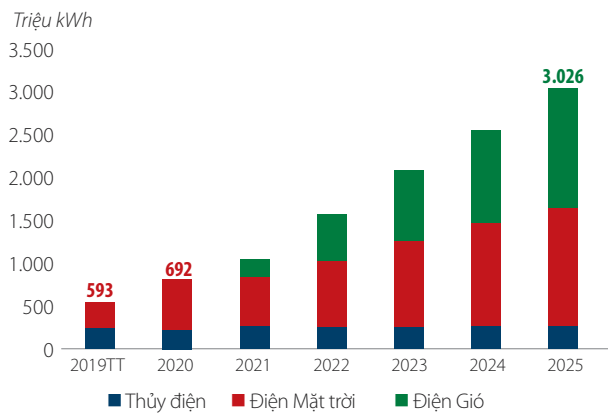
KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN CÔNG SUẤT ĐẾN 2025



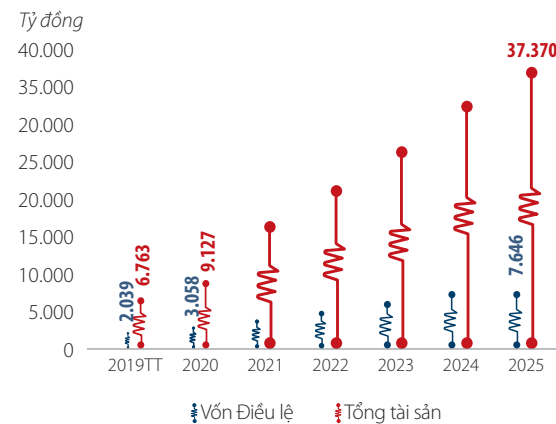
CƠ CẤU CỔ ĐÔNG THÁNG 12/2019



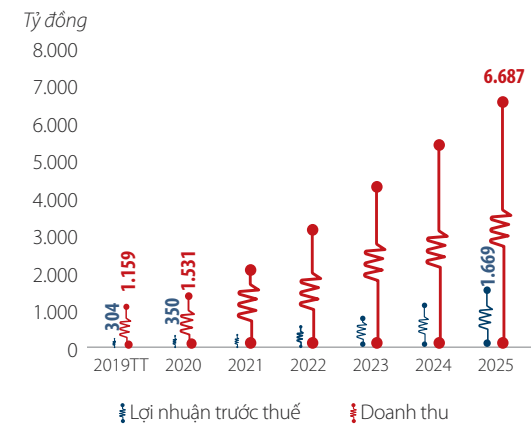
DỰ KIẾN SẢN LƯỢNG ĐIỆN



DỰ KIẾN VỐN ĐIỀU LỆ - TỔNG TÀI SẢN



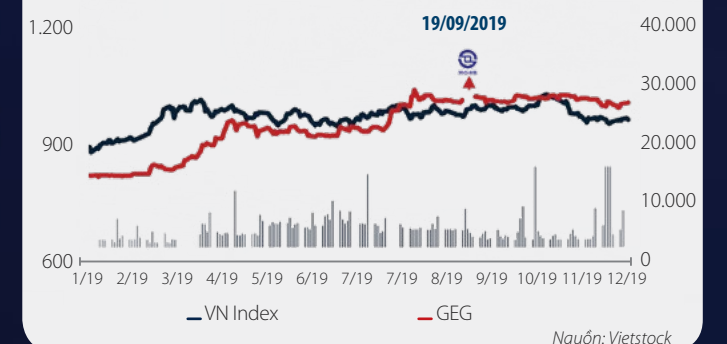
DỰ KIẾN DOANH THU, LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ



| MÃ CỔ PHIẾU | GEG - HOSE |
|--|------------|
| NĂM 2019 | |
| Giá cao nhất (VND) | 29.100 |
| Giá thấp nhất (VND) | 13.820 |
| Khối lượng giao dịch trung bình (cổ phiếu) | 603.397 |
| Giá trị giao dịch trung bình (tỷ đồng) | 15 |
| TẠI NGÀY 31/12/2019 | |
| Giá cổ phiếu (VND) | 27.000 |
| Vốn hóa thị trường (tỷ đồng) | 5.505 |
| Giá trị sổ sách (VND) | 12.668 |
| EPS (VND) | 1.159 |
| Sở hữu Nhà đầu tư nước ngoài | 36,4%/49% |
| Tỷ lệ cổ tức trung bình 2014-2019DK | 10% |

| Các chỉ tiêu | Phong Điền - Huế | Krông Pa - Gia Lai | Đức Huệ 1 - Long An | Hàm Phú 2 - Bình Thuận | Trúc Sơn - Đắk Nông |
|-------------------------------------|------------------------------|----------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Công suất | 48 MWp ~ 35 MW | 69 MWp ~ 49 MW | 49 MWp ~ 41 MW | 49 MWp ~ 38 MW | 44 MWp ~ 36 MW |
| Vận hành thương mại | Tháng 10/2018 | Tháng 12/2018 | Tháng 5/2019 | Tháng 5/2019 | Tháng 6/2019 |
| Tổng chi phí | 902 tỷ đồng - 96% KH | 1.301 tỷ đồng - 93% KH | 936 tỷ đồng - 90% KH | 979 tỷ đồng - 96% KH | 825 tỷ đồng - 82% KH |
| Số giờ nắng/năm | 1.700 - 2.000 | 1.900 - 2.200 | 2.445 | 2.520 | 2.544 |
| Bức xạ | 4,6 kWh/m ² /ngày | 4,8-5,2 kWh/m ² /ngày | 4,9 kWh/m ² /ngày | 5,3 kWh/m ² /ngày | 5,1 kWh/m ² /ngày |
| Sản lượng Điện 2019 | 69 triệu kWh - 112% KH | 105 triệu kWh - 101% KH | 52 triệu kWh - 145% KH | 55 triệu kWh - 146% KH | 34 triệu kWh - 112% KH |
| Doanh thu 2019 | 148 tỷ đồng | 226 tỷ đồng | 113 tỷ đồng | 118 tỷ đồng | 73 tỷ đồng |
| Biên Lợi nhuận Gộp 2019 | 63% | 68% | 63% | 66% | 63% |
| Giảm phát thải CO ₂ 2019 | 59.141 tấn | 90.489 tấn | 44.984 tấn | 47.228 tấn | 29.250 tấn |

TƯƠNG QUAN GIỮA GEG VÀ VN-INDEX



Nguồn: Vietstock

BAN MAI

Thời khắc chuyển giao buổi sớm mai..., Ánh sáng từ những ngọn đèn đầu tiên đưa mọi nẻo đường..., Người lao động bước vào ngày mới...

GEC ĐÁNH DẤU BƯỚC CHÂN ĐẦU TIÊN VÀO LĨNH VỰC NĂNG LƯỢNG CÙNG THỦY ĐIỆN...



| | |
|------------------------------------|----|
| Về Chúng tôi | 20 |
| 30 năm - Một hành trình | 24 |
| 2019 - Chặng đường mới | 26 |
| Tài chính - Tăng trưởng và an toàn | 28 |
| Rủi ro - Nhận diện và quản trị | 30 |
| Pháp luật - Thượng tôn và tuân thủ | 33 |
| Nhân lực - Quan tâm và thúc đẩy | 36 |

VỀ CHÚNG TÔI



THÔNG TIN TỔNG QUAN

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN GIA LAI**
- Tên tiếng Anh: **GIA LAI ELECTRICITY JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt: **GEC**
- Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp: **Số 5900181213 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp, điều chỉnh lần thứ 16 ngày 24/6/2019**
- Mã số thuế: **5900181213**

BAN LÃNH ĐẠO

- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
 - Ông Tân Xuân Hiến - Chủ tịch
 - Ông Andrew Mark Affleck - Thành viên không điều hành
 - Ông Jean Paul Pinard - Thành viên không điều hành
 - Bà Nguyễn Thùy Vân - Thành viên độc lập
 - Bà Đỗ Thu Ngân - Thành viên độc lập
 - Bà Phạm Ngọc Thanh Mai - Thành viên không điều hành

- ỦY BAN KIỂM TOÁN**
 - Bà Nguyễn Thùy Vân - Chủ tịch Ủy ban kiểm Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập
 - Bà Phạm Ngọc Thanh Mai - Thành viên Ủy ban kiểm Thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành
- BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**
 - Bà Nguyễn Thái Hà - Tổng Giám đốc
 - Ông Lê Thanh Vinh - Phó Tổng Giám đốc thường trực
 - Ông Hà Nguyên Hoàng - Phó Tổng Giám đốc
 - Bà Trần Thị Hồng Thắm - Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng
 - Ông Nguyễn Đình Tuấn - Phó Tổng Giám đốc
 - Ông Phan Thanh Lạc - Phó Tổng Giám đốc
 - Ông Nguyễn Lê Hùng - Phó Tổng Giám đốc

CÁC BÊN LIÊN QUAN TRỌNG YẾU

- CƠ QUAN QUẢN LÝ NIÊM YẾT**
 - Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM (HOSE - HSX)
- CƠ QUAN QUẢN LÝ LƯU KÝ**
 - Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam - Trụ sở chính Hà Nội (VSD)
- KHÁCH HÀNG CHÍNH**
 - Tập đoàn Điện Lực Việt Nam
- NHÀ THẦU EPC**
 - Tập đoàn Sharp - Công ty TNHH Sharp Solar Solution Asia - CTCP Xây dựng và Thiết kế NSN
 - Công ty TNHH JGC Việt Nam thuộc Tập đoàn JGC Nhật Bản
- KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**
 - Công ty Price Waterhouse Cooper - PwC Việt Nam
- CỔ ĐÔNG NƯỚC NGOÀI CHIẾN LƯỢC**
 - Công ty Tài chính Quốc tế (IFC) - Ngân hàng Thế giới (WB)
 - AVH PTE. LTD. - Armstrong Asset Management Pte Ltd - Singapore
- TỔ CHỨC TÍN DỤNG CHÍNH**
 - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Vietcombank
 - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Vietinbank
 - Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Agribank
- CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CHÍNH**
 - Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI - SSI
 - Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - VCBS
 - Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng - PHS

THÔNG TIN LIÊN HỆ HỖ TRỢ CÁC BÊN LIÊN QUAN

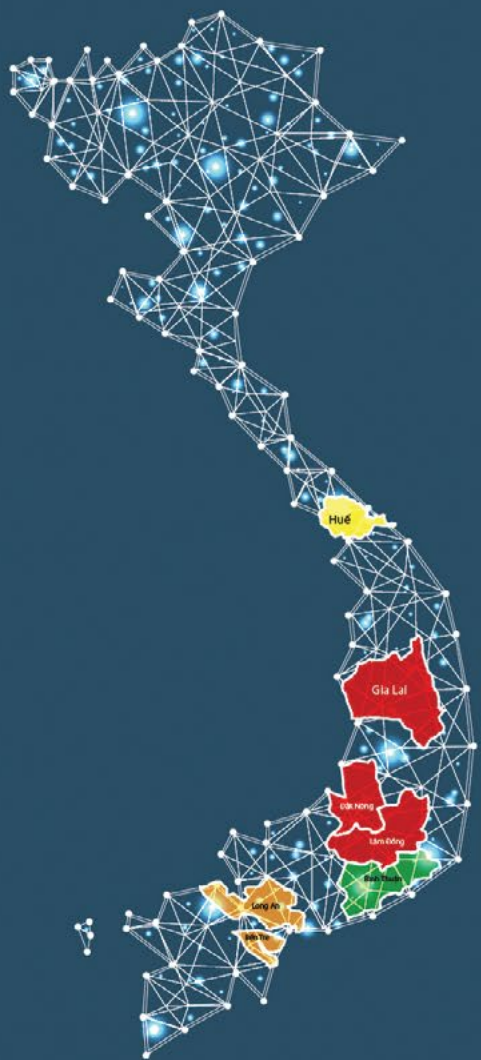
- NGƯỜI PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN**
 - Người liên hệ: **Phạm Thành Tuấn Anh** - Chánh Văn phòng
 - 028 3999 8822 - 6012
 - tbvpc@geccom.vn
- ĐƯỜNG DÂY CHÍNH TRỰC**
 - Người liên hệ: **Lưu Đăng Mỹ Quỳnh** - Trưởng Phòng KTNB
 - 028 3997 7727 - 1106
 - ia.mgr@geccom.vn
- BỘ PHẬN QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ**
 - Người liên hệ: **Huỳnh Thị Yến Nga** - Trưởng Phòng
 - 028 3999 8822 - 6035
 - ngahty@geccom.vn
- BỘ PHẬN PHÁT TRIỂN DỰ ÁN**
 - Người liên hệ: **Nguyễn Phong Phú** - Giám đốc Khối
 - 0269 3823 604
 - cpdo@geccom.vn
- BỘ PHẬN KINH DOANH**
 - Người liên hệ: **Trịnh Vinh Thanh** - Giám đốc Kinh doanh
 - 0269 3823 604 - 123
 - business.mgr@geccom.vn
- BỘ PHẬN EHSS**
 - Người liên hệ: **Bùi Thị Thúy Hằng** - Trưởng Phòng
 - 036 817 0779 - 110
 - cons.dep3-mgr@geccom.vn

VỀ CHÚNG TÔI (tiếp theo)

SỰ HIỆN DIỆN CỦA GEC

HỆ THỐNG DANH MỤC **315_{MW}**
ĐIỆN MẶT TRỜI, THỦY ĐIỆN, ĐIỆN GIÓ, ÁP MÁI

7 TỈNH THÀNH PHỐ
TRÊN LÃNH THỔ VIỆT NAM



MIỀN TRUNG
41_{MW}
(THỪA THIÊN HUẾ)

- Thủy điện: **6 MW**
- Điện Mặt trời: **48 MWp - 35 MW**

TÂY NGUYÊN
164,4_{MW}
(GIA LAI, ĐẮK NÔNG, LÂM ĐỒNG)

- Thủy điện: **79,1 MW**
- Điện Mặt trời: **113,4 MWp - 84,5 MW**
- Áp mái: **999 KWp - 0,8 MW**
- Kỹ thuật:
 - Kinh doanh các sản phẩm về tấm Pin Năng lượng Mặt trời Sharp Mono 345W NU Serial
 - Kinh doanh Robot Vệ sinh tấm Pin Năng lượng Mặt trời là GEC Robotic Solar Panel Cleaning R1 và GEC Robotic Solar Panel Cleaning R2
 - Cung cấp các dịch vụ kỹ thuật khác như Tư vấn Quản lý dự án, Tư vấn Giám sát thi công, Quản lý vận hành, Dịch vụ thí nghiệm

NAM TRUNG BỘ
38_{MW}
(BÌNH THUẬN)

- Điện Mặt trời: **49 MWp - 38 MW**

ĐÔNG NAM BỘ
71_{MW}
(LONG AN, BẾN TRE)

- Điện Mặt trời: **49 MWp - 41 MW**
- Điện Gió: **30 MW**

HỆ THỐNG MẠNG LƯỚI

TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ : 114 Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai
Điện thoại: : 0269 3823 604
Fax: : 0269 3826 365
Email: : info@geccom.vn
Website : http://www.geccom.vn

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TTC HÀ NỘI

Địa chỉ : Số 9, Ngõ 310, Ngách 22, Đường Nghi Tàm Tứ Liên, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội
Người liên hệ : Ông **Nguyễn Trung Phong**
Giám đốc Văn phòng Đại diện
Điện thoại : 0917 748 067
Email : phongnt1@geccom.vn

CHI NHÁNH TTC THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ : 189 Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, TP Huế
Người liên hệ : Ông **Trương Văn Lâm** - Giám đốc Chi nhánh
Điện thoại : 0234 3933 913
Email : lantv@geccom.vn

CHI NHÁNH TTC AUYEN HẠ

Địa chỉ : Quốc lộ 25, Thôn Thanh Thượng A, Xã Auyen Hạ, Huyện Phú Thiện, Tỉnh Gia Lai
Người liên hệ : Ông **Lê Hoàng Khanh** - Giám đốc Chi nhánh
Điện thoại : 0269 3855 256
Email : ayh.dep-dir@geccom.vn

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TTC HCM

Địa chỉ : Tầng 10, Tòa nhà Văn phòng Tập đoàn TTC, 253 Hoàng Văn Thụ, Quận Tân Bình, TP HCM
Người liên hệ : Ông **Phạm Thành Tuấn Anh**
Giám đốc Văn phòng Đại diện
Điện thoại : 028 3999 8822 - 6012
Email : com-off.dep-mgr@geccom.vn

CHI NHÁNH TTC CHƯ PRÔNG

Địa chỉ : 268 Hùng Vương, Thị trấn Chư Prông, Huyện Chư Prông, Tỉnh Gia Lai
Người liên hệ : Ông **Phạm Văn Hiệp**
Giám đốc Chi nhánh
Điện thoại : 0269 6275 190
Email : cp.dir@geccom.vn

CHI NHÁNH TTC MANG YANG

Địa chỉ : Làng Ró, Xã Lơ Pang, Huyện Mỹ Thạch, Tỉnh Gia Lai
Người liên hệ : Ông **Lê Quang Quốc Dũng** - Giám đốc Chi nhánh
Điện thoại : 0357 777 779
Email : my.dir@geccom.vn

CHI NHÁNH TTC LÂM ĐỒNG

Địa chỉ : Thôn 1, Xã Đạ Sar, Huyện Lạc Dương, Tỉnh Lâm Đồng
Người liên hệ : Ông **Nguyễn Mạnh Hùng** - Giám đốc Chi nhánh
Điện thoại : 0263 3615 091
Email : ld.dir@geccom.vn

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

19
NGÀNH NGHỀ

- ✦ Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế Điện, thiết bị phân phối và điều khiển Điện - 2710
- ✦ Sửa chữa thiết bị Điện - 3314
- ✦ Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp - 3320
- ✦ Sản xuất Điện - **3511 (Chính)**
- ✦ Truyền tải và phân phối Điện - 3512
- ✦ Xây dựng nhà để ở - 4101
- ✦ Xây dựng nhà không để ở - 4102
- ✦ Xây dựng công trình đường bộ - 4212
- ✦ Xây dựng công trình cấp thoát nước - 4222
- ✦ Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác - 4299
- ✦ Lắp đặt hệ thống Điện - 4321
- ✦ Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác - 4390
- ✦ Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác - 4659
- ✦ Kinh doanh Bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu chủ sử dụng hoặc đi thuê (trong phạm vi Khoản 3, Điều 11 Luật Kinh doanh Bất động sản) - 6810
- ✦ Hoạt động tư vấn quản lý - 7020
- ✦ Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan - 7110
- ✦ Kiểm tra và phân tích kỹ thuật - 7120
- ✦ Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đầu - 7490
- ✦ Cho thuê xe có động cơ - 7110

30 NĂM MỘT HÀNH TRÌNH

1989-1995 ĐỊNH HÌNH DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Điện Gia Lai tiền thân là Doanh nghiệp 100% sở hữu Nhà nước hoạt động trong lĩnh vực Thủy điện, được thành lập năm 1989 dưới tên Công ty Thủy điện Gia Lai - Kon Tum trực thuộc Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh.

Vốn kinh doanh ban đầu chỉ vốn vện 1,8 tỷ đồng với duy nhất 1 NMTĐ là Đrăng 2 - Gia Lai công suất 1,2 MW.

Giai đoạn 1992-1995 Công ty nhiều lần đổi tên và chính thức trở thành Công ty Điện Gia Lai từ tháng 10/1995.

2001-2009 MỞ RỘNG QUY MÔ HOẠT ĐỘNG

Trong vòng 9 năm từ 2001 đến 2009, Công ty liên tục đưa vào vận hành thêm 7 NMTĐ mới tại Gia Lai.

Tổng công suất hoạt động tăng lên gấp 30 lần, là 35,8 MW từ 1,2 MW của những năm hoạt động đầu tiên.

2010-2015 TÍCH LŨY VÀ VẬN HÀNH ỔN ĐỊNH

Từ năm 2010 đến 2015, trong vòng 5 năm, GEC tiếp tục đầu tư và đưa thêm 6 NMTĐ đi vào vận hành tại đa dạng Khu vực hơn trước, ngoài Gia Lai còn có Lâm Đồng và Huế.

Tổng công suất hoạt động phát triển lên thành 84,1 MW với 14 NM đang hoạt động từ 35,8 MW, nghĩa là tiếp tục tăng thêm gần 3 lần.

Công ty cũng chính thức chuyển đổi thành CTCP Điện Gia Lai trong năm 2010.

GEC được xác định là đơn vị hạt nhân của Tập đoàn TTC trong lĩnh vực Năng lượng sau khi trở thành TV của Tập đoàn TTC trong năm 2013.

2016-2019 CHUYỂN MÌNH LỚN MẠNH VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ

Chỉ trong 3 năm, GEC chứng kiến nhiều bước ngoặt trong hoạt động SXKD cũng như Thị trường vốn.

Năm 2016, 2 Tổ chức Tài chính Quốc tế IFC - NHTG và Quỹ Năng lượng sạch Armstrong - Singapore đã chính thức trở thành CĐ chiến lược của GEC với 36% số lượng cổ phần đang lưu hành khi VDL lúc này là 745 tỷ đồng, tăng hơn 400 lần so với ngày đầu tiên thành lập cách đây 27 năm.

Ngày 19/9/2019, GEC chuyển sàn HOSE với gần 204 triệu cổ phiếu niêm yết sau 3 năm giao dịch ở UPCOM, đánh dấu sự chuyển mình mạnh mẽ trong Thị trường vốn.

Kết thúc năm 2019, GEC đạt DT 1.159 tỷ đồng và LNTT là 304 tỷ đồng, tất cả đều hoàn thành vượt kế hoạch.

GEC bắt đầu sự nghiệp tiên phong trong xu hướng NLTT tại Việt Nam khi đóng điện 2 NM ĐMT đầu tiên tại Huế và Gia Lai cuối năm 2018. Liên tiếp sau đó trong nửa đầu năm 2019 là 3 Dự án tại Long An, Bình Thuận và Đắk Nông.

Đến cuối năm 2019, GEC là Công ty hiếm hoi niêm yết tại sàn HOSE hoạt động đa dạng trong lĩnh vực NLTT với 19 NM đang hoạt động gần 284 MW trong đó ĐMT là 259,4 MWp và Thủy điện là 85,1 MW. Song song đó là dự án Điện Gió đang triển khai tại Bến Tre với công suất trong 2 giai đoạn là 70 MW.

2019 CHẶNG ĐƯỜNG MỚI

TÀI CHÍNH

THÁNG 1

Hội nghị Tổng kết hoạt động của Ủy ban Năng lượng và GEC

- Phương thức Quản trị - Giám sát - Điều hành chuẩn mực được thực hiện xuyên suốt hàng năm giữa HĐQT, Ban TGD, Lãnh đạo các cấp nhằm tổng kết hoạt động năm cũ và định hướng chiến lược năm mới

THÁNG 3

Công bố Báo cáo Tài chính Kiểm toán 2018

- DTT và LNTT hợp nhất 2018 đạt 560 tỷ đồng và 207 tỷ đồng; lần lượt hoàn thành 104% và 122% kế hoạch ĐHCĐ

THÁNG 4

Tổ chức Đại hội đồng Cổ đông 2018

- Kế hoạch DTT và LNTT hợp nhất 2019 lần lượt là 1.014 tỷ đồng và 240 tỷ đồng, tăng trưởng 86% và 41% so với kế hoạch 2018

Hội thảo Khoa học quốc tế "Phát triển Ninh Thuận trở thành trung tâm Năng lượng tái tạo của cả nước"

- Phối hợp cùng BCT, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam và Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam đồng tổ chức tại Ninh Thuận

THÁNG 6

9.709.127 cổ phiếu

- Hoàn tất việc phát hành cổ phiếu ESOP, nâng VDL lên 2.039 tỷ đồng

7% bằng tiền mặt

- Hoàn thành việc chi trả cổ phiếu cho CĐ 2018 theo đúng cam kết

THÁNG 7

Top 3 Báo cáo Thường niên Thế giới 2018 - Phân Ngành Tiện ích

- Hiệp hội Truyền thông chuyên nghiệp Mỹ - LACP đã vinh danh BCTN GEC 2018 với chủ đề "Phát triển đồng bộ các loại hình Năng lượng"



Các Nhân sự chủ chốt của Khối Phát triển Dự án

THÁNG 9

Cổ phiếu GEG chuyển sàn HOSE

- Chính thức niêm yết 203.891.677 cổ phiếu GEG trên HOSE, là Công ty duy nhất hoạt động đa dạng trong lĩnh vực NLTT

THÁNG 10

Tăng Vốn Điều lệ tại Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai (GHC), 1 trong những Công ty Thành viên quan trọng của GEC, Chủ đầu tư của 2 dự án Thủy điện và 1 dự án Điện Mặt trời

- Phát hành cổ phiếu cho CĐ hiện hữu với dự kiến phát hành thêm 10.250.000 cổ phiếu, giá chào bán 25.000 VNĐ/cổ phần

THÁNG 12

Hội nghị "Phát triển mạnh mẽ doanh nghiệp - Hội nhập, hiệu quả, bền vững"

- Tham dự Hội nghị Thủ tướng Chính phủ với Doanh nghiệp năm 2019 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì.

SẢN XUẤT KINH DOANH

THÁNG 4

85,1 MW

- Tổng công suất 14 NMTĐ sau khi hoàn thành nâng công suất NM Đăk Pí Hao 2 - Gia Lai từ 9 lên 10 MW, tăng 5% sản lượng

98 MWp

- Vận hành thương mại ĐMT Đức Huệ 1 Long An - 49 MWp, 58 ha; ĐMT Hàm Phú 2 Bình Thuận - 49 MWp, 54,2 ha với tổng mức đầu tư 2.000+ tỷ đồng

THÁNG 6

44 MWp

- Tự thi công và đưa vào vận hành thương mại ĐMT Trúc Sơn Đăk Nông với thời gian hoàn tất công trình kỷ lục chỉ hơn 3 tháng, tiết kiệm khoảng 180 tỷ đồng, tương ứng với 18% chi phí

THÁNG 8

TTC Phong Điền, Huế

- Đón tiếp Ông Philippe Le Houérou - Giám đốc Điều hành IFC ghé thăm và làm việc tại NM ĐMT Phong Điền 48 MWp, Dự án ĐMT hòa lưới đầu tiên tại Việt Nam

THÁNG 12

70 MW

- M&A thành công Dự án Điện Gió V.PL - Bến Tre, chính thức mở rộng danh mục sang lĩnh vực Điện Gió như định hướng chiến lược

5 Robot Lau Pin R3

- Sản xuất và bàn giao thành công cho Khách hàng PECC2, hiện thực hóa chiến lược đa dạng nguồn thu

Hệ phao nổi Năng lượng Mặt trời (Điện Mặt trời nổi)

- Hoàn thành Dự án lắp đặt hệ khung mẫu ĐMT nổi tại Hồ Ayun Thượng - 1A với hiệu suất tấm pin lắp trên Hệ phao nổi tăng 14% nhờ vào hiệu ứng làm mát của nước

999 kWp

- Đóng điện dự án Nông nghiệp kết hợp ĐMT Mái nhà tại Krông Pa, tiếp tục đa dạng hóa các loại hình NLTT

THÁNG 10

Hệ thống Điện Mặt trời tự xoay theo hướng mặt trời (Tracking Solar System)

- Đội ngũ kỹ sư lành nghề tại GEC hoàn thành nghiên cứu vận hành hệ thống điều hướng Pin mặt trời tại Khu Công nghiệp Diên Phú, tận dụng nguồn Năng lượng tối đa trong ngày để tối ưu sản lượng Điện

THÁNG 11

VSIP Spartan, Zena

- Cung ứng dịch vụ Robot Lau Pin tới các Khách hàng bên ngoài, nỗ lực đa dạng hóa nguồn thu ngoài phát triển danh mục các dự án Điện

CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI

THÁNG 1

"Tết sum vầy"

- Tổ chức chương trình chung tay nấu bánh chưng hỗ trợ Địa phương và cùng vui với CBNV Công ty

THÁNG 2

"Gặp mặt đầu xuân"

- Chương trình gặp mặt và mừng tuổi đầu xuân cho các gia đình CBNV

"Khai quân đầu năm"

- Lễ Ra quân và Tân niên Xuân định kỳ vào ngày làm việc đầu tiên hàng năm với sự tham gia của toàn thể CBNV

THÁNG 3

"Niềm vui từ lòng Nhân ái"

- CBNV tham gia chương trình Hiến máu tự nguyện năm 2019 do Tập đoàn TTC phát động

100 phần quà tặng

- Tài trợ chương trình "Khám sức khỏe tổng quát và tầm soát ung thư miễn phí cho phụ nữ có hoàn cảnh khó khăn Quận Tân Bình"

THÁNG 9

GEC Green Growth

- Phong trào trồng cây tại NMTĐ la Đăng 2, Thôn An Hòa, Xã Ia Đrăng, Huyện Chư Prông, Tỉnh Gia Lai

499 cuốn sách

- Chương trình "Vừa đọc sách, vừa làm Trách nhiệm Xã hội của Doanh nghiệp - CSR"

THÁNG 10

Chương trình "Phụ nữ là để yêu thương"

- Trao tặng 435 vật phẩm và 2.050.000 đồng tiền mặt quyền góp cho Hội Liên hiệp Phụ nữ Tỉnh Gia Lai

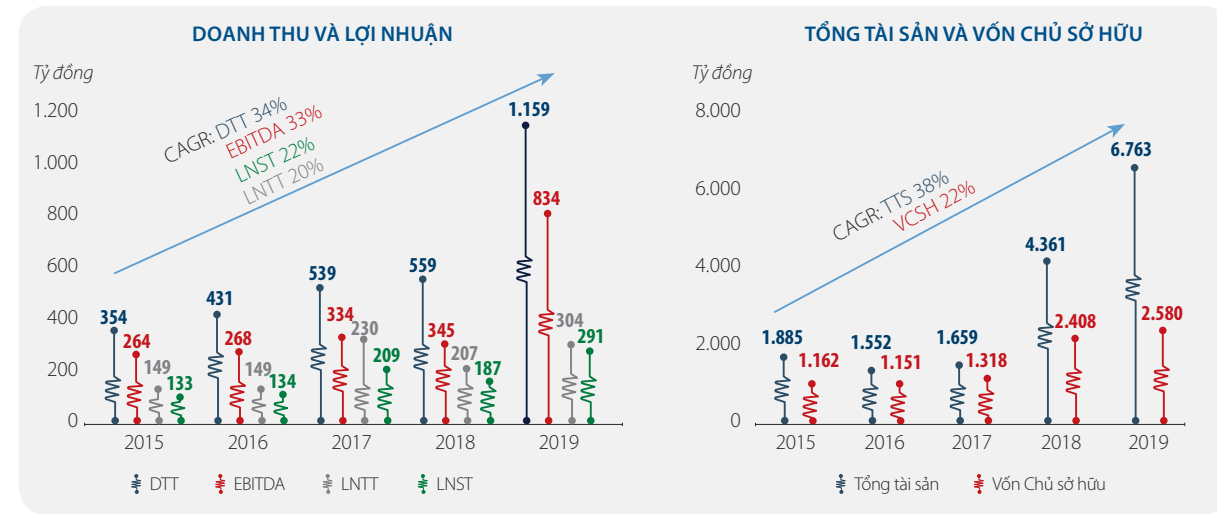
THÁNG 11

15 suất học bổng, 20 áo trắng, 1 xe đạp

- Chương trình trao học bổng khuyến học "TTC - Nâng Bước Thành Công" lần thứ 34 do Tập đoàn TTC tổ chức

TÀI CHÍNH TĂNG TRƯỞNG VÀ AN TOÀN

KẾT QUẢ KINH DOANH TĂNG TRƯỞNG ỔN ĐỊNH TRONG NHIỀU NĂM LIÊN TIẾP



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH ĐẢM BẢO TÍNH AN TOÀN VÀ TRONG TẦM KIỂM SOÁT

| Chỉ số Tài chính | ĐVT | 2015 | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 | Tăng/Giảm | Lý do |
|---|------|------|------|------|------|------|-----------|--|
| CHỈ SỐ THANH TOÁN DUY TRÌ Ở MỨC AN TOÀN > 1 | | | | | | | | |
| Tỷ số thanh toán hiện hành | Lần | 2,4 | 2,5 | 4,7 | 2,3 | 1,4 | (39%) | Công ty đang trong giai đoạn đầu tư vào 1 số dự án lớn đặc biệt là các dự án ĐMT, vừa đáp ứng mục tiêu mở rộng danh mục vừa được hưởng giá bán ưu đãi của Chính phủ trong vòng 20 năm vòng đời dự án |
| Tỷ số thanh toán nhanh | Lần | 2,3 | 2,4 | 4,4 | 2,3 | 1,1 | (52%) | |
| Khả năng thanh toán lãi vay | Lần | 4,6 | 4,8 | 10,6 | 6,1 | 2,2 | (64%) | |
| CHỈ SỐ CẤU TRÚC VỐN KHẢ NĂNG CHI TRẢ LÃI VAY VẪN ĐƯỢC ĐẢM BẢO | | | | | | | | |
| Nợ phải trả/Tổng tài sản | Lần | 0,38 | 0,26 | 0,21 | 0,45 | 0,62 | 38% | Công ty chủ động tăng các khoản vay và phát hành các gói trái phiếu để đầu tư cho các dự án ĐMT lớn trong danh mục |
| Nợ vay/Tổng tài sản | Lần | 0,33 | 0,20 | 0,14 | 0,35 | 0,58 | 66% | |
| Nợ phải trả/Vốn Chủ sở hữu | Lần | 0,62 | 0,35 | 0,26 | 0,81 | 1,62 | 100% | |
| Nợ vay/Vốn Chủ sở hữu | Lần | 0,53 | 0,27 | 0,18 | 0,63 | 1,51 | 140% | |
| CHỈ SỐ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC CẢI THIỆN QUA MỖI NĂM | | | | | | | | |
| Vòng quay khoản phải thu | Lần | 4,9 | 3,8 | 5,5 | 6,1 | 7,2 | 18% | Do đặc thù Ngành nên chính sách thu tiền Điện luôn được thực hiện theo đúng quy định |
| Số ngày vòng quay khoản phải thu | Ngày | 75 | 97 | 66 | 60 | 51 | (15%) | |
| Vòng quay khoản phải trả | Lần | 10,6 | 17,7 | 19,1 | 1,3 | 3,6 | 177% | Công ty uy tín trong việc thanh toán công nợ đúng hạn cho các Nhà thầu thi công, đảm bảo tiến độ thi công dự án theo đúng kế hoạch |
| Số ngày vòng quay khoản phải trả | Ngày | 34 | 21 | 19 | 278 | 101 | (63%) | |
| CHỈ SỐ SINH LỢI KHẢ NĂNG SINH LỢI BỀN VỮNG QUA NHIỀU NĂM, THẬM CHÍ TIẾP TỤC GHI NHẬN TĂNG TRƯỞNG TẠI MỘT SỐ CHỈ TIÊU | | | | | | | | |
| Biên EBITDA | % | 75 | 62 | 62 | 62 | 72 | 16% | Các NMTĐ của GEC đã đi vào hoạt động ổn định, một số NM đã khấu hao gần hết |
| Biên Lợi nhuận Gộp | % | 56 | 51 | 58 | 55 | 56 | 2% | Công ty đã thực hiện kiểm soát Chi phí trong năm hiệu quả |
| Biên EBIT | % | 54 | 44 | 47 | 44 | 47 | 7% | |
| Biên Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | % | 42 | 35 | 44 | 37 | 26 | (30%) | Do tác động của Chi phí lãi vay vì trong năm Công ty chủ động tăng các khoản vay để phát triển đa dạng danh mục NLTT như chiến lược với giá bán điện hấp dẫn đang còn hiệu lực thực hiện |
| Biên Lợi nhuận Ròng | % | 38 | 31 | 39 | 33 | 25 | (24%) | |

TỔNG QUAN TÀI CHÍNH 2015-2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tỷ đồng

| Chỉ tiêu | 2015 | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 | Tăng/Giảm | CAGR 15-19 |
|------------------------------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|-------------|------------|
| TÀI SẢN | 1.885 | 1.552 | 1.659 | 4.361 | 6.763 | 55% | 38% |
| Tài sản ngắn hạn | 484 | 342 | 486 | 1.230 | 1.190 | (3%) | 25% |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 89 | 68 | 223 | 610 | 106 | (83%) | 4% |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | - | - | 8 | 252 | 12 | (95%) | - |
| Khoản phải thu ngắn hạn | 381 | 257 | 228 | 246 | 688 | 180% | 16% |
| Hàng tồn kho | 9 | 16 | 26 | 25 | 314 | 1.156% | 143% |
| Tài sản ngắn hạn khác | 5 | 1 | 1 | 97 | 70 | (28%) | 94% |
| Tài sản dài hạn | 1.401 | 1.210 | 1.173 | 3.131 | 5.573 | 78% | 41% |
| Khoản phải thu dài hạn | - | 2 | 11 | 1 | 1 | 0% | - |
| Tài sản cố định | 1.224 | 1.168 | 1.114 | 2.878 | 5.259 | 83% | 44% |
| Tài sản dài hạn dở dang | 135 | 6 | 18 | 216 | 263 | 22% | 18% |
| Đầu tư tài chính dài hạn | 1 | - | - | - | 3 | - | 32% |
| Tài sản dài hạn khác | 41 | 34 | 30 | 36 | 47 | 31% | 3% |
| NGUỒN VỐN | 1.885 | 1.552 | 1.659 | 4.361 | 6.763 | 55% | 38% |
| Nợ phải trả | 723 | 401 | 341 | 1.953 | 4.183 | 114% | 55% |
| Nợ phải trả ngắn hạn | 205 | 135 | 104 | 528 | 836 | 58% | 42% |
| Nợ vay ngắn hạn | 103 | 45 | 6 | 106 | 554 | 423% | 52% |
| Nợ phải trả dài hạn | 518 | 266 | 237 | 1.425 | 3.347 | 135% | 59% |
| Nợ vay dài hạn | 517 | 265 | 232 | 1.420 | 3.343 | 135% | 59% |
| Vốn chủ sở hữu | 1.162 | 1.151 | 1.318 | 2.408 | 2.580 | 7% | 22% |

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tỷ đồng

| Chỉ tiêu | 2015 | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 | Tăng/Giảm | CAGR 15-19 |
|--|------------|------------|------------|------------|--------------|-------------|------------|
| Doanh thu thuần | 354 | 431 | 539 | 559 | 1.159 | 107% | 35% |
| Giá vốn hàng bán | 157 | 213 | 227 | 253 | 510 | 102% | 34% |
| Lợi nhuận gộp | 197 | 218 | 312 | 306 | 650 | 112% | 35% |
| Chi phí lãi vay | 41 | 39 | 24 | 40 | 245 | 513% | 56% |
| Doanh thu ròng từ hoạt động tài chính | (8) | (19) | (7) | (22) | (234) | 964% | 133% |
| Chi phí Bán hàng và Quản lý doanh nghiệp | 41 | 51 | 66 | 77 | 112 | 45% | 29% |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 148 | 148 | 239 | 207 | 304 | 47% | 20% |
| Chi phí và Doanh thu khác | 1 | 1 | (9) | - | - | - | - |
| Lợi nhuận trước thuế | 149 | 149 | 230 | 207 | 304 | 47% | 20% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 16 | 15 | 21 | 20 | 14 | (30%) | (5%) |
| Lợi nhuận sau thuế | 133 | 134 | 209 | 187 | 291 | 56% | 22% |
| EBIT | 190 | 188 | 255 | 247 | 549 | 122% | 30% |
| EBITDA | 264 | 268 | 334 | 345 | 834 | 142% | 33% |

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tỷ đồng

| Chỉ tiêu | 2015 | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 | Tăng/Giảm |
|--|-----------|------------|------------|------------|--------------|---------------|
| Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | | | |
| Lợi nhuận trước thuế | 149 | 149 | 230 | 207 | 304 | 47% |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 72 | 168 | 244 | 141 | (333) | (336%) |
| Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | | | |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | (122) | 91 | 5 | (1.946) | (2.642) | 36% |
| Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | | | |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 41 | (280) | (93) | 2.191 | 2.471 | 13% |
| Lưu chuyển tiền tệ thuần trong kỳ | -9 | -21 | 155 | 387 | (504) | (230%) |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 89 | 68 | 223 | 610 | 106 | (83%) |

Nguồn: Báo cáo Tài chính Hợp nhất Kiểm toán 2015-2019, GEC

RỦI RO NHẬN DIỆN VÀ QUẢN TRỊ

QUẢN TRỊ RỦI RO LUÔN LÀ MỘT VẤN ĐỀ CẤP THIẾT TRONG CHUẨN MỰC QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP HIỆN ĐẠI NHẪM ĐẢM BẢO CHO MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA DOANH NGHIỆP. ĐỐI VỚI GEC - MỘT TRONG NHỮNG NHÀ TIÊN PHONG VỀ NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO TẠI VIỆT NAM, BAN ĐIỀU HÀNH ĐẶC BIỆT QUAN TÂM ĐẾN VẤN ĐỀ NÀY ĐI CÙNG CÁC TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ VỀ MÔI TRƯỜNG, SỨC KHỎE, XÃ HỘI, AN TOÀN MÀ GEC ĐÃ CAM KẾT CÙNG CÁC CỔ ĐÔNG CHIẾN LƯỢC NƯỚC NGOÀI.

GEC hiện nay chưa thành lập riêng Ủy Ban QLRR, tuy nhiên UBKT trực thuộc HĐQT đã thực hiện kết hợp trách nhiệm kiểm soát độc lập, giám sát kiểm toán và QTRR, vẫn đảm bảo các rủi ro tiềm ẩn trong HĐKD của GEC được giám sát và quản trị hợp lý. Mô hình đang sử dụng cũng hoàn toàn phù hợp với quy mô của GEC cũng như môi trường HĐKD. QTRR tại GEC bao gồm 5 cấu phần chính:

- ❖ Chiến lược QTRR được xây dựng phù hợp với mục tiêu của GEC, định hướng xây dựng các cấu phần khác của khung QTRR
- ❖ Cấu trúc QTRR là nền tảng của các hoạt động QLRR
- ❖ Chính sách, thủ tục, báo cáo bao gồm các chính sách, thủ tục được văn bản hóa và các kênh báo cáo
- ❖ Các công cụ QTRR sử dụng để phát hiện, tổng hợp, đánh giá và giảm thiểu rủi ro
- ❖ Hệ thống Công nghệ thông tin hỗ trợ và tự động hóa hoạt động QTRR.

Tại GEC, trách nhiệm QTRR không chỉ gói gọn trong phạm vi nhiệm vụ Quản trị của HĐQT, giám sát của UBKT mà còn là trách nhiệm tiên quyết của Ban TGD tại cấp quản lý, điều hành và được quy định rõ trong các quy trình, chính sách nội bộ của GEC. Tất cả được tích hợp vào quy trình quản lý hoạt động, văn bản pháp lý và xuyên suốt trong các chức năng, các cấp, các phòng ban, nhân viên để GEC nhận diện và kiểm soát các rủi ro trọng yếu có thể xảy ra trong hoạt động hàng ngày. Hiện tại, GEC đã xây dựng tốt công tác QLRR với hệ thống kiểm soát được tất cả các cấp độ tham gia để tạo lập môi trường kiểm soát vững mạnh.

GEC khuyến khích văn hóa QTRR chủ động, mỗi nhân viên chủ động nhận diện rủi ro tiềm ẩn, báo cáo ngay rủi ro giúp các khối, phòng/ban chuyên môn phân tích, đánh giá, khắc phục, giảm thiểu, xử lý rủi ro hiệu quả. UBKT tiếp nhận tất cả các thông tin liên quan đến việc không tuân thủ quy định của Pháp luật, Công ty, theo xem xét của CBNV là có thể gây ra những rủi ro cho Công ty. Qua việc xem xét một cách bảo mật nhưng kịp thời và công bằng, UBKT nhanh chóng phản hồi thông tin cho CBNV, đồng thời xem xét và đề xuất các biện pháp xử lý để ngăn chặn rủi ro, thiệt hại cho Công ty.

| Cấp độ (Cao - thấp) | Đối tượng tham gia | Chức năng | Mục tiêu |
|---------------------|--|--|---|
| 1 | Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc | Xây dựng môi trường kiểm soát toàn diện | ❖ Đảm bảo hệ thống KSNB được thiết lập và vận hành một cách phù hợp nhằm phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời các rủi ro |
| 2 | Cấp Quản lý nghiệp vụ | Xây dựng giải pháp, phương pháp quản lý phù hợp | ❖ Đảm bảo hoạt động bảo vệ, quản lý, sử dụng tài sản, nguồn lực và các hoạt động khác được thực hiện một cách an toàn, hiệu quả ❖ Đảm bảo hệ thống thông tin tài chính và thông tin quản lý trung thực, đầy đủ, kịp thời |
| 3 | Nhân viên | Vận hành, tác nghiệp, thực thi, hành động theo chuẩn | ❖ Đảm bảo hoạt động SXKD tuân thủ quy định Pháp luật hiện hành, quy chế, quy định, quy trình nội bộ của Công ty. |

Từ thực tiễn hoạt động, đánh giá các yếu tố tác động trực tiếp tới quá trình vận hành, công tác nhận diện và QTRR được xem xét thường xuyên và định kỳ. UBKT đã phân loại 5 loại rủi ro chính từ cao xuống thấp trong quá trình hoạt động của GEC trong năm 2019 cũng như dự kiến cho năm 2020. Các loại rủi ro được nhận diện tại GEC luôn nằm trong tầm kiểm soát, đảm bảo cho mọi hoạt động Quản trị, Giám sát, Điều hành được xuyên suốt, đã góp phần đưa DT và LN năm vượt trội so với kế hoạch.

| | NHẬN DIỆN VÀ PHÂN TÍCH RỦI RO | GIẢI PHÁP VÀ GIÁM SÁT RỦI RO |
|---|--|--|
| RỦI RO PHÁP LÝ, CHÍNH SÁCH VÀ CÁC VẤN ĐỀ VỀ TUẦN THỦ | <ul style="list-style-type: none"> ❖ Hoạt động SXKD Điện của GEC chịu sự chi phối mạnh mẽ của quy định pháp lý liên quan: Điện lực, Đất đai, Xây dựng, Môi trường, Đầu tư, Chứng khoán, Lao động, Bảo hiểm Xã hội, Thuế... ❖ Sau khi chuyển sàn HOSE tháng 9/2019, GEC chịu sự điều chỉnh của các quy định của cổ phiếu giao dịch trên sàn HOSE theo Quyết định 85/QĐ-SGDHCM về Quy chế niêm yết chứng khoán tại HOSE; Thông tư 155/2015/TT-BTC về Quy định CBTT; Quyết định 340/QĐ-SGDHCM về Ban hành Quy chế CBTT tại HOSE cùng các quy định liên quan ❖ Rủi ro pháp lý trong hoạt động có thể kể đến: Rủi ro pháp lý do tranh chấp hợp đồng, rủi ro liên quan đến sở hữu trí tuệ, rủi ro pháp lý do nghĩa vụ thuế, nghĩa vụ bảo hiểm xã hội, hành chính ❖ Đối với ĐMT: <ul style="list-style-type: none"> » Rủi ro do sự đầu tư ồ ạt dẫn đến dư thừa nguồn cung, quá tải lưới điện dẫn đến buộc phải cắt giảm công suất » Sự thay đổi chính sách liên quan đến cơ chế giá, cơ chế đấu thầu phát triển ĐMT ảnh hưởng đến hoạt động đầu tư, kinh doanh của GEC | <ul style="list-style-type: none"> ❖ Chú trọng xây dựng năng lực chuyên môn và phát huy tính chủ động của Bộ phận Pháp chế trong công tác tư vấn, rà soát và thực hiện các vấn đề pháp lý trên tất cả các mảng hoạt động ❖ Đánh giá ảnh hưởng từ các văn bản pháp luật mới (nếu có), cập nhật thường xuyên đến toàn thể khối/phòng ban trong Công ty thông qua kênh truyền thông nội bộ, đảm bảo các khối/phòng ban nắm bắt các thay đổi của Pháp luật, hiệu chỉnh hoạt động, đảm bảo tính tuân thủ quy định Pháp luật ❖ Bộ phận Pháp chế tham gia trong công tác thẩm định, góp ý, soạn thảo VBLQ, hợp đồng ký kết với các Đối tác đảm bảo hoàn thiện hành lang pháp lý quản trị, điều hành, tác nghiệp ❖ Tham mưu, tư vấn, phối hợp với các công ty, văn phòng luật chuyên nghiệp để nhận tư vấn, hỗ trợ vấn đề pháp lý phát sinh trong hoạt động SXKD ❖ Thường xuyên đánh giá tuân thủ các quy định của Pháp luật, quy định nội bộ, quy định đảm bảo An toàn sức khỏe cho Người lao động, Môi trường, Xã hội ❖ CBTT để kịp thời có những điều chỉnh, cải tiến hoạt động đáp ứng PTBV ❖ Ban hành Quy chế KTNB, Quy chế đánh giá tuân thủ, Quy trình KTNB để kiểm soát hoạt động Công ty |
| RỦI RO LÃI SUẤT VÀ THANH KHOẢN | <ul style="list-style-type: none"> ❖ Sử dụng đòn bẩy tài chính để đầu tư các dự án ĐMT, Điện Gió có thể gây áp lực đến dòng tiền thanh toán nợ vay, thanh toán lãi vay và tình hình thanh khoản khi các dự án chưa đến thời điểm hoàn vốn đầu tư ❖ Tài trợ bằng nợ vay, nếu có sự gia tăng về lãi suất vay nợ thì rủi ro lãi suất sẽ tác động đến chi phí hoạt động tài chính của Công ty, ảnh hưởng đến KQKD trong kỳ nếu không giới hạn biên độ dao động của lãi suất vay | <ul style="list-style-type: none"> ❖ Sát sao trong công tác đánh giá tình hình tài chính theo khung nhận diện, đánh giá rủi ro tài chính và khung đối sánh Ngành để có những quyết sách tài chính phù hợp nhằm đảm bảo phát triển ổn định ❖ Tập trung vào HĐKD lõi là sản xuất và kinh doanh Điện, không đầu tư ngoài Ngành đảm bảo dòng tiền ổn định cho HĐKD và các nghĩa vụ tài chính ❖ Xây dựng kế hoạch dòng tiền, kế hoạch thu chi hàng ngày, tháng, quý, năm, để đảm bảo thanh khoản và điều tiết dòng tiền hiệu quả ❖ Cân đối nguồn lực tài chính qua các thời kỳ ❖ Ký kết các hợp đồng tài trợ với giới hạn biên độ dao động của lãi suất vay trong tầm kiểm soát ❖ Đàm phán với các đối tác kịp thời điều chỉnh phương án vốn theo tình hình của thị trường tài chính ❖ Đa dạng hóa nguồn tài trợ, các phương án huy động vốn, mở rộng mối quan hệ Thị trường vốn trong ngoài nước |
| RỦI RO VẬN HÀNH | <ul style="list-style-type: none"> ❖ Các tổn thất, thiệt hại nếu có xảy ra do sự cố không mong đợi như sự cố tẩm pin Năng lượng Mặt trời, cháy nổ, hỏa hoạn, không đảm bảo an toàn đập hoặc tai nạn lao động ❖ Gây ra những thiệt hại về mặt tài sản, KQKD, ảnh hưởng đến an toàn lao động, tính mạng con người và liên quan đến an ninh Năng lượng quốc gia | <ul style="list-style-type: none"> ❖ Phân công, phân nhiệm cụ thể, rõ ràng đến các cấp quản lý, phòng ban thực hiện công tác đảm bảo kỹ thuật, đảm bảo vận hành ổn định, an toàn ❖ Soạn thảo, ban hành, tuân thủ áp dụng hệ thống VBLQ kiểm soát rủi ro vận hành ❖ Ứng dụng Công nghệ thông tin trong công tác điều độ sản xuất, kịp thời phát hiện, cảnh báo và xử lý sự cố ❖ Thực hiện hoạt động bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ nhằm vận hành ổn định ❖ Tham gia bảo hiểm cho các nhà máy để phòng ngừa rủi ro và giảm thiểu thiệt hại nếu có xảy ra ❖ Tổ chức thường xuyên các khóa đào tạo vận hành, củng cố kiến thức và nhận thức của CBNV trong công tác đảm bảo an toàn lao động, vận hành. |

RỦI RO NHẬN ĐIỆN VÀ QUẢN TRỊ (tiếp theo)

PHÁP LUẬT THƯƠNG TÔN VÀ TUÂN THỦ

NHẬN ĐIỆN VÀ PHÂN TÍCH RỦI RO

GIẢI PHÁP VÀ GIÁM SÁT RỦI RO

RỦI RO AN TOÀN THÔNG TIN

- ❖ Cùng với sự phát triển của ngành công nghiệp 4.0, với việc ứng dụng Công nghệ thông tin trong điều hành, quản lý, các thông tin được lưu trữ trên phần cứng và không gian mạng
- ❖ Việc chia sẻ thông tin cho nhiều đối tượng khác nhau qua mạng dẫn đến mối nguy về việc sử dụng, khai thác thông tin khách hàng, thông tin tài chính trái phép, ảnh hưởng đến uy tín thương hiệu, tổn thất danh tiếng và tài chính
- ❖ Ban hành bộ QCUX và đạo đức nghề nghiệp
- ❖ Xây dựng các kịch bản ứng phó rủi ro để có những ứng phó kịp thời, xử lý và khắc phục sự cố
- ❖ Nâng cao khả năng bảo mật hệ thống mạng, xây dựng ngân sách trang bị đầy đủ tường lửa, các phần mềm diệt virus để ngăn ngừa các virus máy tính, malware, worm, spyware, adware... có thể gây hại cho hệ thống máy tính
- ❖ Quản lý người dùng thông qua quyền admin, hạn chế đến mức tối thiểu mã độc lan truyền từ việc người sử dụng truy cập các trang web không an toàn, lây lan qua mạng LAN, kết nối internet và gây hại đến hệ thống Công nghệ thông tin, nguy cơ mất dữ liệu, thông tin bảo mật quan trọng, gây thiệt hại cho hoạt động
- ❖ Ban hành hệ VBLQ gồm các quy định, quy trình, hướng dẫn liên quan đến công tác quản lý hệ thống
- ❖ Ký cam kết bảo mật thông tin
- ❖ Tổ chức đào tạo người dùng ở các cấp độ trong nâng cao nhận thức an toàn an ninh mạng

RỦI RO TÁC ĐỘNG ĐẾN MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI

- ❖ Các dự án Năng lượng như Thủy điện, ĐMT, Điện Gió ngoài việc đóng góp lớn cho an ninh Năng lượng quốc gia thì rủi ro tác động đến Môi trường, Xã hội cũng mang tầm ảnh hưởng nhất định
- ❖ Đối với các dự án vận hành hiện hữu của GEC, các rủi ro chính bao gồm:
 - » Thủy điện: Các tác động từ bụi, tiếng ồn, nước thải, chất thải rắn và xói mòn
 - » ĐMT: Xử lý các tấm pin Năng lượng Mặt trời khi suy giảm hiệu suất
- ❖ Đối với phát triển dự án mới sẽ xảy ra những rủi ro về an toàn, an ninh Cộng đồng và sức khỏe nghề nghiệp, rủi ro chuyển đổi Môi trường sống và dẫn đến mất đa dạng sinh học:
 - » Thủy điện: Nạn phá rừng trong quá trình giải phóng mặt bằng cho đập chính và NM điện, đường vào và đường dây truyền tải, thay đổi thủy văn sông (giảm dòng chảy, rào cản) trong quá trình vận hành
 - » ĐMT: Các tác động có thể được giới hạn trong giải phóng mặt bằng cho NM, đường vào và đường truyền
 - » Điện Gió: Các tác động đến hệ động vật có thể là vấn đề quan trọng nhất do nguy cơ va chạm với các Tuabin
- ❖ Ban hành hệ thống VBLQ liên quan đến EHSS tuân thủ các quy định Pháp luật Việt Nam và đầy đủ các tiêu chuẩn do IFC ban hành cũng như các thông lệ Quản trị tốt trên thế giới
- ❖ Sàng lọc, phân loại, chọn lựa dự án đầu tư Năng lượng ngoài việc đáp ứng các chỉ tiêu tài chính còn phải đáp ứng các đánh giá về chỉ tiêu phi tài chính như các tiêu chuẩn về sức khỏe, an toàn, an ninh Cộng đồng, bảo tồn đa dạng sinh học và quản lý nguồn tài nguyên thiên nhiên bền vững...
- ❖ Quy định ràng buộc và tăng trách nhiệm nhà cung cấp đối với vấn đề bảo vệ Môi trường, Xã hội theo quy định ký kết trên hợp đồng
- ❖ Xây dựng, triển khai, giám sát, báo cáo, đánh giá tuân thủ Hệ thống quản lý EHSS với các kế hoạch hành động cụ thể xuyên suốt trong các hoạt động của GEC phù hợp với quy định Việt Nam và tiêu chuẩn quốc tế mà GEC đã cam kết cùng CĐ chiến lược IFC
- ❖ Xây dựng kế hoạch ngân sách để thực hiện EHSS.

Hoạt động năm 2020 của GEC sẽ tập trung cơ cấu danh mục Thủy điện đảm bảo hiệu quả hoạt động, tiếp tục mở rộng danh mục ĐMT để nâng tầm quy mô, cung cấp thương mại các dịch vụ EPC và dịch vụ để đa dạng hóa nguồn thu; đặc biệt là khẩn trương xây dựng dự án Điện Gió nhằm hoàn thành chiến lược đa dạng các loại hình NLTT. UBKT phụ trách QLRR theo đó sẽ tập trung thực hiện 3 mục tiêu trọng yếu:

- ❖ **Đánh giá hoạt động Quản lý rủi ro định kỳ trên cơ sở đánh giá hiệu quả hoạt động Quản trị rủi ro qua các năm**
- ❖ **Cập nhật danh mục rủi ro năm 2020, đảm bảo phù hợp chiến lược và hoạt động kinh doanh**
- ❖ **Giám sát công tác thực hiện xử lý các rủi ro để đảm bảo hoạt động cải tiến được thực hiện thường xuyên.**

NHỮNG YÊU CẦU VỀ PHÁP LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG CỦA GEC

Việc triển khai, thực hiện và phát triển các dự án Năng lượng của GEC luôn được đảm bảo tuân thủ các văn bản Pháp luật chính yếu điều chỉnh trong lĩnh vực Năng lượng Điện và những Luật pháp có liên quan khác tác động đến việc phát triển các dự án Năng lượng.

| Vấn đề | Loại hình | Văn bản | Nội dung | Ban hành |
|------------------------------|-----------------------|--|--|------------|
| Điện lực | Quy định chung | | | |
| | Luật | Luật Điện lực | Điện lực | 03/12/2004 |
| | Luật | Luật Điện lực sửa đổi | Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực | 20/11/2012 |
| | Nghị định | NĐ 137/2013/NĐ-CP | Hướng dẫn Luật Điện lực | 21/10/2013 |
| | Quyết định | QĐ 30/2006/QĐ-BCN | Quản lý đầu tư các dự án Điện độc lập | 30/08/2006 |
| | Thông tư | TT 43/2013/TT-BCT | Phê duyệt điều chỉnh, BSQH Điện lực | 31/12/2013 |
| | Điện Mặt trời | | | |
| | Quyết định | QĐ 11/2017/QĐ-TTg | Cơ chế phát triển các dự án ĐMT | 11/04/2017 |
| | Thông tư | TT 16/2017/TT-BCT | Phát triển dự án ĐMT và Hợp đồng mua bán Điện mẫu | 12/09/2017 |
| | Điện Gió | | | |
| | Quyết định | QĐ 37/2011/QĐ-TTg | Cơ chế phát triển dự án Điện Gió | 29/06/2011 |
| | | QĐ 39/2018/QĐ-TTg | Sửa đổi QĐ 37/2011/QĐ-TTg về cơ chế phát triển Điện Gió | 10/09/2018 |
| | Thông tư | TT 96/2012/TT-BTC | Cơ chế hỗ trợ giá Điện đối với dự án Điện Gió nổi lưới | 08/06/2012 |
| | | TT 02/2019/TT-BCT | Phát triển dự án Điện Gió và Hợp đồng mua bán Điện mẫu | 15/01/2019 |
| Điện từ chất thải rắn | | | | |
| Quyết định | QĐ 31/2014/QĐ-TTg | Cơ chế hỗ trợ dự án Điện sử dụng chất thải rắn | 05/05/2014 | |
| Thông tư | TT 32/2015/TT-BCT | Phát triển dự án và Hợp đồng mua bán Điện mẫu | 08/10/2015 | |
| Đất đai | Luật | Luật Đất đai | Đất đai | 29/11/2013 |
| | | NĐ 43/2014/NĐ-CP | Hướng dẫn chi tiết Luật Đất đai | |
| | Nghị định | NĐ 46/2014/NĐ-CP | Thu tiền thuê đất, thuê mặt nước | 15/05/2014 |
| | | NĐ 47/2014/NĐ-CP | Bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất | |
| Xây dựng | Luật | Luật Xây dựng | Xây dựng | 18/06/2014 |
| | | NĐ 68/2019/NĐ-CP | Quản lý chi phí đầu tư xây dựng | 14/08/2019 |
| | Nghị định | NĐ 37/2015/NĐ-CP | Hướng dẫn về hợp đồng xây dựng | 22/04/2015 |
| | | NĐ 46/2015/NĐ-CP | Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng | 12/05/2015 |
| | | NĐ 59/2015/NĐ-CP | Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình | 18/06/2015 |
| Thông tư | TT 03/2016/TT-BXD | Phân cấp công trình xây dựng | 10/03/2016 | |
| Môi trường | Luật | Luật Môi trường | Bảo vệ Môi trường | 23/06/2014 |
| | Nghị định | NĐ 18/2015/NĐ-CP | Đánh giá tác động Môi trường và kế hoạch bảo vệ Môi trường | 14/02/2015 |
| | | NĐ 19/2015/NĐ-CP | Hướng dẫn chi tiết Luật bảo vệ Môi trường | |
| Thông tư | TT 27/2015/TT-BT-NMT | Hướng dẫn lập báo cáo đánh giá tác động Môi trường, kế hoạch bảo vệ Môi trường | 29/05/2015 | |
| Đầu tư | Luật | Luật Đầu tư | Đầu tư | 26/11/2014 |
| | Nghị định | NĐ 118/2015/NĐ-CP | Hướng dẫn chi tiết Luật Đầu tư | 12/11/2015 |

PHÁP LUẬT THƯƠNG TÔN VÀ TUÂN THỦ (tiếp theo)

TỔNG QUAN VỀ TUÂN THỦ PHÁP LUẬT CỦA GEC TRONG NĂM 2019

Điều chỉnh theo các quy định của Pháp luật là vấn đề mà bất cứ doanh nghiệp nào cũng phải tuân thủ. Nếu doanh nghiệp khéo léo và linh động trong việc thượng tôn Pháp luật thì đây là tấm lá chắn pháp lý an toàn nhất, tạo nền tảng vững chắc đảm bảo hoạt động của Công ty "đi đúng quỹ đạo".

ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO

Năm 2019 là năm bản lề đối với lĩnh vực NLTT, đặc biệt là ĐMT. Quyết định số 11/2017/QĐ-TTg ngày 11/4/2017 về cơ chế khuyến khích phát triển các dự án ĐMT tại Việt Nam của Thủ tướng Chính phủ đã hết hiệu lực thi hành từ ngày 1/7/2019, trong đó quy định giá bán ĐMT và Áp mái cho EVN là 9,35 cents/kWh áp dụng từ 1/6/2017 đến 30/6/2019. Đã qua nhiều lần Dự thảo nhưng đến thời điểm cuối năm 2019 vẫn chưa có quy định mới chính thức được ban hành để định hướng và khuyến khích việc phát triển các dự án ĐMT tại Việt Nam, điều này đã phần nào gây ảnh hưởng tới tiến độ và kế hoạch phát triển dự án của Cộng đồng doanh nghiệp.

Đến tháng 4/2020, Chính phủ đã ban hành cơ chế giá điện FIT 2 cho các dự án ĐMT có hiệu lực đến hết 31/12/2020. Đây được xem là giai đoạn chuẩn bị cho việc chuyển đổi sang cơ chế Đấu thầu phát triển ĐMT. Đối với ĐMT Áp mái cần được ưu tiên, khuyến khích vì loại hình này không chiếm đất hay đầu tư lưới điện truyền tải đầu nối. Phát triển ĐMT cần đảm bảo cân bằng hệ thống thoát điện, tránh phát triển ồ ạt làm tác động lớn đến giá thành sản xuất toàn hệ thống Điện; đảm bảo hài hòa lợi ích 3 bên là Nhà nước, NĐT và Người dân; chống tham nhũng, lợi ích nhóm trong quản lý phát triển.

Các dự án tuyệt đối không được dùng công nghệ lạc hậu, hiệu quả sử dụng thấp, tiềm ẩn rủi ro về Môi trường. Bên cạnh đó, liên quan đến lĩnh vực Điện lực, đã có một số thay đổi về chính sách Pháp luật; cụ thể Thông tư số 2/2019/TT-BCT quy định về việc thực hiện phát triển dự án Điện Gió và Hợp đồng mua bán điện mẫu cho các dự án Điện Gió được ban hành ngày 15/1/2019 để thay thế cho Thông tư 32/2012/TT-BCT trước đó.

ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NIÊM YẾT

GEC chính thức niêm yết cổ phiếu tại HOSE từ ngày 19/9/2019 sau gần 2 năm giao dịch tại UPCOM, điều này đồng nghĩa với việc GEC phải đáp ứng các tiêu chuẩn cao hơn về việc QTDN, CBTT và những yêu cầu khác theo quy định của Pháp luật để đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của các CĐ.

Đối với hoạt động QTDN, khi niêm yết tại HOSE, số lượng TV HĐQT độc lập phải chiếm ít nhất 1/3 tổng số TV; trong khi đó tại UPCOM chỉ yêu cầu số lượng TV độc lập chiếm ít nhất 1/5. Pháp luật còn yêu cầu Công ty niêm yết phải có Người phụ trách QTCT, định kỳ 6 tháng phải tiến hành CBTT về tình hình QTCT; trong khi giao dịch tại UPCOM thì các nội dung này là không bắt buộc.

Đặc biệt trong đó là việc tuân theo các quy định của Pháp luật về Chứng khoán. Cũng trong năm 2019, Quốc hội đã ban hành Luật Chứng khoán 2019 có hiệu lực thi hành từ ngày 1/1/2021 để thay thế cho Luật Chứng khoán 2006. Theo đó Luật Chứng khoán 2019 đã có những sự thay đổi đáng kể như việc yêu cầu tăng cường tính khách quan trong BCTC; tăng cường tính minh bạch trong việc CBTT; tăng cường chế tài xử lý vi phạm để răn đe các hành vi vi phạm trong lĩnh vực Chứng khoán... Và với những thay đổi mới này, GEC cũng đã sẵn sàng nguồn lực để sớm có những thay đổi phù hợp nhằm kịp thời đáp ứng các tiêu chuẩn mới được ban hành của Pháp luật về Chứng khoán, góp phần hỗ trợ TTCK Việt Nam được đánh giá cao hơn trong con mắt của các NĐT nước ngoài.

ĐỐI VỚI TIÊU CHUẨN AN TOÀN, SỨC KHỎE, MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI

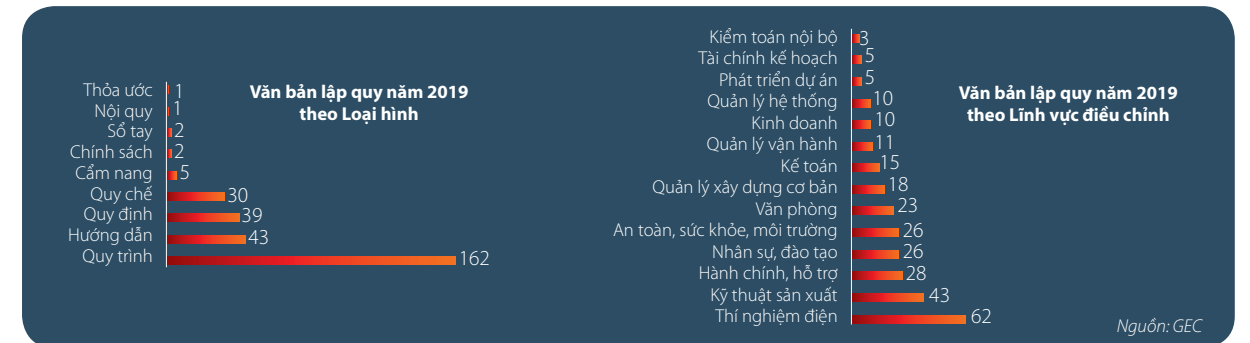
Với tầm nhìn và mục tiêu chiến lược phát triển dài hạn, GEC được định hướng trở thành Công ty NLTT hàng đầu Việt Nam gồm Thủy điện, ĐMT, Áp mái, Điện Gió, thậm chí đang nghiên cứu để hướng đến Điện Khí, Điện Rác... Song hành cùng với phát triển hàng loạt các dự án Năng lượng, việc tuân thủ các quy định của Pháp luật điều chỉnh các công tác triển khai dự án luôn là tôn chỉ được đặt lên hàng đầu, đặc biệt các lĩnh vực liên quan như Điện lực, Xây dựng, Đất đai, Bảo vệ Môi trường, Đầu tư, Bồi lễ, càng hướng tới mục tiêu PTBV và là đơn vị tiên phong trong việc phát triển ĐMT tại Việt Nam thì việc tuân thủ tiêu chuẩn hoạt động Môi trường và Xã hội lại càng cấp thiết hơn bao giờ hết. Không chỉ dừng lại ở việc tuân thủ Pháp luật Việt Nam, mà còn phải am tường và sẵn sàng đáp ứng các quy định, tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế. Đây cũng là một trong những yêu cầu mà CĐ chiến lược IFC đặt ra đối với sự phát triển của GEC khi quyết định đầu tư vào cổ phiếu GEG.

Hiện GEC đang áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế trong lĩnh vực triển khai đầu tư dự án Năng lượng và vận hành các NM Điện, trong đó nổi bật là việc áp dụng 7 Tiêu chuẩn hoạt động Môi trường và Xã hội do IFC ban hành thông qua việc áp dụng các Tiêu chuẩn này vào các VBLQ hiện hành của GEC trong việc điều chỉnh các vấn đề về An toàn, Sức khỏe và Môi trường.

NHỮNG THAY ĐỔI NỘI BỘ ĐỂ ĐÁP ỨNG CÁC YÊU CẦU PHÁP LUẬT CỦA GEC TRONG NĂM 2019

ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NIÊM YẾT

Tại GEC, tính đến năm 2019, HĐQT đã chỉ đạo Ban TGD xây dựng và hoàn thiện các thiết chế đảm bảo Công ty vận hành trong khuôn khổ Pháp luật, thông qua việc ban hành và sửa đổi 136 VBLQ, nâng tổng số VBLQ đang lưu hành lên 285 so với 217 trong năm 2018. Điều này cho thấy yếu tố thượng tôn Pháp luật luôn được GEC xem là nền tảng của việc vận hành Công ty. Ngoài ra, hệ thống VBLQ còn được ưu tiên rà soát, sửa đổi, bổ sung hàng năm, đảm bảo tất cả các hoạt động đều được kiểm soát chặt chẽ và theo đúng tinh thần Pháp luật.



ĐỐI VỚI TIÊU CHUẨN AN TOÀN, SỨC KHỎE, MÔI TRƯỜNG

So với thời điểm năm 2018 với 25 VBLQ, thì trong năm 2019 GEC đã ban hành thêm 1 VBLQ mới, nâng tổng số VBLQ điều chỉnh các vấn đề về An toàn, Sức khỏe, Môi trường lên con số 26. Các VBLQ này được xây dựng không chỉ dựa trên các quy định của Pháp luật Việt Nam mà còn tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế một cách nghiêm túc với sự tư vấn của IFC - TV của NHTG, đồng thời cũng là CĐ chiến lược của GEC. Điều này hỗ trợ cho việc quản lý về An toàn, Sức khỏe, Môi trường xuyên suốt từ giai đoạn khảo sát phát triển dự án cho đến khi hoàn thành đầu tư và vận hành, từ văn bản đến thực tế thực hiện. 7 Tiêu chuẩn cơ bản mà IFC yêu cầu GEC thực hiện bao gồm *Đánh giá và quản lý các rủi ro tác động đến Môi trường và Xã hội; Điều kiện làm việc; Tiết kiệm nguồn tài nguyên và ngăn ngừa ô nhiễm; Sức khỏe, An toàn và An ninh Cộng đồng; Thu hồi đất và tái định cư; Bảo tồn đa dạng sinh học và quản lý nguồn tài nguyên thiên nhiên bền vững; Người thiểu số bản địa.*

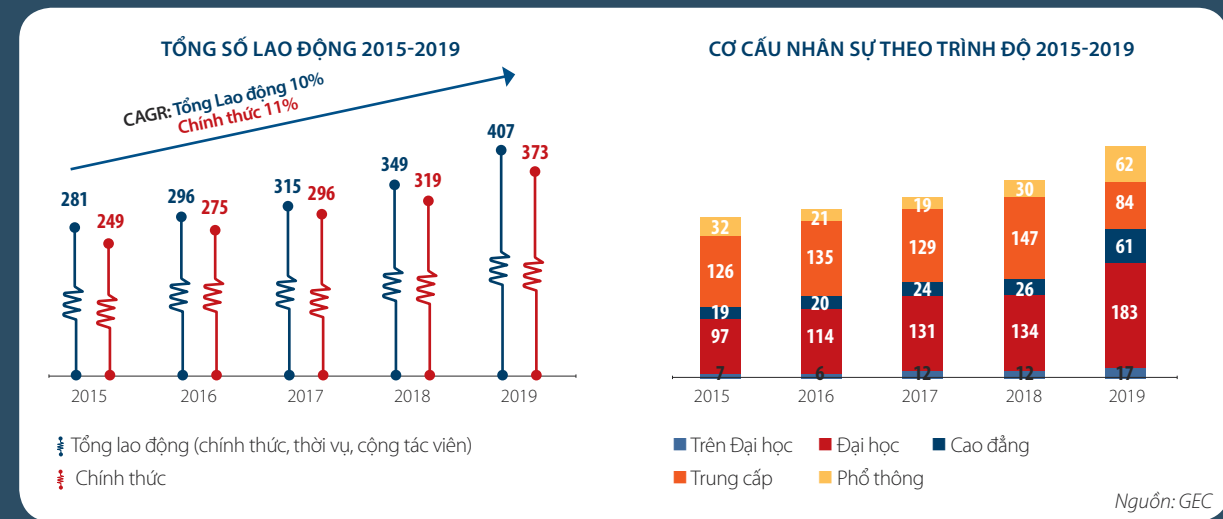
| Tiêu chuẩn | Nội dung |
|--|--|
| Đánh giá và quản lý các rủi ro tác động đến Môi trường và Xã hội | <ul style="list-style-type: none"> ✦ Tầm quan trọng trong việc quản lý hoạt động Môi trường và Xã hội xuyên suốt thời gian của một dự án ✦ Phương pháp, hệ thống phòng ngừa rủi ro tác động đến Môi trường nhằm thúc đẩy hoạt động bền vững về Môi trường và Xã hội |
| Điều kiện làm việc | <ul style="list-style-type: none"> ✦ Thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế thông qua việc tạo việc làm và thu nhập hài hòa với việc bảo vệ quyền cơ bản của Người lao động ✦ Thúc đẩy và tạo ra môi trường làm việc an toàn, lành mạnh, đảm bảo sức khỏe cho Người lao động |
| Tiết kiệm nguồn tài nguyên và ngăn ngừa ô nhiễm | <ul style="list-style-type: none"> ✦ Tiếp cận dự án trên cơ sở tiết kiệm nguồn tài nguyên, phòng ngừa, xử lý ô nhiễm phù hợp với công nghệ và thông lệ quốc tế phổ biến ✦ Tránh, giảm thiểu tác động xấu đến sức khỏe con người, Môi trường bằng cách tránh, giảm thiểu ô nhiễm từ các hoạt động của dự án ✦ Sử dụng bền vững các nguồn tài nguyên và giảm phát thải khí nhà kính (GHG) |
| Sức khỏe, an toàn và an ninh Cộng đồng | <ul style="list-style-type: none"> ✦ Dự báo, tránh rủi ro, tác động tiêu cực đối với sức khỏe và an toàn của Cộng đồng Địa phương bị ảnh hưởng trong vòng đời dự án ✦ Đảm bảo việc bảo vệ người và tài sản được thực hiện phù hợp với các nguyên tắc về quyền con người ✦ Tránh hoặc giảm thiểu các rủi ro đối với an toàn và an ninh của Cộng đồng bị ảnh hưởng |
| Thu hồi đất và tái định cư | <ul style="list-style-type: none"> ✦ Hạn chế việc tái định cư không tự nguyện và tránh hoạt động cưỡng chế người dân ra khỏi đất ✦ Cải thiện hoặc ít nhất là phục hồi sinh kế và mức sống cho những người dân phải di dời |
| Bảo tồn đa dạng sinh học và quản lý nguồn tài nguyên thiên nhiên bền vững | <ul style="list-style-type: none"> ✦ Bảo vệ và bảo tồn sự đa dạng sinh học ✦ Duy trì các lợi ích của dịch vụ hệ sinh thái ✦ Thúc đẩy quản lý, sử dụng bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên thông qua thực tiễn tích hợp nhu cầu bảo tồn, ưu tiên phát triển |
| Người thiểu số bản địa | <ul style="list-style-type: none"> ✦ Đảm bảo tôn trọng nhân phẩm, nhân quyền, nguyện vọng, văn hóa, sinh kế dựa vào tài nguyên thiên nhiên của người dân tộc thiểu số ✦ Tạo cơ hội PTBV cho người dân tộc thiểu số một cách thích hợp về văn hóa ✦ Tôn trọng và bảo tồn văn hóa, kiến thức và sinh hoạt thực tiễn của người dân tộc thiểu số. |

NHÂN LỰC QUAN TÂM VÀ THÚC ĐẨY

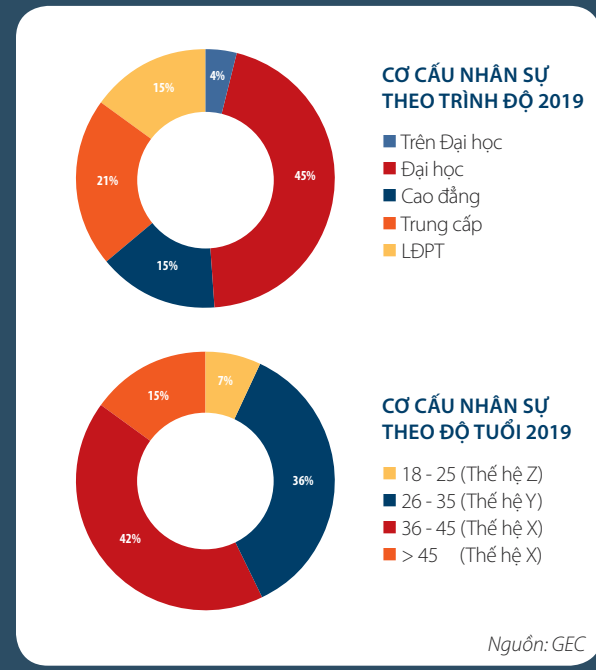
CƠ CẤU NHÂN SỰ

Trong 2 năm gần đây, GEC không giới hạn mình ở lĩnh vực Thủy điện mà còn tiên phong đầu tư vào sản xuất Điện từ các nguồn NLTT khác như ĐMT đã đạt được những thành công bước đầu, Áp mái và Điện Gió đang triển khai xây dựng. Bên cạnh các yếu tố quan trọng quyết định sự thành công như công nghệ kỹ thuật và cơ sở vật chất, nguồn nhân lực đóng vai trò then chốt với chất lượng chuyên môn, nghiệp vụ và kinh nghiệm của đội ngũ. Theo Báo cáo "Những yếu tố người tìm việc quan tâm đối với một Thương hiệu tuyển dụng" của VietnamWorks phát hành vào tháng 2/2020, thứ tự các yếu tố để giữ chân nhân tài cho kết quả đáng ngạc nhiên khi *Chất lượng đội ngũ Lãnh đạo, Văn hóa và Giá trị cốt lõi, Phúc lợi nhân viên* là quan trọng nhất. Tiếp sau đó là *Chất lượng công việc và cuộc sống, Uy tín doanh nghiệp*, trong khi *Cơ hội phát triển* lại là yếu tố cuối cùng trong bảng xếp hạng.

Với việc GEC đưa vào vận hành thêm 3 NM ĐMT nâng danh mục dự án lên 19, tổng số lượng lao động của Công ty cũng theo đó tăng lên. Số lao động bao gồm chính thức, thời vụ và cộng tác viên là 407 người, tăng 58 người so với năm 2018. Trong đó, lao động chính thức là 373 người, tăng 54 người tương đương 17% so với năm 2018 và ghi nhận mức tăng trưởng kép 11% trong giai đoạn 2015-2019.



Quá trình đa dạng hóa đầu tư vào lĩnh vực NLTT đòi hỏi đội ngũ lao động phải có năng lực và trình độ chuyên môn cao để có thể tiếp thu những kiến thức mới, áp dụng công nghệ và xu hướng cập nhật mới vào thực tiễn, sáng tạo nhiều phương thức để tối ưu hóa sản lượng và nguồn thu; tất cả nhằm đảm bảo các NM vận hành liên tục, hiệu quả và năng suất. Trong cơ cấu nhân sự GEC 2019, số lượng nhân viên đạt trình độ Sau đại học và Đại học chiếm 49%, Cao đẳng 15%, Trung cấp 21% và còn lại là Lao động phổ thông 15% do đặc thù Ngành hoạt động nhiều ngoài công trường. Tỷ lệ nhân viên có trình độ Đại học trở lên của GEC năm 2019 đã có sự gia tăng đáng kể so với mức 42% của năm 2018, cho thấy chất lượng lao động đang được nâng cao tại GEC. Xét theo độ tuổi, cơ cấu lao động của GEC có sự phân bố khá cân bằng về tỷ lệ giữa nhóm lao động trẻ dưới 35 tuổi (43%) và đội ngũ lao động giàu kinh nghiệm trên 35 tuổi (57%). Cơ cấu này đảm bảo cho đội ngũ nhân sự GEC có đầy đủ tính năng động, sáng tạo và nhiệt huyết nhưng vẫn vững vàng, bản lĩnh và kinh nghiệm, công hiến vì sự phát triển của Công ty.



CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

Theo thống kê từ khảo sát của VietnamWorks cũng chỉ ra nhân tài càng trẻ thì càng coi trọng các yếu tố liên quan đến điều kiện và môi trường làm việc hơn thế hệ trước. Nhóm thế hệ Z đánh giá mức độ quan trọng của các yếu tố này nhiều hơn hẳn nhóm thế hệ Y và X. Nhóm thế hệ Z tại GEC chỉ chiếm khoảng 7% trong cơ cấu nhân sự nhưng không có nghĩa là các chính sách nhân sự của Công ty không được xem trọng và cải thiện. Những năm qua, GEC đã không ngừng bổ sung, cập nhật, đổi mới các chính sách, nhằm đảm bảo các mục tiêu:

- ✦ Nâng cao chất lượng cuộc sống của Người lao động bằng các chính sách liên quan đến thu nhập;
- ✦ Nâng cao ý nghĩa về mặt tinh thần, thể hiện được giá trị, địa vị, uy tín của Người lao động đối với gia đình, đồng nghiệp, xã hội.

Không chỉ cân bằng giữa 2 yếu tố giá trị con người và giá trị công việc, chính sách nhân sự tại GEC luôn hướng tới các nguyên tắc cơ bản sau:

- Rất Tốt; ● Tốt; ● Khá

| Các loại chính sách | Những thay đổi chính | Đánh giá hiệu quả |
|--|---|---|
| Chính sách lương (Phúc lợi nhân viên) | <ul style="list-style-type: none"> ✦ Điều chỉnh lương định kỳ vào tháng 2/2019 đối với CBNV Khối Văn phòng nhằm phù hợp với kết quả đánh giá xếp loại thi đua năm 2018 và tỷ lệ trượt giá ✦ Xây dựng phương án tính tiền lương mới đối với Khối ĐMT, bao gồm ~50% lương chức danh cố định và ~50% lương khoán DT, đảm bảo mức lương ổn định tối thiểu phục vụ cuộc sống và một phần tiền lương khuyến khích năng suất lao động. Dự kiến phương án tính lương này sẽ được áp dụng cho toàn bộ các đơn vị sản xuất trong Công ty trong năm 2020 vì có nhiều ưu điểm ✦ Xây dựng chính sách "bảo hiểm" tiền lương đối với Khối Thủy điện, đảm bảo mức lương hàng tháng của CBNV tối thiểu bằng 80% tiền lương bình quân kế hoạch nhằm ổn định thu nhập cho Khối trong điều kiện thời tiết không thuận lợi trong năm 2019 | <ul style="list-style-type: none"> ✦ Quỹ lương 2019 của GEC gần 74 tỷ đồng, tăng 22% so với năm 2018 ✦ Bình quân thu nhập CBNV đạt 16 triệu đồng/tháng, tăng 14% so với cùng kỳ. Đây là mức lương khá cạnh tranh và thể hiện sự quan tâm của GEC đến đời sống, đảm bảo cuộc sống CBNV ✦ Riêng Khu vực Gia Lai trụ sở chính Công ty, GEC thuộc Top 10 những Công ty có mức chi trả lương tốt nhất cho Người lao động tại Tỉnh so với mức lương tối thiểu 3.250.000 đồng của Vùng |
| Chính sách thưởng và thu nhập khác ngoài lương (Phúc lợi nhân viên) | <ul style="list-style-type: none"> ✦ Thưởng ESOP ✦ Thưởng công tác phát triển dự án Điện Gió, ĐMT ✦ Thưởng hiệu quả công việc ✦ Thưởng đột xuất ✦ Thưởng gương mặt tiêu biểu 6 tháng ✦ Chế độ ưu đãi dành cho CBNV làm việc xa xứ ✦ Chế độ hỗ trợ CBNV làm việc tại dự án Năng lượng | <ul style="list-style-type: none"> ✦ Khen thưởng kịp thời bằng hiện vật và hiện kim đối với các cá nhân, tập thể có sáng kiến, sáng tạo, thành tích xuất sắc... góp phần tạo động lực, thúc đẩy tinh thần làm việc đến toàn thể CBNV ✦ GEC đã tạo ra một Môi trường làm việc năng động, sáng tạo, hăng hái và phấn khởi cho toàn thể Công ty |
| Phúc lợi, các đãi ngộ khác (Chất lượng công việc và cuộc sống) | <ul style="list-style-type: none"> ✦ Chính sách bảo hiểm nhân thọ được xem xét và áp dụng đối với Cán bộ quản lý ✦ Người thân của Cán Bộ quản lý được mua bảo hiểm sức khỏe với giá ưu đãi ✦ Phối hợp chặt chẽ với Bộ phận EHSS nâng cao các quy định an toàn trong lao động ✦ Các chính sách về chăm sóc sức khỏe cho CBNV: Chương trình khám sức khỏe thường niên; bồi dưỡng bằng hiện vật khi ô nhiễm tiếng ồn; bổ sung khám bệnh nghề nghiệp trong khám sức khỏe định kỳ; thường xuyên quan tâm, cập nhật về tình hình sức khỏe, đời sống của CBNV, thăm hỏi, động viên kịp thời ✦ Các chế độ hưu trí được quan tâm đúng mức ✦ Du lịch nghỉ mát ✦ Quà tặng các dịp Lễ, Tết, sinh nhật và các dịp đặc biệt ✦ Hỗ trợ ăn trưa, ăn giữa ca ✦ Chế độ nghỉ phép hàng năm ✦ Các loại bảo hiểm bắt buộc: Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn | <ul style="list-style-type: none"> ✦ Năm 2019, GEC chi khoảng 21 tỷ đồng cho chế độ phúc lợi của nhân viên chính thức ✦ Ưu tiên hàng đầu trong chính sách phúc lợi vẫn là chăm sóc sức khỏe cho nhân viên bao gồm khoản bảo hiểm và khám sức khỏe chiếm 39% tổng chi phí ✦ Cán bộ quản lý được mua bảo hiểm sức khỏe tham gia khám chữa bệnh thường xuyên theo gói bảo hiểm đã đăng ký, đảm bảo sức khỏe, yên tâm công tác, hiệu quả công việc cao hơn. ✦ Gói bảo hiểm được bồi thường khá cao với chi phí hợp lý. Năm 2019 ghi nhận CBNV được đơn vị bảo hiểm chi trả tiền khám chữa bệnh hơn 100 triệu đồng, cao hơn gấp 36 lần chi phí mua bảo hiểm ✦ Dự kiến năm 2020, Công ty sẽ bổ sung chế độ Bảo hiểm nhân thọ cho Cán bộ quản lý từ cấp Trưởng đơn vị trở lên |
| Chính sách đào tạo (Cơ hội phát triển) | <ul style="list-style-type: none"> ✦ Chính sách nhân sự đảm bảo cho mọi nhân viên đều được tham gia đào tạo, nâng cao kiến thức, trình độ chuyên môn và kỹ năng tay nghề ✦ Đã tổ chức được 47 khóa đào tạo, bao gồm các khóa đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ, theo luật định và thực hiện cho các cấp quản lý, nhân sự kế thừa ✦ Đối với các nhân sự tuyển mới, triển khai các khóa đào tạo E-learning hỗ trợ CBNV tân tuyển có cái nhìn tổng quan về Tập đoàn TTC nói chung, Ngành Năng lượng nói riêng ✦ Quan tâm đến các khóa đào tạo nhằm đảm bảo, nâng cao các chứng chỉ liên quan đến hoạt động quản lý vận hành các NM điện, các hoạt động về thiết kế, tư vấn, giám sát... | <ul style="list-style-type: none"> ✦ CBNV có đủ kinh nghiệm, năng lực để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, tự tin, tiên phong khi nhận nhiệm vụ mới ✦ Với đội ngũ nhân sự có trình độ cao, giàu kinh nghiệm, GEC tự hào là đơn vị tiên phong trong công tác triển khai các dự án ĐMT ✦ NM Phong Điền là NM ĐMT đầu tiên tại Việt Nam đi vào vận hành thương mại. Trục Sơn là NM ĐMT có thời gian thi công ngắn nhất tính đến thời điểm hiện nay trên thị trường |
| Phát triển nghề nghiệp cho nhân viên, xây dựng đội ngũ kế thừa (Cơ hội phát triển) | <ul style="list-style-type: none"> ✦ Chú trọng việc xây dựng đội ngũ nhân sự kế thừa, nhằm chủ động nguồn nhân lực: Hàng năm, Phòng Nhân sự phối hợp với các đơn vị, triển khai đánh giá năng lực CBNV, xây dựng danh sách nhân sự kế thừa theo từng vị trí, từng đơn vị ✦ Xây dựng lộ trình đào tạo kết hợp với kế hoạch đào tạo hàng năm để triển khai ✦ Thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo nâng cao chuyên môn, kỹ năng, năng lực quản lý: Bồi dưỡng Cán bộ Quản lý Sơ cấp, Cán bộ Quản lý Cấp trung, Cấp cao, các khóa đào tạo tổng hợp, đào tạo chuyên môn... ✦ Trưởng đơn vị có trách nhiệm đào tạo trực tiếp, đào tạo thực tế cho CBNV | <ul style="list-style-type: none"> ✦ Trong năm, các nhân sự được bổ nhiệm vị trí Quản lý chủ yếu từ nguồn nội bộ ✦ Khi được bổ nhiệm, các nhân sự Quản lý nắm bắt và triển khai công việc khá nhanh, đáp ứng được yêu cầu quản trị điều hành của Công ty |
| Khác (Văn hóa và Giá trị cốt lõi) | <ul style="list-style-type: none"> ✦ Tạo Môi trường làm việc chuyên nghiệp và bình đẳng, không phân biệt đối xử, đẩy mạnh tổ chức các hoạt động phong trào đoàn thể để gắn kết CBNV ✦ Đề ra các quy định về kỷ luật, cơ chế giải quyết mâu thuẫn, bảo vệ nhân viên..., thông qua các quy định nghiêm ngặt trong Bộ QCUX | <ul style="list-style-type: none"> ✦ Xây dựng được Văn hóa doanh nghiệp văn minh, tiên bộ, đoàn kết và minh bạch. |

NGÀY MỚI

Khi Ánh sáng Mặt trời đánh thức một ngày mới..., Cả thành phố hăng say với công việc..., Ánh sáng từ các nguồn Năng lượng cũng tràn ngập trong các tòa nhà, văn phòng, nhà máy, công trường...

GEC PHÁT TRIỂN ỨNG DỤNG VÀ CHUYỂN MÌNH VỚI NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO..., TIÊN PHONG NHỮNG DỰ ÁN ĐIỆN MẶT TRỜI ĐẦU TIÊN...



*Giám đốc Nhà máy Điện Mặt trời Krông Pa và Trúc Sơn (bên trái)
cùng Đội ngũ vận hành tại Điện Mặt trời Trúc Sơn - Đắk Nông*

Năng lực Hội đồng Quản trị 40
Chiến lược phát triển - Chuỗi giá trị Ngành Năng lượng 43
Quản trị, Giám sát, Điều hành - Những mảnh ghép của chiến lược 47
Hội đồng Quản trị độc lập - Giám sát độc lập 55
Ủy ban Kiểm toán - Kiểm soát độc lập 58
Quản trị Công ty - Chuẩn mực và hiện thực 60

NĂNG LỰC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông **TÂN XUÂN HIẾN**
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thông tin cá nhân

- ✦ Nam, 58 tuổi, Việt Nam
- ✦ Kỹ sư Điện, Cử nhân Tài chính - Kế toán
- ✦ Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết tại Công ty: 1.596.058 cổ phần - 0,78% VDL

Kinh nghiệm quản lý

- ✦ Quản trị và Điều hành tại GEC: 27 năm
- ✦ Lãnh đạo cấp cao tại GEC - GD trở lên: 21 năm
- ✦ Chủ tịch HĐQT GEC lần 1: Năm 2015 - 1 năm 3 tháng
- ✦ Chủ tịch HĐQT GEC lần 2: Năm 2018 - 1 năm 9 tháng
- ✦ TV HĐQT GEC: 2010 - 9 năm
- ✦ Người đại diện theo Pháp luật của GEC

Trách nhiệm quyền hạn tại GEC

- ✦ Phụ trách chiến lược phát triển và các hoạt động tái cấu trúc
- ✦ Định hướng kinh doanh và phát triển sản phẩm

Những đóng góp nổi bật trong sự nghiệp

- ✦ Là một trong những người đặt nền móng đầu tiên cho sự phát triển về NLTT của GEC
- ✦ Hoạch định lộ trình chiến lược, đưa GEC trở thành số ít doanh nghiệp phát triển đa dạng NLTT xanh, sạch, thân thiện Môi trường tại Việt Nam bao gồm Thủy điện, ĐMT, Áp mái và Điện Gió
- ✦ Xây dựng đội ngũ kỹ thuật theo mô hình hiện đại hóa công nghệ, áp dụng cho các dự án NLTT của GEC tại Việt Nam

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác (trừ Công ty Mẹ - Con)

- ✦ Chủ tịch HĐQT - CTCP Thủy điện Trường Phú - Việt Nam



Ông **ANDREW MARK AFFLECK**
Thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành

Thông tin cá nhân

- ✦ Nam, 53 tuổi, Anh Quốc
- ✦ Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh - Đại học Leicester, Anh; Chứng chỉ Sau Đại học về Giáo dục PGCE Biến đổi khí hậu và PTBV - Đại học De Montfort, Anh
- ✦ Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết tại Công ty: 200.000 cổ phần - 0,098% VDL
- ✦ Đại diện sở hữu Armstrong Asset Management Pte. Ltd.: 39.057.174 cổ phần - 19,16% VDL

Kinh nghiệm quản lý

- ✦ Quản trị và Điều hành các quỹ đầu tư quốc tế: 13 năm
- ✦ Quản lý cấp cao - GD trở lên: 13 năm
- ✦ TV HĐQT GEC: 2018 - 1 năm 4 tháng

Các Công ty đã từng tham gia làm Lãnh đạo cấp cao

- ✦ Armstrong Asset Management Pte. Ltd - Singapore
- ✦ Low Carbon Investors Ltd. - Anh
- ✦ Infinity Energy - Mỹ

Trách nhiệm quyền hạn tại GEC

- ✦ Tham mưu công tác M&A các dự án NLTT
- ✦ Tham mưu chiến lược phát triển, kế hoạch SXKD

Những đóng góp nổi bật trong sự nghiệp

- ✦ Cố vấn cho quá trình phát triển NLTT và chống biến đổi khí hậu trên thế giới
- ✦ Định hướng và tư vấn công tác Quản trị chiến lược theo chuẩn quốc tế tại các công ty
- ✦ Hỗ trợ các chuyên gia của Armstrong trong công tác phát triển các dự án NLTT của GEC
- ✦ Tư vấn mở rộng danh mục dự án NLTT thông qua chiến lược M&A, đưa GEC trở thành một trong những nhân tố dẫn đầu tại thị trường NLTT Việt Nam
- ✦ Hỗ trợ hoạt động Thị trường vốn quốc tế

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác (trừ Công ty Mẹ - Con)

- ✦ Giám đốc Điều hành - Armstrong Asset Management Pte. Ltd - Singapore



Ông **JEAN PAUL PINARD**
Thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành

Thông tin cá nhân

- ✦ Nam, 69 tuổi, Pháp
- ✦ Tiến sĩ Kinh tế - Đại học California, San Diego; Kỹ sư - Đại học Bách khoa, Paris, Pháp

Kinh nghiệm quản lý

- ✦ Quản trị và Điều hành tại các tập đoàn lớn trên thế giới: 28 năm
- ✦ Quản lý cấp cao - GD trở lên: 18 năm
- ✦ TV HĐQT GEC: 2019 - 9 tháng

Các Công ty đã từng tham gia làm Lãnh đạo cấp cao

- ✦ Zalagh Holding S.A - Morocco
- ✦ Công ty Rượu vang Trường Dục Yên Đài - Trung Quốc
- ✦ United Trading AS (Tập đoàn Sodrugestvo) - Đan Mạch và Nga
- ✦ Quỹ Kinh doanh Nông nghiệp Pampa - Mỹ La Tinh
- ✦ IFC - NHTG

Trách nhiệm quyền hạn tại GEC

- ✦ Tham mưu các công tác Quản trị của Công ty

Những đóng góp nổi bật trong sự nghiệp

- ✦ Tiên phong sáng kiến mới để thúc đẩy nông nghiệp bền vững và phát triển các chương trình chuyên biệt để giải quyết các vấn đề nhiên liệu sinh học
- ✦ Định hướng vào sự phát triển trung và dài hạn của GEC
- ✦ Chuyên nghiệp hóa công tác QTCT theo chuẩn mực quốc tế
- ✦ Giám sát hoạt động, hỗ trợ phát triển các dự án NLTT
- ✦ Đồng hành cùng GEC trong các dự án về Môi trường - Xã Hội - Quản trị (ESG) theo các tiêu chuẩn của IFC

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác (trừ Công ty Mẹ - Con)

- ✦ Giám đốc độc lập không điều hành - Công ty TNHH Quốc tế Olam - Singapore



Bà **NGUYỄN THÙY VÂN**
Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập

Thông tin cá nhân

- ✦ Nữ, 39 tuổi, Việt Nam
- ✦ Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh - Western Pacific University; Chứng nhận Cao học Ban Kiểm toán - Viện TV HĐQT Việt Nam
- ✦ Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết tại Công ty: 700.000 cổ phần - 0,34% VDL

Kinh nghiệm quản lý

- ✦ Quản trị và Điều hành tài chính, đầu tư và kế toán kiểm toán: 15 năm
- ✦ Quản lý cấp cao - GD trở lên: 7 năm
- ✦ TV HĐQT GEC: 2018 - 1 năm 4 tháng

Các Công ty đã từng tham gia làm Lãnh đạo cấp cao

- ✦ CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa - Việt Nam
- ✦ CTCP Mía Đường Thành Thành Công - Tây Ninh - Việt Nam
- ✦ CTCP Đầu tư Thành Thành Công - Việt Nam
- ✦ CTCP Kho vận Thiên Sơn - Việt Nam

Chức vụ tại các Tiểu ban

- ✦ Chủ tịch UBKT

Trách nhiệm quyền hạn tại GEC

- ✦ Điều hành UBKT thực hiện các hoạt động kiểm tra, giám sát, nâng cao tính độc lập, tính bao quát của HĐQT
- ✦ Tham mưu các công tác Quản trị độc lập của Công ty

Những đóng góp nổi bật trong sự nghiệp

- ✦ Xây dựng và chuẩn hóa hệ thống kiểm soát, KTNB, đảm bảo quá trình vận hành hiệu quả tại các công ty
- ✦ Đảm bảo tính tuân thủ trong chuẩn mực QTCT của GEC theo tiêu chuẩn quốc tế - ASEAN SCORECARD, OECD và IFC
- ✦ Đảm bảo lợi ích đặc biệt của các CĐ thiếu số trong quá trình hoạt động của GEC.

NĂNG LỰC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)



Bà **ĐỖ THU NGÂN**
Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập



Bà **PHẠM NGỌC THANH MAI**
Thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành

Thông tin cá nhân

- ✦ Nữ, 48 tuổi, Việt Nam
- ✦ Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
- ✦ Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết tại Công ty: 800.000 cổ phần - 0,39% VDL

Kinh nghiệm quản lý

- ✦ Quản trị và Điều hành tài chính, ngân hàng bán lẻ, ngân hàng đầu tư: 14 năm
- ✦ Lãnh đạo cấp cao - GĐ trở lên: 14 năm
- ✦ TV HĐQT GEC: 2018 - 1 năm 4 tháng

Các Công ty đã từng tham gia làm Lãnh đạo cấp cao

- ✦ CTCP Đầu tư Thành Thành Công - Việt Nam
- ✦ JP Morgan Chase Bank N.A. - Chi nhánh TP HCM - Mỹ
- ✦ NTF International Services - Financial Advisory Co., Ltd - Việt Nam
- ✦ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Việt Nam
- ✦ Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín - Việt Nam

Trách nhiệm quyền hạn tại GEC

- ✦ Tham mưu chiến lược phát triển, kế hoạch SXKD
- ✦ Tham mưu công tác đầu tư tài chính, đầu tư dự án
- ✦ Hỗ trợ điều tiết các nguồn lực tài chính, tín dụng và thanh khoản cho Công ty

Những đóng góp nổi bật trong sự nghiệp

- ✦ Giám sát các hoạt động Quản trị, Điều hành một cách độc lập
- ✦ Tham mưu công tác đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn
- ✦ Lên chiến lược các hoạt động liên doanh liên kết
- ✦ Tư vấn lĩnh vực đầu tư, kêu gọi vốn nhằm hỗ trợ quá trình tăng trưởng ổn định, góp phần đưa GEC tới gần hơn với thị trường tài chính quốc tế

Thông tin cá nhân

- ✦ Nữ, 37 tuổi, Việt Nam
- ✦ Cử nhân Kinh tế - Đại học Kinh tế TP HCM; Chứng chỉ hành nghề Thuế, Kiểm toán viên - CPA
- ✦ Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết tại Công ty: 715.000 cổ phần - 0,35% VDL

Kinh nghiệm quản lý

- ✦ Quản trị và Điều hành tại các vị trí kiểm soát: 8 năm
- ✦ Quản lý cấp cao - GĐ trở lên: 2 năm
- ✦ TV HĐQT GEC: 2018 - 1 năm 4 tháng

Các Công ty đã từng tham gia làm Lãnh đạo cấp cao

- ✦ CTCP Đầu tư Thành Thành Công - Việt Nam
- ✦ CTCP Điện Gia Lai - Việt Nam

Chức vụ tại các Tiểu ban

- ✦ TV UBKT

Trách nhiệm quyền hạn tại GEC

- ✦ Hỗ trợ Chủ tịch Ủy ban lên chiến lược phát triển và triển khai kế hoạch hoạt động để đảm bảo đạt được mục tiêu của UBKT
- ✦ Tham mưu các công tác Quản trị của Công ty

Những đóng góp nổi bật trong sự nghiệp

- ✦ Tham mưu, xây dựng chiến lược ngắn trung hạn cho công tác KTNN của các công ty
- ✦ Đảm bảo duy trì tính hiệu quả của hệ thống KSNB tại GEC
- ✦ Duy trì sự minh bạch trong hoạt động QTCT tại GEC theo các chuẩn mực Luật pháp trong và ngoài nước

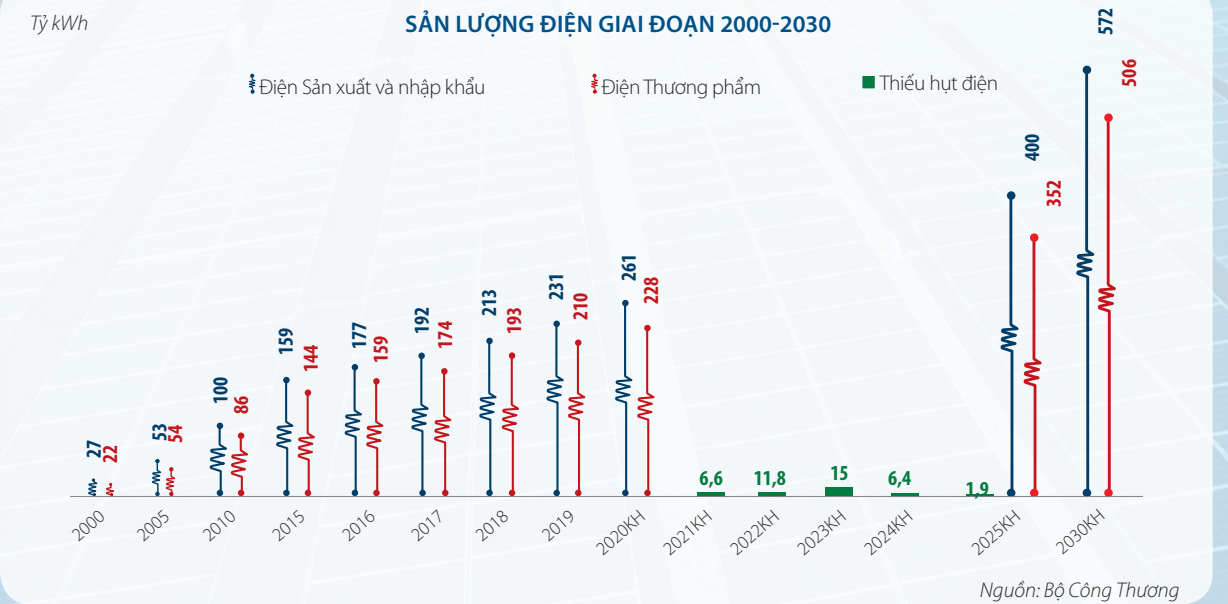
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác (trừ Công ty Mẹ - Con)

- ✦ TV BKS - CTCP Thương mại Thành Thành Công - Việt Nam
- ✦ Trưởng BKS - CTCP Năng lượng TTC - Việt Nam.

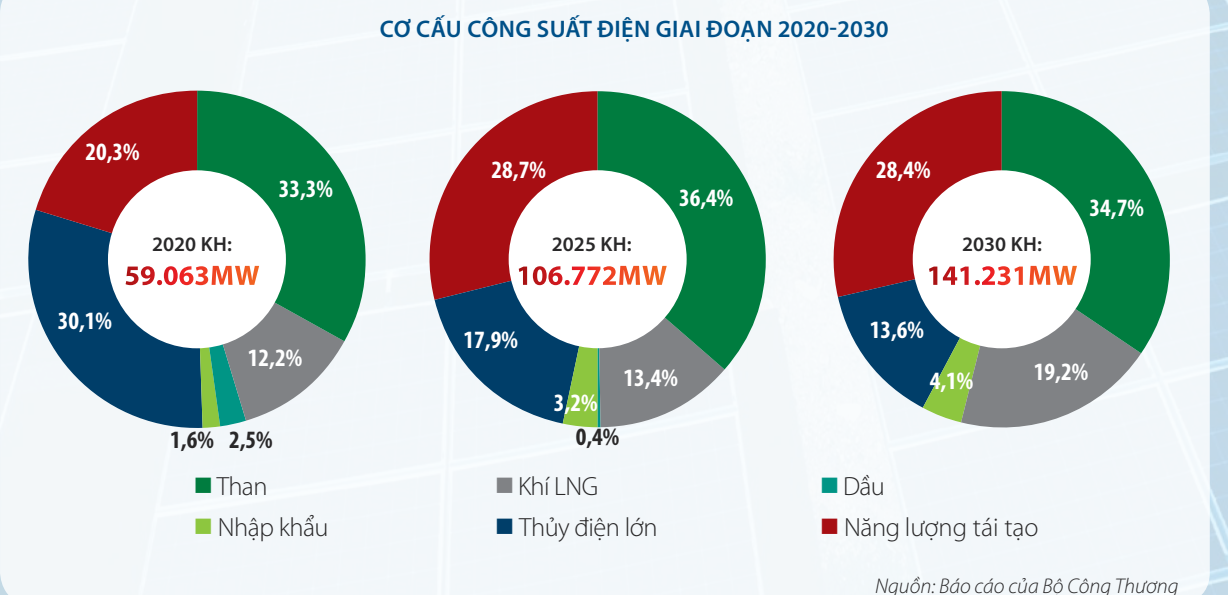
CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CHUỖI GIÁ TRỊ NGÀNH NĂNG LƯỢNG

MỤC TIÊU NGÀNH ĐIỆN VIỆT NAM TẦM NHÌN 2045 - CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC ĐAN XEN

Năm 2019, Năng lượng đã từng bước trở thành ngành kinh tế năng động và có những đóng góp rất quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh quốc gia. Tổng công suất nguồn điện toàn hệ thống năm 2019 đạt 54.880 MW. Trong đó, Thủy điện đang phát triển nhanh, chiếm lớn nhất 37%, ĐMT và Điện Gió bắt đầu phát triển với tốc độ cao, đóng góp tỷ lệ trong cơ cấu là 9%, vượt xa Quy hoạch Điện VII đã đề ra chỉ khoảng 3%. Dự kiến Điện sản xuất, nhập khẩu và Điện thương phẩm toàn quốc năm 2020 đạt trên 261 tỷ kWh và 228 tỷ kWh, tăng khoảng 9% cho mỗi chỉ tiêu so với cùng kỳ.



Theo Báo cáo dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế khuyến khích phát triển ĐMT tại Việt Nam, tỷ trọng của Nhiệt điện Than trong tổng công suất điện giai đoạn 2020-2030 chiếm tỷ trọng lớn nhất, khoảng 1/3 cơ cấu nguồn điện lần lượt các năm là 2020 - 33%, 2025 - 36%, 2030 - 35%, cho thấy mức độ ảnh hưởng của Nhiệt điện Than đến ngành Năng lượng vẫn khá trọng yếu. Tuy nhiên, Nhiệt điện Than gây ô nhiễm môi trường và đi ngược với xu hướng thế giới nên NLTT đang được xem là nguồn thay thế được khuyến khích đầu tư và phát triển. Tỷ trọng của NLTT trong tổng công suất điện không ngừng tăng lên từ 20% năm 2020 lên 29% năm 2025 và 28% năm 2030 cho thấy sự quan tâm sát sao của Chính phủ đối với các loại hình NLTT.



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CHUỖI GIÁ TRỊ NGÀNH NĂNG LƯỢNG (tiếp theo)

MỤC TIÊU NGÀNH ĐIỆN VIỆT NAM TẦM NHÌN 2045 - CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC ĐAN XEN (tiếp theo)

Theo Nghị quyết 55 ban hành tháng 2/2020, Chính phủ đã nêu rõ những quan điểm chỉ đạo để phấn đấu Ngành Năng lượng năm 2020, tầm nhìn đến năm 2045 đạt được những mục tiêu lớn: (1) Bảo đảm vững chắc an ninh Năng lượng quốc gia, cung cấp đầy đủ Năng lượng ổn định, có chất lượng cao với giá cả hợp lý và bảo vệ môi trường sinh thái, (2) Ngành Năng lượng phát triển hài hòa giữa các phân ngành với hạ tầng đồng bộ và thông minh, đạt trình độ tiên tiến của Khu vực ASEAN, (3) Xây dựng thị trường Năng lượng cạnh tranh, minh bạch, hiệu quả, (4) Khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên Năng lượng trong nước kết hợp với xuất, nhập khẩu Năng lượng hợp lý, (5) Chủ động sản xuất được một số thiết bị chính trong các phân ngành Năng lượng, (6) Nâng cấp, xây dựng lưới điện truyền tải, phân phối điện tiên tiến, hiện đại. Để những mục tiêu lớn có thể đạt được, những mục tiêu cụ thể cũng được hoạch định rõ ràng và chi tiết:

| TT | Mục tiêu | Con số phấn đấu |
|----|---|--|
| 1 | Cung cấp đủ nhu cầu Năng lượng trong nước, đáp ứng mục tiêu Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 10 năm 2021-2030 | Đến năm 2030: <ul style="list-style-type: none"> Tổng công suất các nguồn điện: Khoảng 125-130 GW Sản lượng điện: Khoảng 550-600 tỷ kWh |
| 2 | Tỷ lệ các nguồn Năng lượng tái tạo trong tổng cung Năng lượng sơ cấp | <ul style="list-style-type: none"> Năm 2030: Khoảng 15-20% Năm 2045: Khoảng 25-30% |
| 3 | Xây dựng hệ thống lưới điện thông minh, hiệu quả, có khả năng kết nối khu vực, bảo đảm cung cấp điện an toàn | Đến năm 2030: <ul style="list-style-type: none"> Độ tin cậy cung cấp điện năng thuộc top 4 nước dẫn đầu ASEAN Chỉ số tiếp cận điện năng thuộc top 3 nước dẫn đầu ASEAN |
| 4 | Tỷ lệ tiết kiệm Năng lượng trên tổng tiêu thụ Năng lượng cuối cùng so với kịch bản phát triển bình thường | <ul style="list-style-type: none"> Năm 2030: Khoảng 7% Năm 2045: Khoảng 14% |
| 5 | Giảm phát thải khí nhà kính từ hoạt động Năng lượng so với kịch bản phát triển bình thường | <ul style="list-style-type: none"> Năm 2030: Khoảng 15% Năm 2045: Khoảng 20% |

Bên cạnh đó là 10 giải pháp chiến lược được thực hiện xuyên suốt và gắn kết từ những TV trong thị trường để Ngành Điện Việt Nam đạt được những mục tiêu đã đề ra:

| TT | Giải pháp chiến lược | Những trọng điểm có liên quan đến định hướng chiến lược của GEC |
|----|---|---|
| 1 | Phát triển các nguồn cung Năng lượng sơ cấp theo hướng tăng cường khả năng tự chủ, đa dạng hóa, bảo đảm tính hiệu quả, tin cậy và bền vững | <ul style="list-style-type: none"> Xây dựng cơ chế, chính sách đột phá để khuyến khích và thúc đẩy phát triển mạnh mẽ các nguồn NLTT, thay thế tối đa các nguồn Năng lượng hóa thạch Ưu tiên sử dụng năng lượng Gió và năng lượng Mặt trời cho phát điện Hình thành và phát triển một số trung tâm NLTT tại các vùng miền có lợi thế |
| 2 | Phát triển nhanh và bền vững Ngành Điện đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước | <ul style="list-style-type: none"> Thủy điện: Huy động tối đa các nguồn Thủy điện hiện có; phát triển có chọn lọc, bổ sung một số Thủy điện nhỏ và vừa, Thủy điện tích năng Điện Gió và ĐMT: Ưu tiên phát triển phù hợp với khả năng bảo đảm an toàn hệ thống với giá thành điện năng hợp lý; khuyến khích phát triển ĐMT Áp mái và trên mặt nước; xây dựng các chính sách hỗ trợ và cơ chế đột phá cho phát triển Điện Gió ngoài khơi gắn với triển khai thực hiện Chiến lược biển Việt Nam Đầu tư hiện đại hóa Ngành Điện từ khâu sản xuất, truyền tải đến phân phối đáp ứng yêu cầu phát triển của thị trường điện, có khả năng tích hợp quy mô lớn nguồn NLTT; nâng cao khả năng bảo đảm an ninh mạng lưới điện và chất lượng dịch vụ điện Nghiên cứu, hoàn thiện các cơ chế tài chính và huy động vốn đặc biệt cho đầu tư phát triển Ngành Điện; có cơ chế cho phép phát triển các NM điện sản xuất tại chỗ, tự cung cấp trong các khu, cụm công nghiệp, khu chế xuất... Đẩy nhanh lộ trình thực hiện thị trường điện cạnh tranh, cơ chế Hợp đồng mua bán Điện trực tiếp giữa Nhà sản xuất và Khách hàng tiêu thụ, cơ chế đấu thầu, đấu giá cung cấp Năng lượng phù hợp; cơ chế khuyến khích thu hút vốn ngoài Nhà nước đầu tư xây dựng vào hệ thống truyền tải điện quốc gia |
| 3 | Cơ cấu lại các ngành và khu vực tiêu thụ Năng lượng, thực hiện chính sách sử dụng Năng lượng sạch, tiết kiệm, hiệu quả | <ul style="list-style-type: none"> Chính sách khuyến khích phát triển các ngành công nghiệp tiêu thụ ít Năng lượng, hiệu quả về Kinh tế-Xã hội Chính sách khuyến khích hộ tiêu thụ sử dụng Năng lượng sạch, tái tạo, nhất là trong công nghiệp và giao thông |
| 4 | Phát triển hạ tầng Năng lượng bền vững, kết nối khu vực; nâng cao nội lực Ngành Công nghiệp Chế tạo, Dịch vụ phục vụ Ngành Năng lượng | <ul style="list-style-type: none"> Chính sách ưu tiên đầu tư phát triển hạ tầng Năng lượng bền vững; chú trọng xây dựng cơ sở hạ tầng xuất, nhập khẩu Năng lượng, kết nối khu vực Thúc đẩy nhanh chuyển đổi số trong ngành Năng lượng; xây dựng và triển khai Chương trình quốc gia về phát triển hạ tầng Năng lượng thông minh Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích và hỗ trợ phát triển công nghiệp chế tạo và dịch vụ phục vụ Ngành Năng lượng theo hướng tăng cường nội lực, hướng đến xuất khẩu |

| TT | Giải pháp chiến lược | Những trọng điểm có liên quan đến định hướng chiến lược của GEC |
|----|--|--|
| 5 | Cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp Nhà nước trong lĩnh vực Năng lượng; khuyến khích kinh tế tư nhân tham gia xã hội hóa phát triển Năng lượng | <ul style="list-style-type: none"> Tạo lập môi trường thuận lợi, minh bạch Công khai quy hoạch, danh mục các dự án đầu tư, xóa bỏ mọi rào cản để thu hút, khuyến khích tư nhân tham gia đầu tư, phát triển các dự án Năng lượng trong và ngoài nước Chú trọng những dự án phát điện và các hoạt động bán buôn, bán lẻ điện theo cơ chế thị trường |
| 6 | Đổi mới cơ chế, chính sách, phát triển thị trường Năng lượng đồng bộ, liên thông, hiện đại và hiệu quả, phù hợp với định hướng xã hội chủ nghĩa | <ul style="list-style-type: none"> Đổi mới chính sách tài chính theo hướng khuyến khích, thu hút mạnh các nguồn vốn đầu tư ngoài Nhà nước, khuyến khích các dự án đầu tư Năng lượng theo hình thức đối tác công tư (PPP) Thực hiện chính sách tín dụng linh hoạt, hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp Năng lượng tiếp cận các nguồn vốn, đặc biệt là các doanh nghiệp có dự án Năng lượng xanh Hoàn thiện chính sách thuế khuyến khích sản xuất, sử dụng Năng lượng sạch, tái tạo Xây dựng cơ sở pháp lý để có thể hình thành và vận hành hiệu quả các quỹ về phát triển Năng lượng bền vững Hoàn thiện cơ chế, thực hiện chính sách về tiêu chuẩn tỷ lệ NLTT trong cơ cấu đầu tư và cung cấp Năng lượng |
| 7 | Phát triển khoa học - công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho Ngành Năng lượng | <ul style="list-style-type: none"> Tạo cơ chế khuyến khích các doanh nghiệp Năng lượng tăng cường đầu tư cho nghiên cứu và phát triển Thành lập các trung tâm đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực Năng lượng Nghiên cứu chế tạo thiết bị Năng lượng và ứng dụng các dạng Năng lượng mới, NLTT, Năng lượng thông minh, tiết kiệm Năng lượng |
| 8 | Đẩy mạnh hợp tác quốc tế; tích cực, chủ động xây dựng các đối tác chiến lược để thực hiện mục tiêu nhập khẩu Năng lượng trong dài hạn và đầu tư tài nguyên Năng lượng ở nước ngoài | <ul style="list-style-type: none"> Cơ chế hỗ trợ các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư dự án Năng lượng ở nước ngoài, trước hết là với các dự án nguồn điện tại một số nước láng giềng để chủ động nhập khẩu điện về Việt Nam Tích cực tham gia hợp tác Năng lượng tại tiểu vùng Mê Kông mở rộng (GMS) và Khu vực Đông Nam Á (ASEAN); liên kết lưới điện, hoàn thiện cơ chế mua bán điện với Trung Quốc, Lào và Campuchia |
| 9 | Thực thi chính sách bảo vệ môi trường Ngành Năng lượng gắn với mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính, thúc đẩy kinh tế tuần hoàn và PTBV | <ul style="list-style-type: none"> Xây dựng và triển khai Đề án tích hợp mô hình kinh tế tuần hoàn vào chiến lược phát triển các doanh nghiệp Năng lượng Bổ sung những nội dung liên quan đến Ngành Năng lượng trong Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu, Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh, Chiến lược PTBV Việt Nam... |
| 10 | Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân và vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức Chính trị - Xã hội trong phát triển Ngành Năng lượng | <ul style="list-style-type: none"> Xây dựng cơ chế và khung pháp lý bảo đảm cho việc tuân thủ quy hoạch phát triển Năng lượng quốc gia Phân định rõ trách nhiệm, quyền hạn, cơ chế phối hợp giữa Trung ương và địa phương, giữa các cơ quan quản lý Nhà nước trong phát triển Năng lượng. |

GEC CHỦ ĐỘNG VÀ LINH HOẠT PHÁT TRIỂN CHUỖI GIÁ TRỊ NGÀNH NĂNG LƯỢNG

Song hành cùng những mục tiêu và kế hoạch hành động từ Chính phủ về việc đảm bảo Ngành Năng lượng Việt Nam phát triển như kỳ vọng, NLTT đang được đánh giá ngày càng trở thành một mắc xích không thể thiếu. Tuy nhiên, không thể phủ nhận vẫn còn tồn tại nhiều thách thức như: nguồn cung trong nước không đủ đáp ứng yêu cầu, lượng nhập khẩu Năng lượng ngày càng lớn; nhiều dự án điện bị chậm so với quy hoạch và kế hoạch; cơ sở hạ tầng Ngành Năng lượng còn thiếu và chưa đồng bộ; trình độ công nghệ trong một số lĩnh vực thuộc Ngành Năng lượng chưa được nâng cao phù hợp; việc nội địa hóa và hỗ trợ thị trường từ các dự án trong Ngành Năng lượng cho hàng hóa cơ khí chế tạo sản xuất trong nước còn hạn chế; quy định Pháp luật của Ngành Năng lượng nói chung và từng phân ngành nói riêng thiếu thống nhất, chưa bảo đảm tính tương thích với pháp luật quốc tế; một số cơ chế, chính sách chưa phù hợp với cơ chế thị trường, chưa thúc đẩy việc xây dựng thị trường Năng lượng cạnh tranh.

GEC cũng đưa ra mục tiêu của chính mình trong quá trình hiện thực hóa chiến lược 5 năm 2020-2025 **“Phát triển đồng bộ và hiệu quả các loại hình Năng lượng”** thông qua việc triển khai Chuỗi giá trị Ngành Năng lượng từ Dự án, Pháp lý và Thiết kế, Thi công xây dựng đến Vận hành NM. Năm 2020 là năm bản lề để đưa các loại hình ĐMT lên một vị thế mới, định hình thương hiệu GEC trong lĩnh vực Điện Gió, tập trung phát triển công nghệ kỹ thuật để tối ưu hóa nguồn DT. GEC sẽ tiếp tục **“Củng cố và phát triển, chuẩn hóa, xây dựng bộ máy tinh gọn, gia tăng hiệu suất lao động và tiết giảm, tối ưu chi phí”**.

| Xây dựng một kế hoạch tài chính tối ưu và hiệu quả | Chỉ tiêu | Kế hoạch 2020 | Thực hiện 2019 | Kế hoạch 2019 |
|---|------------------|---------------------------------------|----------------|---------------|
| <ul style="list-style-type: none"> Khai thác tối ưu nguồn lực tài chính hiện hữu Đa dạng hóa nguồn vốn nước ngoài với chi phí hợp lý | Điện thương phẩm | 692 triệu kWh: Thủy điện 36%, ĐMT 64% | Tăng 17% | Tăng 17% |
| <ul style="list-style-type: none"> Ưu tiên tích lũy nguồn lực tài chính qua các năm để mở rộng quy mô vận hành kết hợp với huy động vốn góp từ Cổ đông | DTT | 1.523 tỷ đồng | Tăng 31% | Tăng 50% |
| <ul style="list-style-type: none"> Mở rộng và tối ưu hạn mức tín dụng nhà thầu Tiếp tục tìm kiếm các Nhà đầu tư, Cổ đông chiến lược | LNTT | 320 tỷ đồng, phần đầu 350 tỷ đồng | Tăng 15% | Tăng 46% |

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CHUỖ GIÁ TRỊ NGÀNH NĂNG LƯỢNG (tiếp theo)

GEC CHỦ ĐỘNG VÀ LINH HOẠT PHÁT TRIỂN CHUỖ GIÁ TRỊ NGÀNH NĂNG LƯỢNG (tiếp theo)

| Lĩnh vực chính | Chiến lược phát triển ngắn hạn 2020 | Chiến lược phát triển trung dài hạn 2021-2025 |
|--|---|--|
| Thủy điện | <ul style="list-style-type: none"> Hoàn thiện các quy trình vận hành phù hợp, hướng đến tối ưu hóa hoạt động sản xuất Kiểm soát chi phí vận hành, sửa chữa theo thứ tự ưu tiên các hạng mục để tối ưu hiệu quả sản xuất điện Đầu tư nâng cấp, gia tăng hiệu quả hoạt động NMTĐ H'Chan, H'Mun Phát huy tối đa công suất giờ cao điểm, gia tăng DT, tiết giảm chi phí sửa chữa, đảm bảo an toàn máy hoạt động Phối hợp cùng với Hội đồng Khoa học các công trình thủy công xác định các kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng theo đúng lịch định kỳ, để tối ưu chi phí, bảo đảm chất lượng, nâng cao hiệu quả hoạt động Thanh toán cụm 4 NM ở Chư Prông với tổng công suất 5,2 MW, mức giá chào bán 165 tỷ đồng Chuyển nhượng cổ phiếu CTCP Kênh Bắc Ayun Hạ với giá bán theo quyết định của HĐQT | Tập trung vận hành hiệu quả các NM hiện hữu |
| Điện Mặt trời | <ul style="list-style-type: none"> Các dự án đã đi vào vận hành: <ul style="list-style-type: none"> Hoàn thiện các quy trình, cẩm nang quản lý vận hành hiệu quả các NM Đầu tư các hệ thống công nghệ thông tin quản lý tự động Phối hợp hiệu quả với các chuyên gia nước ngoài xây dựng đội ngũ kỹ sư quản lý vận hành (O&M) lành nghề, đảm bảo các NM vận hành tự động Tích cực, chủ động đánh giá để đưa ra các giải pháp phòng ngừa rủi ro có thể phát sinh Kết hợp với các kỹ sư có chuyên môn kỹ thuật cao để khắc phục các sự cố phát sinh trong thời gian sớm nhất Giám sát liên tục thông qua hệ thống SCADA để phân tích dữ liệu, cảnh báo cũng như đánh giá về các rủi ro tương lai Các dự án đang trong giai đoạn triển khai: <ul style="list-style-type: none"> Bám sát tiến độ BSQH của BCT đối với danh mục dự án đang phát triển Tự triển khai các dự án ĐMT hoặc thông qua các nhà thầu EPC trong trường hợp đảm bảo tính cạnh tranh về chi phí, chất lượng công trình và các điều khoản thanh toán thương mại Các dự án ĐMT Nổi: <ul style="list-style-type: none"> Giá bán ĐMT Nổi đang áp dụng ở mức 7,69 cents/kWh theo số Quyết định 13/2020/QĐ-TTg GEC tận dụng các mặt hồ Thủy điện để xây dựng hệ thống ĐMT Nổi, tăng sản lượng điện, tối ưu hóa nguồn DT | <ul style="list-style-type: none"> Tối ưu hóa hoạt động các dự án ĐMT hiện tại, phấn đấu vượt kế hoạch đề ra Tiếp tục tìm kiếm các dự án ĐMT mang tính khả thi về pháp lý, tài chính, truyền tải đầu nối để M&A Tập trung nghiên cứu và phát triển mới các vị trí mặt nước phù hợp cho ĐMT Nổi Mục tiêu đến 2025: <ul style="list-style-type: none"> Công suất 500 MWp - 700 MWp Sản lượng tối đa 1.300+ triệu kWh |
| Điện Gió | <ul style="list-style-type: none"> Triển khai thi công giai đoạn 1 dự án Điện Gió công suất 30 MW tại Bến Tre Tiếp tục chuẩn bị để phát triển giai đoạn 2 của dự án với công suất 40 MW Hợp tác với các tổ chức trong và ngoài nước thông qua các hình thức hợp tác đầu tư, hỗ trợ tài chính kết hợp thi công tổng thầu... nhằm huy động các nguồn lực tài chính, kinh nghiệm quản lý, công nghệ... từ các tổ chức, nhà thầu quốc tế | <ul style="list-style-type: none"> Bám sát tiến độ BSQH đối với các dự án Điện Gió đang phát triển đã trình BCT Tiếp tục M&A các dự án khả thi Mục tiêu đến 2025: <ul style="list-style-type: none"> Công suất 500 MW-700 MW Sản lượng tối đa 1.400+ triệu kWh |
| Khoa học kỹ thuật và Dịch vụ kỹ thuật | <ul style="list-style-type: none"> Đảm bảo công tác quản lý vận hành hiệu quả tại các NM NLTT thông qua kiểm soát và duy trì ở mức cao nhất các chỉ tiêu về hiệu suất hệ thống và an toàn thiết bị, đảm bảo việc vận hành ổn định và xuyên suốt, hướng đến việc tự động hóa quản lý vận hành các dự án sau khi hoàn thành Tự chủ hoạt động thi công các dự án NLTT, hiện tại là Thủy điện và ĐMT, trong tương lai là Điện Gió; định hướng cung cấp dịch vụ tổng thầu EPC cho các NĐT trong lĩnh vực NLTT Phát huy hoạt động dịch vụ thí nghiệm cho GEC và các CTTV, tiếp tục cải tiến và tối ưu sản phẩm Robot Lau Pin thành sản phẩm đặc thù cho thương hiệu GEC Hoàn thiện Hệ thống điều hướng Pin mặt trời (Solar tracking) và tiến hành đầu tư trang bị cho các NM trong hệ thống để tăng sản lượng Gia tăng nguồn thu các dự án ĐMT từ việc bán Chứng chỉ NLTT (Renewable Energy Certificate - REC) - công cụ giao dịch được sử dụng để đáp ứng các mục tiêu tiêu thụ NLTT (1 REC = 1 mWh) Triển khai ứng dụng với quy mô lớn đối với Hệ thống điều hướng Pin mặt trời và các dự án ĐMT Nổi Đầu tư hệ thống ĐMT Áp mái kết hợp nông nghiệp: Xây dựng ĐMT Áp mái trên các trang trại trồng nấm, tối ưu hóa nguồn thu và được áp dụng giá bán Điện Áp mái. | |

QUẢN TRỊ, GIÁM SÁT, ĐIỀU HÀNH NHỮNG MẢNH GHÉP CỦA CHIẾN LƯỢC

QUY HOẠCH ĐIỆN ĐÃ THAY ĐỔI ĐỂ PHÙ HỢP TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

VỚI TẦM NHÌN MỚI TỪ CHÍNH PHỦ YÊU CẦU XÂY DỰNG QUY HOẠCH ĐIỆN VIII CHO THẤY ĐƯỢC HƯỚNG ĐI CỦA GEC TRONG NHỮNG NĂM QUA LÀ PHÙ HỢP KHI TẬP TRUNG PHÁT TRIỂN ĐA DẠNG CÁC LOẠI HÌNH NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO VÀ ĐẦU TƯ SẢN XUẤT ĐIỆN NĂNG BẰNG CÁC NGUỒN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO. QUY HOẠCH ĐIỆN VIII DỰ KIẾN SẼ ƯU TIÊN PHÁT TRIỂN NGUỒN ĐIỆN TỪ NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO VÀ KHUYẾN KHÍCH NGUỒN LỰC TƯ NHÂN THAM GIA CÙNG PHÁT TRIỂN.

Tại phiên họp thứ 8 Quốc hội khóa XIV diễn ra vào tháng 10/2019, Thủ tướng đã nhấn mạnh tầm quan trọng của việc đảm bảo an ninh Năng lượng trong quá trình phục vụ phát triển Kinh tế Xã hội. Theo báo cáo Ngành Năng lượng Việt Nam của Fitch Solutions, với sự mở rộng của khu vực Công nghiệp và Sản xuất cũng như mục tiêu định vị Việt Nam là "công xưởng" sản xuất mới của thế giới, Việt Nam được dự báo sẽ đối mặt với sự tăng vọt trong nhu cầu Năng lượng, bình quân 6,7% trong giai đoạn 2019-2028 và sẽ cần thêm 33.500 MW điện để đáp ứng nhu cầu. Điện năng đang chứng tỏ vai trò quan trọng trong sự phát triển của kinh tế Việt Nam.

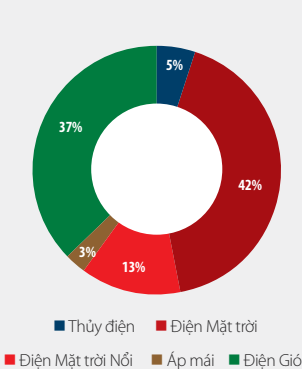
Theo Quy hoạch Điện VII điều chỉnh vào tháng 3/2016, đến năm 2030 tổng công suất nguồn điện của Việt Nam sẽ phải đạt gần 129.500 MW, tăng 116% so với 2020 là 60.000 MW, tương ứng với Điện Sản xuất, nhập khẩu và Điện Thương phẩm năm 2030 lần lượt là 572 và 506 tỷ kWh, tăng 116% và 115% so với năm 2020. Cơ cấu nguồn điện có đầy đủ thành phần gồm Điện Than 53% - tăng so với 2020 là 49%, Điện khí 17% - tỷ lệ không thay đổi so với năm 2020, Thủy điện 12% - giảm so với năm 2020 là 25%, NLTT 11% - tăng so với năm 2020 là 7%, Điện Hạt nhân 6% - năm 2020 không phát sinh loại hình này và Điện nhập khẩu 1% - giảm so với năm 2020 là 2%. Tuy nhiên, nguồn Năng lượng dùng cho phát điện đang dần

cạn kiệt và sẽ phải phụ thuộc vào nhập khẩu trong tương lai gần với chi phí khá cao. Năm 2019, sản lượng Điện nhập khẩu đến từ Trung Quốc và Lào là 3,3 tỷ kWh và dự kiến con số tương đương cho năm 2020, chủ yếu nhập khẩu từ Trung Quốc. Giai đoạn 2021-2022, Việt Nam ước sẽ tiếp tục duy trì sản lượng nhập khẩu từ Trung Quốc và 2023-2025, sản lượng nhập khẩu có thể tăng lên 7-9 tỷ kWh/năm. Thiếu Điện được tính toán sẽ lên đỉnh điểm trong năm 2023 với khoảng 15 tỷ kWh.

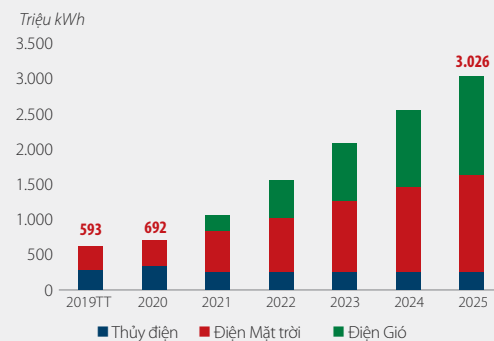
So với số liệu thực tế, Quy hoạch Điện VII đã không còn phù hợp với quy mô Ngành hiện nay. Trong báo cáo mới nhất của BCT gửi Thủ tướng vào tháng 11/2019, tổng công suất nguồn điện năm 2020 và 2023 lần lượt là 59.063 và 141.231 MW, tỷ lệ tăng khoảng 139%. Dự kiến chiếm tỷ trọng lớn nhất trong năm 2020 là Điện Than 33%, tiếp theo sau là Thủy điện lớn 30%, NLTT là 20% trong khi năm 2030, Điện Than tăng tỷ trọng và vẫn chiếm lớn nhất với 35%, NLTT vươn lên vị trí thứ 2 chiếm đến 28%, tăng 40%. Trong năm 2019, Phó Thủ tướng đã ban hành quyết định phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch Phát triển Điện lực Quốc gia 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 - Quy hoạch Điện VIII, giao BCT làm đầu mối triển khai xây dựng bản dự thảo lần 1 đến tháng 6/2020. Quy hoạch Điện VIII dự kiến sẽ ưu tiên phát triển nguồn điện từ NLTT và khuyến khích nguồn lực tư nhân tham gia cùng phát triển. Với tầm nhìn mới từ Chính phủ yêu cầu xây dựng Quy hoạch Điện VIII cho thấy được hướng đi của GEC trong những năm qua là phù hợp khi tập trung phát triển đa dạng các loại hình NLTT và đầu tư sản xuất Điện năng bằng các nguồn NLTT.

Cuối tháng 12/2019, BCT đã ban hành Biểu phí tránh được năm 2020 theo Quyết định 4036/QĐ-BCT áp dụng cho các NMTĐ nhỏ. Theo đó, giá bán điện trong giờ bình thường và giờ cao điểm của mùa khô và mùa mưa dao động tăng trong khoảng từ 8% đến 14%; riêng giờ cao điểm của mùa khô thì giảm 10% so với Biểu phí tránh được của cùng kỳ năm ngoái. Tình hình Thủy điện năm nay được dự báo sẽ tiếp tục khó khăn vì hạn hán kéo dài và vẫn phải chịu ảnh hưởng lớn vì hiện tượng El Nino. Mục nước 1 số hồ thủy điện lớn ở khu vực miền Trung, Tây Nguyên và miền Nam sẽ thấp hơn nhiều so với mức nước đáng bình thường. Với việc xây dựng kế hoạch ngân sách thận trọng cho mảng Thủy điện, ước tính DT Thủy điện năm 2020 của GEC không bị ảnh hưởng nhiều bởi Biểu phí tránh được mới bởi sự cân đối bù trừ giữa sản lượng phát điện tại các thời điểm trong các mùa.

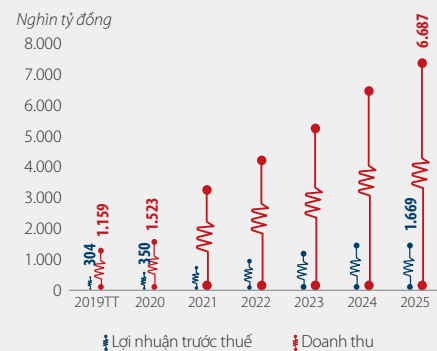
KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN CÔNG SUẤT ĐẾN 2025



DỰ KIẾN SẢN LƯỢNG ĐIỆN ĐẾN 2025



DỰ KIẾN DOANH THU, LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ ĐẾN 2025



Nguồn: GEC



Nhà máy Điện Mặt trời Krông Pa - Gia Lai thực hiện kết hợp các dự án Nông nghiệp

QUẢN TRỊ, GIÁM SÁT, ĐIỀU HÀNH NHỮNG MẢNH GHÉP CỦA CHIẾN LƯỢC (tiếp theo)

QUY HOẠCH ĐIỆN ĐÃ THAY ĐỔI ĐỂ PHÙ HỢP VỚI TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ (tiếp theo)

Nửa cuối năm 2019, do Quyết định QĐ11/2017/QĐ-TTg hết hiệu lực nên các NĐT đã tạm ngưng việc đầu tư vào các dự án ĐMT để chờ cơ chế chính sách mới về giá ĐMT, vì vậy việc phát triển các dự án ĐMT tại Việt Nam có dấu hiệu chững lại. Đầu tháng 4/2020, Chính phủ đã chính thức ban hành Quyết định 13/2020/QĐ-TTg về cơ chế khuyến khích phát triển ĐMT tại Việt Nam có hiệu lực thi hành vào 22/5/2020, thay thế cho Quyết định 11/2017/QĐ-TTg. Các dự án ĐMT Mặt đất và ĐMT Nổi có quyết định chủ trương đầu tư trước ngày 23/11/2019, vận hành thương mại trước 31/12/2020 sẽ được hưởng mức giá tương ứng là 7,09 cents/kWh và 7,69 cents/kWh trong thời gian 20 năm kể từ ngày vận hành thương mại. GEC hiện đang có kế hoạch phát triển thêm 13 dự án trong vòng 5 năm tới với tổng công suất danh mục sẽ vào khoảng 500 - 700 MWp cho ĐMT Mặt đất và xấp xỉ 249 MWp ĐMT Nổi. Ngoài ra, GEC cũng sẽ đẩy mạnh phát triển các dự án ĐMT Áp mái đưa vào vận hành trong giai đoạn 1/7/2019 đến 31/12/2020 để hưởng mức giá mua điện là 8,38 cents/kWh theo Quyết định mới. Mặc dù vậy, việc đầu tư phát triển NLTT hiện vẫn còn một số bất cập như chi phí đầu tư cao, số giờ vận hành nguồn điện thấp, cơ sở hạ tầng lưới điện

một số khu vực nhiều tiềm năng về NLTT chưa sẵn sàng để giải tỏa công suất, cùng với đó là yêu cầu sử dụng đất lớn, nhất là các dự án ĐMT Mặt đất. Về phía GEC, HĐQT đã thống nhất chủ trương để BDH chủ động chuẩn bị các công tác về quỹ đất, đấu nối và phương án đóng điện các dự án tại các địa phương như Huế, Gia Lai, Tây Ninh, Long An, Bình Thuận, Đắk Nông... nhằm đón đầu các chủ trương khi được chính thức ban hành. Quan trọng hơn hết là việc chuẩn bị thật sự chu đáo cho cơ chế đấu thầu dự kiến sẽ được triển khai thử nghiệm lần đầu tiên tại VN nửa cuối năm 2020, sẽ vừa là thách thức cũng như cơ hội cho sự phát triển ĐMT tại GEC.

Các dự án Điện Gió thì lại bước vào giai đoạn tăng tốc để kịp đưa vào vận hành trước ngày 1/11/2021 hưởng mức giá khá hấp dẫn là 9,8 US cents/kWh cho dự án trên biển và 8,5 cents/kWh cho dự án đất liền. Nhằm củng cố và hoàn thiện kế hoạch chiến lược đến năm 2025, tháng 11/2019, HĐQT đã ra nghị Quyết phê duyệt chủ trương M&A Dự án Điện Gió V.P.L Bến Tre, công suất 70 MW chia thành 2 giai đoạn với giai đoạn 1 đang được triển khai xây dựng là 30 MW ngoài khơi dự kiến vận hành trước tháng 11/2021.

QUẢN TRỊ, GIÁM SÁT, ĐIỀU HÀNH ĐAN XEN HỢP LÝ VÀ LINH ĐỘNG

Cổ phiếu GEG lên sàn HOSE từ tháng 9/2019 với sự chuẩn bị từ 3 năm về trước khi IFC và Armstrong tham gia với tư cách 2 CĐ chiến lược quốc tế. Tính đến cuối năm 2019, GEC vẫn là Công ty thuộc họ Ngành Điện có sở hữu nước ngoài lớn nhất lên đến 36,4%, trong đó 2 CĐ lớn nước ngoài chiếm 33,2%. Tỷ lệ sở hữu còn lại của nước ngoài tại GEC chỉ còn khoảng 12,6% do Ngành Điện liên quan đến an ninh Năng lượng quốc gia nên trần sở hữu quy định chỉ là 49%. Với 2 ghế trong HĐQT đại diện cho 2 CĐ lớn đều là TV HĐQT không điều hành, cùng thể mạnh về chuyên môn cũng như kinh nghiệm, đại diện Armstrong phụ trách tham mưu các hoạt động M&A trong chiến lược phát triển những dự án NLTT cũng như kế hoạch kinh doanh; đại diện IFC tham mưu HĐQT về các hoạt động QTDN theo chuẩn mực quốc tế, hướng đến thực hiện hiệu quả vai trò QTDN của HĐQT. Với định hướng PTBV và sự hỗ trợ từ 2 CĐ nước ngoài, GEC đang phát triển theo hình thức đón đầu, đa dạng và đồng bộ các loại hình Năng lượng tại nhiều Địa phương để đảm bảo đầu nối nhưng không xa rời phương châm phát triển kinh tế gắn liền với bảo vệ Môi trường, kiến tạo Xã hội và xây dựng Cộng đồng, đúc kết từ những kinh nghiệm Quản trị ở các quốc gia khác nhau trên thế giới. Đây là bước đi kịp thời, hài hoà mối quan hệ phát triển giữa Doanh nghiệp và Địa phương, đảm bảo cân bằng bài toán phát triển Năng lượng và hiệu quả

đầu tư, tránh tình trạng phát triển nóng, triển khai ồ ạt nhưng kém hiệu quả. Việc tạo ra, duy trì cũng như đảm bảo tăng trưởng DT, LN trong khả năng kiểm soát sẽ hỗ trợ GEC, thực hiện các hoạt động huy động vốn quốc tế trong những năm tới, khi mà danh mục dự án NLTT phát triển lên tới hàng ngàn MWp.

Hiện tại, GEC đang tuân thủ những quy định mới nhất về QTCT của VN theo Nghị định 71 và Thông tư 95 hiệu lực năm 2017. Công ty cũng đang nỗ lực hướng đến các chuẩn mực cao hơn của quốc tế như Thẻ điểm ASEAN SCORECARD, Bộ Nguyên tắc QTCT theo thông lệ tốt nhất của IFC và UBCKNN ban hành vào tháng 8/2019 - đây là sự tích hợp các thông lệ tốt trên thị trường được đúc kết từ các Bộ Nguyên tắc QTCT đang áp dụng trên thế giới sao cho phù hợp với bối cảnh hoạt động tại Việt Nam - đang được các Cơ quan quản lý khuyến khích Công ty niêm yết thực hiện. Trong BCTN 2019, GEC đã chủ động đánh giá tình hình thực hiện công tác Quản trị theo các chuẩn mực này. Hơn nữa, tất cả các thông tin, dữ liệu được trình bày trong BCTN 2019 đều được kiểm toán bởi Bộ phận KTNB và được ký xác nhận bởi Chủ tịch UBKT, đảm bảo tính đồng nhất với BCTC 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PwC Việt Nam, 1 trong 4 đơn vị Kiểm toán uy tín với mục tiêu gia tăng mức độ tin cậy của NĐT về kết quả HĐKD và tình hình tài chính của Công ty. GEC đã chủ động thay đổi đơn vị Kiểm toán độc lập từ

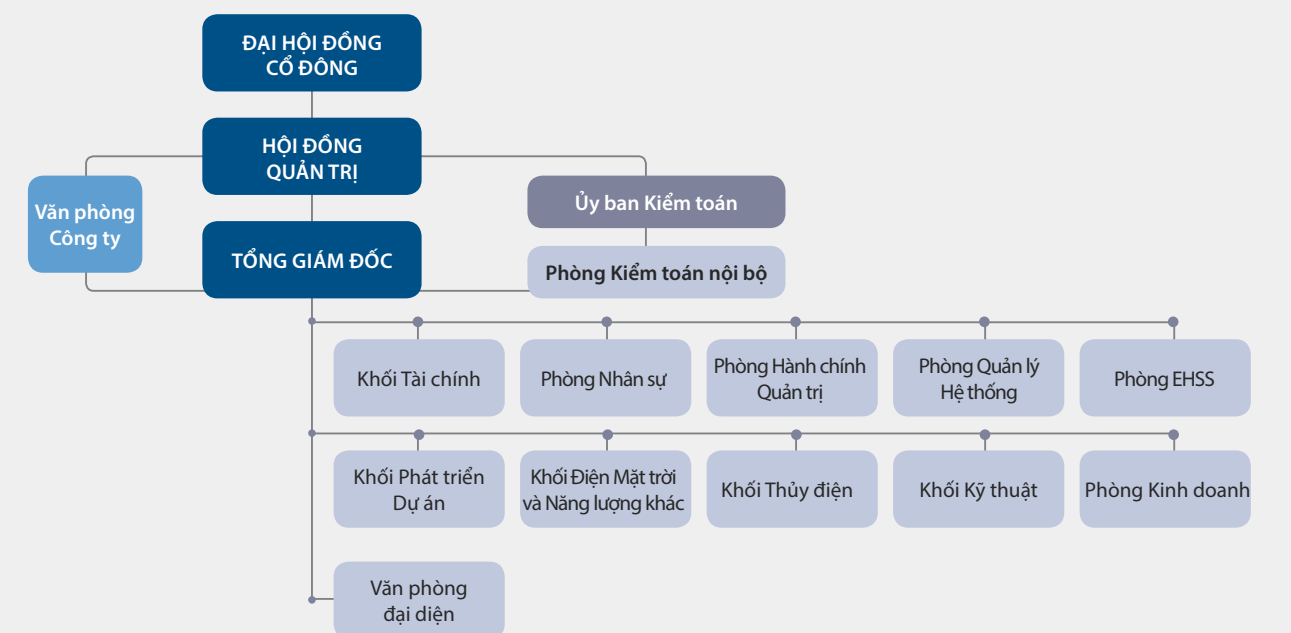
GEC ĐANG THỰC HIỆN CHỌC LỌC VÀ VẬN DỤNG CÁC TIÊU CHUẨN TRONG BỘ NGUYÊN TẮC QUẢN TRỊ CÔNG TY THEO THÔNG LỆ TỐT NHẤT VÀO THỰC TIỄN HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ CÔNG TY THEO LỘ TRÌNH VÀ PHÙ HỢP THỰC TẾ VẬN HÀNH VỚI MỤC TIÊU NÂNG CAO HÌNH ẢNH VÀ UY TÍN, CHUẨN BỊ CHO KẾ HOẠCH TIẾP CẬN THỊ TRƯỜNG VỐN MỘT CÁCH NĂNG ĐỘNG HƠN.

Ernst & Young trong giai đoạn 2014 - 2016 sang PwC trong 3 năm gần đây 2017-2019 để tiếp tục củng cố tính minh bạch và đảm bảo lợi ích cao nhất cho CĐ. Việc lựa chọn đơn vị kiểm toán được ĐHCĐ thông qua và ủy quyền cho HĐQT thực hiện dưới sự vấn của UBKT. Trước khi Báo cáo Kiểm toán được phát hành và công bố chính thức, UBKT sẽ trao đổi với Công ty Kiểm toán độc lập về kết quả thực hiện kiểm toán BCTC và các ý kiến trong Thư tư vấn, đảm bảo cung cấp thông tin đáng tin cậy cho các BLQ. Các BCTC của Công ty trong những năm qua đều được đánh giá là Trung thực và Hợp lý.

Trong cơ cấu Quản trị hiện tại của GEC, ĐHCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất, quyết định những vấn đề được Luật pháp, Điều lệ và Quy chế QTCT quy định. Tất cả các CĐ phổ thông đều có quyền tham dự ĐHCĐ và có số phiếu bầu tương ứng với số cổ phần phổ thông mà họ nắm giữ. HĐQT đóng vai trò trung tâm trong khuôn khổ QTCT, chịu trách nhiệm chỉ đạo chiến lược kinh doanh, tài chính, cũng như kiểm soát các hoạt động của Ban TGD. GEC hiện đang tổ chức mô hình Quản trị theo thông lệ tốt từ lý thuyết đến vận hành với UBKT trực thuộc HĐQT nhằm phát huy tối đa chức năng giám sát độc lập của HĐQT với hoạt động của Công ty. Cơ cấu TV của UBKT được lựa chọn tiệm cận với tiêu chuẩn của Thẻ điểm

QTCT ASEAN SCORECARD nhằm đảm bảo việc giám sát Điều hành được thực thi một cách trọn vẹn, tự chủ và không mâu thuẫn lợi ích. Tất cả TV của UBKT là HĐQT không điều hành với Chủ tịch UBKT là TV độc lập, 2/3 là nữ và đều có kinh nghiệm từ 8-15 năm trong lĩnh vực Kế toán - Kiểm toán đã định hình công tác giám sát Quản trị được sâu sát và chi tiết. Ngoài ra, để tăng tính minh bạch, Điều lệ UBKT hiện đã được công bố trên trang Web Công ty, đồng thời nội dung về các cuộc họp của UBKT cũng được công khai trên BCTN. Với quy mô và yêu cầu hiện tại của Công ty, UBKT sẽ bao quát luôn hoạt động QLRR cùng với công tác KSNB. Việc xây dựng và kiện toàn hệ thống VBLQ và Hệ thống báo cáo - được xem như là công cụ hỗ trợ các cấp Quản lý giải quyết các vấn đề trong QTRR đang được thực hiện tốt. Các vấn đề trong quá trình SXKD được cập nhật và giải quyết ngay lập tức để đảm bảo hạn chế thấp nhất bất cứ gián đoạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến HĐKD của GEC. Ngoài ra, GEC cũng đã bổ sung và hoàn thiện Chính sách giao dịch với các BLQ nhằm tránh xung đột và đảm bảo quyền lợi của CĐ và các BLQ. Cụ thể, Công ty đã đưa ra quy định về ngưỡng trọng yếu - bắt buộc phải được sự ra soát và đánh giá của UBKT, báo cáo cho HĐQT về bất cứ vấn đề quan trọng nào. Việc ban hành Chính sách này không những dựa trên quy định của Pháp luật Việt Nam mà còn tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế của IFC và Armstrong để đảm bảo tính hợp pháp, hợp lý và sự kiểm soát chặt chẽ. Tất cả các giao dịch với các BLQ của GEC đều được công bố cụ thể trong Báo cáo QTCT định kỳ công bố cho UBCKNN và HOSE, đồng thời cũng được nêu chi tiết tại BCTC kiểm toán năm 2019 của Công ty tại mục Thuyết minh BCTC.

GEC đang thực hiện chọc lọc và vận dụng các tiêu chuẩn trong Bộ nguyên tắc QTCT theo thông lệ tốt nhất vào thực tiễn hoạt động QTCT theo lộ trình và phù hợp thực tế vận hành với mục tiêu nâng cao hình ảnh và uy tín, chuẩn bị cho kế hoạch tiếp cận Thị trường vốn một cách năng động hơn. Trong vòng 3 năm tiếp theo, tùy theo quy mô và kế hoạch phát triển từng năm, Công ty sẽ thành lập các Tiểu ban khác trực thuộc HĐQT để hỗ trợ, tham mưu cho HĐQT kịp thời đưa ra các quyết sách phù hợp với mục tiêu tăng trưởng bền vững.



QUẢN TRỊ, GIÁM SÁT, ĐIỀU HÀNH NHỮNG MẢNH GHÉP CỦA CHIẾN LƯỢC (tiếp theo)

QUẢN TRỊ, GIÁM SÁT, ĐIỀU HÀNH ĐAN XEN HỢP LÝ VÀ LINH ĐỘNG (tiếp theo)

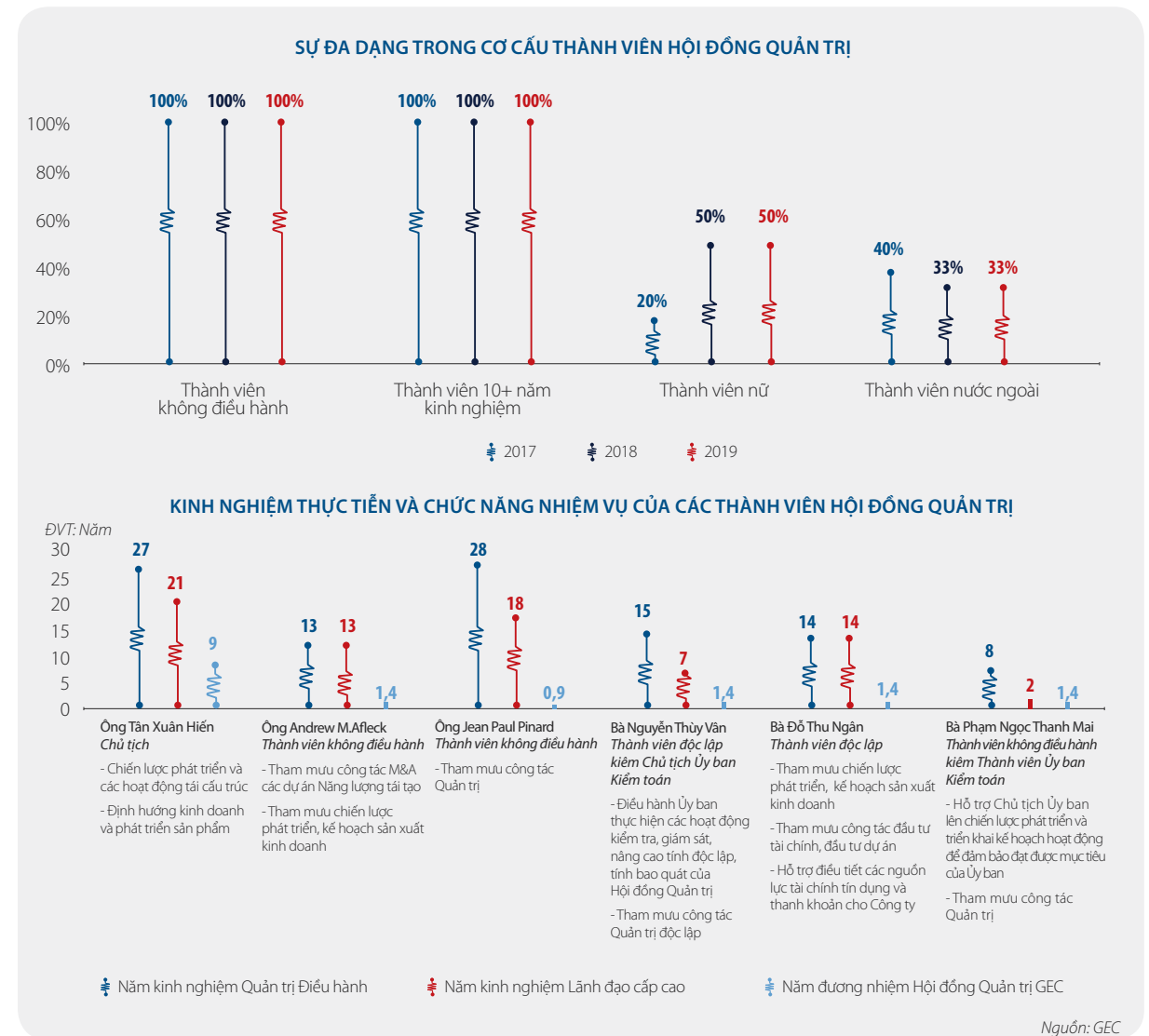
THỰC TẾ ÁP DỤNG BỘ NGUYÊN TẮC QUẢN TRỊ CÔNG TY THEO THÔNG LỆ TỐT NHẤT DÀNH CHO CÔNG TY ĐẠI CHỨNG VIỆT NAM

● Rất tốt; ● Tốt; ● Khá

| Các Nguyên tắc chính | GEC | | | | | So sánh thực hiện | |
|---|---------|-------------------------|---|--------------------------|----------------|-------------------|------|
| | Điều lệ | Quy chế Quản trị nội bộ | Quy chế tổ chức hoạt động Hội đồng Quản trị | Điều lệ Ủy Ban Kiểm toán | Quy chế ứng xử | 2019 | 2018 |
| Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị | | | | | | | |
| Thiết lập rõ vai trò trách nhiệm và cam kết của Hội đồng Quản trị | x | x | x | | | | |
| Thiết lập Hội đồng Quản trị có năng lực và chuyên nghiệp | x | x | x | | | | |
| Đảm bảo vai trò lãnh đạo hiệu quả và tính độc lập của Hội đồng Quản trị | x | x | x | x | | | |
| Thành lập các Ủy ban trực thuộc Hội đồng Quản trị | | x | | x | | | |
| Đảm bảo hoạt động hiệu quả của Hội đồng Quản trị | | x | x | x | | | |
| Thiết lập và duy trì văn hóa đạo đức của Công ty | | x | | | x | | |
| Môi trường kiểm soát | | | | | | | |
| Thiết lập cơ chế Quản lý rủi ro và môi trường kiểm soát vững mạnh | | x | x | x | x | | |
| Công bố thông tin và minh bạch | | | | | | | |
| Tăng cường hoạt động công bố thông tin của Công ty | | x | x | x | x | | |
| Các quyền của Cổ đông | | | | | | | |
| Thiết lập khuôn khổ để thực hiện hiệu quả quyền của Cổ đông | x | x | x | | x | | |
| Quan hệ với các Bên có quyền lợi liên quan | | | | | | | |
| Tăng cường tham gia hiệu quả của các Bên có quyền lợi liên quan | x | x | | x | x | | |

Nguồn: GEC tổng hợp

HĐQT của GEC hiện đang duy trì mô hình hoạt động với 6 TV, trong đó 100% có trên 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Năng lượng, Quản trị, Tài chính, Kiểm toán; 100% không điều hành; 50% nữ và 33% người nước ngoài quốc tịch Anh và Pháp - những quốc gia có thể mạnh về Quản trị Tài chính và NLTT. Sự đa dạng trong cơ cấu sẽ đem đến những góc nhìn toàn diện, các ý tưởng phong phú, cải thiện vấn đề giao tiếp và tăng tính hiệu quả trong việc đưa ra các ý kiến Quản trị cũng như giám sát các quyết sách mang tính chiến lược. Việc duy trì số lượng ngang bằng giữa các TV là nam và nữ trong HĐQT cho thấy GEC đang thể hiện chính sách bình đẳng giới khá rõ ràng, tạo điều kiện cho nữ giới ở các quốc gia mới nổi như Việt Nam có cơ hội được tham gia vai trò Lãnh đạo cấp cao, phát triển nghề nghiệp, nâng cao chất lượng việc làm và tăng cường sự tham gia của phụ nữ trong nền Kinh tế.



Tại GEC, sự đa dạng không chỉ thể hiện ở cơ cấu TV HĐQT mà còn trong cơ cấu Ban TGD với 6 TV gồm 1 TGD là nữ và 5 Phó TGD. Theo Grantthorn, tỷ lệ phụ nữ giữ vị trí Giám đốc Điều hành trên thế giới trong năm 2019 là 20%, tăng so với mức 15% của năm 2018. Bà Nguyễn Thái Hà - nữ TGD đầu tiên trong lịch sử 30 năm hình thành và phát triển GEC đã có hơn 15 năm kinh nghiệm trong nhiều lĩnh vực từ Quản trị, Kiểm soát đến Điều hành các công ty đại chúng và niêm yết. Hỗ trợ cho TGD là 5 Phó TGD, trong đó có 2 Phó TGD được bổ nhiệm trong năm 2019 là ông Hà Nguyên Hoàng và ông Nguyễn Lê Hùng. Các Phó TGD chuyên trách các lĩnh vực khác nhau, bao gồm Phát triển dự án và ĐMT, Kỹ thuật, Thủy điện, Hành chính và Quản lý hệ thống. Trong năm GEC cũng bổ nhiệm Bà Trần Thị Hồng Thắm làm Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng nhằm thực hiện mục tiêu đảm bảo dòng tiền phục vụ phát triển hàng loạt các Dự án ĐMT cũng như từng bước tham gia vào thị trường Điện Gió. Với nhu cầu sát sao và cập nhật tính hiệu quả cho hoạt động QTDN, tháng 10/2019, HĐQT bổ nhiệm Ông Phạm Thành Tuấn Anh là Người phụ trách QTCT. Với kiến thức chuyên ngành Quản trị - Tài chính và kinh nghiệm 4 năm, trong công tác Thư ký và lĩnh vực Năng lượng, Người phụ trách QTCT đã hỗ trợ HĐQT trong việc xây dựng kế hoạch công việc trong năm, đề xuất các phương án cải thiện quy trình và hoạt động Công ty, sắp xếp các chương trình họp HĐQT. Cùng với Bộ phận QHNDT, Người phụ trách QTCT chịu trách nhiệm quản lý, thực hiện các vấn đề liên quan đến ĐHCĐ thường niên, LYKCD bằng văn bản, đầu mối liên lạc với các BLQ,

đảm bảo tuân thủ các yêu cầu pháp lý về CBTT và tham gia giải quyết các vấn đề về Quản trị.

Phát triển đội ngũ Lãnh đạo kế thừa là nhu cầu tất yếu trong mọi tổ chức, mọi quốc gia và mọi thời đại. Đứng trước nhu cầu lớn về Nhân sự cấp cao, GEC đã nỗ lực cho công tác tìm kiếm, chuẩn bị nguồn nhân lực dự phòng, xây dựng đội ngũ kế thừa có nhiều kinh nghiệm và chuyên môn cao trong lĩnh vực Năng lượng. Trong năm 2019, HĐQT và Ban TGD đã tham gia các chương trình đào tạo nội bộ như Đào tạo hội nhập theo mô hình Holdings, Quản trị mục tiêu KPI theo Thẻ điểm cân bằng (Balanced Scorecard - BSC), Đào tạo Tập đoàn và Hội nhập Ngành Năng lượng nhằm nâng cao năng lực Quản trị của từng TV. Với quy mô hiện tại, GEC chỉ mới thành lập UBKT; tuy nhiên Công ty đang trong quá trình xây dựng nền móng, tạo tiền đề để hướng đến việc thành lập Tiểu ban Nhân sự và Tiểu ban Lương thưởng để góp phần hoàn thành chiến lược ở mức cao nhất. Công ty cũng đã xây dựng Quy chế Giám đốc/Trưởng đơn vị lưu động - là hoạt động để cử nhân sự thực hiện công tác lưu động tối thiểu 1 lần/năm thực hiện mục tiêu Quản trị và nâng cao năng lực chuyên môn, trao đổi kinh nghiệm thực tiễn cho đội ngũ nhân sự cấp cao. Những cá nhân này sẽ thực hiện rà soát, phân tích, đánh giá toàn diện tình hình kinh doanh của Đơn vị để có những đề xuất và hỗ trợ kịp thời, đảm bảo cho hoạt động kinh doanh của các Đơn vị luôn theo định hướng chung của Công ty.

QUẢN TRỊ, GIÁM SÁT, ĐIỀU HÀNH NHỮNG MẢNH GHÉP CỦA CHIẾN LƯỢC (tiếp theo)

THÀNH QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2019

● Rất tốt; ● Tốt; ● Khá

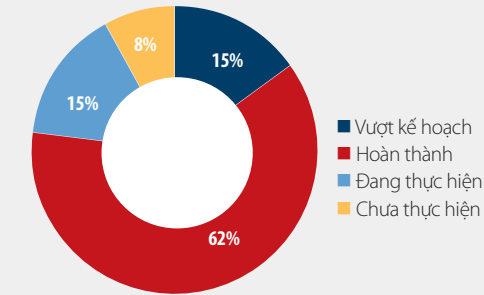
| STT | Hoạt động của Hội đồng Quản trị | Kết quả thực hiện |
|-----|---|--|
| 1 | Tham gia các cuộc họp Hội đồng Quản trị | - Tất cả các TV tham gia 100% các cuộc họp HĐQT trong quá trình giữ chức vụ - Giám sát và đảm bảo tính trách nhiệm và hoàn thành công việc của từng TV HĐQT |
| 2 | Đưa ra các quyết sách liên quan đến Dự án và Tài chính, chỉ đạo Ban Điều hành hoàn thành chỉ tiêu vận hành các Nhà máy Điện Mặt trời vượt kế hoạch | - 3 dự án ĐMT Đức Huệ 1, Hàm Phú 2 và Trúc Sơn đều hoàn thành đóng điện trước ngày 30/6/2019 - Danh mục dự án trong kế hoạch phát triển của Công ty đến năm 2025 ước tính sẽ đạt tổng công suất 1.650* MW |
| 3 | Tạo điều kiện, tính chủ động, hỗ trợ ngay khi cần sự phối hợp để Ban Điều hành thực hiện tốt công tác đầu tư, tìm kiếm dự án tiềm năng theo đúng định hướng của Hội đồng Quản trị | - Tự thực hiện tổng thầu EPC như là bước tiên phong cho những dự án ĐMT tiếp theo - Quyết sách M&A đúng thời điểm để bước chân vào lĩnh vực Điện Gió |
| 4 | Kiểm toàn bộ máy Quản trị theo thông lệ tốt trên thị trường quốc tế | - Thực hiện điều chỉnh Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT vào tháng 12/2019 - Trong quá trình chuẩn bị để thành lập các Tiểu ban trực thuộc HĐQT khác bên cạnh UBKT |
| 5 | Kiểm soát, giám sát chặt chẽ giao dịch với các Bên liên quan | - Thực hiện nghiêm túc theo Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về QTCT - HĐQT tiếp tục ban hành và thực thi Chính sách giao dịch với các BLQ vào tháng 8/2019 |
| 6 | Chỉ đạo, giám sát việc tuân thủ các chuẩn mực quốc tế của IFC trong Phát triển bền vững | - Các dự án của GEC đáp ứng chuẩn mực môi trường, sức khỏe và an toàn trong triển khai, vận hành cũng như hoạt động của toàn Công ty đối với Cộng đồng và Xã hội - Công ty không có bất cứ khiếu nại nào từ Cộng đồng trong năm |
| 7 | Đề xuất, lựa chọn và bổ nhiệm phù hợp các vị trí quan trọng trong Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành | - Đảm bảo sự đa dạng trong cơ cấu TV HĐQT và BDH ở nhiều khía cạnh khác nhau - Cơ cấu độc lập trong TV HĐQT đang tiếp tục được hiệu chỉnh để đáp ứng các yêu cầu của thông lệ QTCT tốt |

Trong năm 2019, Công ty đã thực hiện 1 lần LYKCD bằng văn bản vào tháng 1/2019 và 1 lần ĐHCĐ thường niên vào tháng 4/2019 để thông qua 13 vấn đề. Kết thúc năm 2019, Công ty đã hoàn thành và đang triển khai 12/13 Nghị Quyết được ĐHCĐ thông qua, riêng vấn đề Bổ sung Ngành nghề chưa được thực hiện vì Công ty chưa lựa chọn được thời điểm phù hợp để đăng ký điều chỉnh.

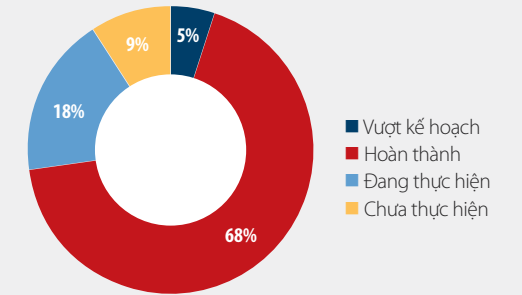
| STT | Lĩnh vực | Nghị Quyết | Nội dung | Thực hiện |
|-----|-------------------------------|---|--|--|
| 1 | Quản trị | Thù lao của Hội đồng Quản trị 2019 | 1,56 tỷ đồng | Vượt kế hoạch - Thực hiện 1,38 tỷ đồng |
| 2 | | Miễn nhiệm Thành viên Hội đồng Quản trị | Ông Deepak Kh.Channa | |
| 3 | | Bổ bổ sung Thành viên Hội đồng Quản trị thay thế | Ông Jean Paul Pinard | |
| 4 | | Chuyển sàn niêm yết | Chuyển cổ phiếu GEG sang niêm yết HOSE | Hoàn thành |
| 5 | | Thông qua giao dịch với người có liên quan của Công ty | Ký kết các hợp đồng, giao dịch; Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh | |
| 6 | Tài chính | Kế hoạch Sản xuất Kinh doanh 2019 | - Tổng DT hợp nhất: 1.014 tỷ đồng - LNTT: 240,2 tỷ đồng | Vượt kế hoạch: - DTT hợp nhất: 1.159 tỷ đồng - LNTT: 304 tỷ đồng |
| 7 | | Báo cáo Tài chính năm 2018 đã được kiểm toán | - BCTC riêng - BCTC hợp nhất | |
| 8 | | Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2018 | Chi trả cổ tức năm 2018 tiền mặt 7% | |
| 9 | | Lựa chọn đơn vị Kiểm toán cho năm tài chính 2019 | Trong số Công ty Kiểm toán được Bộ Tài chính, UBCKNN chấp nhận | Hoàn thành |
| 10 | Dự án | Phát hành cổ phiếu cho Người lao động (ESOP) | Số lượng cổ phiếu phát hành 9.709.127 cổ phiếu | |
| 11 | | Kế hoạch Phân phối lợi nhuận năm 2019 | - Quỹ Đầu tư phát triển: 3% LNST - Quỹ Khen thưởng, phúc lợi: 5% LNST - Cổ tức năm 2019: tối thiểu 10% | Đang thực hiện |
| 12 | | Thông qua chủ trương đầu tư phát triển Điện Gió | Chi phí đầu tư không vượt quá 45 tỷ đồng/MW (không gồm VAT) | Đang thực hiện |
| 13 | Bổ sung Ngành nghề kinh doanh | - Bổ sung chi tiết cho ngành nghề Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác - Điều chỉnh, bổ sung chi tiết cho ngành nghề Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan - Bổ sung chi tiết cho ngành nghề Kiểm tra và phân tích kỹ thuật - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ - Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác | Chưa thực hiện | |

Để đảm bảo các Nghị quyết ĐHCĐ được thực hiện trọn vẹn, HĐQT đã tổ chức 22 cuộc họp - vượt nhiều lần so với yêu cầu tối thiểu 1 Quý 1 lần và thông qua 22 Nghị Quyết, chủ yếu tập trung vào các vấn đề cốt lõi thuộc hoạt động Quản trị (63%), Tài chính (23%) và Dự án (14%). Quản trị là phê duyệt các vấn đề liên quan tới hợp ĐHCĐ, LYKCD bằng văn bản; các vấn đề liên quan tới QTCT như tái bổ nhiệm các vị trí quan trọng trong BLĐ như Phó TGD và các vị trí khác như Trưởng KTNB. Tài chính là phê duyệt chuyển nhượng cổ phần, vay vốn, chủ trương vay vốn đầu tư dự án, bảo lãnh vay vốn, tăng VDL. Dự án là phê duyệt chủ trương M&A các dự án ĐMT, Điện Gió. Với sự đồng hành và giám sát chặt chẽ, HĐQT đã chỉ đạo BDH hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, thậm chí nhiều chỉ tiêu vượt kế hoạch đề ra.

NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG



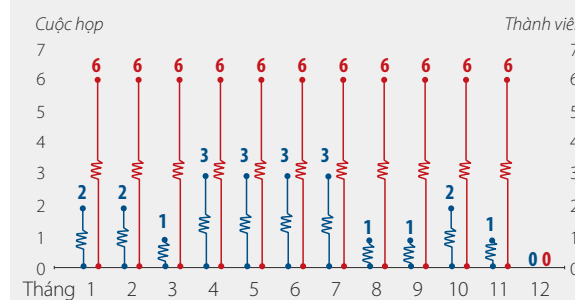
NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



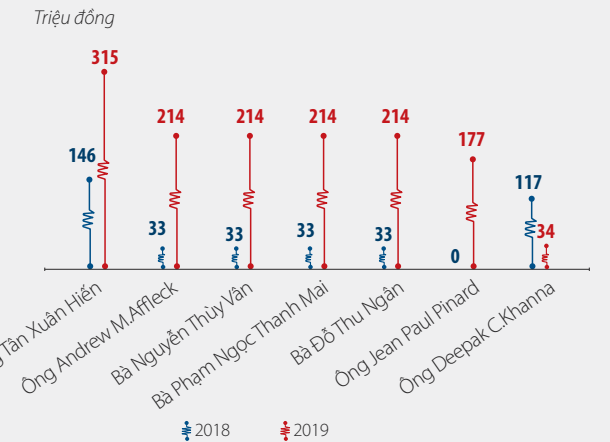
Nguồn: GEC

ĐHCĐ 2019 đã miễn nhiệm Ông Deepak C.Khanna và bầu bổ sung Ông Jean Paul Pinard làm TV HĐQT không điều hành thay thế vào ngày 26/4/2019. Do đó, số lượng tham gia các cuộc họp của từng TV tuy có chênh lệch, nhưng theo tỷ lệ thì các TV vẫn tham gia đầy đủ 100% trên tổng số 22 cuộc họp HĐQT trong thời gian đảm nhiệm chức vụ; riêng Ông Jean Paul Pinard và Ông Deepak C.Khanna lần lượt 14 và 7. Theo đó, thù lao của từng TV được phân chia phù hợp với chức năng nhiệm vụ quy định, thời gian đảm nhiệm, đóng góp và tỷ lệ hoàn thành trách nhiệm. Tổng thù lao, lương và các quyền lợi gộp khác của các TV HĐQT và Ban TGD trong năm 2019 là 16 tỷ đồng so với 8,5 tỷ đồng năm 2018, tăng 88%. Đối với Ban TGD, cơ cấu lương thưởng là khá tương đồng dao động với lương từ 87% đến 90% và thưởng từ 10% đến 13% trong tổng thu nhập 100% trong năm của từng TV.

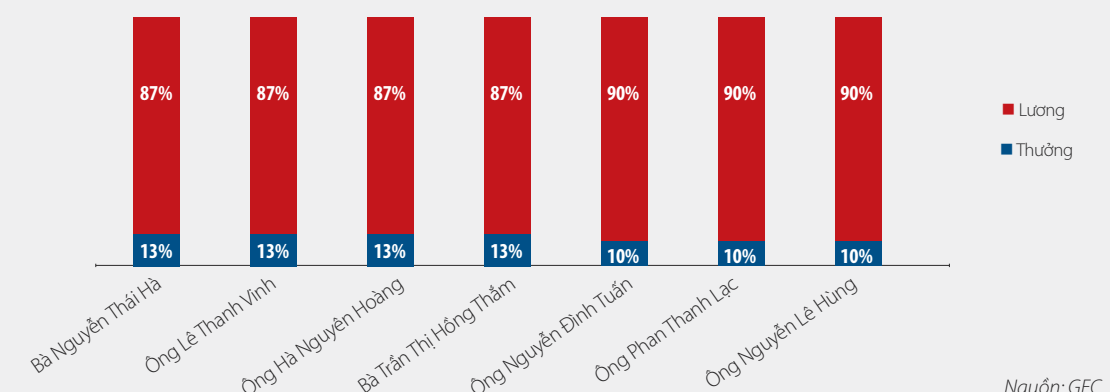
SỐ LƯỢNG CUỘC HỌP
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2019



THÙ LAO THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CƠ CẤU LƯƠNG THƯỞNG BAN TỔNG GIÁM ĐỐC NĂM 2019

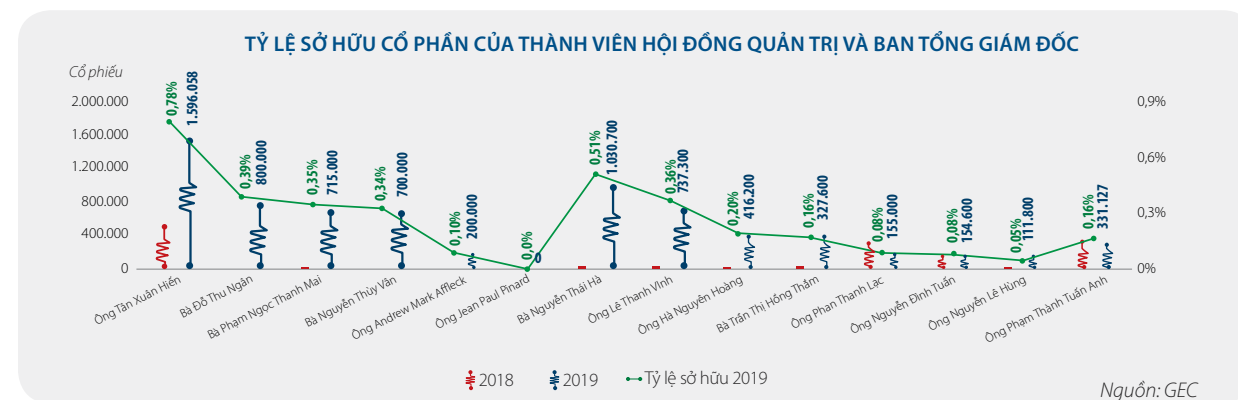


Nguồn: GEC

QUẢN TRỊ, GIÁM SÁT, ĐIỀU HÀNH NHỮNG MẢNH GHÉP CỦA CHIẾN LƯỢC (tiếp theo)

THÀNH QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2019 (tiếp theo)

Bên cạnh các chính sách Thù lao, Lương thưởng đối với HĐQT, Ban TGD và các Lãnh đạo cấp cao, GEC cũng đã thực hiện phát hành 9,7 triệu cổ phiếu ESOP cho BDH và CBNV lâu năm tại Công ty nhằm bảo đảm chính sách nhân tài để cải thiện hiệu quả hoạt động SXKD. Số lượng cổ phần mà HĐQT và BTGD sở hữu tính đến cuối năm 2019 là 7.275.385, chiếm 3,6% VDL, tăng hơn 6 lần so với năm 2018 do tăng và thay đổi số lượng TV HĐQT và Ban TGD, các TV được quyền mua ESOP cũng như các khoản đầu tư cá nhân.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC TRONG NĂM 2019

● Rất tốt; ● Tốt; ● Khá

| Đơn vị | Chi tiết |
|---|--|
| Ủy Ban Kiểm toán | <ul style="list-style-type: none"> - UBKT đã thể hiện vai trò tích cực trong việc tham mưu cho HĐQT các hoạt động kiểm soát một cách độc lập, hiệu quả - UBKT chủ động thực hiện tất cả các công việc theo Điều lệ UBKT, đáp ứng đầy đủ các khuyến nghị của IFC. Giám sát hoạt động của HĐQT và Ban TGD, xây dựng kế hoạch cải thiện hoạt động QTCT và chính sách giao dịch với BLQ, cải thiện hệ thống KSNB và QLRR, dịch vụ kiểm toán độc lập BCTC, các hoạt động CBTT minh bạch và kịp thời... - Chi phí dịch vụ Kiểm toán của Kiểm toán độc lập trong năm 2019 ghi nhận 268 triệu đồng bao gồm chi phí Kiểm toán BCTC theo hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam VAS và Báo cáo Kiểm toán vốn, chiếm khoảng 27% trong tổng chi phí Kiểm toán và Phi kiểm toán. 73% chi phí còn lại trong cơ cấu này là chi phí Phi kiểm toán, ghi nhận hơn 714 triệu đồng - UBKT cũng đã lên kế hoạch hoạt động năm 2020 đối với những mục tiêu trọng yếu: Cải tiến hoạt động QTDN, KTNB, KSNB, QLRR, BCTC theo tiêu chuẩn IFRS, CBTT song ngữ mọi hoạt động, Giám sát giao dịch các BLQ, Hiệu quả và trách nhiệm giải trình của Ban TGD |
| Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập | <ul style="list-style-type: none"> - TV độc lập Kiểm Chủ tịch UBKT, từng bước củng cố, hoàn thiện hệ thống KSNB hiệu quả, đảm bảo cao nhất tính tuân thủ chuẩn mực QTCT của OECD và Thẻ điểm QTCT Khu vực Asean - ASEAN SCORECARD - 1 TV HĐQT độc lập có trên 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, đầu tư và đặc biệt là kế toán kiểm toán - Hỗ trợ HĐQT tăng cường công tác QTDN thông qua việc thiết lập và triển khai chức năng giám sát nội bộ độc lập và hiệu quả - Định hướng, giám sát công tác phối hợp giữa HĐQT, Ban TGD và KTNB trong việc triển khai các Nghị quyết của ĐHCĐ và HĐQT - Giám sát việc thực hiện CBTT theo quy định - Giám sát và đưa ra ý kiến về xung đột lợi ích và giao dịch với các BLQ, bảo vệ quyền lợi của các BLQ đặc biệt là CĐ và NĐT - Giám sát dịch vụ Kiểm toán độc lập - Định hướng, tổ chức hoạt động của UBKT và hoạt động KTNB theo các quy định hiện hành và phù hợp với thông lệ quốc tế |
| Ban Tổng Giám đốc | <ul style="list-style-type: none"> - HĐQT đánh giá cao năng lực và hoạt động của Ban TGD với việc vận hành thương mại thành công 3 NM ĐMT vượt tiến độ - HĐQT ghi nhận sự nỗ lực của Ban TGD trong việc thực thi các chiến lược chung "Tăng DT - Giảm Chi phí - Tái cơ cấu Tài chính": + Sản lượng điện bán ra: 593 triệu kWh, tăng 56% cùng kỳ + DTT: 1.159 tỷ đồng, tăng 107% cùng kỳ, vượt 16% kế hoạch + LNNT: 304 tỷ đồng, tăng 47% cùng kỳ, vượt 27% kế hoạch + Biên LN góp tiếp tục được duy trì ở mức cao: 56% + Tỷ lệ Chi phí bán hàng và QLDN/DTT được kiểm soát tốt, giảm từ mức 14% của năm 2018 về 10% trong năm 2019 - Ban TGD đã chủ động, quyết liệt và sáng tạo trong việc cấu trúc bộ máy Điều hành theo hướng chuyên môn hóa từng loại hình Năng lượng thành các Khối Chức năng trọng yếu để dễ dàng và nhanh chóng trong việc ra quyết định, đảm bảo tính trách nhiệm trong thực thi chiến lược của HĐQT - Ban TGD tổ chức triển khai đa dạng và phát triển đồng bộ các loại hình Năng lượng như Thủy điện, ĐMT, ĐMT Áp mái, ĐMT Nổi, Điện Gió... - Ban TGD đề cao việc phát triển dự án gắn liền với các yêu cầu về đảm bảo (i) tiết kiệm nguồn tài nguyên và ngăn ngừa ô nhiễm, (ii) sức khỏe, an toàn và an ninh Cộng đồng, (iii) quản lý việc thu hồi đất và tái định cư, (iv) bảo tồn đa dạng sinh học và quản lý nguồn tài nguyên thiên nhiên bền vững, (v) quản lý các vấn đề liên quan đến người dân bản địa, (vi) quản lý các vấn đề về di sản văn hóa... |

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP GIÁM SÁT ĐỘC LẬP

TỔNG QUAN VỀ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP



Bà Nguyễn Thùy Vân
Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập
kiêm Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán

- Bà NGUYỄN THÙY VÂN**
 - ◆ Nữ, 39 tuổi, Việt Nam
 - ◆ **Trình độ:** Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Chứng nhận Cao học Ban Kiểm toán
 - ◆ **Kinh nghiệm:** 15 năm Quản trị và Điều hành tài chính, đầu tư và kế toán kiểm toán
 - ◆ **Bổ nhiệm:** 18/9/2018 đến nay
 - ◆ **Kiểm nhiệm:** Chủ tịch UBKT: 18/9/2018 đến nay
 - ◆ **Trách nhiệm:** Điều hành UBKT thực hiện các hoạt động kiểm tra, giám sát, nâng cao tính độc lập, tính bao quát của HĐQT; tham mưu các công tác Quản trị độc lập
- Bà ĐỖ THU NGÂN**
 - ◆ Nữ, 48 tuổi, Việt Nam
 - ◆ **Trình độ:** Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
 - ◆ **Kinh nghiệm:** 14 năm Quản trị và Điều hành tài chính, ngân hàng bán lẻ, ngân hàng đầu tư
 - ◆ **Bổ nhiệm:** 24/1/2019 - 31/12/2019
 - ◆ **Kiểm nhiệm:** Không
 - ◆ **Trách nhiệm:** Tham mưu chiến lược phát triển, kế hoạch SXKD; tham mưu công tác đầu tư tài chính, đầu tư dự án; tham mưu việc điều tiết các nguồn lực tài chính, tín dụng và thanh khoản.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP GIÁM SÁT ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Để chuẩn bị cho việc chuyển sàn niêm yết và cổ phiếu GEG giao dịch thành công tại HOSE vào ngày 19/9/2019, bên cạnh những nỗ lực tăng quy mô doanh nghiệp, thúc đẩy hiệu quả HĐQT, HĐQT đã không ngừng hoàn thiện hệ thống Quản trị, hướng đến các chuẩn mực Quản trị tốt nhất theo thông lệ quốc tế nhằm tăng cường tính minh bạch và sự liêm chính đối với CĐ, NĐT và các BLQ.

Trong năm 2019, GEC đã nâng số lượng TV độc lập lên 2/6, chiếm hơn 33%, đáp ứng khuyến nghị của Bộ Nguyên tắc QTCT theo thông lệ tốt nhất dành cho các công ty đại chúng tại Việt Nam vừa được ban hành vào tháng 8/2019. Với việc bổ nhiệm Bà Đỗ Thu Ngân trở thành TV độc lập thứ 2 của GEC kể từ ngày 24/1/2019, GEC còn đáp ứng thêm các tiêu chuẩn đa dạng về kinh nghiệm, chuyên môn, nâng cao tầm quan trọng của nữ giới trong hệ thống Quản trị;

đảm bảo để không có một hoặc một nhóm TV HĐQT nào có thể chi phối quá trình ra quyết định của cơ quan Lập pháp. Bà Nguyễn Thùy Vân - TV HĐQT độc lập đầu tiên kiêm nhiệm thêm chức danh Chủ tịch UBKT, được bổ nhiệm trong ĐHCĐ bắt thường ngày 18/9/2018, đưa GEC hướng tới những khuyến nghị của quốc tế cho hoạt động Quản trị, Giám sát, Kiểm soát, Kiểm toán minh bạch và hiệu quả. Các TV HĐQT độc lập tại GEC đều có trên 14 năm Quản trị và Điều hành tài chính, ngân hàng bán lẻ, ngân hàng đầu tư, kế toán kiểm toán và đã tham gia HĐQT của Công ty trên 1 năm. Hai TV HĐQT độc lập đủ điều kiện chuyên môn, kinh nghiệm để tham gia hiệu quả vào thảo luận của HĐQT, thực hiện vai trò trách nhiệm ở mức cao nhất có thể cũng như có những đóng góp thiết thực cho việc lãnh đạo và hỗ trợ UBKT.

CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP TRONG NĂM 2019

Trong năm, các TV độc lập phản ánh được sự độc lập nhất định, tạo ra tính khách quan trong quá trình ra quyết định và các hoạt động giám sát, xây dựng thêm sự tin tưởng đối với CĐ hiện hữu và thu hút thêm nhiều NĐT mới đặc biệt là NĐT nước ngoài và các Quý. TV độc lập còn bảo đảm việc ra quyết định của HĐQT về các vấn đề một cách khách quan, đặc biệt trong các tình huống có xung đột lợi ích; đảm nhận vai trò của người giám sát khách quan phù hợp đối với các hoạt động của BDH, bao gồm việc cân bằng và ngăn ngừa những xung đột lợi ích, góp phần bảo vệ lợi ích chính đáng của CĐ, đặc biệt là các CĐ nhỏ. Gắn liền với vai trò, trách nhiệm chi tiết được phân công trong Điều lệ hoạt động của HĐQT, hai TV độc lập đã có những hoạt động điển hình trong công tác Quản trị, Giám sát, Kiểm soát và Kiểm toán như sau:

- 1** **Hỗ trợ Hội đồng Quản trị thực hiện Quản trị Công ty hiệu quả và minh bạch bằng cách cải thiện các vấn đề liên quan đến những mục tiêu Quản trị Công ty**
Giám sát rà soát, sửa đổi, hoàn thiện và ban hành hệ thống văn bản Quản trị nội bộ phù hợp với mô hình Công ty; triển khai hoàn thiện QTCT theo Bộ nguyên tắc Quản trị mới nhất bao gồm Quy chế tổ chức và hoạt động HĐQT nhằm đảm bảo chính sách QTCT được thực hiện cả về chức năng và hình thức; đồng thời đảm bảo tuân thủ Bộ QCLX
- 2** **Định hướng, giám sát công tác phối hợp giữa Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán nội bộ trong việc triển khai các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị**
Giám sát hoạt động thực hiện dự án nhằm đảm bảo hoàn thành đúng tiến độ và nguồn lực phân bổ
- 3** **Giám sát công tác Công bố thông tin**
Giám sát cải thiện CBTT bằng tiếng Anh trên trang Web của Công ty, các ấn phẩm, các kênh truyền thông cho CĐ, NĐT theo đúng quy định của Pháp luật, bao gồm thông tin tài chính và phi tài chính
- 4** **Đưa ra ý kiến về xung đột lợi ích và giao dịch với các Bên liên quan, góp phần bảo vệ lợi ích của Cổ đông không kiểm soát**
Tham vấn ý kiến hoàn thiện quy định giao dịch BLQ - Chính sách giao dịch BLQ hiệu chỉnh, ban hành trong năm 2019
- 5** **Giám sát và kiểm soát Báo cáo Tài chính**
Giám sát việc lập BCTC phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và các quy định Việt Nam hiện hành đi kèm việc CBTT minh bạch và kịp thời
- 6** **Giám sát dịch vụ kiểm toán độc lập**
Đảm bảo phù hợp yêu cầu về phạm vi, đối tượng, phương pháp, thời gian và chất lượng, độc lập, không xung đột lợi ích.

ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC TRONG NĂM 2019

1 Hội đồng Quản trị với vai trò định hướng chiến lược đã hoạt động tích cực, chủ động và linh hoạt để đảm bảo Công ty phát triển theo đúng mục tiêu đề ra, trong bối cảnh Ngành Năng lượng có nhiều sự thay đổi về chính sách

- ✦ Tổ chức đầy đủ các cuộc họp định kỳ, tổ chức lấy ý kiến các TV bằng văn bản để thông qua các vấn đề theo thẩm quyền; thường xuyên chỉ đạo, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHCĐ và HĐQT.
- ✦ Tổ chức 22 cuộc họp, ban hành 22 Nghị quyết và 23 Quyết định mang tính chất định hướng, chỉ đạo HĐQT theo chiến lược phát triển của Công ty
- ✦ Hoàn thành 12/13 vấn đề của Nghị quyết ĐHCĐ
- ✦ Làm việc với tinh thần trách nhiệm và minh bạch trong công tác Quản trị; tuân thủ đầy đủ các quy định hiện hành và hướng đến thông lệ quốc tế
- ✦ Thực hiện các quyết định chiến lược phát triển trung hạn, kế hoạch hàng năm của Công ty trong phạm vi trách nhiệm
- ✦ Giám sát các mảng hoạt động của Công ty, hoạt động điều hành của Ban TGD, kế hoạch SXKD và ngân sách năm 2019, phê duyệt các vấn đề theo phân cấp quản lý để TGD triển khai thực hiện.

2 Ban Tổng Giám đốc đã nỗ lực trong công tác điều hành, trong việc triển khai các định hướng, kế hoạch của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị, hoàn thành xuất sắc các mục tiêu kinh doanh và tài chính năm 2019

- ✦ Vượt kế hoạch về DT và LN theo số liệu BCTC năm 2019 kiểm toán bởi PWC:
 - » DTT đạt 1.159 tỷ đồng, vượt 16% kế hoạch
 - » LNTT đạt 304 tỷ đồng, vượt 27% kế hoạch
- ✦ M&A thành công các dự án ĐMT, Điện Gió, bao gồm các ĐMT Trúc Sơn - Đắk Nông (44,4 MWp), Điện Gió VPL Bến Tre (70 MW)
- ✦ Hoàn thành mục tiêu đóng điện thêm 3 Dự án ĐMT Đức Huệ 1 - Long An, Hàm Phú 2 - Bình Thuận và Trúc Sơn - Đắk Nông với tổng công suất 143 MWp trước 30/6/2019 với giá bán điện tốt nhất 9,35 cents/kWh
- ✦ Vận hành ổn định, đem lại hiệu quả kinh tế cao cho 14 NMTĐ, 5 NM ĐMT hiện hữu
- ✦ Nghiên cứu ứng dụng các giải pháp công nghệ, tối ưu hóa sản xuất năm 2019 khi triển khai thành công Hệ thống ĐMT tự động xoay theo hướng mặt trời, Hệ phao nổi Năng lượng Mặt trời (Solar Floating), Hệ thống giám sát tình trạng làm việc của các dây panel Năng lượng Mặt trời (String PV), Ứng dụng IOT trong lĩnh vực quan trắc khí tượng thủy văn các NMTĐ, Tái sử dụng dầu bằng phương pháp lọc dầu, Sản xuất và bán thương mại Robot Lau Pin... để gia tăng nguồn thu và tối ưu hóa hiệu quả hoạt động các NM Điện
- ✦ Hoàn thành niêm yết và giao dịch thành công cổ phiếu GEG tại HOSE
- ✦ GEC khẳng định vị thế là một trong những đơn vị tiên phong trong lĩnh vực ĐMT tại Việt Nam.

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

Với việc phát triển NLTT đang là xu thế toàn cầu và còn rất nhiều tiềm năng để khai thác, HĐQT độc lập đã lên kế hoạch cho các mục tiêu trọng yếu trong năm hoạt động 2020 nhằm khẳng định vai trò giám sát và kiểm soát của mình, để tiếp tục định hướng chiến lược, lộ trình và cơ chế chính sách phù hợp với điều kiện cụ thể, nhất là tiềm năng các nguồn tài nguyên Năng lượng sẵn có tại khu vực Đông Dương, phấn đấu năm sau tăng trưởng hơn năm trước, vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra, đảm bảo lợi ích của các CĐ và NĐT:

1 Tiếp tục song hành cùng Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc để các cấp có thể đưa ra những quyết định công bằng, không gây xung đột về lợi ích giữa các Bên liên quan, tạo ra đối trọng để hài hòa lợi ích giữa các nhóm Cổ đông

2 Tiếp tục đưa ra những định hướng, giải pháp hữu hiệu cho hoạt động Kiểm toán nội bộ nhằm đảm bảo hoạt động Kiểm toán nội bộ phát huy tốt vai trò là tuyến phòng thủ thứ 3 của doanh nghiệp, giảm thiểu đến mức thấp nhất các rủi ro, thực hiện Quản trị rủi ro là điều kiện tiên quyết trong mọi hoạt động.

ỦY BAN KIỂM TOÁN KIỂM SOÁT ĐỘC LẬP

CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN TRONG NĂM 2019

Để hỗ trợ HĐQT thực hiện các chức năng một cách hiệu quả, tránh mọi xung đột về lợi ích, UBKT của GEC đã được thành lập từ 18/9/2018 và đã hoạt động rất tích cực trong năm 2019. Hiện tại, UBKT có đầy đủ nguồn lực và thẩm quyền đảm bảo KSNB phù hợp được duy trì để Công ty tuân thủ mọi luật pháp và quy định liên quan đặc biệt là đạo đức kinh doanh và các quy chế hoạt động nội bộ. Trong năm qua, với sự tham gia kiểm soát độc lập của UBKT, hoạt động của GEC minh bạch hơn, giảm thiểu rủi ro gian lận, gia tăng hiệu quả kinh doanh; thể hiện tính trung thực trong chính sách bảo vệ quyền lợi các BLQ, trong đó có CĐ và NĐT.

Đáp ứng hầu như các chuẩn mực mà IFC khuyến nghị trong Bộ quy tắc QTCT, cơ cấu UBKT của GEC với 3 TV HĐQT không điều hành, 67% là nữ trong đó Bà Nguyễn Thùy Vân, Chủ tịch UBKT là TV HĐQT độc lập, hoàn toàn đảm bảo tính độc lập trong hoạt động kiểm tra, giám sát của Ủy ban. Ngoài ra, kiến thức và kinh nghiệm trong lĩnh vực KTNB, Kiểm soát, Kế toán, Tài chính đặc biệt là các chuẩn mực kế toán IFRS, VAS đã hỗ trợ các TV trong công tác tư vấn, tham mưu những vấn đề trọng yếu đạt hiệu quả cao, hướng đến tối thiểu hóa rủi ro, tối đa hóa giá trị cho Công ty và các BLQ.

| STT | Họ và tên | Chức vụ Hội đồng Quản trị | Chức vụ Ủy ban Kiểm toán | Thời gian đảm nhiệm | Thông tin chi tiết |
|-----|------------------------|---------------------------|--------------------------|-------------------------|------------------------------------|
| 1 | Bà Nguyễn Thùy Vân | TV HĐQT độc lập | Chủ tịch | 18/9/2018 đến nay | Năng lực HĐQT trang 41 |
| 2 | Ông Deepak C.Khana | TV HĐQT không điều hành | TV | 18/9/2018 đến 26/4/2019 | Năng lực HĐQT trang 25 - BCTN 2018 |
| 3 | Bà Phạm Ngọc Thanh Mai | TV HĐQT không điều hành | TV | 18/9/2018 đến nay | Năng lực HĐQT trang 42 |

Ủy ban Kiểm toán đã tiến hành 3 lần họp chính thức được ghi nhận trong Biên bản họp năm 2019. Ngoài ra, các TV còn chủ động trao đổi trực tiếp hoặc thư điện tử, điện thoại để giải quyết nhanh các vấn đề phát sinh đột xuất.

| Ngày họp | Tham gia | Lý do vắng mặt | Nội dung |
|------------|----------|---|---|
| 12/4/2019 | 2/3 | | <ul style="list-style-type: none"> Thảo luận các vấn đề, nội dung trình bày trên báo cáo UBKT trước ĐHCĐ thường niên 2018 và Báo cáo cam kết tính trung thực, hợp lý của các thông tin trên BCTN 2018 Đánh giá và cho ý kiến về giao dịch các BLQ Thảo luận về công tác KSNB trong Quý I 2019 và kế hoạch làm việc trọng tâm Quý tiếp theo: <ul style="list-style-type: none"> Rà soát công tác ban hành VBLQ Thẩm định BCTC kiểm toán 2018 Đánh giá chỉ số tài chính, rà soát BCTC Tháng và Quý Đánh giá hoạt động CBTT và hoạt động Văn phòng HĐQT, Ban TGD |
| 12/7/2019 | 2/3 | <ul style="list-style-type: none"> 1 TV từ nhiệm TV HĐQT Dự kiến bổ sung TV UBKT trong năm 2020 | <ul style="list-style-type: none"> Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ thường niên 2018 và Nghị quyết HĐQT Quý II/2019 Đánh giá tình hình SXKD Quý II/2019 Đánh giá và cho ý kiến về giao dịch các BLQ Thảo luận về công tác KSNB trong Quý II 2019 và kế hoạch làm việc trọng tâm Quý tiếp theo: <ul style="list-style-type: none"> Rà soát BCTC Tháng, Quý Kiểm tra hoạt động, kiểm toán tuân thủ bộ phận hỗ trợ liên quan đến kế hoạch, nhân sự, mua sắm, quản lý tài sản, kiểm soát chi phí... đảm bảo các hoạt động trong khuôn khổ Đánh giá công tác cải thiện hoạt động QTCT Phục tra việc hoàn thiện các kiến nghị, cải tiến các hoạt động, soát xét tài liệu họp ĐHCĐ |
| 11/10/2019 | 2/3 | | <ul style="list-style-type: none"> Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ thường niên 2018 và Nghị quyết HĐQT Quý III 2019 Đánh giá tình hình SXKD Quý III/2019 Đánh giá và cho ý kiến về giao dịch các BLQ Thảo luận về công tác KSNB trong Quý III/2019 và kế hoạch làm việc trọng tâm Quý tiếp theo: <ul style="list-style-type: none"> Rà soát BCTC Tháng, Quý Kiểm toán hoạt động xây dựng các dự án ĐMT: Rà soát tính pháp lý của hồ sơ dự án, đánh giá tiến độ và chi phí dự án, kiểm tra thực trạng hồ sơ pháp lý đối với các gói thầu có phát sinh nhà thầu phụ, thanh toán chi trả hộ và công tác đối chiếu công nợ giữa các bên Kiểm toán hoạt động sửa chữa, cải tạo các NMTĐ Kiểm toán tuân thủ, kiểm tra công tác điều phối thực hiện và giám sát các hoạt động về Môi trường, Sức khỏe, An toàn, Xã hội; đảm bảo phù hợp với các quy định liên quan đến EHSS của Việt Nam và đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế đã cam kết Công tác an toàn thông tin. |

Xét về chuẩn mực trách nhiệm của UBKT theo khuyến nghị của IFC, có 8 nhiệm vụ chủ yếu mà Ủy ban cần phải thực hiện trong năm để đảm bảo hoạt động kiểm soát xuyên suốt và hiệu quả. Năm 2019, UBKT GEC đã thực hiện tất cả các công việc theo Điều lệ UBKT, đồng thời đáp ứng đầy đủ các khuyến nghị của IFC.

| Công việc | Thực hiện | Kết quả đạt được |
|---|---|--|
| Giám sát hoạt động Công ty, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc | <ul style="list-style-type: none"> Giám sát các hoạt động của HĐQT theo Nghị quyết ĐHCĐ Giám sát hoạt động của Ban TGD triển khai kế hoạch, hành động theo Nghị quyết HĐQT Tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT Giám sát tính tuân thủ hoạt động Công ty theo đúng Điều lệ, Pháp luật hiện hành, quy định nội bộ Tham mưu, tư vấn, giám sát cải thiện hoạt động QTCT theo thông lệ quốc tế như Bộ Nguyên tắc QTCT theo Thông lệ tốt nhất Việt Nam, Thẻ điểm QTCT Khu vực Asean - ASEAN SCORECARD, Quy tắc QTCT theo OECD Văn bản hóa tất cả các dịch vụ sử dụng giữa Công ty, CTTV với Tập đoàn TTC, minh bạch trong quan hệ với NĐT | <ul style="list-style-type: none"> Nắm bắt thông tin kịp thời cũng như có ý kiến, trao đổi đối các vấn đề thời sự, rủi ro tại Công ty Nghị quyết ĐHCĐ, HĐQT được triển khai đúng và đầy đủ Hoạt động của Công ty tuân thủ theo quy định Pháp luật Tăng cường cam kết về QTCT thông qua Cam kết của HĐQT, Bộ QCUX, Bộ Quy tắc QTCT Tăng cường hiệu quả hoạt động HĐQT thông qua việc gia tăng số lượng TV độc lập, làm rõ và đẩy mạnh nghĩa vụ từng TV theo phân công trách nhiệm Tăng cường vai trò của HĐQT trong việc bảo đảm trách nhiệm giải trình của BDH |
| Thẩm định Báo cáo tài chính và giám sát Công bố thông tin | <ul style="list-style-type: none"> Thẩm định BCTC Bán niên Soát xét và Kiểm toán Năm, soát xét BCTC Quý Công tác CBTT đảm bảo tuân thủ các quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC Hướng dẫn CBTT trên TTCK và Quy chế CBTT tại SGDCCK TP HCM | <ul style="list-style-type: none"> Thông tin, số liệu minh bạch trước khi CBTT đến các CĐ, NĐT, Khách hàng, Đối tác BCTC trung thực, hợp lý trên cơ sở tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, chính sách kế toán áp dụng nhất quán, thuyết minh đầy đủ các thông tin trọng yếu trên BCTC Không có vi phạm về CBTT |
| Giám sát, duy trì và hoàn thiện hệ thống Kiểm soát nội bộ, Quản trị rủi ro | <ul style="list-style-type: none"> Rà soát VBLQ hiện hành của Công ty Giám sát hoạt động KTNB Đánh giá tính tuân thủ, hiệu quả trong công tác thực thi hệ thống KSNB Tham mưu, đề xuất cải thiện các chốt kiểm soát đảm bảo hoạt động, vận hành ổn định, hiệu quả, phòng tránh rủi ro | <ul style="list-style-type: none"> Tuân thủ, tăng cường các kiểm soát để nhận diện và phòng tránh rủi ro Đảm bảo hiệu quả và hiệu lực của hệ thống KSNB, nâng cao hiệu quả hoạt động QTCT |
| Giám sát hoạt động Kiểm toán độc lập | <ul style="list-style-type: none"> Tham mưu, tư vấn lựa chọn Công ty kiểm toán với các tiêu chuẩn về trình độ, năng lực, tính độc lập, tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp Giám sát chất lượng kiểm toán độc lập, trao đổi với Công ty kiểm toán độc lập về kết quả thực hiện kiểm toán, soát xét BCTC và các ý kiến trong Thư tư vấn. | <ul style="list-style-type: none"> Kiểm toán BCTC luôn đạt tính độc lập, khách quan Nâng cao sự tin nhiệm của CĐ, NĐT, uy tín và hình ảnh Công ty Minh bạch và tăng độ tin cậy của người sử dụng thông tin |
| Giám sát giao dịch các Bên liên quan | <ul style="list-style-type: none"> Thường xuyên rà soát giao dịch các BLQ Đánh giá, rà soát trình bày và đảm bảo CBTT đầy đủ các hoạt động liên quan đến giao dịch các BLQ | <ul style="list-style-type: none"> Các giao dịch luôn được thực hiện minh bạch trên cơ sở giá thị trường, tuân thủ theo quy định Pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty, quy định giao dịch BLQ Công bằng trong các giao dịch, không đem lại bất kỳ sự thiên vị cho các BLQ. |

KẾ HOẠCH TRỌNG ĐIỂM CHO HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN NĂM 2020

1 KIỂM TOÁN NỘI BỘ

- Thay mặt HĐQT giám sát các hoạt động KTNB, đảm bảo hoạt động KTNB khách quan và tư vấn độc lập nhằm gia tăng giá trị và cải tiến hoạt động của Công ty
- Đánh giá kết quả hoạt động của KTNB, đảm bảo hoạt động KTNB hiệu quả và độc lập bằng cách xem xét các kết quả của bất kỳ cuộc kiểm tra chất lượng nào cũng như những phản hồi từ BDH và Kiểm toán bên ngoài
- Tăng cường đào tạo đội ngũ nhân sự, nâng cao năng lực chuyên môn và kỹ năng xử lý công việc.

2 KIỂM SOÁT NỘI BỘ VÀ QUẢN TRỊ RỦI RO

- Xem xét, giám sát tính đầy đủ và hiệu quả của hệ thống KSNB; giám sát công tác ban hành, triển khai các VBLQ; đánh giá tính tuân thủ và tính hiệu quả của các chốt kiểm soát trong các VBLQ trong công tác thực thi các văn bản đã ban hành
- Xem xét, đánh giá hiệu quả của QTRR bao gồm rủi ro Môi trường và Xã hội, an ninh mạng, chiến lược, chính sách kiểm soát gian lận
- Tham mưu, tư vấn với HĐQT về hệ thống KSNB, tăng cường tính hiệu quả, giảm thiểu rủi ro, tối đa hóa lợi ích Công ty.

3 BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

- Giám sát việc lập và trình bày BCTC tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành
- Thực hiện thẩm định các BCTC trước khi phát hành và CBTT
- Giám sát, đánh giá chế độ kế toán áp dụng tại Công ty và các CTTV sau khi hoàn tất công tác M&A
- Giám sát CBTT theo đúng quy định
- Duy trì kênh thông tin hiệu quả với Kiểm toán độc lập thường xuyên, giám sát chất lượng, cập nhật kịp thời kết quả kiểm toán BCTC.

4 QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

- Hỗ trợ HĐQT trong việc đảm bảo công tác QTDN thực hiện phù hợp với quy định Pháp luật và Điều lệ Công ty
- Nỗ lực đáp ứng nguyên tắc QTCT theo thông lệ tốt nhất.

5 GIÁM SÁT GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN

- Giám sát, rà soát thường xuyên giao dịch các BLQ, đảm bảo tuân thủ quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và giao dịch BLQ
- Đánh giá giao dịch với các BLQ để xem xét liệu các giao dịch có được thực hiện trên cơ sở giá trị thị trường và khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của HĐQT hoặc CĐ

6 MỐI QUAN HỆ VỚI BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Duy trì mối quan hệ tích cực với Ban TGD thông qua các cuộc họp, trao đổi thường xuyên
- Đảm bảo Ban TGD được cung cấp đầy đủ các thông tin từ UBKT đối với các quyết định quan trọng.

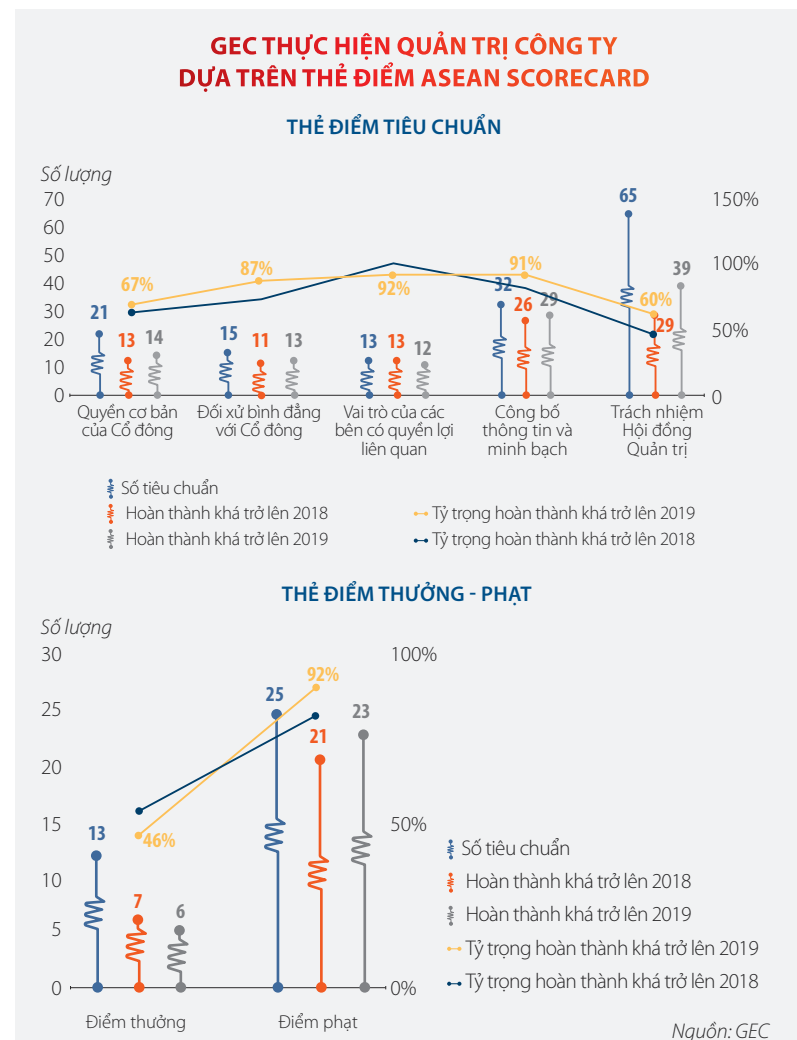
QUẢN TRỊ CÔNG TY CHUẨN MỰC VÀ HIỆN THỰC

Năm 2018, lần đầu tiên Thẻ điểm QTCT được áp dụng cho tất cả các doanh nghiệp niêm yết trong bộ chỉ số VNX-All share đại diện cho toàn bộ TTCK Việt Nam. Thẻ điểm được xây dựng với mục tiêu từng bước nâng tầm công tác thực hành QTCT tốt của các doanh nghiệp niêm yết. Nếu doanh nghiệp đáp ứng tốt thẻ điểm QTCT Việt Nam thì có thể đáp ứng một cách cơ bản các yêu cầu Quản trị tốt theo chuẩn mực ASEAN. Bộ tiêu chí đánh giá QTCT bao gồm 77 tiêu chí, trong đó có 69 tiêu chí yêu cầu thiết yếu (câu hỏi cấp 1) và 8 tiêu chí thưởng phạt (câu hỏi cấp 2). Các tiêu chí được xây dựng nhằm đánh giá doanh nghiệp trên 2 khía cạnh: Đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật về QTCT (chiếm 70% tỷ trọng câu hỏi cấp 1), đánh giá khả năng đáp ứng các thông lệ Quản trị tiên tiến của thế giới (chiếm 30% tỷ trọng câu hỏi cấp 1).

Trước đó, Việt Nam cũng đã tham gia sáng kiến cải thiện QTCT các doanh nghiệp niêm yết Khu vực ASEAN trong khuôn khổ Dự án Thẻ điểm QTCT ASEAN của Thị trường vốn Khu vực ASEAN (ACMF) với hỗ trợ của Ngân hàng Phát triển Châu Á - ADB và Tổ chức Tài chính Thế giới - IFC từ năm 2012.

Ngay từ khi giao dịch trên UPCOM thuộc SGDCK Hà Nội, GEC đã nỗ lực hướng tới các thông lệ tốt trên thị trường, sẵn sàng cho kế hoạch niêm yết HOSE trong năm 2019. Bên cạnh việc tự đánh giá hàng năm dựa trên thẻ điểm QTCT ASEAN, GEC đã chủ động thực hiện so sánh, đánh giá và cải thiện dựa trên Bộ Nguyên tắc QTCT theo Thông lệ Tốt nhất dành cho các công ty đại chúng của Việt Nam do UBCKNN Việt Nam lần đầu tiên công bố tháng 8/2019. Bộ tài liệu được xây dựng với sự hỗ trợ kỹ thuật của IFC - TV Ngân hàng Thế giới và Cục Kinh tế Liên bang Thụy Sĩ - SECO.

Đối với Thẻ điểm tiêu chuẩn, trong năm 2019, GEC đã thực hiện khá trở lên 107/146 tiêu chí, chiếm 73%, tăng gần 16% so với mức 92 tiêu chí đạt của năm 2018. Các



hạng mục Đối xử bình đẳng với CĐ, Vai trò của các bên có quyền lợi liên quan, CBTT và minh bạch đều đạt trên 87%. Tiêu chí thấp nhất trong bảng đánh giá thuộc về Trách nhiệm HĐQT chủ yếu liên quan tới cơ cấu TV HĐQT độc lập trong UBKT, chưa thành lập hoặc chưa có nhân sự phụ trách trọng yếu cho các Tiểu ban QTRR, QTCT, Bổ nhiệm và Lương thưởng để hỗ trợ sát sao cho HĐQT. Trong năm 2020, khi quy mô Công ty và danh mục dự án dự kiến được mở rộng, HĐQT sẽ thực hiện cơ cấu các Tiểu ban phù hợp để hoàn thiện

tốt nhất trách nhiệm của HĐQT. Tuy chỉ mới được niêm yết trên sàn HOSE cuối năm 2019, HĐQT GEC cũng đã nỗ lực thực hiện được 6/13 tiêu chí trong Thẻ điểm thưởng; mặc dù đây là những tiêu chí khuyến khích thực hiện để tiệm cận những chuẩn mực mà quốc tế áp dụng. Đối với Thẻ điểm phạt, Công ty đã tuân thủ tới 92%, tăng 10% so với cùng kỳ tuy nhiên vẫn còn một số vướng mắc liên quan tới cấu trúc sở hữu, vốn là một thực tại mà hầu hết các Công ty tại Việt Nam đang tìm cách tái cấu trúc.

● Rất tốt; ● Tốt; ● Khá; ● Trung bình

| 14 TIÊU CHÍ VỀ QUYỀN CƠ BẢN CỦA CỔ ĐÔNG MÀ GEC ĐÁP ỨNG TỐT TRỞ LÊN NĂM 2019, ĐẠT 67% | |
|--|---|
| A.2 Quyền tham gia vào các quyết định liên quan đến những thay đổi quan trọng của Công ty | 1. CĐ có quyền tham gia sửa đổi các tài liệu của Công ty |
| | 2. Biểu quyết phát hành thêm cổ phiếu |
| | 3. Chuyển nhượng toàn bộ hay phần lớn tài sản của Công ty, dẫn đến việc bán Công ty |
| A.3 Quyền tham gia một cách hiệu quả và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông và phải được thông tin về quy định họp Đại hội đồng Cổ đông, bao gồm cả thủ tục biểu quyết | 4. CĐ có cơ hội, thể hiện bởi nội dung trên chương trình nghị sự, thông qua thủ lao hoặc mọi khoản tăng thủ lao cho TV/Ủy viên HĐQT không điều hành |
| | 5. Cho phép CĐ không có quyền kiểm soát quyền để cử TV/Ủy viên HĐQT |
| | 6. Cho phép CĐ bầu chọn từng TV/Ủy viên HĐQT |
| | 7. Công bố thủ tục biểu quyết được sử dụng trước khi Đại hội tiến hành |
| | 8. Biên bản họp ĐHĐCĐ mới nhất có ghi nhận rằng CĐ có cơ hội đặt câu hỏi và câu hỏi cùng câu trả lời có được ghi nhận |
| | 9. Có công bố kết quả bầu chọn bao gồm số phiếu thông qua, phân đối, phiếu trống cho mỗi nội dung dự thảo lấy ý kiến của ĐHĐCĐ gần nhất |
| | 10. Cho phép biểu quyết vắng mặt |
| | 11. Sử dụng hình thức biểu quyết căn cứ theo số phiếu biểu quyết của CĐ (không phải bằng cách giơ tay) đối với mọi nghị quyết tại ĐHĐCĐ mới nhất |
| | 12. Công bố công khai vào ngày làm việc tiếp theo kết quả biểu quyết đối với tất cả nghị quyết trong ĐHĐCĐ gần nhất |
| | 13. Cung cấp cơ sở, thông tin và giải trình cho mỗi mục trong dự thảo nghị quyết cần được CĐ thông qua trong thông báo về ĐHĐCĐ/tài liệu ĐHĐCĐ/Dự thảo và/hoặc các báo cáo đính kèm |
| | 14. CĐ có được cho cơ hội để đóng góp vấn đề thảo luận vào trong chương trình nghị sự của ĐHĐCĐ. |
| 13 TIÊU CHÍ VỀ ĐỐI XỬ BÌNH ĐẲNG VỚI CỔ ĐÔNG MÀ GEC ĐÁP ỨNG TỐT TRỞ LÊN NĂM 2019, ĐẠT 87% | |
| B.1 Cổ phiếu và quyền biểu quyết | 1. Mỗi cổ phiếu phổ thông có một phiếu biểu quyết |
| | 2. Nếu có nhiều hơn một loại cổ phiếu, có công bố số phiếu biểu quyết gắn với mỗi loại cổ phiếu |
| B.2 Thông báo Đại hội đồng Cổ đông | 3. Cung cấp tiểu sử của TV/Ủy viên HĐQT sẽ được bầu chọn/bầu chọn lại |
| | 4. Kiểm toán viên/công ty kiểm toán chuẩn bị được bầu chọn/bầu chọn lại có được xác định rõ ràng |
| B.3 Phải ngăn cấm giao dịch nội gián và lạm dụng mua bán tư lợi cá nhân | 5. Giấy ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ được cung cấp dễ dàng |
| | 6. Chính sách quy định cấm TV HĐQT và nhân viên không được kiếm lợi từ những kiến thức không được công bố ra ngoài |
| B.4 Giao dịch Bên liên quan của Thành viên Hội đồng quản trị và Cán bộ Quản lý cấp cao | 7. TV HĐQT có được yêu cầu phải báo cáo giao dịch cổ phiếu công ty trong vòng 3 ngày làm việc |
| | 8. Chính sách yêu cầu TV HĐQT công bố lợi ích có liên quan trong các giao dịch và mọi xung đột lợi ích với Công ty |
| | 9. Chính sách yêu cầu 1 Tiểu ban bao gồm TV HĐQT độc lập rà soát giao dịch BLQ trọng yếu để xác định liệu những giao dịch đó có phục vụ lợi ích tốt nhất của Công ty và CĐ |
| | 10. Chính sách yêu cầu TV HĐQT không tham gia họp HĐQT trong các cuộc họp về các hoạt động, giao dịch mà TV đó có xung đột lợi ích |
| | 11. Chính sách về khoản vay cho TV HĐQT, quy định cấm hoạt động này hoặc đảm bảo rằng các khoản vay được thực hiện trên cơ sở giao dịch hợp lý theo lãi suất thị trường |
| B.5 Bảo vệ Cổ đông thiểu số trước các hành vi lạm dụng | 12. Công bố về việc giao dịch BLQ được thực hiện theo cách đảm bảo rằng những giao dịch đó là hợp lý và theo cơ chế thị trường |
| | 13. Nếu cần có phê duyệt của CĐ thông qua các giao dịch BLQ, việc biểu quyết phê duyệt phải được biểu quyết bởi CĐ không liên quan lợi ích. |

QUẢN TRỊ CÔNG TY CHUẨN MỰC VÀ HIỆN THỰC (tiếp theo)

12 TIÊU CHÍ VỀ VAI TRÒ CỦA CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN MÀ GEC ĐÁP ỨNG TỐT TRỞ LÊN NĂM 2019, ĐẠT 92%

| | |
|---|---|
| C.1 Quyền của các Bên có quyền lợi liên quan được pháp luật quy định hoặc theo các thỏa thuận song phương phải được tôn trọng | 1. Công bố chính sách và thực hành nhằm bảo vệ quyền lợi Khách hàng |
| | 2. Công bố chính sách và thực hành, mô tả nỗ lực bảo đảm chuỗi giá trị thân thiện với Môi trường, phù hợp thúc đẩy PTBV |
| | 3. Công bố chính sách và các thực hành, mô tả nỗ lực của Công ty trong việc tương tác với Cộng đồng nơi Công ty hoạt động |
| | 4. Công bố chính sách và các thực hành phòng chống tham nhũng của Công ty |
| | 5. Công bố chính sách và các thực hành, mô tả cách thức bảo vệ quyền lợi của chủ nợ |
| | 6. Báo cáo/nội dung riêng mô tả các nỗ lực về các vấn đề về Môi trường/Kinh tế và Xã hội |
| C.2 Khi lợi ích của các Bên có quyền lợi liên quan được pháp luật bảo vệ, các Bên có quyền lợi liên quan phải có cơ hội được khiếu nại hiệu quả khi quyền lợi của họ bị vi phạm | 7. Cung cấp thông tin liên hệ trên trang Web hay BCTN để các bên có quyền lợi liên quan có thể sử dụng để lên tiếng về lo ngại và/hoặc khiếu kiện về những vi phạm có thể xảy ra đối với quyền lợi của họ |
| C.3 Các cơ chế nâng cao hiệu quả tham gia của Người lao động cần được phép xây dựng | 8. Công bố rõ ràng chính sách và thực hành, nỗ lực về sức khỏe, an toàn và phúc lợi cho Nhân viên |
| | 9. Công bố rõ ràng chính sách và thực hành, nỗ lực về các chương trình đào tạo và phát triển cho Nhân viên |
| | 10. Chính sách khen thưởng gắn với hiệu quả hoạt động của Công ty trong dài hạn hơn là trong ngắn hạn |
| C.4 Các Bên có quyền lợi liên quan, bao gồm cả Người lao động và tổ chức đại diện cho họ, phải được tự do truyền đạt những lo ngại của họ về những việc làm không hợp pháp hoặc không phù hợp đạo đức lên Hội đồng Quản trị và việc này không được ảnh hưởng tới quyền lợi của họ | 11. Chính sách tố giác bao gồm quy trình khiếu nại dành cho nhân viên và các BLQ về hành vi không hợp pháp (kể cả tham nhũng) hoặc không phù hợp đạo đức và cung cấp thông tin liên hệ khiếu nại chi tiết được để cập trên trang Web hoặc báo |
| | 12. Chính sách hay thủ tục để bảo vệ Nhân viên, cá nhân khỏi bị trả đũa vì đã tiết lộ hành vi không hợp pháp, không phù hợp đạo đức. |

29 TIÊU CHÍ VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH MÀ GEC ĐÁP ỨNG TỐT TRỞ LÊN NĂM 2019, ĐẠT 91%

| | |
|--|--|
| D.1 Cấu trúc sở hữu minh bạch | 1. Thông tin về CĐ có tiết lộ danh tính của các chủ sở hữu nắm giữ 5% cổ phần trở lên |
| | 2. Công bố chi tiết về công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và doanh nghiệp/công ty có mục đích đặc biệt (SPE)/(SPV) |
| D.2 Chất lượng của Báo cáo thường niên, công bố những nội dung | 3. Mục tiêu của Công ty |
| | 4. Chỉ số hiệu quả tài chính |
| | 5. Chỉ số hiệu quả phi tài chính |
| | 6. Chính sách cổ tức |
| | 7. Chi tiết tiểu sử của TV HĐQT |
| | 8. Chi tiết về tham gia của mỗi TV HĐQT trong các cuộc họp HĐQT đã thực hiện trong năm |
| | 9. Tổng thù lao của mỗi TV HĐQT |
| | 10. Tuyên bố khẳng định sự tuân thủ đầy đủ với quy tắc QTCT và trong trường hợp có tình trạng không tuân thủ, có xác định rõ và giải thích lý do cho mỗi vấn đề đó |

| | |
|--|--|
| D.3 Công bố giao dịch Bên liên quan | 11. Công bố chính sách về rà soát và phê duyệt giao dịch BLQ trọng yếu/quan trọng |
| | 12. Công bố tên của BLQ, mối quan hệ, bản chất và giá trị cho mỗi giao dịch BLQ trọng yếu/quan trọng |
| D.4 Thành viên Hội đồng Quản trị giao dịch cổ phiếu của công ty | 13. Công bố giao dịch cổ phiếu của Công ty do người Người nội bộ của Công ty thực hiện |
| D.5 Kiểm toán độc lập và Báo cáo kiểm toán | 14. Phí kiểm toán và phi kiểm toán có được công bố công khai |
| | 15. Phí dịch vụ phi kiểm toán có cao hơn phí dịch vụ kiểm toán |
| D.6 Phương tiện truyền thông: Sử dụng các hình thức truyền thông | 16. Báo cáo Quý |
| | 17. Trang thông tin điện tử của Công ty |
| | 18. Đánh giá của chuyên gia phân tích |
| D.7 Nộp, công bố Báo cáo Thường niên, Báo cáo Tài chính đúng hạn | 19. Thông tin trên phương tiện truyền thông/hợp báo |
| | 20. BCTC năm đã kiểm toán có được công bố công khai trong vòng 120 ngày kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính |
| | 21. BCTN có được công bố công khai trong vòng 120 ngày kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính |
| | 22. Sự trung thực hợp lý của BCTC năm có được TV HĐQT hoặc điều hành có thẩm quyền khẳng định |
| D.8 Trang Web Công ty: Công bố thông tin cập nhật | 23. BCTC Quý gần nhất |
| | 24. Tài liệu của chuyên gia phân tích và cơ quan truyền thông |
| | 25. BCTN có thể được tải về |
| | 26. Thông báo và tài liệu họp ĐHCĐ và/hoặc ĐHCĐ bất thường |
| | 27. Biên bản họp ĐHCĐ và/hoặc ĐHCĐ bất thường |
| | 28. Điều lệ Công ty có thể được tải về |
| D.9 Quan hệ Nhà đầu tư | 29. CBTT tin liên hệ của cán bộ/bộ phận chịu trách nhiệm về QHNDT. |

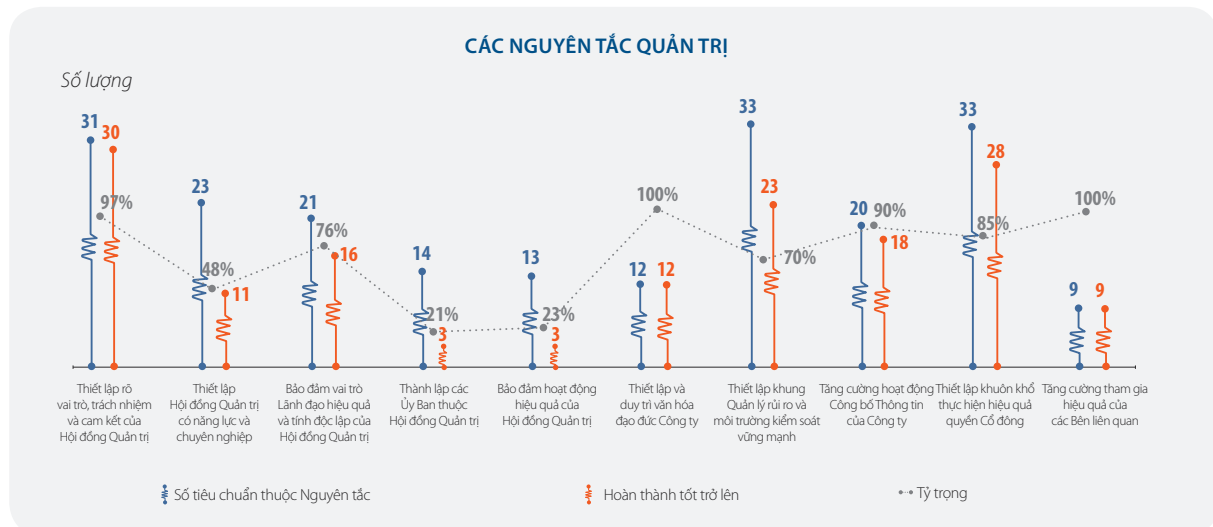
39 TIÊU CHÍ VỀ TRÁCH NHIỆM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ MÀ GEC ĐÁP ỨNG TỐT TRỞ LÊN NĂM 2019, ĐẠT 60%

| | |
|---|--|
| E.1 Vai trò và trách nhiệm của Thành viên Hội đồng Quản trị | 1. Công bố quy chế QTCT, Điều lệ hoạt động của HĐQT |
| | 2. Các loại quyết định phải có phê duyệt của TV HĐQT có được công bố công khai |
| | 3. Vai trò và trách nhiệm của TV HĐQT có được quy định và công bố rõ ràng |
| | 4. Công bố tầm nhìn và sứ mệnh được xem xét, cập nhật |
| | 5. TV HĐQT đóng vai trò lãnh đạo trong quá trình xây dựng/theo dõi chiến lược của Công ty ít nhất 1 năm |
| E.2 Cơ cấu Hội đồng Quản trị | 6. TV HĐQT có quy trình xem xét, giám sát, theo dõi việc thực hiện chiến lược của Công ty |
| | 7. Chi tiết của Bộ QCUX có được công bố công khai |
| | 8. Công bố về việc tất cả TV HĐQT, lãnh đạo cấp cao và nhân viên phải tuân thủ Bộ QCUX |
| | 9. Công bố cách thực hiện và giám sát việc tuân thủ Bộ QCUX |
| | 10. TV HĐQT điều hành nào phục vụ tại hơn 2 HĐQT của các Công ty niêm yết ngoài Tập đoàn |
| | 11. Có TBKT không |
| | 12. Có công bố quy chế hoạt động/cơ cấu quản trị/điều lệ của TBKT |
| | 13. Tối thiểu 1 TV HĐQT độc lập của TBKT có chuyên môn về kế toán |
| | 14. Sự tham gia của TV trong cuộc họp của TBKT có được công bố công khai, có họp tối thiểu 4 lần trong năm |
| | 15. TBKT có trách nhiệm chính trong việc đưa ra khuyến nghị về bổ nhiệm và miễn nhiệm kiểm toán độc lập. |

QUẢN TRỊ CÔNG TY CHUẨN MỰC VÀ HIỆN THỰC (tiếp theo)

| 39 TIÊU CHÍ VỀ TRÁCH NHIỆM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ MÀ GEC ĐÁP ỨNG TỐT TRỞ LÊN NĂM 2019, ĐẠT 60% (tiếp theo) | |
|---|--|
| E.3 Quy trình Hội đồng Quản trị | 16. Hợp HĐQT có được lập kế hoạch trước khi bắt đầu năm tài chính |
| | 17. Mỗi TV HĐQT có tham dự tối thiểu 75% số cuộc họp HĐQT trong năm |
| | 18. Yêu cầu về số đại biểu tham dự tối thiểu phải đạt 2/3 số TV HĐQT đối với các cuộc họp cần ra quyết định |
| | 19. Văn bản cho các cuộc họp HĐQT có được cung cấp cho HĐQT tối thiểu 5 ngày làm việc trước khi diễn ra cuộc họp |
| | 20. Thư ký Công ty có đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ HĐQT thực hiện trách nhiệm của mình |
| | 21. Thư ký Công ty có được đào tạo về pháp lý, kế toán hay thực hành công tác thư ký công ty và được cập nhật các vấn đề mới có liên quan các nội dung trên |
| | 22. Tất cả các TV HĐQT có được bầu lại tối thiểu 3 năm, hoặc 5 năm đối với công ty niêm yết ở những quốc gia có pháp luật quy định nhiệm kỳ 5 năm 1 lần |
| | 23. Có công bố các tiêu chí sử dụng để lựa chọn TV HĐQT mới |
| | 24. Có công bố chính sách/thực hành về thù lao (chính sách khích lệ và các chỉ tiêu hiệu quả ngắn và dài hạn) đối với TV HĐQT điều hành và TGD |
| | 25. Cơ cấu thù lao cho TV HĐQT không điều hành có được công bố công khai |
| | 26. CĐ hay HĐQT có thông qua thù lao của TV HĐQT điều hành và/hoặc Lãnh đạo cấp cao |
| | 27. Có chính sách, tiêu chuẩn có thể đo lường để gắn mức thù lao chi trả dựa trên thành tích của các TV HĐQT điều hành hoặc BDH với lợi ích lâu dài của Công ty (điều khoản thu hồi, chính sách khoản thưởng hoàn lại) |
| | 28. Có bộ phận KTNB riêng biệt |
| E.4 Nhân sự trong Hội đồng Quản trị | 29. Việc bổ nhiệm và miễn nhiệm KTNB có phải được TBKT thông qua |
| | 30. Công bố quy trình KSNB/hệ thống QLRR và định kỳ xem xét tính hiệu quả của hệ thống |
| | 31. BCTN/Báo cáo QTCT có công bố TV HĐQT đã rà soát các chốt kiểm soát trọng yếu và các hệ thống QLRR |
| | 32. Công bố cách thức quản lý các rủi ro quan trọng (tài chính, vận hành gồm Công nghệ, Môi trường, Xã hội và Kinh tế) |
| | 33. BCTN/Báo cáo QTCT trình bày tuyên bố của TV HĐQT hay TBKT về sự đầy đủ của các chốt KSNB, hệ thống QLRR |
| | 34. Hai người khác nhau đảm nhiệm vị trí chủ tịch HĐQT và TGD |
| | 35. Có bất kỳ TV HĐQT là nguyên TGD của Công ty trong 2 năm trước |
| | 36. Vai trò và trách nhiệm của Chủ tịch có được công bố công khai |
| | 37. Tối thiểu 1 TV HĐQT không điều hành có kinh nghiệm làm việc trước đó trong lĩnh vực chính của Công ty |
| | E.5 Hiệu quả Hội đồng Quản trị |
| 39. TV HĐQT có thực hiện đánh giá hiệu quả hàng năm đối với TGD/Quản lý chủ chốt. | |

GEC THỰC HIỆN QUẢN TRỊ CÔNG TY DỰA TRÊN BỘ NGUYÊN TẮC QUẢN TRỊ CÔNG TY VIỆT NAM THEO THÔNG LỆ TỐT NHẤT



Việc đánh giá dựa trên Bộ Nguyên tắc QTCT mới nhất đã hỗ trợ cho HĐQT có thêm một cơ sở quan trọng khác đánh giá mức độ hoàn thiện của công tác Quản trị dưới góc nhìn cập nhật hơn về các chuẩn mực. Có những sự tương đồng nhất định giữa kết quả đánh giá của Bộ Nguyên tắc này và Thẻ điểm ASEAN. Cụ thể, Công ty đáp ứng 100% các nguyên tắc sau: Nguyên tắc 10 - Tăng cường tham gia hiệu quả của các BLQ và Nguyên tắc 6 - Thiết lập và duy trì văn hóa đạo đức Công ty, được thể hiện rõ ràng trong việc xây dựng, công bố và giám sát QCUX bằng cả 2 ngôn ngữ Việt - Anh, đăng tải trên trang Web Công ty.

Một số nguyên tắc khác như Nguyên tắc 1 Thiết lập rõ vai trò, trách nhiệm và cam kết của HĐQT, Nguyên tắc 8 - Tăng cường hoạt động và CBTT của Công ty, Nguyên tắc 9 - Thiết lập khuôn khổ để thực hiện hiệu quả quyền của CĐ,

Nguyên tắc 3 - Bảo đảm vai trò lãnh đạo hiệu quả và tính độc lập của HĐQT, Nguyên tắc 7 - Thiết lập khung QLRR và môi trường kiểm soát vững mạnh đều đạt được tỷ lệ đáp ứng khá trở lên từ 70% cho tới 97%. Tương tự đối với Thẻ điểm ASEAN, Nguyên tắc 4 - Thành lập các Ủy ban thuộc HĐQT sẽ là điểm mà HĐQT Công ty nỗ lực cải thiện trong thời gian tới, do chỉ đạt 21% ở chỉ tiêu này.

Nhìn chung, GEC hoàn thành từ tốt trở lên 153/209 Nguyên tắc của Bộ QTCT mới tương đương 73%, chứng minh sự nỗ lực của HĐQT trong hoạt động Quản trị Điều hành GEC giai đoạn vừa qua. Với tính cập nhật và hàn lâm của Bộ Nguyên tắc mới được ứng dụng các thông lệ tốt nhất trên thị trường, một số tiêu chí mà GEC chưa đạt được tỷ lệ hoàn thành tốt cần có thêm thời gian để bắt kịp với xu hướng.

Những tiêu chí theo Bộ Nguyên tắc Quản trị mà GEC ưu tiên cải thiện trong ngắn hạn - 1 năm

| Nguyên tắc | Nội dung | Dự kiến thực hiện |
|------------|--|-------------------|
| 2.2 | HĐQT bao gồm tối thiểu 2/3 TV không điều hành, có các tiêu chuẩn cần thiết để tham gia một cách hiệu quả và giúp HĐQT nhận định khách quan, độc lập về hoạt động Công ty, bảo đảm có được cơ chế kiểm soát và cân bằng phù hợp | 4/2020 |
| 2.2.2 | HĐQT bao gồm tối thiểu 2/3 TV HĐQT không điều hành bảo đảm lợi ích Công ty cao hơn lợi ích các CĐ cá nhân | 4/2020 |
| 2.2.3 | Quy định rõ tiêu chuẩn phù hợp cần thiết đối với các TV HĐQT không điều hành bảo đảm việc những TV này có thể tham gia hiệu quả vào thảo luận của HĐQT đồng thời thực hiện vai trò và trách nhiệm của mình | 5/2020 |
| 2.4.4 | Tất cả TV HĐQT cần phải tham gia tối thiểu 1 chương trình đào tạo TV HĐQT hoặc QTCT của 1 tổ chức chuyên nghiệp có uy tín để bảo đảm họ hiểu rõ những nguyên tắc cơ bản về QTCT tốt cũng như nỗ lực bắt kịp những xu hướng và yêu cầu mới nhất về Quản trị | 12/2020 |
| 4.1.1 | Cần thành lập UBKT, bao gồm tối thiểu 3 TV HĐQT, tất cả đều là TV không điều hành và đa số là TV độc lập, kể cả vị trí Chủ tịch Ủy ban | 12/2020 |
| 4.1.3 | Vai trò trách nhiệm của UBKT phải được quy định trong quy chế hoạt động riêng, do HĐQT phê chuẩn và được công bố trên trang Web Công ty. Thẩm quyền, cơ cấu và quy trình hoạt động của UBKT cần được quy định cụ thể trong quy chế hoạt động của UBKT, là chuẩn mực thực tiễn để dựa vào đó có thể đánh giá được kết quả công việc của UBKT | 12/2020 |
| 4.3 | HĐQT cần thành lập Ủy ban QTCT, Bổ nhiệm và Lương thưởng để tăng cường hiệu quả của khung QTCT và bảo đảm chính sách và hoạt động bổ nhiệm và lương thưởng của Công ty hỗ trợ được việc bổ nhiệm, phát triển, thu hút và giữ chân các TV HĐQT và BDH tài năng | 4/2020 |
| 4.3.1 | HĐQT cần thành lập Ủy ban QTCT, Bổ nhiệm và Lương thưởng bao gồm tối thiểu 3 TV không điều hành có năng lực chuyên môn, đa số là TV độc lập, kể cả vị trí Chủ tịch Ủy ban | 4/2020 |
| 4.3.2 | HĐQT phê duyệt quy chế hoạt động của Ủy ban và quy chế này cần phải được công bố trên trang Web của Công ty. Thẩm quyền, cơ cấu, và quy trình hoạt động được quy định trong quy chế hoạt động của Ủy ban nên được xây dựng thành chuẩn đối sánh thực tế, để dựa vào đó có thể đánh giá được kết quả công việc của Ủy ban | 12/2020 |
| 4.3.3 | Trách nhiệm chủ yếu của Ủy ban bao gồm: i. Xây dựng, kiến nghị và đánh giá hàng năm chính sách QTCT và giám sát các vấn đề QTCT ii. Xác định ứng cử viên có đủ năng lực trở thành TV HĐQT và trình lên HĐQT để thông qua danh sách ứng cử iii. Kiến nghị lên HĐQT về việc bổ nhiệm các Ủy ban liên quan iv. Điều phối việc đánh giá hàng năm đối với HĐQT, TV HĐQT và các Ủy ban v. Bảo đảm việc tuân thủ chính sách QTCT và Bộ QCUX vi. Hỗ trợ HĐQT thực hiện trách nhiệm liên quan đến lương thưởng của TV HĐQT, TGD, BDH, Thư ký Công ty và TV khác thuộc BDH khi được trình lên HĐQT xem xét vii. Giám sát việc quản lý kế hoạch thù lao và phúc lợi của Công ty viii. Chuẩn bị BCTN về chính sách và hoạt động lương thưởng, là một phần BCTN của Công ty | 12/2020 |
| 5.3.1 | Ủy ban QTCT, Bổ nhiệm và Lương thưởng thuộc HĐQT với đa số TV không điều hành và Chủ tịch là TV độc lập cần phải chịu trách nhiệm thiết lập chính sách lương thưởng | 12/2020 |
| 8.2.2 | Thường xuyên cập nhật các nội dung thông tin công bố trên trang Web Công ty, HĐQT của Công ty niêm yết cần phải bảo đảm rằng mọi thông tin cung cấp thông qua trang Web được cung cấp bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh. | 12/2020 |
| 8.3.2 | HĐQT cần phải công bố mức độ và lộ trình Công ty tuân thủ Bộ Nguyên tắc QTCT trong BCTN một cách chi tiết | 4/2020 |
| 9.2.8 | TV HĐQT, lãnh đạo cấp cao và đại diện của kiểm toán độc lập cần phải tham dự các cuộc họp của CĐ để trả lời các câu hỏi của CĐ tại cuộc họp | 4/2020 |
| 9.4.3 | CĐ trong và ngoài nước cần phải được khuyến khích tham gia và biểu quyết tại ĐHĐCĐ. Những trở ngại đối với biểu quyết xuyên biên giới cần được loại bỏ. Tài liệu họp ĐHĐCĐ, bao gồm tài liệu, nghị quyết và biên bản, nên được cung cấp thêm bằng tiếng Anh nhằm tạo điều kiện cho các CĐ không quen thuộc với tiếng Việt tham gia cuộc họp một cách có hiệu quả và cung cấp thông dịch viên tại cuộc họp nếu cần thiết | 4/2020 |
| 9.4.4 | Công ty cần thiết lập và công bố trên trang Web chính sách và cơ chế khiếu nại hiệu quả cho phép CĐ và những người khác thực hiện khiếu nại và đảm bảo các khiếu nại này được điều tra và xử lý. | 12/2020 |



LÊN ĐÈN

Khi thành phố lên đèn là nguồn Năng lượng của hạnh phúc...,
Mỗi gia đình quây quần bên nhau sau một ngày cho công việc...

GEC KIÊN ĐỊNH VỚI SỨ MỆNH PHÁT TRIỂN VÌ CỘNG ĐỒNG...,
SẼ THÊM NGUỒN ÁNH SÁNG ĐẾN TỪ NHỮNG TURBINE GIÓ
CHUYỂN ĐỘNG KHÔNG NGỪNG..., VỚI DANH MỤC
ĐIỆN GIÓ CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ ĐA DẠNG
TẠI NHIỀU TỈNH THÀNH, GEC SẴN SÀNG TĂNG TỐC...



- 68 Quy chế ứng xử - Xây dựng niềm tin
- 72 Các Bên liên quan - Cộng hưởng giá trị
- 77 Kinh tế - Nỗ lực đồng hành
- 82 Xã hội - Nỗ lực xây dựng
- 89 Môi trường - Nỗ lực bảo vệ

QUY CHẾ ỨNG XỬ XÂY DỰNG NIỀM TIN

VĂN HÓA LÀ SỰ ĐÚC KẾT NHỮNG GIÁ TRỊ TỐT ĐẸP NHẤT VỀ VẬT CHẤT CŨNG NHƯ TINH THẦN, DÙ CHỈ LÀ MỘT ĐỊA PHƯƠNG NHỎ, RỒI LỚN HƠN LÀ MỘT QUỐC GIA, MỘT DÂN TỘC... HAY THẬM CHÍ LÀ CỦA CẢ NHÂN LOẠI. VĂN HÓA MANG TÍNH KẾ THỪA NHỮNG GIÁ TRỊ CỦA LỊCH SỬ NHƯNG CŨNG SẼ KHÔNG NGỪNG SÁNG TẠO, BIẾN ĐỔI ĐỂ PHÙ HỢP VỚI TỪNG GIAI ĐOẠN VÀ LĨNH VỰC CỤ THỂ.

Đối với văn hóa doanh nghiệp, Franklin Covey - Tổ chức tư vấn và đào tạo hàng đầu của Mỹ đã từng kết luận: *"Nếu chiến lược là hạt, thì văn hóa là đất. Nếu đất tốt thì hạt sẽ nở hoa, dù hạt có tốt đến mấy nhưng đất không tốt thì chiến lược cũng khó có thể thành công."* Thời nào cũng vậy, văn hóa luôn là yếu tố dẫn dắt thành công của chiến lược và phản ánh các giá trị của chiến lược đó một cách lâu dài. Các đối thủ trong kinh doanh có thể sao chép chiến lược, sản phẩm, hệ thống, quy trình... nhưng họ không thể sao chép được văn hóa doanh nghiệp.

Văn hóa doanh nghiệp là bản sắc riêng, xuất phát từ tư tưởng, niềm tin đến khát vọng chinh phục và cuối cùng là thành quả của doanh nghiệp. Văn hóa là một phạm trù vô cùng rộng lớn, vì thế để xây dựng được một văn hóa doanh nghiệp tốt thì cần phải chỉ ra những quy định, hướng dẫn cụ thể cho từng cá nhân, đơn vị về cách thức, phong cách, thái độ ứng xử phù hợp với các quy chuẩn của

xã hội. Đó có thể là nếp sống văn minh, đảm bảo kỷ luật, kỷ cương, sự phối hợp hài hòa, tôn trọng lẫn nhau trong công việc, tạo môi trường làm việc trong sạch, minh bạch để hoàn thành tốt nhất các công việc được giao. Văn hóa doanh nghiệp thể hiện trong từng quy tắc ứng xử là nền tảng để xây dựng thương hiệu cá nhân cũng như thương hiệu tổ chức; từ đó xây dựng niềm tin với Khách hàng, Đối tác, CĐ, NĐT và hơn ai hết là tập thể những người gắn bó với doanh nghiệp.

Sau khi cổ phần hóa, GEC từ năm 2011 đã bắt đầu hành trình xây dựng những quy định về giao tiếp, hành xử trong Công ty và chính thức ban hành QCUX từ tháng 1/2015. Trong quá trình áp dụng, GEC đã không ngừng tìm hiểu và thay đổi các quy định nhằm phù hợp với tình hình thực tế và học hỏi cả những thông lệ quốc tế. Lần sửa đổi QCUX gần nhất là vào tháng 1/2019 và hiện đang được vận hành với 3 nội dung chính:

Cam kết đối với Cán bộ Nhân viên

- ✦ Bảo vệ tối đa quyền con người
- ✦ Tôn trọng quyền lợi hợp pháp của CBNV
- ✦ Cam kết đối xử công bằng bình đẳng với CBNV
- ✦ Xây dựng Môi trường làm việc thân thiện, tinh thần đoàn kết sẻ chia

Cam kết đối với Nhà cung cấp, Khách hàng

- ✦ Những hành động thiết thực đối với hệ thống Khách hàng, dựa trên nền tảng kinh doanh
- ✦ Uy tín, tôn trọng và trung thực với các Nhà cung cấp
- ✦ Thực hiện nghĩa vụ bảo mật thông tin với Khách hàng, Nhà cung cấp

Cam kết đối với Đối tác, Nhà đầu tư, Cổ đông

- ✦ Tôn trọng lợi ích của Đối tác, hướng đến lợi ích cao nhất của các Bên
- ✦ Tạo cơ hội đầu tư ngang bằng cho mọi NĐT
- ✦ Xem lợi ích của CĐ là lợi ích của Công ty
- ✦ Đối xử sòng phẳng và trung thực với Đối tác, NĐT và CĐ
- ✦ Cung cấp BCTC với những thông tin trung thực và hợp lý, tuân thủ quy định và chuẩn mực liên quan
- ✦ Thông báo tình hình hoạt động qua trang Web, BCTN, ĐHĐCĐ

Cam kết tuân thủ Pháp luật và đối với Xã hội

1. Thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ pháp luật, chịu trách nhiệm những hành vi không tuân thủ:

- ✦ Tuân thủ pháp luật lao động về việc không sử dụng lao động vị thành niên hoặc lao động cưỡng bức
- ✦ Tuân thủ pháp luật sở hữu trí tuệ, bảo vệ tài sản sở hữu trí tuệ hợp pháp, tôn trọng tài sản sở hữu trí tuệ của các BLQ
- ✦ Tuân thủ pháp luật chứng khoán bao gồm nghĩa vụ CBTT đầy đủ, chính xác, kịp thời
- ✦ Tuân thủ pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thông qua chính sách, nguyên tắc, quy định và hành động

2. Cơ quan Nhà nước:

- ✦ Không cung cấp thông tin sai
- ✦ Không có các hành vi hối lộ

3. Xã hội:

- ✦ Đóng góp vật chất và tinh thần
- ✦ Tuân thủ pháp luật bảo vệ Môi trường.



QUY CHẾ ỨNG XỬ XÂY DỰNG NIỀM TIN (tiếp theo)

CAM KẾT VỀ ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP CỦA CÁN BỘ NHÂN VIÊN

- Tuân thủ quy định Pháp luật và chính sách nội bộ của Công ty**
 - ✦ Hiểu và tuân thủ các quy định của Pháp luật, quy định nội bộ của Công ty
 - ✦ Luôn nhận thức các rủi ro về sức khỏe, tài sản và pháp lý
 - ✦ Đảm bảo hoạt động hàng ngày của CBNV hướng tới Xã hội, Đối tác, Khách hàng và Môi trường xanh
- Hành động dựa trên lợi ích Công ty**
 - ✦ Đưa ra các quyết định trong công việc dựa trên lợi ích cao nhất của Công ty
 - ✦ Không làm việc cho bên thứ ba khi đang làm cho Công ty nếu công việc đó có thể ảnh hưởng không tốt đến hiệu suất lao động
 - ✦ Không sử dụng tài sản, thông tin hay vị trí trong Công ty để cạnh tranh vì mục đích cá nhân
 - ✦ CBNV và người thân không nhận hoặc đề nghị nhận lợi ích vật chất hoặc tinh thần từ các BLQ dưới mọi hình thức
 - ✦ Thông báo cho Công ty các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty
- Đảm bảo năng lực chuyên môn và tinh thần làm việc thận trọng**
 - ✦ Tính cẩn trọng cao khi đảm nhận bất kỳ nhiệm vụ nào
 - ✦ Tinh thần làm việc cẩn trọng bao hàm trách nhiệm phải hành động đúng theo các yêu cầu của nghề nghiệp một cách cẩn thận
- Trung thực, khách quan và công bằng trong công việc**
 - ✦ Trung thực trong quá trình thực hiện nghiệp vụ được giao
 - ✦ CBQL không kỳ thị, phân biệt đối xử trong quá trình làm việc
 - ✦ Mọi CBNV đặc biệt là các BQL không được phép yêu cầu hoặc nhận hối lộ, lót tay dưới bất kỳ hình thức nào từ bên thứ ba
- Bảo mật thông tin của Công ty, các Bên liên quan**
 - ✦ Trách nhiệm chấp hành nghiêm chỉnh quy định bảo mật thông tin của Công ty
 - ✦ Cảnh giác với khả năng vô tình tiết lộ thông tin mật, thông tin nội bộ khi CBNV giao tiếp
 - ✦ Thông báo ngay cho Quản lý trực tiếp, UBKT nếu phát hiện vi phạm bảo mật thông tin
- Truyền thông**
 - ✦ Chủ tịch HĐQT, TGD, bộ phận chịu trách nhiệm được phép cung cấp thông tin cho truyền thông
 - ✦ CBNV không được sử dụng các phương tiện có thể làm ảnh hưởng đến hình ảnh và thương hiệu Công ty
- Tính chính xác, minh bạch của sổ sách**
 - ✦ Chứng từ chính xác cho mục đích phục vụ báo cáo
 - ✦ Không phóng đại, sửa đổi, bóp méo dữ liệu, thông tin
- Tính minh bạch, công bằng trong giao dịch**
 - ✦ Công khai và giải thích rõ cho Đối tác, Khách hàng, Nhà cung cấp hiểu về chính sách minh bạch, công bằng
 - ✦ Đối tác, Khách hàng, Nhà cung cấp không được phép mua chuộc, hoặc thỏa hiệp với CBNV để đạt được mục đích giao dịch thành công
- Sử dụng thời gian làm việc và tài sản của Công ty**
 - ✦ Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ thông qua đăng ký bảo hộ các sáng chế, nhãn hiệu và bản quyền
 - ✦ Sử dụng tài sản, hệ thống thông tin thích hợp, bảo vệ các hệ thống và dữ liệu
 - ✦ Không sử dụng thời gian làm việc và công cụ hỗ trợ trong công việc để thực hiện các công việc cá nhân
- Trách nhiệm báo cáo**
 - ✦ Báo cáo trung thực, đầy đủ, rõ ràng, chính xác và đúng thời gian cho các cấp thẩm quyền
 - ✦ Báo cáo các hành vi vi phạm và nghi ngờ vi phạm đạo đức nghề nghiệp hoặc tổn hại uy tín của Công ty cho UBKT hoặc Chủ tịch HĐQT 24/24
 - ✦ Nghiêm cấm việc trả thù, trừng phạt, trù dập những người đã thực hiện báo cáo.

QUY TẮC GIAO TIẾP, ỨNG XỬ CỦA CÁN BỘ NHÂN VIÊN

- Hành vi và thái độ khi làm việc**
 - ✦ Kiểm soát hành vi cá nhân để không làm ảnh hưởng đến hình ảnh Công ty
 - ✦ Không nói xấu hoặc có những hành vi lăng mạ các cá nhân, tổ chức khác
 - ✦ Không có thái độ phân biệt đối xử và hành vi quấy rối tại nơi làm việc
 - ✦ Tác phong chuyên nghiệp, đảm bảo hình ảnh thương hiệu của Công ty
 - ✦ Không tàng trữ, sử dụng, sở hữu, bán hoặc phân phối các chất kích thích, vũ khí
- Giao tiếp và ứng xử giữa Cán bộ Quản lý với cấp dưới**
 - ✦ Tôn trọng CBNV, tạo điều kiện cho mỗi cá nhân phát triển và có cơ hội thăng tiến
 - ✦ Lắng nghe đề xuất, các ý kiến phản hồi của Nhân viên, khuyến khích đồng viên đứng lên, đúng chỗ và phê bình một cách hợp lý
 - ✦ Công tâm, trung thực, công bằng khi đánh giá thi đua, khen thưởng, kỷ luật Nhân viên
 - ✦ Đáp lại bằng cử chỉ chào hỏi thân thiện
- Giao tiếp và ứng xử giữa cấp dưới với Cán bộ Quản lý**
 - ✦ Nghiêm túc, lịch sự, tôn trọng khi giao tiếp với Cán bộ Quản lý
 - ✦ Chấp hành nghiêm túc các ý kiến chỉ đạo, hướng dẫn
 - ✦ Trung thực, thẳng thắn, thiện chí trong mọi báo cáo, đề xuất với cấp trên
 - ✦ Tôn trọng ý kiến của cấp trên, giữ gìn và bảo vệ uy tín, danh dự của cấp trên
 - ✦ Báo cáo những quyết định trái pháp luật với BLD Công ty
- Giao tiếp và ứng xử giữa đồng nghiệp cùng đơn vị**
 - ✦ Xây dựng đơn vị đoàn kết, môi trường làm việc thân thiện
 - ✦ Tôn trọng, bảo vệ uy tín, danh dự của đồng nghiệp
 - ✦ Học hỏi và chia sẻ kinh nghiệm, nâng cao hiểu biết những lĩnh vực không chuyên môn
 - ✦ Chủ động phối hợp trong công việc, không né tránh, đùn đẩy trách nhiệm, khuyết điểm của mình cho đồng nghiệp
- Giao tiếp và ứng xử giữa đồng nghiệp khác đơn vị**
 - ✦ Sẵn sàng, nhanh chóng phối hợp công việc một cách hiệu quả nhất
 - ✦ Đồng cảm, chia sẻ khó khăn trong cuộc sống
 - ✦ Không có thái độ gây khó khăn, cản trở, thiếu hợp tác khi giải quyết và phối hợp công việc
- Giao tiếp và ứng xử với Khách hàng Đối tác**
 - ✦ Xây dựng mối quan hệ trên quy tắc hợp tác, bình đẳng, tôn trọng
 - ✦ Giao dịch, ký kết được thực hiện trên tinh thần tuân thủ pháp luật, tôn trọng lợi ích các Bên
 - ✦ Không phát ngôn thiếu ý thức, thiếu trách nhiệm gây hiểu lầm
 - ✦ Không có thái độ hách dịch, những nhiễu, gây khó khăn, phiền hà cho các BLQ
 - ✦ Thực hiện đúng cam kết với Khách hàng, Đối tác
- Giao tiếp và ứng xử qua điện thoại, email**
 - ✦ Tuân thủ các quy tắc về nội dung công việc, âm thanh, cách thức trao đổi qua điện thoại
 - ✦ Trình bày email chuyên nghiệp trước khi được gửi đi.

Ban Lãnh đạo GEC những năm qua luôn chỉ đạo xuyên suốt, thường xuyên quan tâm đến truyền thông, phổ biến những cam kết về đạo đức nghề nghiệp, những quy tắc giao tiếp ứng xử đến từng đơn vị, từng cá nhân. Phòng Nhân sự cùng phối hợp với Công đoàn chịu trách nhiệm giám sát tính tuân thủ của CBNV trong Công ty thông qua các hoạt động hàng ngày và thông qua các kỳ đánh giá hàng quý. Một năm 2 lần vào tháng 1 và tháng 10, việc phổ biến Bộ Quy tắc sẽ được thực hiện cho toàn bộ CBNV, cùng với việc định kỳ hàng tháng nhắc nhở, hướng dẫn bởi Ban 5S, trong năm vừa qua không có trường hợp nào vi phạm Bộ QCUX. Đội ngũ nhân sự với thế ngày càng gia tăng cả về số lượng và chất lượng, thu hút được nhiều nhân sự có chuyên môn kỹ thuật cao, giàu kinh nghiệm, tham gia triển khai hàng loạt các công trình mới, góp phần xây dựng thương hiệu Công ty tại thị trường Năng lượng Việt Nam.

CÁC BÊN LIÊN QUAN CỘNG HƯỞNG GIÁ TRỊ

Mỗi quyết định của các BLQ đều có thể ảnh hưởng đến kết quả HĐKD của Công ty trong dài hạn. Gắn kết BLQ theo đó sẽ xây dựng niềm tin trong các mối quan hệ vốn được Công ty xác định đóng vai trò quan trọng trong việc hoàn thành chiến lược phát triển dựa trên giá trị cốt lõi "Tin cậy - Trách nhiệm". Thông qua nhiều phương tiện và hình thức tiếp cận khác nhau, BLĐ GEC thường xuyên trao đổi với các BLQ để đưa ra các giải pháp hiệu quả, đáp ứng mối quan tâm của các BLQ theo định hướng bền vững, đặc biệt là các vấn đề liên quan đến Quản trị, hiệu quả Kinh tế, bảo vệ Môi trường và phát triển Nguồn nhân lực.

Trong năm 2019, GEC đã thực hiện báo cáo PTBV - phiên bản rút gọn được tích hợp vào BCTN dựa trên sự hướng dẫn và đào tạo từ tổ chức GRI, bước đầu đáp ứng các yêu cầu của Tổ chức này để từng bước hoàn thiện các mục tiêu trong dài hạn của Công ty về mọi mặt hoạt động từ tài chính đến phi tài chính. Trong năm 2020, Công ty tiếp tục đầu tư nguồn lực để hoàn thiện những tiêu chuẩn chưa đạt mục tiêu phấn đấu, hướng tới phát triển các nguồn NLTТ sạch, đảm bảo hiệu quả Kinh tế trong bức tranh chung của cả nước, hài hòa cùng những mục tiêu Môi trường - Xã hội vốn đang là những thách thức trên toàn cầu hiện nay.

GẮN KẾT CÁC BÊN LIÊN QUAN - XÁC ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

XÁC ĐỊNH CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các BLQ tương tác trực tiếp và gián tiếp với GEC sẽ được lựa chọn theo mức độ ưu tiên, sau khi đã đánh giá sơ bộ mức độ ảnh hưởng đến HĐKD của GEC và ngược lại, GEC cũng là nhân tố tác động đến sự tồn tại và phát triển của các BLQ này. Là một nhà phát triển dự án, GEC chịu trách nhiệm thực hiện tất cả các giai đoạn từ triển khai ý tưởng, thi công cho tới vận hành; do đó, chuỗi giá trị sẽ là sự cộng hưởng tương hỗ bởi nhiều BLQ. Trong phạm vi của Báo cáo này, Công ty chỉ chọn ra 6 BLQ có ảnh hưởng trọng yếu nhất đến kết quả HĐKD của GEC.

ĐÁNH GIÁ ƯU TIÊN CÁC BÊN LIÊN QUAN

Để sự cộng hưởng đảm bảo hiệu quả cho đôi bên, BLĐ của GEC thực hiện phân loại và đánh giá tính ưu tiên các BLQ dựa trên mức độ ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp của họ đến hiệu quả của Công ty và ngược lại. Sau khi định vị được mức độ quan trọng của từng nhóm BLQ trên thang điểm tương quan, BLĐ sẽ xác định cách tương tác phù hợp để đảm bảo cũng như duy trì mối quan hệ gắn kết đối với từng nhóm đối tượng cụ thể.

MA TRẬN TÍNH ƯU TIÊN GIỮA GEC VÀ CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ NGƯỢC LẠI

| Ưu tiên đối với GEC | | | Ưu tiên đối với Bên liên quan | | |
|---------------------|-------------------------------|--|-------------------------------|-------------------------------|--|
| 1 | Cơ quan Nhà nước | Các chính sách ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển của Ngành | 1 | Cán bộ Nhân viên | Tạo thu nhập và công ăn việc làm ổn định |
| 2 | Đối tác mua bán Điện | Đầu ra của sản phẩm | 2 | Đối tác triển khai dự án | Thành công của dự án sẽ góp phần tạo dựng tên tuổi và uy tín cho Đối tác |
| 3 | Cổ đông, Nhà đầu tư tiềm năng | Nhà cung cấp vốn cho sự phát triển của Công ty | 3 | Đối tác mua bán Điện | Cung cấp nguồn điện, đảm bảo an ninh Năng lượng Quốc gia |
| 4 | Đối tác triển khai dự án | Đảm bảo tính thành công của dự án | 4 | Cổ đông, Nhà đầu tư tiềm năng | Cổ tức và khả năng sinh lời trên cổ phần sở hữu |
| 5 | Cán bộ Nhân viên | Người cùng tạo ra và vận hành sản phẩm | 5 | Cộng đồng Địa phương | Xây dựng các giá trị gia tăng cho Xã hội |
| 6 | Cộng đồng Địa phương | Cộng hưởng giá trị giữa Công ty và Xã hội | 6 | Cơ quan Nhà nước | Đóng góp ý kiến về chính sách cho sự PTBV của Ngành. |

GẮN KẾT CÁC BÊN LIÊN QUAN

Nhận phản hồi trực tiếp và gián tiếp từ các BLQ, BLĐ GEC xây dựng những giải pháp phù hợp nhằm mang đến những giá trị hợp lý và hiệu quả cho các Bên.

Định kỳ ○; Hàng tháng ○; Khi có hoạt động ●

| BÊN LIÊN QUAN | KÊNH TƯƠNG TÁC TRONG NĂM | NHỮNG VẤN ĐỀ QUAN TÂM CHÍNH |
|--------------------------------------|---|---|
| Cơ quan Nhà nước | <ul style="list-style-type: none"> ✦ Cập nhật, áp dụng các chính sách, quy định mới của Nhà nước ✦ Tham gia các hội nghị, hội thảo do Nhà nước tổ chức ✦ Đề xuất, góp ý các dự thảo, văn bản pháp luật ✦ Tương tác hiệu quả với các đơn vị Cơ quan nhà nước | <ul style="list-style-type: none"> ✦ Đóng góp ngân sách Nhà nước ✦ Tuân thủ Pháp luật, chính sách, quy trình, thủ tục của Cơ quan Nhà nước ✦ Ủng hộ các chính sách và kêu gọi của các Cơ quan Nhà nước |
| Đối tác mua bán Điện | <ul style="list-style-type: none"> ✦ Trao đổi trực tiếp, gián tiếp ✦ Lên kế hoạch hợp tác lâu dài ✦ Chương trình phối hợp đào tạo | <ul style="list-style-type: none"> ✦ Bao tiêu sản lượng đầu ra ✦ Cam kết chính sách giá ✦ Tuân thủ các quy định của hợp đồng giao dịch ✦ Phương thức thực hiện phân phối điện, quy trình thủ tục liên quan ✦ Hỗ trợ tiếp cận những thông tin, xu hướng mới nhất của Ngành Năng lượng thế giới và Việt Nam |
| Cổ đông, Nhà đầu tư tiềm năng | <ul style="list-style-type: none"> ✦ Các quy chuẩn về QTCT trên thị trường quốc tế ✦ ĐHCĐ thường niên, LYKĐ bằng văn bản, hợp HĐQT ✦ Trao đổi trực tiếp qua các dự án đầu tư ✦ Roadshow trong ngoài nước, gặp gỡ NĐT, chuyên gia phân tích... ✦ Kênh QHNDT: Email, điện thoại, trang Web, mạng xã hội, diễn đàn... | <ul style="list-style-type: none"> ✦ Nâng cao hiệu quả hoạt động QTCT và năng lực điều hành của BLĐ ✦ Chiến lược phát triển trung dài hạn, tiềm năng phát triển Ngành và Công ty ✦ CBTT theo chuẩn quốc tế thường xuyên, minh bạch và tin cậy ✦ Hiệu quả kinh doanh ổn định, đảm bảo các chỉ số tài chính an toàn và bền vững ✦ Tăng trưởng giá trị Công ty và giá trị thị trường của cổ phiếu ✦ Bảo vệ quyền lợi, đảm bảo công bằng với CĐ |
| Đối tác triển khai dự án | <ul style="list-style-type: none"> ✦ Văn bản, thông báo, quy trình mời thầu ✦ Theo dõi, đánh giá quá trình hợp tác và làm việc tại các dự án ✦ Trao đổi trực tiếp và gián tiếp ✦ Các chương trình đào tạo | <ul style="list-style-type: none"> ✦ Đối tác, Nhà thầu chuyên nghiệp có thương hiệu, uy tín ✦ Thiết bị, công cụ dụng cụ đảm bảo chất lượng, tiêu chuẩn, đúng thời hạn ✦ Tiến độ thi công dự án, chất lượng dự án đảm bảo ✦ Tuân thủ Pháp luật của các hồ sơ pháp lý ✦ SXKD có trách nhiệm |
| Cán bộ nhân viên | <ul style="list-style-type: none"> ✦ Hệ thống E-office, thông báo nội bộ ✦ Tổng kết hàng quý, hội nghị thường niên ✦ Thỏa ước lao động tập thể ✦ Khảo sát nhân viên, các kênh phản hồi trực tiếp và gián tiếp ✦ Chương trình đào tạo | <ul style="list-style-type: none"> ✦ Môi trường làm việc chuyên nghiệp, công bằng, không phân biệt đối xử, đảm bảo an toàn lao động ✦ Chính sách phúc lợi, lương thưởng, chế độ làm việc tốt ✦ Thành tựu, đóng góp được ghi nhận ✦ Cơ hội thăng tiến nghề nghiệp, đào tạo đội ngũ kế thừa ✦ Chương trình đào tạo phù hợp để nâng cao kiến thức, tay nghề |
| Cộng đồng Địa phương | <ul style="list-style-type: none"> ✦ Phối hợp với Chính quyền địa phương để hoàn thành dự án ✦ Sự kiện được tổ chức tại Cộng đồng Địa phương ✦ Hoạt động tài trợ cho Xã hội và Cộng đồng ✦ Các chương trình đào tạo nhận thức về PTBV cho Cộng đồng | <ul style="list-style-type: none"> ✦ Kinh doanh có trách nhiệm, góp phần phát triển Kinh tế Địa phương ✦ Tạo cơ hội nghề nghiệp, cải thiện thu nhập cho người dân Địa phương ✦ Bảo vệ môi trường tự nhiên, môi trường sống của Cộng đồng Địa phương ✦ Tuân thủ các chính sách Môi trường - Xã hội trong và ngoài nước. |

CÁC BÊN LIÊN QUAN CỘNG HƯỞNG GIÁ TRỊ (tiếp theo)

GẮN KẾT CÁC BÊN LIÊN QUAN - XÁC ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ (tiếp theo)

XEM XÉT LỢI ÍCH VÀ KỶ VỌNG GHI NHẬN ĐƯỢC

Trong năm 2019, GEC hoạt động tích cực trong việc tương tác với các BLQ trọng yếu, đáp ứng yêu cầu của các BLQ cũng như tạo ra những thành quả nhất định về tiêu chuẩn Môi trường - Xã hội - Quản trị (ESG).

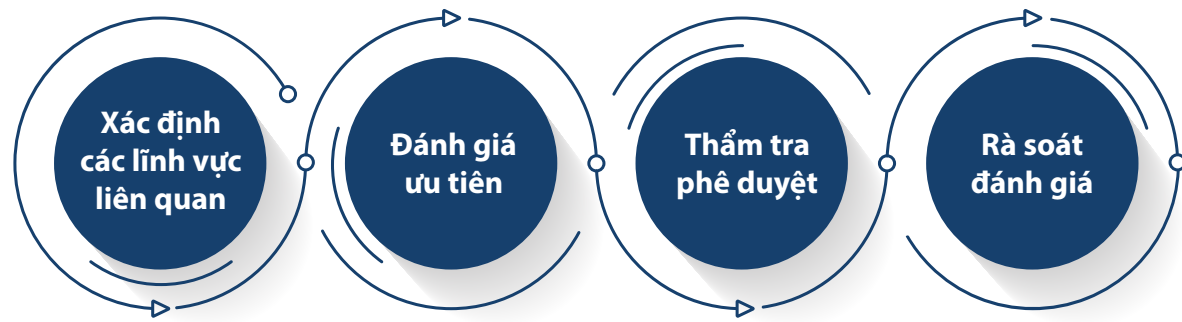
Rất tốt ○; Tốt ●



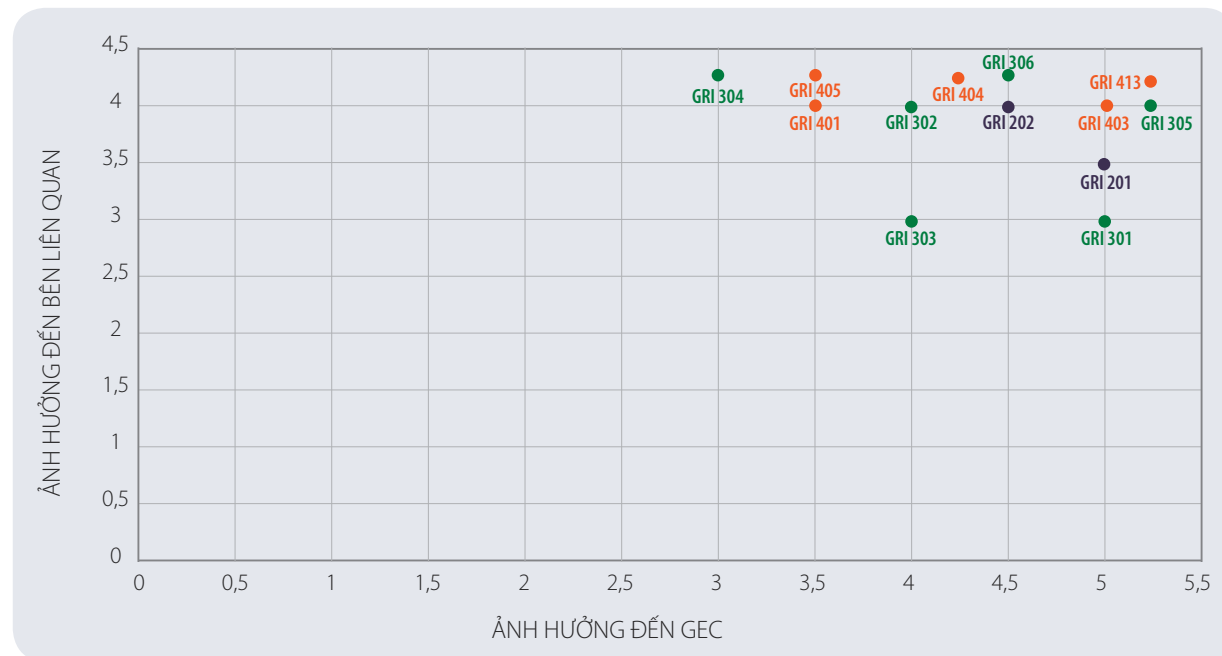
| BÊN LIÊN QUAN | HOẠT ĐỘNG CỦA GEC TRONG NĂM 2019 | THÀNH QUẢ |
|--------------------------------------|---|---|
| Cơ quan Nhà nước | <ul style="list-style-type: none"> ✦ Cập nhật và tuân thủ pháp luật: Thực hiện đầy đủ các khoản Thuế đối với Nhà nước hàng năm; Quy định Pháp luật liên quan đến khảo sát BSQH điện lực, phát triển dự án, nghiệm thu hoàn thành đóng điện... ✦ Triển khai các dự án Năng lượng theo Quy hoạch phát triển Điện lực Quốc gia ✦ Tuân thủ các tiêu chí PTBV theo định hướng của Chính phủ; Quy định liên quan Môi trường Xã hội trong quá trình triển khai dự án, mở rộng sang 7 Tiêu chuẩn Môi trường Xã hội IFC ✦ Tham gia các hoạt động của Ngành được tổ chức bởi Chính phủ, BCT | <ul style="list-style-type: none"> ✦ Không vi phạm quy định Pháp luật, đóng góp 146 tỷ đồng vào Ngân sách Nhà nước ✦ Tiên phong thực hiện những yêu cầu của các Cơ quan Nhà nước liên quan đến Kinh tế, đóng điện thêm 3 NM ĐMT tại Long An, Bình Thuận, Đắk Nông ✦ Không vi phạm các vấn đề bảo vệ Môi trường và cam kết xã hội tiêu chuẩn trong nước và quốc tế, phối hợp với GRI Việt Nam đào tạo CBNV lập và thực hiện Báo cáo PTBV ✦ Hội thảo Khoa học quốc tế "Phát triển Ninh Thuận trở thành trung tâm NLTT của cả nước", Hội nghị Thủ tướng Chính phủ với Doanh nghiệp năm 2019 "Phát triển mạnh mẽ doanh nghiệp - Hội nhập, hiệu quả, bền vững" |
| Đối tác mua bán Điện | <ul style="list-style-type: none"> ✦ Ký Hợp đồng mua bán Điện với Công ty Mua bán điện EPTC thuộc EVN về sản lượng đầu ra, đảm bảo phù hợp với giá cam kết của Chính phủ ✦ Hợp tác nghiên cứu phát triển, áp dụng công nghệ trong công tác vận hành, giám sát hệ thống hoạt động các NM ✦ CBNV phụ trách liên hệ, tiếp nhận và phản hồi thông tin 2 chiều giữa Công ty và Đối tác Mua bán Điện EPTC ✦ Tổ chức các khóa học đào tạo kỹ sư vận hành ✦ Cập nhật thông tin Ngành gồm thông tin liên quan đến công nghệ, hệ thống mới như hệ thống đo đếm điện tử, hệ thống kết nối SCADA... | <ul style="list-style-type: none"> ✦ Sản lượng điện bán ra trong năm 2019 là 593 triệu Kwh, tất cả các NM ĐMT đều vượt kế hoạch với tổng sản lượng đạt 314 triệu KWh, hoàn thành 117% kế hoạch ✦ Đảm bảo sản lượng Điện đầu ra theo đúng cam kết của Hợp đồng mua bán, trong năm chỉ xảy ra một sự cố nhỏ làm gián đoạn quá trình cung cấp điện năng, gây thiệt hại không trọng yếu ✦ Đảm bảo yêu cầu về hiệu quả kinh tế và năng lực chuyên môn trong vận hành dự án ✦ Định kỳ và phát sinh theo yêu cầu của Trung tâm Điều độ hệ thống điện A0 thuộc EVN, đảm bảo nhân sự GEC đủ trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu vận hành hệ thống ✦ Đảm bảo công tác chuẩn bị, nâng cao hiệu quả hoạt động vận hành khi 5 dự án ĐMT đều vượt kế hoạch sản lượng từ 1% đến 46% trong năm |
| Cổ đông, Nhà đầu tư tiềm năng | <ul style="list-style-type: none"> ✦ Nâng cao, cải thiện hiệu quả các hoạt động QTDN theo chuẩn mực quốc tế ✦ Hoàn thành KOKD theo kế hoạch ĐHĐCĐ ✦ Thực hiện CBTT song ngữ minh bạch, kịp thời, tin cậy theo quy định Thông tư 155, Thông tư 162, Thông tư 95, Nghị định 71, Tiêu chuẩn QTCT của IFC... ✦ Hợp định kỳ với CĐ thông qua các báo cáo hoạt động năm 2018, xin chủ trương hoạt động 2019 ✦ Tổ chức, tham gia các sự kiện gặp gỡ NĐT tiềm năng, Nhà phân tích, Roadshow... nhằm phát triển hoạt động Thị trường vốn ✦ Liên tục cập nhật các thông tin về Ngành, HĐKD đến CĐ, NĐT tiềm năng; phản hồi nhanh chóng thông tin cho CĐ, NĐT tiềm năng, xử lý khủng hoảng thông tin ✦ Nâng cấp và thay đổi giao diện trang Web | <ul style="list-style-type: none"> ✦ Ban hành Bộ QCUX, cập nhật và áp dụng Bộ nguyên tắc QTCT theo thông lệ tốt nhất dành cho các Công ty đại chúng tại Việt Nam tháng 8/2019, Top 3 BCTN tốt nhất Thế giới - nhóm Ngành Tiện ích ✦ DTT và LNTT 2019 lần lượt vượt kế hoạch 16% và 27%, chi trả cổ tức 7% tiến mặt ✦ Hoàn thành chuyển sàn niêm yết sang HOSE, nỗ lực hướng đến những chuẩn mực cao hơn, đảm bảo công bằng và quyền lợi cho các CĐ, bao gồm CĐ nhỏ lẻ ✦ LYKCD bằng văn bản vào tháng 1, ĐHĐCĐ thường niên tháng 4, 22 cuộc họp HĐQT ✦ 69 NĐT Châu Âu, Á, Mỹ đến thăm Công ty; 71 NĐT từ 7 sự kiện lớn của SSI, VCSC, HSC, Mirae Asset, Rồng Việt, Bảo Việt; tỷ lệ sở hữu CĐ nước ngoài tại thời điểm 31/12/2019 là 36,4% ✦ Các kênh QHNDT được sử dụng bao gồm chính thống và không chính thống: Email, điện thoại, trang Web, mạng xã hội, diễn đàn... gồm Thông cáo báo chí, Diễn giải BCTC, Bản tin NĐT, Bài thuyết trình, BCTN, Báo cáo PTBV, các kênh không chính thống ✦ CĐ và NĐT tiềm năng được cập nhật thông tin về Ngành, hoạt động Công ty kịp thời, đầy đủ, dễ tiếp cận |
| Đối tác triển khai dự án Điện | <ul style="list-style-type: none"> ✦ Tiếp tục hợp tác với Nhà thầu Sharp xây dựng các phương án BSQH, hồ sơ thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật đúng theo phương án và tuân thủ Pháp luật Việt Nam ✦ Giám sát chặt chẽ, hỗ trợ kịp thời Nhà thầu EPC trong quá trình triển khai dự án | <ul style="list-style-type: none"> ✦ Hoàn thành phát điện thương mại 3 Dự án ĐMT Đức Huệ 1, Hàm Phú 2 và Trúc Sơn với tổng công suất 142 MWp trước ngày 30/6/2019 ✦ Chất lượng thi công dự án đảm bảo tiến độ, hiệu suất như cam kết từ hợp đồng EPC đã ký, ưu tiên tối ưu hóa sản lượng Điện |
| Cán bộ nhân viên | <ul style="list-style-type: none"> ✦ Môi trường làm việc an toàn, tỷ lệ bệnh nghề nghiệp, tai nạn lao động được kiểm soát, giảm thiểu ✦ Thực hiện văn phòng không giấy "paperless office" ✦ Tập trung công tác đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn lực ✦ Xây dựng các chương trình đào tạo đội ngũ kế thừa ✦ Cập nhật, cải thiện chính sách lương thưởng, phúc lợi | <ul style="list-style-type: none"> ✦ Số vụ tai nạn và số vi phạm liên quan đến an toàn vệ sinh sức khỏe, nghề nghiệp là 0 ✦ Tiết kiệm thời gian, tăng năng suất lao động, tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp ✦ Tự triển khai và hoàn thành kỷ lục 100 ngày ĐMT Trúc Sơn 44 MWp, đưa vào vận hành trước 30/6/2019 ✦ Nâng cao kỹ năng quản lý lãnh đạo của đội ngũ BLĐ ✦ Ban hành, cập nhật Quy chế tiến lương, Quy định chế độ phúc lợi, Quy chế thi đua khen thưởng, khảo sát sự hài lòng của CBNV, hoạt động mang lại giá trị gia tăng...; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, tạo môi trường làm việc cạnh tranh |
| Cộng đồng Địa phương | <ul style="list-style-type: none"> ✦ Phối hợp Chính quyền Địa phương tham gia hoạt động tài trợ Xã hội và Cộng đồng ✦ Ưu tiên tuyển dụng lao động Địa phương, đào tạo, hướng dẫn nâng cao kiến thức, kỹ năng tay nghề, nỗ lực xóa đói giảm nghèo tại Địa phương ✦ Các chương trình bảo vệ Môi trường, nâng cao giá trị sống cho Cộng đồng Địa phương ✦ Phát triển các dự án Năng lượng sạch bao gồm Thủy điện, ĐMT và Áp mái | <ul style="list-style-type: none"> ✦ Đóng góp 3,3 tỷ đồng qua hoạt động xây dựng nhà tình nghĩa, chung tay vì Cộng đồng, quỹ khuyến học và trẻ em nghèo ✦ Tạo ra 373 việc làm cho lao động Địa phương, góp phần phát triển kinh tế Địa phương nơi các NM Điện đang hoạt động ✦ Hoạt động quan trắc Môi trường định kỳ, thu gom chất thải nguy hại ✦ Hoạt động tại 6 Tỉnh Thành Khu vực miền Trung, miền Nam, đóng góp Năng lượng cho sự phát triển kinh tế Quốc gia. |

CÁC BÊN LIÊN QUAN CỘNG HƯỞNG GIÁ TRỊ (tiếp theo)

ĐÁNH GIÁ CÁC LĨNH VỰC TRỌNG YẾU



Dựa trên kết quả đánh giá các quan tâm trọng yếu tương quan 2 chiều giữa GEC và các BLQ, nỗ lực đáp ứng xu hướng PTBV của Liên Hiệp Quốc, BLĐ GEC đã xác định ma trận 13 Vấn đề trọng yếu trên 3 Lĩnh vực Kinh tế, Xã hội và Môi trường:



| KINH TẾ | XÃ HỘI | MÔI TRƯỜNG |
|--|---|---|
| <ul style="list-style-type: none"> GRI 201 - Hiệu quả hoạt động kinh tế GRI 202 - Sự hiện diện trên thị trường | <ul style="list-style-type: none"> GRI 401 - Việc làm GRI 403 - An toàn sức khỏe nghề nghiệp GRI 404 - Giáo dục và đào tạo GRI 405 - Sự đa dạng và cơ hội bình đẳng GRI 413 - Cộng đồng địa phương | <ul style="list-style-type: none"> GRI 301 - Vật liệu GRI 302 - Năng lượng GRI 303 - Nước GRI 304 - Đa dạng sinh học GRI 305 - Phát thải GRI 306 - Nước thải và chất thải |

KINH TẾ NỖ LỰC ĐỒNG HÀNH

NHỮNG NỖ LỰC PHÁT TRIỂN KINH TẾ HƯỚNG ĐẾN 17 MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG LIÊN HIỆP QUỐC

| | |
|--|---|
| <p>7 NĂNG LƯỢNG SẠCH & BỀN VỮNG</p> <p>NĂNG LƯỢNG SẠCH VÀ BỀN VỮNG</p> <p>GRI 201</p> <ul style="list-style-type: none"> 778.860 - Tầm pin Mặt trời 593 triệu kWh - Sản lượng Điện 506.090 tấn - Giảm phát thải CO₂ 259 MWp - Công suất 5 Nhà máy Điện Mặt trời 85 MW - Công suất 14 Nhà máy Thủy điện | <p>9 CÔNG NGHIỆP, ĐỔI MỚI VÀ CƠ SỞ HẠ TẦNG</p> <p>CÔNG NGHIỆP, ĐỔI MỚI VÀ CƠ SỞ HẠ TẦNG</p> <ul style="list-style-type: none"> 55 giờ và 40 m³ nước - Tiết kiệm mỗi lần sử dụng Robot 10% - Nâng công suất Nhà máy Thủy điện Đăk Pi Hao 2 10% - Tăng sản lượng nhờ Công nghệ "Tracking Solar" REC - Chứng chỉ Năng lượng tái tạo |
| <p>8 TĂNG LÃNH ĐANG HOẠT ĐỘNG & TĂNG TRƯỞNG KHUYA LÊ</p> <p>TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VÀ VIỆC LÀM ỔN ĐỊNH</p> <p>GRI 401</p> <ul style="list-style-type: none"> 1.159 tỷ đồng - Doanh thu 2019 643 tỷ đồng - Nộp Ngân sách Nhà nước 5 năm 34% - CAGR 2015-2019 Doanh thu | <p>17 HỢP TÁC ĐỂ HIỆN THỰC HÓA CÁC MỤC TIÊU</p> <p>HỢP TÁC ĐỂ HIỆN THỰC HÓA CÁC MỤC TIÊU</p> <ul style="list-style-type: none"> 33,15% - Cổ đông nước ngoài chiến lược 2 - Hội nghị, Hội thảo quốc gia, quốc tế |

KINH TẾ NỖ LỰC ĐỒNG HÀNH (tiếp theo)

GRI 201 HIỆU QUẢ KINH TẾ

Chủ đề trọng yếu

- Chiến lược PTBV của GEC hướng tới đem lại lợi ích lâu bền cho Khách hàng, CĐ, Người lao động và Cộng đồng
- Sự tăng trưởng về hiệu quả hoạt động Kinh tế được xác định là chủ đề trọng yếu, là nền tảng quan trọng để GEC hiện thực hóa cam kết:
 - Chú trọng công tác vận hành các NMTĐ và ĐMT tạo nguồn DT ổn định
 - Tiết giảm chi phí để tối ưu hóa hiệu quả hoạt động
 - Đảm bảo thực hiện đầy đủ nghĩa vụ kinh tế với Nhà nước
 - QLRR và tăng khả năng sinh lợi CĐ và NGT.

Phương pháp Quản trị

- GEC ghi nhận Hiệu quả hoạt động kinh tế với các chỉ tiêu:
- TTS, DT, LN đạt mức tăng trưởng tốt qua các năm
 - Đảm bảo các chỉ tiêu tài chính tăng trưởng ổn định
 - Mở rộng danh mục đầu tư rộng khắp
 - Đảm bảo khả năng thanh toán cho các đơn vị trong hệ thống
 - Đảm bảo quyền lợi tài chính cho Người lao động và CĐ
 - Thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước theo quy định.

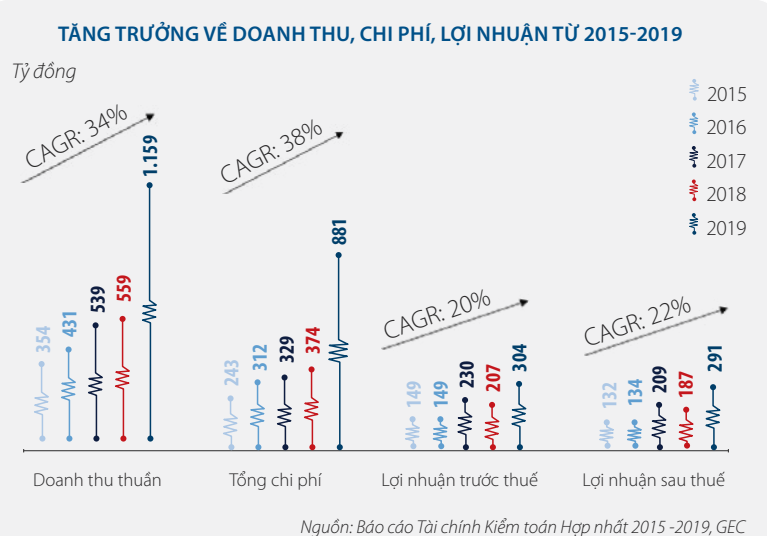


Các Nhân sự chủ chốt của Khối Tài chính

GRI 201-1 | GIÁ TRỊ KINH TẾ TRỰC TIẾP ĐƯỢC TẠO RA VÀ PHÂN BỐ

GIÁ TRỊ KINH TẾ TRỰC TIẾP ĐƯỢC TẠO RA - DOANH THU

DTT hợp nhất năm 2019 đạt gần 1.159 tỷ đồng, tăng 107% so với cùng kỳ, theo đó CAGR của DTT 5 năm 2015-2019 đạt 34%, đảm bảo tốc độ tăng trưởng ổn định hàng năm. DTT 2019 chủ yếu đến từ 2 lĩnh vực chính là DT Điện chiếm 91%, DT Bán hàng chiếm 4%, còn lại là DT đến từ Cung cấp dịch vụ và xây lắp. Cơ cấu DT Điện trong năm 2019 đã có sự chuyển dịch mạnh mẽ khi nguồn thu đến từ các NM ĐMT chiếm đến 64% tỷ trọng trong cơ cấu trong khi năm 2018, DT Thủy điện chiếm đến 92%. LNNT hợp nhất năm 2019 đạt 304 tỷ đồng, tăng 47% so với cùng kỳ và CAGR 5 năm đạt 20%.



GIÁ TRỊ KINH TẾ ĐƯỢC PHÂN BỐ

Chi phí Giá vốn và các khoản thanh toán cho Nhà cung cấp vốn

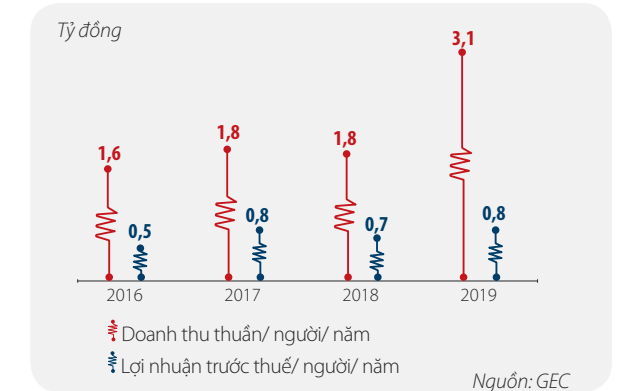
Với kim chỉ nam 2019 "Tinh gọn bộ máy, kiểm soát chi phí, chủ động vận hành", GEC đã hoàn thành tốt công tác kiểm soát chi phí với mục tiêu tối ưu hóa chi phí nhưng vẫn đảm bảo công tác vận hành hiệu quả và an toàn. Tổng chi phí hoạt động trong năm là 881 tỷ đồng, tăng 136% so với cùng kỳ chủ yếu do hoàn thiện và vận hành thêm 3 NM ĐMT. So với năm 2018, 2 NM ĐMT Phong Điền và Krông Pa chỉ hoạt động vào những tháng cuối năm nhưng sang năm 2019 đã vận hành nguyên năm. Việc vận hành thương mại thêm 3 NM ĐMT để mở rộng quy mô công suất điện cũng như sản lượng điện làm cho phần lớn tỷ trọng trong cơ cấu chi phí là chi phí Giá vốn tăng gấp đôi so với cùng kỳ; tuy nhiên việc kiểm soát tốc độ tăng giá vốn vẫn đảm bảo thấp hơn so với tốc độ tăng trưởng DTT.

Chi phí Tài chính cũng gia tăng đáng kể so với năm 2018 do nhu cầu giải ngân vốn vay dài hạn và gói trái phiếu tín chấp phục vụ 3 dự án ĐMT kịp tiến độ phát điện hưởng giá FIT ưu đãi trước 30/6/2020 trong suốt 20 năm đảm bảo dòng tiền ổn định; bên cạnh đáp ứng nhu cầu bổ sung nguồn vốn đầu tư và SXKD. Nguồn vốn này được sử dụng tối ưu khi tổng mức đầu tư sau quyết toán của các dự án ĐMT thấp hơn dự kiến, tiết kiệm 4-18%, trong đó Trúc Sơn tiết kiệm được khoảng 18% do tự thi công EPC.

Chi phí Bán hàng và Quản lý doanh nghiệp

Số lượng nhân sự chính thức tính đến cuối năm 2019 là 373 người với tổng chi phí đã chi trả cho CBNV khoảng 94 tỷ đồng, tăng 25% cùng kỳ, gồm chi phí Lương, chi phí Phúc lợi và chi phí Đào tạo. Một nhân viên chính thức tạo ra DTT hơn 3,1 tỷ đồng và 815 triệu đồng LNNT trong năm 2019, tăng tương ứng 77% và 26% so với cùng kỳ.

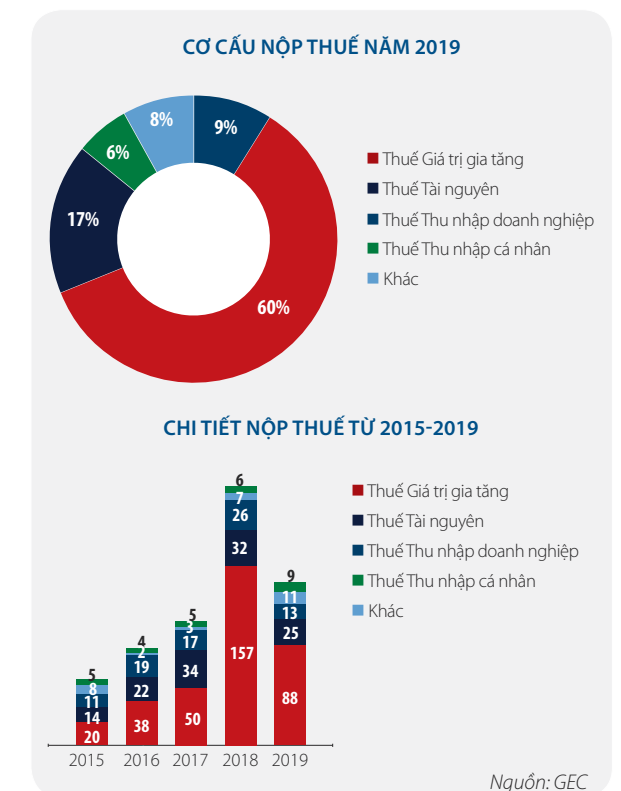
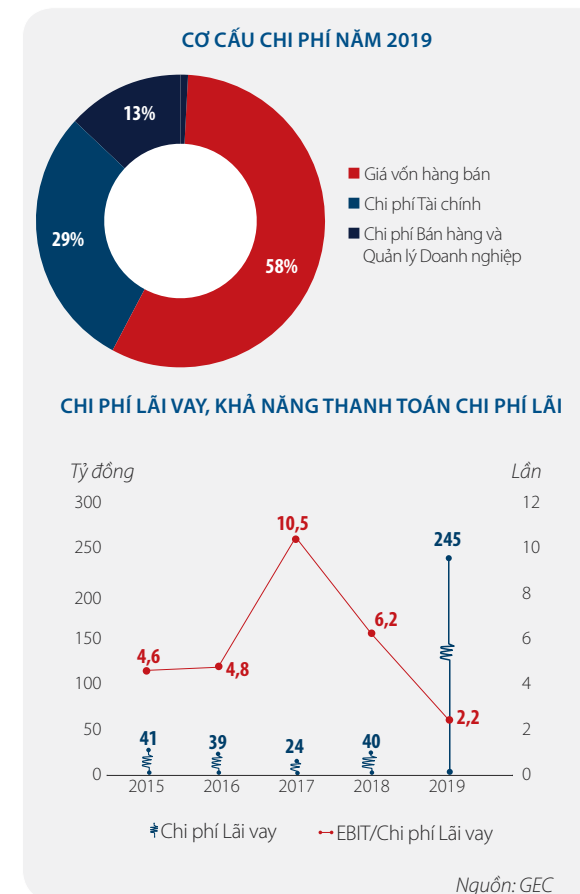
Chi phí Quản lý doanh nghiệp năm 2019 là 111 tỷ đồng, tăng 45% so với cùng kỳ, chủ yếu do chi phí Lương tăng tương ứng với số lượng nhân sự. Chi phí Bán hàng không đáng kể trong tổng chi phí, tăng nhẹ 6%, ghi nhận chỉ có 624 triệu đồng.



Các khoản nợ vay ngắn và dài hạn tăng lên dẫn đến chi phí Lãi vay ghi nhận gần 245 tỷ đồng. Mặc dù đã khai thác tối đa đòn bẩy tài chính trong quá trình phát triển, Công ty vẫn đảm bảo Hệ số Khả năng thanh toán lãi vay EBIT/Chi phí lãi vay ở mức hợp lý là 2,2 lần, tránh không để áp lực thanh toán lãi vay, ảnh hưởng đến dòng vốn lưu động. Kết thúc năm 2019, Công ty vẫn đảm bảo Biên LN Gộp, EBIT và EBITDA đều cao hơn 47%, ghi nhận tăng trưởng so với năm 2018. Trong nhiều năm qua, GEC chi trả cổ tức bằng tiền hoặc bằng cổ phiếu với mức cổ tức hấp dẫn so với mặt bằng chung các công ty niêm yết trên thị trường. Trong năm 2019, tỷ lệ cổ tức được chi trả là 7% bằng tiền mặt, tương đương 136 tỷ đồng.

Các khoản phải nộp cho Chính phủ, các khoản đầu tư cho Cộng đồng

GEC tích cực đóng góp cho Địa phương, Cộng đồng Xã hội theo định hướng PTBV "Vi Cộng đồng phát triển Địa phương". Một trong số đó là hoàn thành nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước, ngoài tuân thủ Pháp luật còn có ý nghĩa trong việc đóng góp cho Quốc gia và những Địa phương GEC đang hoạt động. Nộp Ngân sách Nhà nước năm 2019 là 146 tỷ đồng đưa tổng giá trị nộp Ngân của GEC trong 5 năm gần nhất là 624 tỷ đồng, tỷ lệ tăng trưởng kép 26%. Năm 2019, chiếm tỷ trọng lớn nhất vẫn là Thuế Giá trị gia tăng 88 tỷ đồng, chiếm 60%, tiếp đến là Thuế Tài nguyên gần 25 tỷ đồng, chiếm 17%, còn lại lần lượt là Thuế Thu nhập Doanh nghiệp, Thuế khác và Thuế Thu nhập cá nhân, tổng cộng 23%.



KINH TẾ NỖ LỰC ĐỒNG HÀNH (tiếp theo)

GRI 201 HIỆU QUẢ KINH TẾ (tiếp theo)

GRI 201-1 | GIÁ TRỊ KINH TẾ TRỰC TIẾP ĐƯỢC TẠO RA VÀ PHÂN BỐ (tiếp theo)

GIÁ TRỊ KINH TẾ ĐƯỢC PHÂN BỐ (tiếp theo)

Các khoản phải nộp cho Chính phủ, các khoản đầu tư cho Cộng đồng (tiếp theo)

GEC cũng đã chi ra hơn 3,3 tỷ đồng cho các hoạt động Cộng đồng, trong đó nổi bật là Xây nhà tình nghĩa tại Huế và Gia Lai chi phí 750 triệu đồng, "Quy chung tay vì Cộng đồng TP HCM" 500 triệu đồng..., thể hiện trách nhiệm đối với Cộng đồng, Xã hội.

GRI 201-2 | ẢNH HƯỞNG ĐẾN KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH, CÁC RỦI RO VÀ CƠ HỘI KHÁC DO BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Với nguồn nguyên liệu đầu vào là các NLTT như nước, nắng và gió thì các doanh nghiệp trong Ngành chịu ảnh hưởng của việc biến đổi khí hậu. Các NMTĐ của GEC chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi các điều kiện thời tiết thay đổi bất lợi trong năm vừa qua.

| CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH | RỦI RO | CƠ HỘI |
|--|--|--|
| Mô tả chung trong năm 2019 | <ul style="list-style-type: none"> Hạn hán kéo dài Mùa khô, tổng lượng mưa trên các trạm khác nhau trên lưu vực thiếu hụt so với trung bình nhiều năm khoảng 55% Mùa mưa, lượng mưa giảm nhiều, chỉ đạt trung bình 20% so với nhiều năm Nhờ vào việc đa dạng hóa các loại hình NLTT, hạn hán mang đến rủi ro đối với Thủy điện nhưng lại tạo ra cơ hội cho ĐMT | |
| Tác động | Sản lượng Thủy điện giảm, chỉ đạt gần 279 triệu kWh, 77% cùng kỳ | <ul style="list-style-type: none"> Cơ hội gia tăng nguồn thu Dịch chuyển cơ cấu DT từ Thủy điện sang ĐMT Sản lượng ĐMT ghi nhận 314 triệu kWh, 53% cơ cấu Sản lượng Điện |
| Phương án Quản lý rủi ro sử dụng | <ul style="list-style-type: none"> Chủ động phân tích, đánh giá để giải quyết các vấn đề tồn tại tại các công trình Thủy điện Tối ưu hóa công tác vận hành, giảm sự cố và tổn thất điện năng | <ul style="list-style-type: none"> Xây dựng hệ thống kiểm soát vận hành tự động Đa dạng danh mục sang ĐMT kịp thời Ban hành các quy trình bảo trì phòng ngừa các thiết bị điện cho từng NM ĐMT, quy trình tương tác khi có sự cố của NM ĐMT và các hướng dẫn kiểm tra định kỳ cho NM đảm bảo công tác vận hành xuyên suốt |
| Ảnh hưởng về mặt tài chính sau khi có các biện pháp Quản lý rủi ro | DT từ Thủy điện giảm, chỉ đạt gần 380 tỷ đồng, 89% cùng kỳ | DT ĐMT đạt 677 tỷ đồng, chiếm 64% trong cơ cấu DT Điện. |

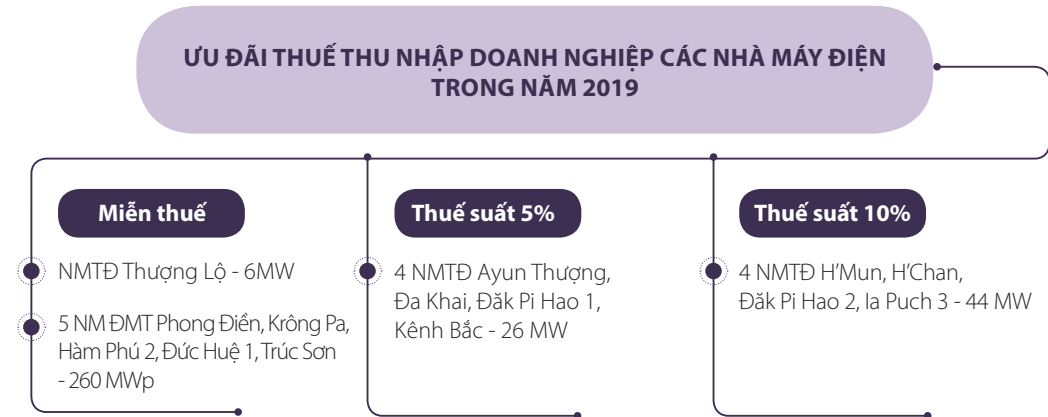
GRI 201 HIỆU QUẢ KINH TẾ

GRI 201-4 | HỖ TRỢ TÀI CHÍNH NHẬN ĐƯỢC TỪ CHÍNH PHỦ

Hoạt động trong lĩnh vực Năng lượng, đặc biệt là NLTT luôn được Chính phủ quan tâm và hỗ trợ ở nhiều khía cạnh và cụ thể là về mặt tài chính. Các ưu đãi về Tiền thuê đất, Thuế các NMTĐ, ĐMT tập trung chính tại các loại sau:

- Ưu đãi về Thuế Xuất nhập khẩu đối với hàng hoá nhập khẩu để tạo tài sản cố định, nguyên liệu, vật tư và bán thành phẩm mà trong nước chưa sản xuất được
- Ưu đãi miễn - giảm Tiền thuê đất, Tiền sử dụng đất, Thuế sử dụng đất tùy thuộc vào vị trí dự án
- Ưu đãi về Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Quy định chung hiện nay đối với Thuế Thu nhập của các dự án Năng lượng thuộc danh mục ưu đãi đầu tư của Chính phủ khi áp dụng thuế suất 10% cho 15 năm đầu, miễn thuế 4 năm đầu tiên và giảm 50% thuế trong 9 năm kế tiếp.

GEC hiện đang chịu mức thuế suất Thuế Thu nhập doanh nghiệp là 20% theo Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính. Riêng đối với các dự án đầu tư sẽ áp dụng mức Thuế suất và mức ưu đãi Thuế theo Giấy Chứng nhận Ưu đãi Đầu tư cho từng dự án và theo quy định tại Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính (hướng dẫn thi hành Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp và Công văn số 111684/BTC-TCT ngày 16/09/2005 hướng dẫn về việc chuyển Thuế). Chính phủ đã hỗ trợ tích cực cho các dự án NLTT của GEC nói riêng và doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực Năng lượng nói chung.



GRI 202 SỰ HIỆN DIỆN TRÊN THỊ TRƯỜNG

| Chủ đề trọng yếu | Phương pháp Quản trị |
|---|---|
| <ul style="list-style-type: none"> Các chính sách lương thưởng, phúc lợi dành cho Nhân viên tại GEC đều được xây dựng đảm bảo tính công bằng, loại bỏ sự bất bình đẳng giữa thu nhập nam và nữ Mức lương khởi điểm cho CBNV Công ty luôn cao hơn so với mức tối thiểu của Vùng, hỗ trợ Người lao động có thu nhập ổn định Đóng góp vào sự phát triển an sinh Xã hội của Địa phương và tác động tích cực đến mặt bằng tiến lương chung của thị trường lao động. | <ul style="list-style-type: none"> Áp dụng và duy trì chính sách trả lương hợp lý đảm bảo cân đối, phù hợp với từng vị trí, năng lực, trách nhiệm, kết quả, mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao và chính sách hỗ trợ của Công ty trong từng thời kỳ Đảm bảo tính cạnh tranh về thu nhập trên thị trường lao động và liên tục được điều chỉnh phù hợp khi có những thay đổi của Chính phủ Thực hiện xem xét, đánh giá điều chỉnh thu nhập cho Người lao động căn cứ vào kết quả kinh doanh của Công ty và hiệu quả làm việc của mỗi cá nhân. |

Với định hướng mở rộng địa bàn hoạt động ở các tỉnh từ khu vực Miền Trung, Tây Nguyên trở vào các tỉnh phía Nam, Công ty luôn hướng đến việc tạo nhiều việc làm ổn định cho lao động Địa phương. Mức lương khởi điểm của CBNV từ Lao động phổ thông đến Chuyên viên đều cao hơn mức lương tối thiểu của Vùng, góp phần đảm bảo một phần chi phí cuộc sống. Tỷ lệ chênh lệch giữa mức thu nhập CBNV GEC với mức lương tối thiểu Vùng dao động cao hơn từ 37% trở lên tùy theo vị trí và khu vực. Bên cạnh đó, GEC cũng xem trọng các chính sách lương thưởng, phúc lợi cho CBNV với chi phí trung bình cho 1 nhân viên trong năm 2019 là 25 triệu đồng/tháng, tăng 7% cùng kỳ. Điều này tạo động lực làm việc, gia tăng mức độ gắn bó với Công ty, thúc đẩy năng suất lao động, qua đó Công ty gia tăng hiệu quả kinh doanh, lớn mạnh về cả chất và lượng, cũng như trở thành thương hiệu tuyển dụng hấp dẫn để khẳng định sự hiện diện của mình trên thị trường.

| Vùng | Khu vực | Mức lương tối thiểu vùng (Đồng) | Chênh lệch thu nhập Cán bộ nhân viên GEC với mức lương tối thiểu Vùng (%) | | |
|------|---------------------------------|---------------------------------|---|-----------|-------------|
| | | | Lao động phổ thông | Nhân viên | Chuyên viên |
| I | TP HCM | 4.180.000 | 49% | 187% | 331% |
| | TP Huế | 3.710.000 | 48% | 81% | 196% |
| III | TP Pleiku | 3.250.000 | 69% | 177% | 331% |
| | Phong Điền - Thừa Thiên Huế | 3.250.000 | 38% | 192% | 362% |
| | Huyện Nam Đông - Thừa Thiên Huế | 2.920.000 | 71% | 140% | 208% |
| IV | Lạc Dương - Lâm Đồng | 2.920.000 | 46% | 167% | 277% |
| | Các Huyện thuộc Gia Lai | 2.920.000 | 37% | 167% | 277% |

Nguồn: GEC tổng hợp

XÃ HỘI NỖ LỰC XÂY DỰNG

NHỮNG NỖ LỰC PHÁT TRIỂN XÃ HỘI HƯỚNG ĐẾN 17 MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG LIÊN HỢP QUỐC

1 XÃ HỘI 2 KHU VỰC XÓA NGHÈO & XÓA ĐÓI

GRI 413 | **17,5** triệu kWh - Điện cho người dân Chư Prông
8.204 - Người thụ hưởng
3,3 tỷ đồng - Hoạt động CSR

3 QUẢN LÝ SỨC KHỎE CUỘC SỐNG HẠNH PHÚC

GRI 401 | **7,6** tỷ đồng - Khám sức khỏe, bảo hiểm Người lao động

GRI 403 | **4** tỷ đồng - An toàn lao động và bảo vệ Môi trường
900 triệu đồng - Hỗ trợ Người lao động làm việc trong môi trường độc hại

GRI 413 | **23.200** ml máu - "Niềm vui từ lòng Nhân ái"
100 phân quà - "Khám sức khỏe tổng quát và tầm soát ung thư miễn phí cho phụ nữ khó khăn"

4 CHẤT LƯỢNG CHẤT LƯỢNG CHẤT LƯỢNG

GRI 404 | **1.764** - Giờ đào tạo
738 - Người thụ hưởng
358 triệu đồng - Chi phí đào tạo

GRI 413 | **499** cuốn sách - "Vừa đọc sách, vừa làm CSR"

5 BÌNH ĐẲNG GIỚI

100% - Lao động nữ chế độ nghỉ thai sản đúng quy định
87% - Lao động nữ trở lại làm việc sau thai sản
~ 70 triệu đồng - Quyền lợi, chế độ cho Cán bộ nhân viên nữ

GRI 405 | **50%** - Thành viên Hội đồng Quản trị nữ
24% - Quản lý cấp cao và cấp trung nữ

8 VIỆC LÀM ĐÁNG THƯƠNG & TĂNG THƯỜNG KINH TẾ

GRI 401 | **373** - Việc làm cho Người lao động
16 triệu/tháng - Thu nhập bình quân Cán bộ Nhân viên

10 GIẢM BẤT BÌNH ĐẲNG

3 tháng/lần - Đối thoại định kỳ Người lao động
1 năm/lần - Hội nghị Người lao động
1 - Hướng dẫn người bản địa đảm bảo sự bình đẳng người dân tộc thiểu số tại dự án

11 ĐÔ THỊ & CỘNG ĐỒNG BỀN VỮNG

GRI 413 | **600** triệu đồng - Đường dân sinh tại Krông Pa và Trúc Sơn
1 - Quy trình Di sản văn hóa
1 - Cẩm nang EHSS

16 HÒA BÌNH, CÔNG BẰNG VÀ THỂ CHẾ VỮNG MẠNH

GRI 405 | **1** - Bộ Quy chế ứng xử

GRI 401 VIỆC LÀM

Chủ đề trọng yếu

- Chính sách Tuyển dụng được quan tâm đặc biệt:
 - Thu hút lao động trình độ chuyên môn cao, năng động, sáng tạo, giàu nhiệt huyết
 - 3 Giá trị cốt lõi "Tâm - Tầm - Tài" làm kim chỉ nam trong chính sách nhân sự
- Chú trọng Chế độ phúc lợi đãi ngộ:
 - Thúc đẩy tinh thần chủ động và trách nhiệm với công việc trong mỗi nhân viên
 - Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp
 - Duy trì chính sách lương thưởng kịp thời, đặc biệt đối với Nhân viên hoàn thành vượt chỉ tiêu.

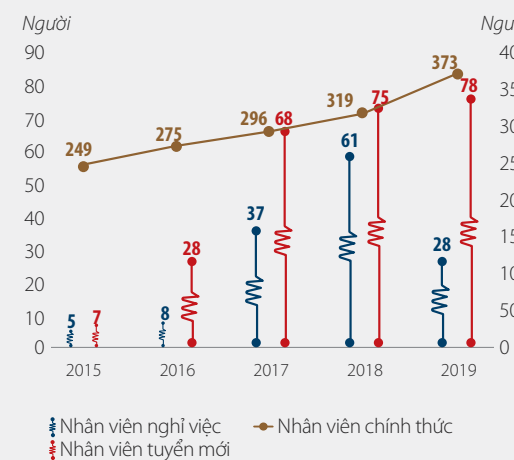
Phương pháp Quản trị

- Tuân thủ và thực hiện nghiêm túc các chế độ chính sách đối với Người lao động theo quy định của Luật Lao động và các Tiêu chuẩn Lao động quốc tế - ILO
- Áp dụng công nghệ thông tin - hệ thống E-Office vào quản trị nhân lực giảm tải cho cấp Quản lý, Người lao động có cái nhìn tổng quan về vai trò cá nhân trong tổng thể sơ đồ tổ chức Công ty
- Đổi mới công tác tuyển dụng lao động với các điều kiện, tiêu chuẩn, quy trình tuyển dụng phù hợp đối với từng vị trí chức danh công việc
- Xây dựng hệ thống bộ chỉ tiêu đo lường hiệu quả công việc - KPIs với các tiêu chí đánh giá được lượng hóa cụ thể theo từng vị trí công việc, làm cơ sở thực hiện các chính sách đãi ngộ về lương, thưởng tương xứng
- Thực hiện chính sách bổ nhiệm và luân chuyển cán bộ, định hướng Người lao động phát triển sự nghiệp.

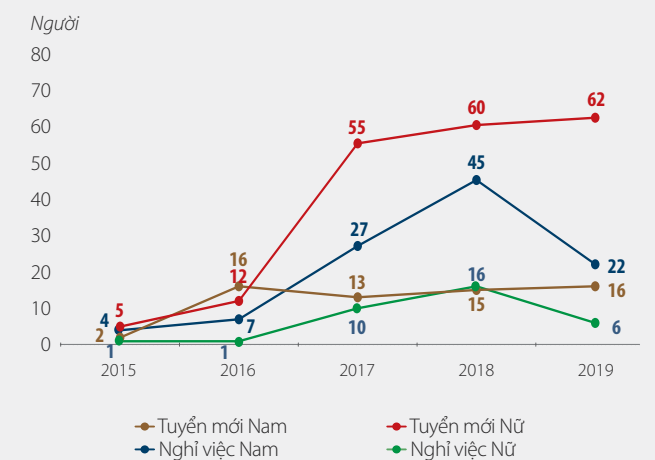
GRI 401-1 SỐ LƯỢNG NHÂN VIÊN THUÊ MỚI VÀ TỶ LỆ THỜI VIỆC

Năm 2019 đánh dấu sự phát triển nhanh của GEC khi đưa vào vận hành thêm 3 NM ĐMT, chính thức đầu tư Điện Gió và đi cùng là số lượng nhân sự tăng lên với những chế độ phúc lợi tốt ngày được cải thiện.

NHÂN SỰ NGHỈ VIỆC VÀ TUYỂN MỚI



SỐ LƯỢNG NGHỈ VIỆC VÀ TUYỂN MỚI THEO GIỚI TÍNH



Nguồn: GEC

Năm 2019, GEC tuyển dụng mới được 78 ứng viên, nâng tổng số lượng Nhân viên chính thức lên 373 người, tăng 17% so với cùng kỳ 2018. Tỷ lệ Nhân viên nghỉ việc chiếm 8% so với 19% của năm 2018. Đây là mức biến động vừa phải đảm bảo không ảnh hưởng đến hoạt động SXKD mà vẫn sàng lọc được nhân sự tự nhiên do GEC chú trọng nâng cao chế độ đãi ngộ và điều kiện phát triển cho những nhân sự gắn bó và có chuyên môn, tạo niềm tin cho Người lao động phát triển sự nghiệp cùng Công ty. Do đặc thù ngành kỹ thuật nên số lượng ứng viên nam được tuyển dụng chiếm ưu thế với 80% và nữ chỉ là 20%, tương đương với tỷ trọng của năm 2018. Số lượng ứng viên được tuyển dụng có độ tuổi từ 18-35 tuổi - thế hệ Z và Y chiếm tỷ trọng vượt trội là 73%. Việc gia tăng nguồn nhân lực trẻ tuổi không chỉ thể hiện sự quan tâm của BLĐ đối với sự linh hoạt thích nghi của đội ngũ nhân sự cập nhật tốt với kiến thức và công nghệ hiện đại mà còn cho thấy bước chuẩn bị cho đội ngũ kế thừa có chuyên môn, kỹ năng, được đào tạo chuẩn chỉnh, hướng đến mục tiêu phát triển lâu dài của GEC.

GRI 401-2 PHÚC LỢI CUNG CẤP CHO NHÂN VIÊN TOÀN THỜI GIAN

GEC trân trọng những đóng góp và cống hiến của đội ngũ cho thành công chung thông qua việc áp dụng các chính sách cụ thể về phúc lợi, nỗ lực trả công xứng đáng cho những thành quả đạt được của từng CBNV. Phúc lợi tiêu chuẩn cho Nhân viên toàn thời gian đang cải thiện trên mức yêu cầu như bảo hiểm nhân thọ, chăm sóc sức khỏe cho CBNV và người thân, ESOP; ở mức tối thiểu là các quyền lợi bắt buộc như nghỉ thai sản, trợ cấp hưu trí, các loại bảo hiểm bắt buộc...

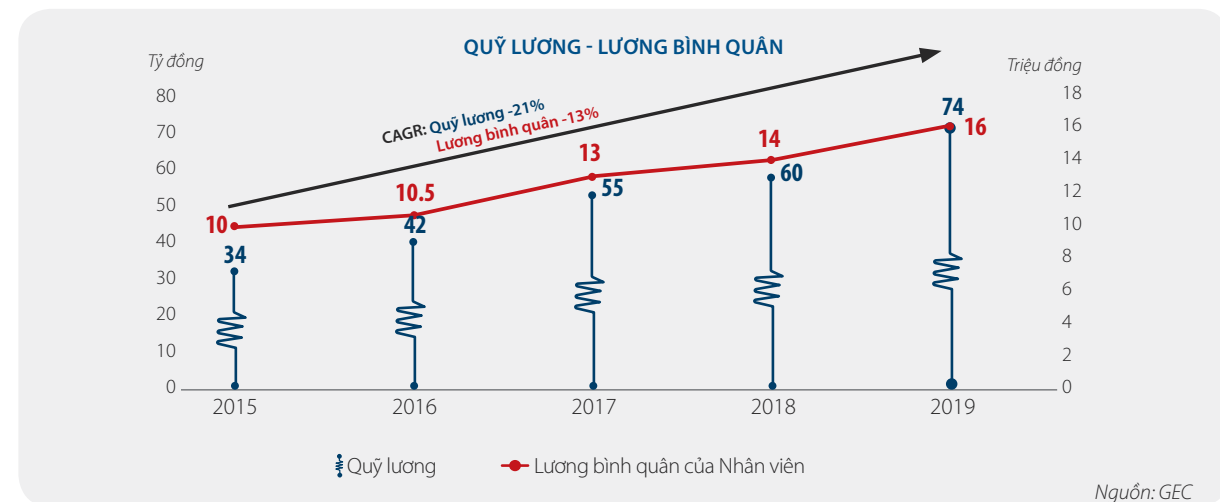
XÃ HỘI NỖ LỰC XÂY DỰNG (tiếp theo)

GRI 401 VIỆC LÀM (tiếp theo)

GRI 401-2 PHÚC LỢI CUNG CẤP CHO NHÂN VIÊN TOÀN THỜI GIAN (tiếp theo)

QUỸ LƯƠNG

Trong 5 năm gần đây, cùng với sự gia tăng về số lượng lao động cũng như thay đổi chính sách tiền lương hấp dẫn hơn, quỹ lương và lương bình quân của CBNV cũng có sự gia tăng tỷ lệ thuận với CAGR lần lượt đạt 21% và 13%. Quỹ lương năm 2019 là 74 tỷ đồng, tăng 22% và mặt bằng lương trung bình của CBNV đạt 16 triệu đồng/tháng, tăng 14% so với cùng kỳ. Đây là mức lương được xem khá cạnh tranh và thể hiện sự quan tâm của BLĐ GEC đến đời sống CBNV.



PHÚC LỢI

Để phát triển ổn định trong bối cảnh Ngành NLTT đang thu hút nhiều NĐT trong nước cũng như những quốc gia mạnh về Năng lượng khác, Công ty chú trọng đến việc cải thiện môi trường làm việc, đưa ra những chính sách phúc lợi phù hợp để giữ chân nhân tài cũng như nâng cao năng suất công việc. Các chính sách phúc lợi của Công ty thể hiện sự bình đẳng cho tất cả CBNV, không có sự phân biệt về giới tính. Với sự gia tăng của đội ngũ nhân sự, chi phí phúc lợi năm 2019 là

21 tỷ đồng, tăng 43% so với cùng kỳ. Hai khoản mục chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí phúc lợi là Chi phí bảo hiểm bắt buộc 36% và Chi phí nghỉ mát 10%, tăng lần lượt 52% và 111% cùng kỳ, cho thấy ngoài sự tuân thủ về các quy định đối với Người lao động, Công ty cũng đang cải thiện đời sống tinh thần cho CBNV. Đảm bảo sự công bằng và quyền lợi cho nữ giới, Công ty cũng đã dành ngân sách gần 70 triệu đồng để tặng quà cho CBNV nữ trong các dịp 20/10 và 8/3.

Triệu đồng

| Năm | 2015 | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 | CAGR 15-19 (%) |
|---------------------------|--------------|---------------|---------------|---------------|---------------|----------------|
| Chi phí bảo hiểm bắt buộc | 3.480 | 3.762 | 4.041 | 4.961 | 7.548 | 21 |
| Chi phí nghỉ mát | 750 | 750 | 1.790 | 965 | 2.040 | 28 |
| Chi phí khám sức khỏe | 126 | 117 | 226 | 425 | 483 | 40 |
| Quà tặng sinh nhật | 25 | 55 | 129 | 195 | 141 | 54 |
| Bảo hiểm tai nạn | 30 | 33 | 32 | 33 | 35 | 4 |
| Chi phí khác | 5.253 | 5.583 | 6.686 | 8.011 | 10.662 | 19 |
| TỔNG CỘNG | 9.664 | 10.300 | 12.904 | 14.590 | 20.909 | 21 |

Nguồn: GEC

GRI 403 AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP

Chủ đề trọng yếu

- Thực hiện tốt công tác ATVSLĐ là nội dung quan trọng góp phần ổn định hiệu quả hoạt động sản xuất, DT và tăng giá trị thương hiệu GEC
- Công ty đảm bảo cho Người lao động được làm việc trong môi trường an toàn, các yếu tố có nguy cơ gây tai nạn lao động hay bệnh nghề nghiệp luôn được đánh giá và kiểm soát phù hợp
- Nhờ vào việc kiểm soát chặt chẽ các yếu tố rủi ro trong quá trình làm việc, Người lao động hạn chế tối đa số ngày nghỉ việc do tai nạn hay khám chữa bệnh, nâng cao năng suất lao động.

Phương pháp Quản trị

- Năm 2017, Phòng EHSS được thành lập với nhiệm vụ kiểm soát các vấn đề về An toàn và Sức khỏe nghề nghiệp, đảm bảo cập nhật kịp thời những thay đổi liên quan của Pháp luật
- Tất cả các quy định Pháp luật đều được hệ thống hóa thành các VBQLQ đưa vào áp dụng phù hợp với thực tế hoạt động:
 - Vận hành hệ thống quản lý Môi trường - Sức khỏe - An toàn - Xã hội
 - Xây dựng quy trình, biện pháp đảm bảo ATVSLĐ
 - Quản lý thiết bị, máy móc có yếu cầu nghiêm ngặt về ATVSLĐ
 - Thông tin, tuyên truyền và huấn luyện về ATVSLĐ
 - Thực hiện các chế độ ATVSLĐ cho Người lao động (bồi dưỡng hiện vật, giờ làm việc, khám bệnh nghề nghiệp, bảo hộ lao động...)
 - Thực hiện công tác kiểm tra về ATVSLĐ tại các đơn vị trực thuộc.

GRI 403-2 LOẠI THƯƠNG TÍCH VÀ TỶ LỆ THƯƠNG TÍCH, BỆNH NGHỀ NGHIỆP, NGÀY CÔNG BỊ MẮT, TÌNH TRẠNG VẮNG MẶT VÀ SỐ VỤ TỬ VONG LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG VIỆC

Hướng đến các tiêu chuẩn lao động quốc tế của ILO, đảm bảo An toàn sức khỏe lao động của GEC tập trung chủ yếu vào các hoạt động:

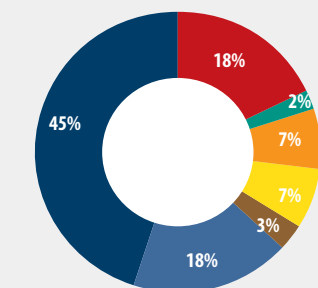
- Đảm bảo môi trường làm việc an toàn cho Người lao động (không để xảy ra tai nạn, chấn thương hoặc tử vong trong lao động)
- Hạn chế nguy cơ mắc bệnh nghề nghiệp hoặc các bệnh tật khác do điều kiện lao động xấu
- Đề cao công tác phòng cháy chữa cháy thông qua việc trang bị đầy đủ phương tiện, thiết bị và tổ chức diễn tập/ huấn luyện thường xuyên cho Người lao động.

AN TOÀN SỨC KHỎE - BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Với ngành nghề kinh doanh đặc thù sản xuất và cung cấp điện năng, GEC đặt công tác An toàn lao động - Vệ sinh Môi trường lên hàng đầu vì đây là yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến uy tín và thương hiệu GEC. Trong bối cảnh các vấn đề về PTBV được quan tâm, các chỉ số về An toàn lao động - Vệ sinh Môi trường tốt sẽ là lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp. Cùng với sự hỗ trợ từ 2 CĐ chiến lược quốc tế IFC và Armstrong, GEC đang vận hành một hệ thống quản lý An toàn lao động - Vệ sinh Môi trường xuyên suốt giữa các phòng ban/NM, đảm bảo tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của Pháp luật hiện hành và hướng tới tiệm cận các tiêu chuẩn quốc tế.

Trong năm 2019, GEC đã chi khoảng 4 tỷ đồng cho công tác An toàn lao động và Bảo vệ Môi trường, trong đó có 900 triệu đồng hỗ trợ chi phí cho Người lao động làm việc trong Môi trường độc hại. Phân bổ kinh phí cho công tác An toàn sức khỏe và Bảo vệ Môi trường luôn được lập kế hoạch để thực hiện các công việc định kỳ hàng năm theo quy định và cập nhật tuân thủ các quy định mới của Pháp luật. GEC luôn được đánh giá là đơn vị đi đầu trong việc tuân thủ quy định pháp luật về An toàn lao động và Bảo vệ Môi trường của Tỉnh Gia Lai.

PHÂN BỐ CHI PHÍ CHO HOẠT ĐỘNG AN TOÀN - BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG



- Quan trắc môi trường
- Xử lý rác thải
- Huấn luyện an toàn vệ sinh lao động
- Quan trắc môi trường lao động
- Khám bệnh nghề nghiệp và trang bị chống ồn
- Kiểm định thiết bị nghiêm ngặt
- Trạm khí tượng thủy văn

Nguồn: GEC

PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY

Hiểu rất rõ tầm quan trọng của Phòng cháy chữa cháy, đặc biệt với đặc thù Ngành Điện nếu xảy ra sự cố cháy nổ thì mức độ thiệt hại sẽ rất nghiêm trọng. GEC luôn ưu tiên phân bổ kinh phí cho công tác phòng chống hơn là giải quyết sự cố, hướng tới mục tiêu hạn chế tối đa rủi ro và để cao giá trị con người thông qua việc đảm bảo môi trường làm việc an toàn:

- Các NM, dự án của GEC đều được thẩm duyệt thiết kế và nghiệm thu Phòng cháy chữa cháy
- Chú trọng trang bị đầy đủ cơ sở vật chất
- Thường xuyên kiểm tra bảo dưỡng các phương tiện Phòng cháy chữa cháy
- Thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo huấn luyện về công tác Phòng cháy chữa cháy cho 100% CBNV

Trong năm 2019, GEC không có trường hợp nào bị xử lý vi phạm hành chính về Phòng cháy chữa cháy và không xảy ra vụ cháy nổ nào nghiêm trọng ảnh hưởng đến công tác vận hành các NM.

XÃ HỘI NỖ LỰC XÂY DỰNG (tiếp theo)

GRI 404 GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Chủ đề trọng yếu

- Đào tạo, phát triển nguồn lực nhằm thúc đẩy sự phát triển ổn định trong môi trường, định hướng phát triển đội ngũ kế thừa
- GEC xây dựng chính sách đào tạo để khuyến khích CBNV học tập nâng cao trình độ bằng việc kết hợp giữa các hình thức đào tạo nội bộ - bên ngoài và đào tạo ngắn hạn - dài hạn, hoặc kết hợp với các cơ quan chức năng tại địa bàn hoạt động của Công ty tổ chức các lớp huấn luyện...
- Đội ngũ CBNV GEC ngày càng làm chủ khoa học kỹ thuật thông qua việc tự thực hiện EPC các dự án ĐMT, hướng đến cung cấp dịch vụ cho các trang trại ĐMT ở ngoài, thương mại hóa các loại dịch vụ liên quan đến kỹ thuật điện ra thị trường.

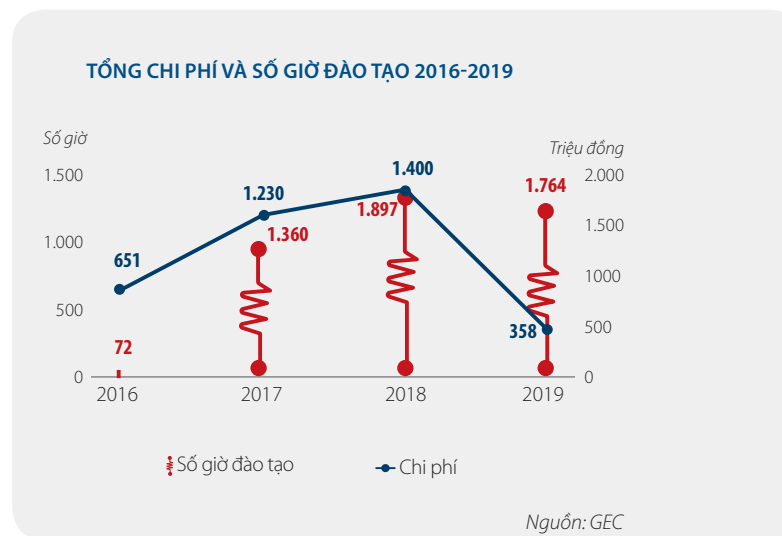
Phương pháp Quản trị

- Kế hoạch đào tạo được xây dựng phù hợp với thực tế và nhu cầu của từng phòng ban chuyên môn và được phê duyệt bởi BLĐ
- Thực hiện đánh giá KPI đối với công tác đào tạo nhằm đánh giá, quản lý và theo dõi công tác thực hiện việc đào tạo của Phòng Nhân sự cũng như các Phòng ban chuyên môn
- Đối với các khóa đào tạo nội bộ, phòng chuyên môn tham mưu để cương phù hợp với thực tế hoạt động và cập nhật quy định hiện hành.

GRI 404-1 SỐ GIỜ ĐÀO TẠO TRUNG BÌNH MỖI NĂM CHO MỖI NHÂN VIÊN

Hàng năm, Công ty ưu tiên một phần ngân sách cho công tác giáo dục đào tạo. Các khóa học/chương trình cũng ngày càng đa dạng, bám sát yêu cầu thực tiễn nhiệm vụ công việc và nhu cầu về cơ hội thăng tiến của Người lao động.

Trong năm 2019, GEC đã thực hiện được 47 khóa đào tạo với 738 học viên tham dự, lần lượt tăng 20% và 64% so với năm 2018. Tổng số giờ đào tạo của GEC trong năm 2019 là 1.764 giờ, giảm 8% so với cùng kỳ, trong khi đó số học viên tham dự tăng mạnh 64% dẫn đến số giờ đào tạo trung bình là 2,4 giờ/học viên/năm, giảm 43% so với 4,2 giờ/học viên/năm của năm 2018. Chi phí đào tạo năm 2019 ghi nhận 358 triệu đồng giảm mạnh 75% so với chi phí 1,4 tỷ đồng của năm 2018 đến từ 2 nguyên nhân (1) Công ty tăng cường phát triển đội ngũ đào tạo nội bộ, (2) Các chương trình chiếm tỷ trọng chi phí lớn trong ngân sách đào tạo cho nhân sự trọng yếu liên quan đến giám sát, thi công và Giám đốc dự án đã được thực hiện trong năm 2018 - thời điểm đưa 2 dự án ĐMT đầu tiên của GEC đi vào vận hành.



GRI 404-2 CÁC CHƯƠNG TRÌNH NÂNG CAO KỸ NĂNG CHO NHÂN VIÊN VÀ CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ CHUYỂN TIẾP

Trong năm 2019, các khóa đào tạo nội bộ chiếm 17% trong số 47 khóa đào tạo, bao gồm các khóa chia sẻ kỹ năng như hướng dẫn sử dụng phần mềm nhân sự, vận hành hệ thống ERP, tin học văn phòng. Ngoài ra, GEC còn thực hiện đào tạo an toàn điện cho 256 nhân sự vận hành thuộc các NMTĐ và ĐMT. Với đội ngũ nhân sự am hiểu về các Thông tư, Nghị định mới nhất trong lĩnh vực Điện và có nhiều kinh nghiệm trong Ngành, GEC có lợi thế trong việc triển khai các chương trình chia sẻ, hướng dẫn, đào tạo nội bộ về thực hiện các thủ tục an toàn điện cho các nhân sự vận hành, qua đó tiết kiệm chi phí đào tạo.

GEC đã đăng ký tham gia "Chương trình Xây dựng và Phát triển Cộng đồng Giảng viên nội bộ" (TTC - Master Trainer 2019) do Tập đoàn TTC tổ chức và đã có 1 nhân sự được trao giấy chứng nhận Giảng viên nội bộ chính thức. Trong quy chế đào tạo mới ban hành của GEC ngày 28/11/2019, quyền lợi của giảng viên nội bộ được đề cập đến trong định mức phụ cấp đào tạo dành cho Giảng viên nội bộ. Đây cũng là động lực cho các nhân sự phấn đấu, cùng nhau chia sẻ những kiến thức chuyên môn để tạo nên tập thể vững mạnh.



Đào tạo theo nhóm chương trình

| STT | Nhóm Chương trình | Nội dung chính | Chương trình đào tạo thực hiện trong năm 2019 | | | | |
|------------------|--|---|--|---|-------------------|-------------------|--------------|
| | | | Tên Chương trình | Đối tượng | Số lượng học viên | Số lượng khóa học | Số giờ |
| 1 | Đào tạo nghiệp vụ | Cung cấp kiến thức, kỹ năng cần thiết có liên quan đến công việc, chuyên môn | <ul style="list-style-type: none"> Cập nhật kiến thức thuế, kế toán Vận hành hệ thống điện ATVSLĐ, sức khỏe, môi trường Nghiệp vụ kế toán Nghiệp vụ nhân sự: Bảo hiểm xã hội, phần mềm nhân sự, thi đua khen thưởng | <ul style="list-style-type: none"> Quản lý cấp trung Chuyên viên Nhân viên nghiệp vụ | 224 | 20 | 1.160 |
| 2 | Đào tạo kỹ năng quản lý, lãnh đạo | <ul style="list-style-type: none"> Bồi dưỡng kiến thức Phát triển kỹ năng Quản lý lãnh đạo cho các cấp Quản lý | <ul style="list-style-type: none"> Phát triển quản lý cấp trung Quản trị mục tiêu KPIs theo Bảng điểm cân bằng Hội nhập theo mô hình Holdings | Quản lý các cấp | 36 | 7 | 416 |
| 3 | Đào tạo theo luật định và yêu cầu của các tổ chức cấp chứng nhận về tiêu chuẩn, chất lượng | Đáp ứng yêu cầu của Pháp luật về tiêu chuẩn trình độ cũng như kiến thức cần thiết | <ul style="list-style-type: none"> ATVSLĐ các nhóm An toàn điện Phòng cháy chữa cháy Trưởng ca vận hành | <ul style="list-style-type: none"> Trưởng ca vận hành Công nhân sản xuất Nhân viên nghiệp vụ | 435 | 8 | 136 |
| 4 | Đào tạo hội nhập | <ul style="list-style-type: none"> Thông tin Công ty Trình bày, hướng dẫn các vấn đề cần thiết cho CBNV mới | <ul style="list-style-type: none"> Đào tạo hội nhập Tập đoàn Đào tạo hội nhập Ngành Năng lượng | <ul style="list-style-type: none"> Quản lý tham gia đào tạo hội nhập theo mô hình Holdings CBNV tân tuyển | 43 | 12 | 52 |
| Tổng cộng | | | | | 738 | 47 | 1.764 |

GRI 405 SỰ ĐA DẠNG VÀ CƠ HỘI BÌNH ĐẲNG

Chủ đề trọng yếu

- Sự đa dạng trong cơ cấu nhân sự về độ tuổi và giới tính là nhân tố thúc đẩy sự sáng tạo, gia tăng lợi thế cạnh tranh cho Công ty
- Sự đa dạng này đem lại nhiều giá trị gia tăng hơn, tạo ra hệ thống kỹ năng đa dạng, hỗ trợ lẫn nhau trong công việc
- GEC nỗ lực triển khai theo mức độ ưu tiên của các chính sách phúc lợi, chất lượng công việc và cuộc sống, cơ hội phát triển, để đảm bảo cơ hội bình đẳng trong phát triển đội ngũ nhân sự vững mạnh, thu hút và giữ chân nhân tài.

Phương pháp Quản trị

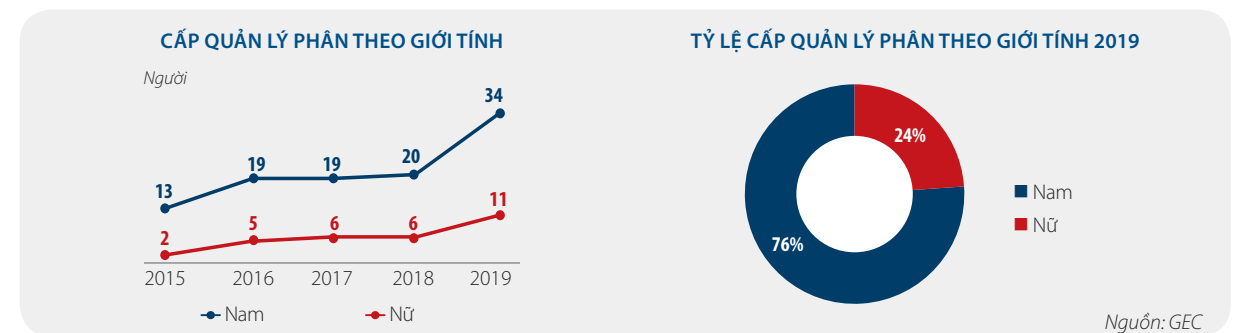
- Công bằng trong tuyển dụng, ứng dụng Công nghệ trong việc đăng tải thông báo tuyển dụng để gia tăng mức độ tiếp cận thông tin đến tất cả mọi đối tượng
- Ban hành và áp dụng Bộ QCLUX tại nơi làm việc nhằm xây dựng văn hóa ứng xử của Công ty
- Thực hiện các chính sách Quản trị hướng tới đảm bảo công bằng cho mọi nhân viên, đặc biệt là lao động nữ thông qua việc công bằng trong đãi ngộ và cơ hội thăng tiến
- Xây dựng chính sách để khuyến khích, tôn vinh và ghi nhận sự cống hiến của CBNV gắn bó với Công ty.

GRI 405-1 SỰ ĐA DẠNG CỦA CẤP QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

Năm 2019, tỷ lệ cấp quản lý đạt 11% so với 89% còn lại là nhân viên. Với đặc thù về ngành nghề trong lĩnh vực Năng lượng nên tỷ lệ lao động Nữ trong năm 2019 chỉ chiếm 17%, thấp hơn nhiều so với lao động Nam. Đa phần lao động Nữ tập trung vào các vị trí công việc văn phòng, hỗ trợ công tác cho khối sản xuất. Mặc dù vậy, GEC vẫn luôn chú trọng đến các vấn đề về bình đẳng giới, các lao động nữ luôn được tạo cơ hội để phát huy và triển tài năng của mình:

✦ Tỷ lệ TV HĐQT nữ chiếm 50%

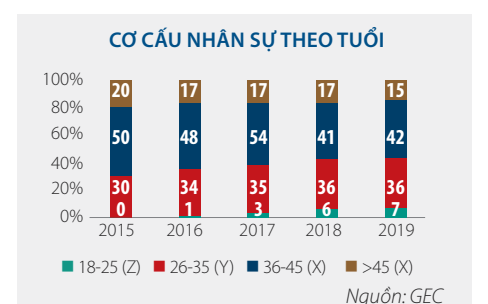
✦ Tỷ lệ cấp Quản lý nữ chiếm tới 24% trên tổng số quản lý, tăng 5 người so với cùng kỳ năm ngoái.



Sự đa dạng về thể hệ trong cơ cấu nhân sự là để các nhân viên có thể hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình làm việc, tăng khả năng sáng tạo, đa dạng về ý tưởng, giúp doanh nghiệp không rơi vào tình trạng bảo thủ. Năm 2019, cơ cấu nhân sự của GEC tiếp tục duy trì ở mức ổn định các độ tuổi khác nhau từ 18 cho đến trên 45 tuổi:

✦ Nhóm nhân sự từ 36-45 thế hệ X với nhiều kinh nghiệm tăng nhẹ 1% lên mức 42%, đóng góp vào sự phát triển vững mạnh của Công ty trong các năm qua

✦ Nhóm nhân sự trong độ tuổi 18-35 thế hệ Z, Y chiếm 43%, tăng 1% so với cùng kỳ năm trước; đây được xem là lực lượng lao động chính, nhiệt huyết và sáng tạo mà Công ty đang sở hữu.



XÃ HỘI NỖ LỰC XÂY DỰNG (tiếp theo)

MÔI TRƯỜNG NỖ LỰC BẢO VỆ

GRI 413 CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Chủ đề trọng yếu

- ❖ Công ty ngoài kinh doanh hiệu quả thì việc tạo ra những giá trị bền vững, lâu dài cho các BLQ, đặc biệt là Cộng đồng Địa phương cũng là một trọng điểm
- ❖ Các NM Điện của GEC đều đặt tại khu vực kinh tế chậm phát triển, vùng sâu vùng xa với mong muốn cùng với sự hình thành các dự án công nghiệp sẽ góp phần vào kích thích tăng trưởng Kinh tế và cơ sở hạ tầng Địa phương.

Phương pháp Quản trị

- ❖ GEC công bố công khai các thông tin liên quan (tuyển dụng, các ảnh hưởng của dự án, cơ chế tiếp nhận khiếu nại...) và làm việc với chính quyền địa phương để hiểu được mong muốn của người dân nhằm giảm thiểu rủi ro ảnh hưởng đến Môi trường và Xã hội, thúc đẩy sự phát triển Kinh tế của Địa phương
- ❖ Trong suốt quá trình vận hành, GEC luôn đảm bảo việc vận hành các NM an toàn, tránh gây ra các sự cố ảnh hưởng đến Cộng đồng xung quanh; tuân thủ nghiêm ngặt các quy định Pháp luật, tránh gây ảnh hưởng đến an ninh khu vực
- ❖ Tham gia tích cực vào các hoạt động xã hội góp phần phát triển Địa phương.

GRI 413-1 NHỮNG HOẠT ĐỘNG CÓ SỰ THAM GIA CỦA CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG, ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ CÁC CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN

Năm 2019, GEC ban hành Cẩm nang EHSS cho phát triển dự án nhằm cụ thể hóa những quy định liên quan đến công tác An toàn lao động - Vệ sinh Môi trường và đặc biệt quan tâm đến việc thực hiện những cam kết với các BLQ ngay từ giai đoạn phát triển dự án.

| Tác động chính | Thực hiện |
|--|--|
| Các đánh giá tác động Xã hội, bao gồm đánh giá tác động về giới tính, dựa trên quy trình có sự tham gia của Cộng đồng | <ul style="list-style-type: none"> ❖ Trước khi bắt đầu xây dựng dự án, Ban Quản lý dự án kết hợp với chính quyền Địa phương tổ chức cuộc họp hoặc gửi thông báo đến người dân về những tác động của dự án ❖ Theo yêu cầu của IFC và Armstrong, GEC thực hiện Đánh giá trách nhiệm Môi trường-Xã hội (ESIA) sau khi có kết quả tham vấn Cộng đồng ❖ Công ty cũng đã xây dựng Quy trình đi sản văn hóa nhằm quản lý việc bảo tồn di sản khảo cổ phát hiện trong quá trình thi công các dự án ❖ Năm 2019, GEC đã hoàn thành Báo cáo ESDD cho ĐMT Trúc Sơn và ESIA cho ĐMT Hàm Phú và Đức Huệ |
| Các đánh giá tác động Môi trường và theo dõi liên tục | <ul style="list-style-type: none"> ❖ Chương trình kế hoạch quản lý Môi trường, phương án bảo vệ Môi trường được GEC thực hiện sau khi quyết định Đánh giá tác động Môi trường được phê duyệt theo cam kết của NM với cơ quan có thẩm quyền ❖ Sau khi hoàn thành ESIA, Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội (ESMP) được áp dụng nhằm có các biện pháp giảm thiểu tác động với Môi trường cả trong giai đoạn thi công và vận hành một cách kịp thời ❖ Nhà thầu phối hợp với Ban Quản lý dự án, NM tuân thủ đúng các biện pháp đã được đề ra |
| Công khai về các kết quả đánh giá tác động Môi trường và Xã hội | <ul style="list-style-type: none"> ❖ Tất cả NM ĐMT sau khi thông qua đánh giá Tác động Môi trường và ESIA đều thực hiện kế hoạch quản lý Môi trường và gửi kết quả đến chính quyền Địa phương theo đúng quy định ❖ Thông báo với chính quyền Địa phương bằng công văn hoặc tổ chức cuộc họp để Cơ quan quản lý Nhà nước và Cộng đồng theo dõi |
| Các chương trình phát triển Cộng đồng Địa phương dựa trên nhu cầu của các Cộng đồng Địa phương | <ul style="list-style-type: none"> ❖ Công ty đã cung cấp 17.484.872 kWh Điện phục vụ cho người dân vùng khó khăn ở huyện Chư Prông với 8.204 người thụ hưởng ❖ Các dự án của GEC luôn có các chương trình hỗ trợ đến Cộng đồng như xây nhà tình nghĩa, hỗ trợ quỹ khuyến học, ủng hộ hội chất độc da cam... với tổng chi phí hơn 3,3 tỷ đồng ❖ Năm 2019, việc hoàn thành con đường dân sinh tại ĐMT Krông Pa và ĐMT Trúc Sơn đã hỗ trợ người dân không bị ảnh hưởng về vấn đề sinh kế khi NM đang hoạt động với tổng chi phí 600 triệu đồng ❖ GEC còn tham gia các chương trình CSR khác: Hiến máu nhân đạo - 23.200 ml máu, "Vừa đọc sách, vừa làm CSR" - 499 cuốn sách cho thư viện Tỉnh Gia Lai, "Phụ nữ là để yêu thương" - 493 vật phẩm và 2+ triệu đồng cho chị em phụ nữ có hoàn cảnh khó khăn, "Tết sum vầy" - hỗ trợ Địa phương 16 triệu đồng, "Nâng bước thành công" - 15 triệu đồng, 20 áo trắng và 1 xe đạp cho học sinh nghèo Gia Lai, "Khám sức khỏe tổng quát và tầm soát ung thư miễn phí cho phụ nữ có hoàn cảnh khó khăn Quận Tân Bình" - 100 phần quà |
| Các chương trình tham gia của các Bên liên quan trên cơ sở lập biểu đồ các Bên liên quan | <ul style="list-style-type: none"> ❖ Các dự án mới của GEC được xây dựng với sự tham gia của các BLQ nhằm phân tích mức độ ảnh hưởng của các BLQ và đưa ra các hành động phù hợp trong quá trình thi công và vận hành của dự án ❖ Luôn cập nhật khi có thay đổi về các đối tượng, người chịu trách nhiệm hay thay đổi về thông tin liên lạc với Cán bộ liên lạc Cộng đồng |
| Các quy trình tiếp nhận và giải quyết khiếu nại chính thức cho Cộng đồng Địa phương | <ul style="list-style-type: none"> ❖ Các dự án mới của GEC đều có các cơ chế tiếp nhận khiếu nại riêng với số điện thoại đường dây nóng tại công trường và thông báo cho chính quyền Địa phương ❖ Cơ chế này được thông báo đến chính quyền Địa phương qua hình thức công văn giúp cung cấp kênh thông tin tiếp nhận chính thức khiếu nại, lắng nghe ý kiến, nguyện vọng, sự đóng góp của người dân và các BLQ ❖ Tạo ra cầu nối giữa Ban Quản lý dự án và Cộng đồng, hình thành cơ chế phúc đáp, điều chỉnh kịp thời, hỗ trợ giải quyết mọi bức xúc của người dân ❖ GEC không phát sinh bất kỳ vụ khiếu nại nào trong năm. |

NHỮNG NỖ LỰC LỰC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG HƯỚNG ĐẾN 17 MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG LIÊN HỢP QUỐC



NĂNG LƯỢNG SẠCH VÀ BỀN VỮNG

GRI 302 | **14** - Nhà máy Thủy điện
5 - Nhà máy Điện Mặt trời



CÔNG NGHIỆP, ĐỔI MỚI VÀ CƠ SỞ HẠ TẦNG

GRI 302 | **3,5** tỷ đồng - Nâng công suất nhà máy
3 - Đề tài nghiên cứu khoa học tối ưu sản lượng



TIÊU DÙNG VÀ SẢN XUẤT CÓ TRÁCH NHIỆM

GRI 301 | **9.000** lít dầu thải - Tiết kiệm **700** triệu đồng
GRI 306 | **29** tỷ đồng - Quyền khai thác tài nguyên nước tính theo công suất thiết kế của nhà máy
1 năm/1 lần - Thu gom chất thải nguy hại



ỨNG PHÓ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

GRI 305 | **506.090** tấn - Giảm phát thải CO₂



TÀI NGUYÊN NƯỚC

GRI 301 | **100%** - Nước thải xử lý trước khi ra môi trường
GRI 303 | **87** triệu đồng - Quan trắc nước mặt Nhà máy Thủy điện
GRI 306 |



BẢO VỆ ĐA DẠNG SINH HỌC, SINH THÁI TRÊN CẠN, TÀI NGUYÊN RỪNG

GRI 304 | **100%** - Dự án đánh giá đa dạng sinh học
100 cây xanh - GEC Green Growth vì Cộng đồng bền vững
4,4 tỷ đồng - Phí dịch vụ môi trường rừng Nhà máy Thủy điện

Biến đổi khí hậu là vấn đề toàn cầu và mang tính thời đại vì nó đang diễn ra với tốc độ nhanh hơn nhiều so với hành động của con người. Điều này ảnh hưởng đến sự PTBV và thịnh vượng của trái đất, bao gồm Việt Nam - Quốc gia dễ bị tổn thương bởi biến đổi khí hậu. Để giảm thiểu lượng phát thải khí nhà kính là một trong những nguyên nhân chính gây biến đổi khí hậu, Việt Nam đang thực hiện 1 cuộc cách mạng về chính sách Năng lượng, chuyển dịch cơ cấu Năng lượng trong đó hướng đến ưu tiên sử dụng các nguồn Năng lượng sạch - NLTT.

GEC đang đẩy mạnh triển khai các dự án Điện Gió bên cạnh ĐMT là thế mạnh để có những đóng góp tích cực cho an ninh Năng lượng Quốc gia, chống lại biến đổi khí hậu và giảm khí thải nhà kính trong bối cảnh nhu cầu Năng lượng tăng nhanh và nguồn cung nhiên liệu hóa thạch như dầu, than đá cho sản xuất Điện ngày càng cạn kiệt.

MÔI TRƯỜNG NỖ LỰC BẢO VỆ (tiếp theo)

GRI 301 VẬT LIỆU

Chủ đề trọng yếu

- Việt Nam được đánh giá là Quốc gia có nhiều tiềm năng để phát triển NLTT với đường bờ biển dài, đặc thù khí hậu nhiệt đới gió mùa, có thời gian nắng nhiều trong năm với cường độ bức xạ lớn ở các khu vực miền Trung, miền Nam
- Mặt dù nắng và gió là những nguồn tài nguyên có sẵn trong tự nhiên và thủy năng là nguồn tài nguyên tái tạo, tuy nhiên hạn chế của những nguồn NLTT này là phụ thuộc vào thời tiết, theo mùa và từng thời điểm trong ngày
- Việc đa dạng hóa các loại hình Năng lượng để ổn định bù đắp và cân đối nguồn DT trong điều kiện biến đổi khí hậu là chiến lược phù hợp và cần thiết.

Phương pháp Quản trị

- Để tối thiểu hóa ảnh hưởng từ sự không ổn định của sản lượng Điện phát ra, GEC thực hiện đa dạng hóa các loại hình Năng lượng, phát triển đồng thời Thủy điện, ĐMT, Áp mái và sắp tới là ĐMT Nổi, Điện Gió
- Công ty chủ động lập kế hoạch tối ưu hóa sản xuất dựa trên các dự báo khí tượng thủy văn, tình hình thời tiết, đặc tính vận hành và thời gian hoạt động thực tế của các NM và nhu cầu sử dụng điện để đảm bảo hoạt HDKD được duy trì ổn định.

GRI 301-1 | VẬT LIỆU ĐÃ ĐƯỢC SỬ DỤNG THEO TRỌNG LƯỢNG HOẶC KHỐI LƯỢNG

LƯU LƯỢNG NƯỚC

Đối với Thủy điện, sản lượng Điện phát ra liên quan mật thiết đến lượng nước đầu vào. Các NMTĐ của Công ty nằm trên lưu vực của các Sông và Suối lớn như Sông Ba Rạn (Huế); Sông Ayun, Suối Đăk Pi Hao, Suối Púch, Suối la Meur và Suối la Đrăng (Gia Lai); Sông Đa Nhim (Lâm Đồng). Tổng dung tích các hồ chứa khoảng 274 triệu m³. Trong năm 2019, do sự tác động mạnh của hiện tượng El Nino nên lượng nước chạy máy cho các NMTĐ chỉ đạt 2.350 triệu m³, giảm 24% so với năm 2018 và là mức thấp nhất trong 5 năm vừa qua.

Dự báo trong những tháng nửa đầu năm 2020, tình trạng hạn hán từ năm 2019 vẫn tiếp diễn làm ảnh hưởng đến DT của các NM với mức độ ảnh hưởng theo dự báo khoảng 15% so với trung bình nhiều năm. Với chiến lược phát triển đa dạng các loại hình Năng lượng nên phần sụt giảm này sẽ được bù đắp đáng kể thậm chí có phần vượt trội bởi nguồn Năng lượng ĐMT các loại.

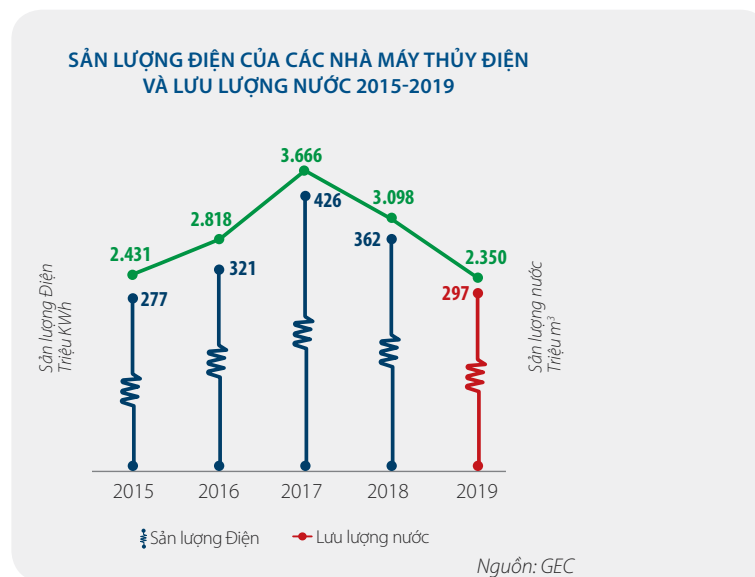
ÁNH NẮNG MẶT TRỜI

Năng lượng Mặt trời là nguồn tài nguyên tái tạo có sẵn trong tự nhiên và miễn phí đối với mọi người sử dụng. Theo xu hướng phát triển những năm gần đây, Năng lượng Mặt trời là lĩnh vực đầy tiềm năng, được kỳ vọng sẽ là nguồn thay thế một phần cho Năng lượng từ các nguồn nhiên liệu không tái tạo đóng góp vai trò quan trọng trong công cuộc bảo vệ Môi trường từ sự tăng nhiệt toàn cầu. Năm 2019, GEC tiếp tục xây dựng và đưa vào vận hành thêm 3 NM ĐMT là Đức Huệ 1, Hàm Phú 2 và Trúc Sơn với tổng công suất thiết kế 142 MWp sau khi trở thành nhà tiên phong phát triển ĐMT tại Việt Nam trong năm 2018 với 117 MWp. GEC dự kiến mở rộng danh mục các dự án ĐMT mới với tổng công suất dự kiến từ 500-700 MWp cho đến năm 2025.

Song song với những ưu điểm nêu trên thì nhược điểm của loại hình Năng lượng này là sản lượng Điện phụ thuộc lớn vào điều kiện thời tiết. Để duy trì ổn sự ổn định, các dự án của GEC luôn được thẩm định kỹ đặc biệt là vị trí các dự án được đặt tại các khu vực có số giờ nắng từ cao đến rất cao và tỷ lệ bức xạ từ tiềm năng đến rất tiềm năng.

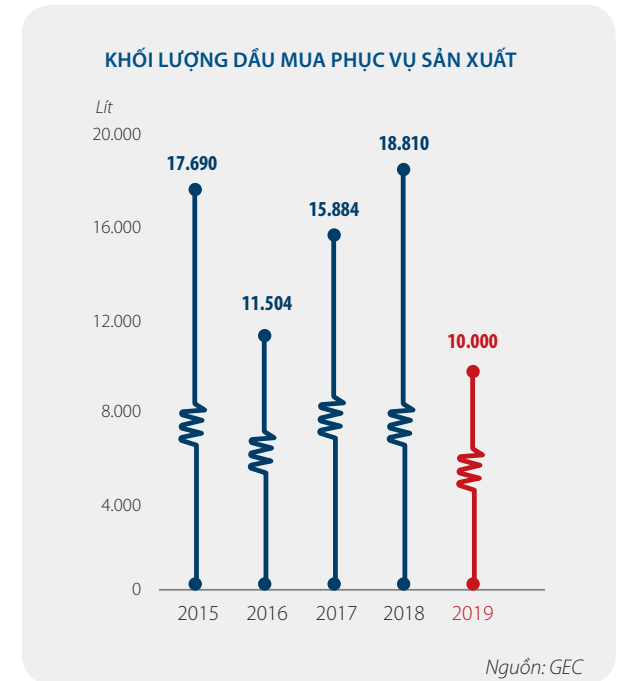
| Nhà máy | Khu vực | Số giờ nắng/năm (giờ) | Đánh giá | Tỷ lệ Bức xạ (kWh/m ² / ngày) | Đánh giá |
|------------------------|----------------------|-----------------------|---------------|--|----------|
| Phong Điền - Huế | Bắc Trung Bộ | 1.700 - 2.000 | Tiềm năng | 4,6 | Rất tốt |
| Krông Pa - Gia Lai | Tây Nguyên | 2.000 - 2.600 | | 4,8 - 5,2 | |
| Đức Huệ 1 - Long An | Miền Nam | 2.000 - 2.600 | | 4,9 | |
| Hàm Phú 2 - Bình Thuận | Duyên hải Miền Trung | 2.200 - 2.500 | Rất tiềm năng | 5,3 | Rất tốt |
| Trúc Sơn - Đăk Nông | Tây Nguyên | 2.000 - 2.600 | | 5,1 | |

Nguồn: GEC tổng hợp



ĐẦU THỦY LỰC

Đầu thủy lực là vật liệu không thể tái tạo được sử dụng để bôi trơn cho vòng bi của tuabin máy phát điện trong NMTĐ. Việc vận hành tuabin trong thời gian dài sẽ làm gia tăng hợp chất oxit và những hạt kim loại trong dầu, dẫn đến suy giảm tính năng bôi trơn. Định kỳ, dầu thủy lực sẽ được thay thế, lượng dầu thải sau qua trình sử dụng được phân loại là chất thải nguy hại, gây ảnh hưởng đáng kể đến Môi trường nếu không được xử lý phù hợp. Để tăng thời gian sử dụng dầu thủy lực và giảm thiểu chất thải nguy hại, trong năm 2019, GEC đã chi khoảng 257 triệu đồng để đầu tư và đưa vào áp dụng công nghệ lọc dầu nhằm tăng cường thời gian sử dụng dầu, giúp giảm 47% lượng dầu mua so với năm 2018, tương ứng giảm gần 9.000 lít dầu thải - chất thải nguy hại - phát sinh hàng năm. Năm 2019 cũng là năm lượng dầu thủy lực mua phục vụ cho sản xuất ít nhất trong vòng 5 năm gần đây so với lượng mua nhiều nhất là 18.810 lít năm 2018. Theo đó, lượng chất thải nguy hại cũng tương ứng ghi nhận mức thấp nhất trong 5 năm qua.



GRI 302 NĂNG LƯỢNG

Chủ đề trọng yếu

- Biến đổi khí hậu, cạn kiệt nguồn tài nguyên là một trong những vấn đề lớn đã và đang làm thay đổi các hệ sinh thái tự nhiên, đời sống Kinh tế - Xã hội
- GEC ý thức được trách nhiệm thông qua việc đẩy mạnh đa dạng hóa các loại hình Năng lượng xanh, tối ưu hóa hiệu quả sản xuất điện, đóng góp tích cực cho an ninh Năng lượng quốc gia.

Phương pháp Quản trị

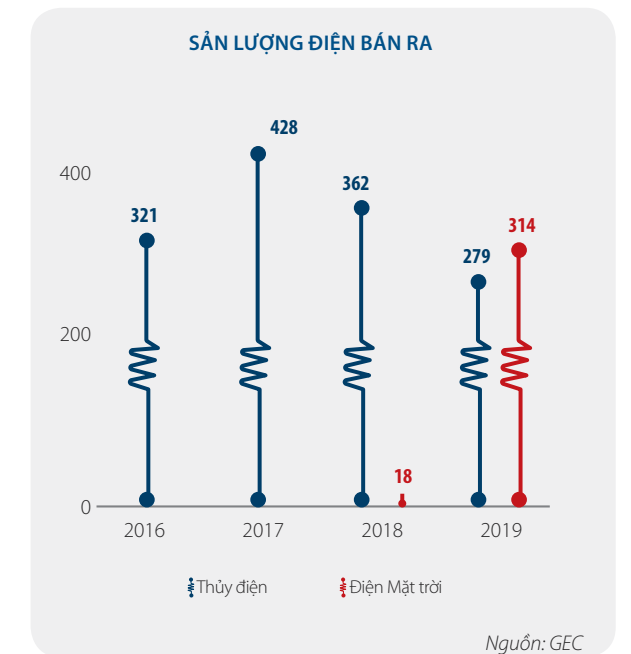
- Công ty đã xây dựng hệ thống SCADA/HMI cho các NM để hỗ trợ:
- Thu thập, giám sát và điều khiển dữ liệu từ xa
- Ghi và tạo báo cáo dữ liệu
- Dự báo và phân tích các nguy cơ, rủi ro có thể xảy ra
- Đa nhiệm, kiểm soát tại quá trình trung tâm điều khiển.

GRI 301-1 | TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG TRONG TỔ CHỨC

TỔNG NĂNG LƯỢNG SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ

GEC nỗ lực gia tăng sản lượng Điện phục vụ cho nhu cầu phát triển xã hội. Giai đoạn 2018-2019 đã đánh dấu sự chuyển đổi mạnh mẽ của GEC từ một Công ty chuyên về sản xuất Thủy điện đến nay đã đưa vào vận hành 5 NM ĐMT. Sản lượng Điện bán ra không ngừng gia tăng qua các năm; cụ thể, tổng sản lượng Điện bán ra năm 2019 đạt 593 triệu kWh, tăng 56% so với năm 2018. Dự kiến năm 2020, sản lượng Điện thương phẩm dự kiến là 692 triệu kWh, ghi nhận mức tăng trưởng khoảng 17%; trong đó 65% đến từ ĐMT. CAGR tính từ năm 2019 đến 2025 dự kiến là 41%, đóng góp từ 3 nguồn là Điện Gió, các loại ĐMT và Thủy điện.

Dự kiến trong năm 2020, GEC sẽ nỗ lực đạt mục tiêu xây dựng và đưa vào vận hành thêm 2 dự án gồm 2 dự án ĐMT với tổng công suất 98 MWp và 1 dự án Điện Gió 30 MW sẽ tập trung xây dựng để kịp vận hành trước tháng 11/2021 kịp hưởng giá điện ưu đãi ngoài khơi 9,8 cents/kWh. Bên cạnh đó, GEC đã thực hiện nhiều giải pháp nhằm giảm thất thoát điện năng như Tăng cường công tác quản lý vận hành, bảo dưỡng, ngăn ngừa sự cố lưới điện; Hoàn thiện và tăng cường khai thác hệ thống SCADA ở các cấp điều độ.



MÔI TRƯỜNG NỖ LỰC BẢO VỆ (tiếp theo)

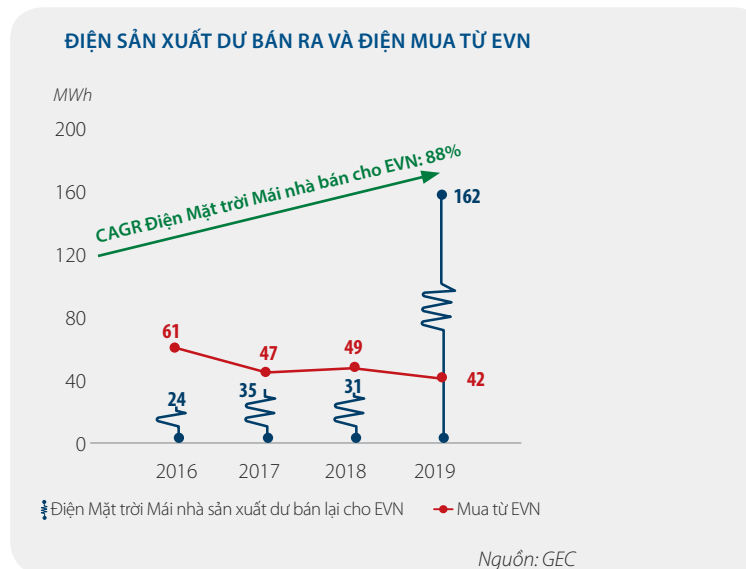
GRI 302 NĂNG LƯỢNG (tiếp theo)

GRI 301-1 | TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG TRONG TỔ CHỨC (tiếp theo)

TỔNG NĂNG LƯỢNG SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ (tiếp theo)

Do phạm vi hoạt động ngày càng rộng và khoảng cách địa lý xa giữa các NM của GEC so với trụ sở chính và các khu văn phòng nên một phần Năng lượng tiêu thụ của GEC vẫn được mua từ EVN. Tuy nhiên từ năm 2016, GEC đã triển khai lắp đặt hệ thống ĐMT Mái nhà tại trụ sở chính Gia Lai để chủ động trong việc cung cấp Điện năng cho hoạt động khối văn phòng, đồng thời tiết kiệm chi phí mua điện từ EVN.

Trong năm 2019, tận dụng những chính sách ưu đãi từ giá mua Điện của Nhà nước, GEC đầu tư mở rộng lắp đặt ĐMT Mái nhà ở Khu sản xuất Diên Phú - Gia Lai. Sản lượng ĐMT Mái nhà theo đó tăng, đưa lượng Điện tiêu thụ mua từ EVN giảm 15% so với năm 2018. Số điện mua từ EVN là hoạt động bắt buộc để phục vụ thời gian hoạt động vào ban đêm hoặc những khi không có nắng ban ngày. Ngoài việc sản xuất cung cấp tự dùng thì lượng dư bán cho EVN cũng tăng hơn 5 lần từ 31 MWh lên 162 MWh so với năm 2018, góp phần đáng kể vào sự gia tăng DT nội bộ.



GRI 302-4 | GIẢM TIÊU HAO NĂNG LƯỢNG

Trong quá trình vận hành, các tấm pin bị bụi bẩn sẽ làm ảnh hưởng khả năng hấp thụ bức xạ, từ đó giảm công suất phát điện 5%-30% tùy vào mức độ bám bẩn, từ đó hiệu suất sản xuất Điện từ các NM ĐMT sẽ không tối ưu, lâu ngày tác động tiêu cực đến tuổi thọ của pin. Do đó, phương án làm sạch tấm pin rất quan trọng để tối ưu hóa sản xuất Năng lượng.

Qua quá trình nghiên cứu cùng với việc thử nghiệm vận hành thực tế tại chính các NM ĐMT đã được triển khai, gồm Đức Huệ 1, Krông Pa, Trúc Sơn, các dòng Robot vệ sinh tấm pin Năng lượng Mặt trời - GEC Robotic Solar Panel Cleaning đã được GEC cải tiến không ngừng để phù hợp với nhiều dạng địa hình. So với cách thủ công, sử dụng Robot sẽ tiết kiệm nước, nhân công cũng như thời gian thao tác. Ước tính trong cùng thời gian hoạt động, việc sử dụng Robot lau 1 block pin - 20.790 tấm pin sẽ tiết kiệm 55 giờ và 39,5 m³ nước trong 1 lần lau pin so với việc sử dụng phương pháp thủ công. Cuối năm 2019, GEC đã thương mại hóa sản phẩm Robot cho các Khách hàng bên ngoài như Tập đoàn Trung Nam, Dầu tiếng Tây Ninh, AMI Khánh Hòa, ĐMT Hòa Hội - Phú Yên, ĐMT Sơn Mỹ - Bình Thuận... và thu về 2 tỷ đồng.



GRI 303 NƯỚC

Chủ đề trọng yếu

- ❖ Nước là nguồn tài nguyên thiết yếu đối với cuộc sống, là điều kiện tiên quyết để phát triển Kinh tế - Xã hội của Quốc gia
- ❖ Nhiều ngành nghề kinh tế hiện nay đang phụ thuộc và có tác động đến nguồn nước như: Nông nghiệp, Giao thông đường thủy, Thủy điện...
- ❖ Nước sạch là nguồn tài nguyên hữu hạn, cần cho sự sống nhưng lại dễ bị tổn thương. Chính vì vậy, việc đảm bảo khai thác, sử dụng hợp lý, hạn chế tác động và rủi ro ảnh hưởng đến Môi trường nước là một trong những đòi hỏi tất yếu.

Phương pháp Quản trị

- ❖ Việc quản lý và vận hành các NMĐT của GEC có thể sẽ gây ra những tác động nhất định đến chế độ thủy văn và hệ sinh thái, hoạt động Kinh tế - Xã hội trên các lưu vực sông
- ❖ Công ty đang kiểm soát tốt các vấn đề quản lý nguồn nước thông qua:
 - » Thực hiện báo cáo giám sát chất lượng nước 4 lần/năm tại các NMĐT cho Cơ quan Nhà nước
 - » Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất cho các NM ĐMT và thực hiện báo cáo hàng năm về Cơ quan Nhà nước
 - » Lắp đặt trạm quan trắc khí tượng thủy văn
 - » Chủ động quản lý, duy trì dòng chảy tối thiểu của khu vực.

GRI 303-1 | LƯỢNG NƯỚC ĐẦU VÀO THEO NGUỒN

Tùy thuộc vào đặc thù hoạt động mà nhu cầu lượng nước sử dụng cho các NMĐT và ĐMT sẽ khác nhau.

Đối với các NMĐT: Nước là nguyên liệu đầu vào chính cho hoạt động sản xuất với nguyên lý là tận dụng thế năng tại các sông, suối để sản xuất Điện. Do đó, nguồn nước ở các khu vực này hầu như không bị tác động về chất lượng khi tham gia vào quá trình sản xuất Điện. Hàng năm, GEC đều thực hiện giám sát chất lượng nước 4 lần/năm ở các khu vực hồ chứa và khu vực phía sau NM để đảm bảo chất lượng nguồn nước, không gây ảnh hưởng đến đời sống Cộng đồng Địa phương. Trong năm 2019, Công ty không có bất kỳ sự cố, vi phạm nào liên quan đến việc ảnh hưởng chất lượng nguồn nước.

Đối với các NM ĐMT: Các NM ĐMT được xây dựng ở những vùng thời tiết khắc nghiệt, số giờ nắng cao để đảm bảo hiệu suất phát Điện. Do đó, nguồn nước sử dụng chủ yếu là nước ngầm nhằm phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt và vệ sinh các tấm pin. Tất cả NM đều có giấy phép khai thác nước ngầm và hàng năm báo cáo về Cơ quan quản lý Nhà nước. Ngoài ra, các NM ĐMT của Công ty đều bố trí xây dựng các hồ điều hòa trong khuôn viên, kết nối trực tiếp với hệ thống cống dẫn nước mưa để thu gom và dự trữ nguồn nước tự nhiên này cho các hoạt động của NM như rửa tấm pin và tạo cảnh quan.

GRI 303-2 | NHỮNG NGUỒN NƯỚC CHỊU ẢNH HƯỞNG ĐÁNG KỂ BỞI LƯỢNG NƯỚC ĐẦU VÀO

Thủy điện là một trong những nguồn Năng lượng quan trọng đóng góp vào sự phát triển Kinh tế - Xã hội. Bên cạnh mặt tích cực, các dự án Thủy điện cũng ít nhiều ảnh hưởng đến dòng chảy các dòng sông và chế độ tưới tiêu canh tác của Cộng đồng khu vực hạ lưu. Với phương châm phát triển Kinh tế gắn liền với bảo vệ Môi trường, các NMĐT của Công ty luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định trong giấy phép nước mặt như:

- ❖ Nước chạy máy của các NMĐT đều được trả về hạ lưu sau NM;
- ❖ Vào mùa khô, các NM luôn tuân thủ duy trì xả dòng chảy tối thiểu sau đập nhằm giảm thiểu ảnh hưởng đến dòng chảy tự nhiên của lưu vực.

Trong năm 2019, Công ty cũng đầu tư lắp đặt 2 trạm quan trắc khí tượng thủy văn tại NMĐT Đa Khai và Thượng Lộ để chủ động trong việc điều tiết lưu lượng cho hoạt động vận hành phát điện, duy trì ổn định sản lượng nhưng vẫn đảm bảo nhu cầu nước tưới tiêu cho hoạt động canh tác của người dân. Tổng giá trị đầu tư cho 2 trạm khí tượng thủy văn này khoảng 300 triệu đồng.

GRI 304 ĐA DẠNG SINH HỌC

Chủ đề trọng yếu

- ❖ Bảo tồn Đa dạng sinh học hiện đang là vấn đề cấp thiết đối với Quốc gia trong bối cảnh dân số cả nước không ngừng gia tăng kéo theo việc khai thác tài nguyên quá mức, sự đánh đổi giữa bảo vệ Môi trường và ưu tiên phát triển Kinh tế
- ❖ GEC chú trọng đến việc bảo vệ đa dạng sinh học trong từng bước phát triển dự án, đảm bảo hài hòa giữa 3 yếu tố Tăng trưởng Kinh tế bền vững - Bảo vệ Hệ sinh thái - Gắn kết Xã hội.

Phương pháp Quản trị

- » GEC thực hiện đánh giá đa dạng sinh học thông qua công cụ IBAT (Integrated Biodiversity Assessment Tool)
- » Công cụ này hỗ trợ giảm ảnh hưởng đến các khu bảo tồn và những loài có nguy cơ bị đe dọa tuyệt chủng, nhằm đảm bảo các khía cạnh Môi trường, Xã hội và Đa dạng sinh học được cân nhắc trong quá trình ra quyết định đầu tư.

GRI 304-2 | CÁC MÔI TRƯỜNG SỐNG ĐƯỢC BẢO TỒN VÀ PHỤC HỒI

Tại GEC, 100% các dự án của Công ty đều được đánh giá đa dạng sinh học nhằm tránh tác động đến môi trường sống và ảnh hưởng đến những loài bị đe dọa. Trong năm 2019, Công ty đã thực hiện đánh giá đa dạng sinh học gần 30 dự án, thể hiện tính nghiêm túc trong công tác thực hiện tốt việc bảo vệ đa dạng sinh học phù hợp với Tiêu chuẩn của IFC.

Bên cạnh đó, Công ty đã chi 4,4 tỷ đồng cho phí dịch vụ Môi trường rừng của các NMĐT. Công ty đang thực hiện đánh giá và phân tích cấu trúc thành phần loài cá, lượng cá thể ở lưu vực sông và lòng hồ Thủy điện Thượng Lộ nhằm xác định những danh mục các loài cá có giá trị kinh tế và ý nghĩa khoa học, từ đó đưa ra những giải pháp quản lý loài cá một cách phù hợp.

MÔI TRƯỜNG NỖ LỰC BẢO VỆ (tiếp theo)

GRI 305 PHÁT THẢI

Chủ đề trọng yếu

- ↪ Biến đổi khí hậu đang diễn ra mạnh mẽ, trái đất đang phải đối mặt với các nguy cơ đến từ hiệu ứng khí nhà kính, băng tan, mực nước biển dâng lên...
- ↪ Theo kết quả kiểm kê Quốc gia về khí nhà kính mới nhất được thực hiện vào năm 2014 của Cục Biến đổi khí hậu, Năng lượng là lĩnh vực phát thải lớn nhất
- ↪ GEC kiên định trong việc trở thành đơn vị tiên phong trong lĩnh vực NLTT, mở rộng đầu tư sang ĐMT, Áp mái, ĐMT Nổi, Điện Gió góp phần giảm phát thải nhà kính.

Phương pháp Quản trị

- ↪ GEC thực hiện nguyên tắc áp dụng nguyên tắc 3R (Reduce, Reused, Recycle) trong quản lý chất thải; thứ tự ưu tiên là Giảm thiểu, Tái sử dụng và Tái chế
- ↪ Các chất thải đặc biệt là chất thải nguy hại được quản lý, giảm thiểu phát sinh và được tiêu hủy đúng quy định.

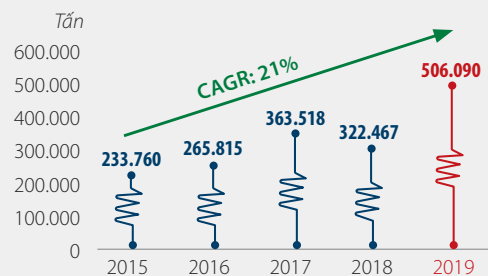
GRI 305-5 | GIẢM PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH (GHG)

Trong lĩnh vực phát triển NLTT, GEC có những đóng góp đáng ghi nhận vào việc giảm phát thải khí nhà kính từ nhiều năm nay. Tiếp tục duy trì hoạt động ổn định 14 NMTĐ và 5 NM ĐMT, nâng tổng số tấn CO₂ giảm được trong năm 2019 lên đỉnh 5 năm là 506.090 tấn/năm và tăng 57% so với cùng kỳ năm trước. CAGR 2015-2019 của lượng CO₂ giảm phát thải đạt 21%, chủ yếu là nhờ sự đóng góp vượt trội của ĐMT.



Nhà máy Điện Mặt trời Krông Pa, Gia Lai

LƯỢNG CO₂ GIẢM PHÁT THẢI



Nguồn: GEC

Với con số giảm phát thải ấn tượng, GEC đã thu hút được sự quan tâm của các tổ chức nước ngoài thông qua những đề xuất giao dịch dưới dạng chứng chỉ NLTT như REC hoặc I-REC hay TIGR. Đây là một công cụ dựa trên cung cầu thị trường, được phát hành khi 1 MWh Điện được tạo ra và cung cấp cho lưới điện từ một nguồn NLTT. Xu hướng hiện nay, các Công ty có ảnh hưởng nhất thế giới, cam kết với 100% NLTT tìm kiếm các chứng chỉ NLTT để tuân thủ theo chiến lược PTBV. GEC đang tiếp tục làm việc với các đơn vị tư vấn khác để tìm kiếm thêm đối tác mua toàn bộ chứng chỉ REC do các NMTĐ và ĐMT tạo ra. Các giao dịch ban đầu đối với các dự án ĐMT đã giúp Công ty đa dạng hóa nguồn DT, tạo động lực để Công ty ngày càng mở rộng và phát triển hơn.

GRI 306 NƯỚC THẢI VÀ CHẤT THẢI

Chủ đề trọng yếu

- ↪ Bảo vệ Môi trường hướng đến mục tiêu PTBV đang nhận được sự quan tâm lớn của toàn Xã hội và đặc biệt là sự quản lý chặt chẽ về mặt Pháp luật
- ↪ Do đặc thù sản xuất nên lượng nước thải và rác thải sinh hoạt phát sinh hàng năm của GEC không đáng kể
- ↪ GEC ý thức trách nhiệm đối với công tác bảo vệ Môi trường, hoạt động tuân thủ, đáp ứng không chỉ những tiêu chuẩn trong nước mà còn hướng đến các chuẩn mực quốc tế.

Phương pháp Quản trị

- ↪ Đối với nước thải: Hệ thống vận hành xử lý Nước thải đạt theo yêu cầu Pháp luật hiện hành theo QCVN 40:2011/BTNMT
- ↪ Đối với chất thải: Công ty Quản trị vấn đề Chất thải theo Nghị định 38/2015/BTNMT về quản lý chất thải và phế liệu; Thông tư 36/2015/BTNMT về quản lý Chất thải nguy hại; đảm bảo Chất thải khi đưa vào Môi trường phải đạt quy chuẩn Môi trường đã cam kết.

GRI 306-1 | TỔNG LƯỢNG NƯỚC THẢI THEO CHẤT LƯỢNG VÀ ĐỊA ĐIỂM THẢI

Đối với lĩnh vực sản xuất ĐMT, lượng nước thải phát sinh rất ít, chủ yếu đến từ nước thải sinh hoạt của CBNV vận hành NM. Đây là loại nước thải có tính chất ô nhiễm đơn giản; theo quy định đối với lưu lượng nước thải dưới 5 m³/ngày đêm thì phương án xử lý được áp dụng phổ biến hiện nay là qua bể tự hoại trước khi thoát ra Môi trường. Mặc dù vậy, Công ty vẫn rất quan tâm đến chất lượng nước thải đầu ra của các NM và tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu trong Báo cáo đánh giá tác động Môi trường đã được phê duyệt nhằm đảm bảo công tác bảo vệ Môi trường. Cụ thể năm 2019, GEC đã đầu tư 2 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt cho NM ĐMT Phong Điền và Hàm Phú với công suất ~2 m³/ngày đêm sử dụng công nghệ xử lý sinh học đảm bảo nước thải đầu ra đạt quy chuẩn trước khi xả ra Môi trường.

GRI 306-2 | TỔNG LƯỢNG CHẤT THẢI THEO LOẠI VÀ PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ

CHẤT THẢI SINH HOẠT

Hầu hết các NM Điện của GEC phát triển tại các khu vực vùng sâu vùng xa, chưa phát triển hệ thống thu gom rác sinh hoạt công cộng. Để giảm thiểu tác động của lượng rác thải phát sinh, các NM đã thực hiện bố trí các khu vực lưu trữ rác theo quy định hiện hành và định kỳ xử lý bằng phương pháp thiêu đốt tại các điểm xa khu dân cư, nguồn nước nhằm tránh gây ảnh hưởng đến Cộng đồng xung quanh. Trong năm 2019, Công ty đã đưa vào vận hành thêm 3 NM ĐMT dẫn đến tăng số lượng lao động và lượng chất thải sinh hoạt phát sinh. Kết quả, lượng chất thải sinh hoạt năm 2019 là 5,6 tấn, tăng 12% so với năm 2018 mặc dù công suất hoạt động các dự án tăng mạnh đến 55%.

CHẤT THẢI NGUY HẠI

Về chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình làm việc như dầu thủy lực Tuabin, các thùng phuy đựng dầu, ắc quy hư... đều được thu gom, phân loại và dán nhãn, sau đó lưu chứa tại kho chất thải nguy hại của mỗi NM. Mỗi năm Công ty đều hợp đồng với đơn vị bên ngoài đủ năng lực để thu gom số chất thải nguy hại này đem đi xử lý.

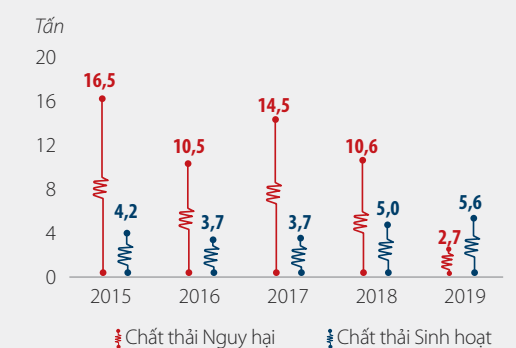
| STT | Tên chất thải nguy hại | Khối lượng (kg) | | | | | 2019/2018 (%) |
|-------------|---|-----------------|---------------|---------------|---------------|--------------|---------------|
| | | 2015 | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 | |
| 1 | Giẻ lau thải nhiễm thành phần nguy hại | 127 | 242 | 211 | 239 | 233 | -3% |
| 2 | Pin ắc quy thải | 1.894 | 129 | 1.621 | 179 | 515 | 188% |
| 3 | Phuy đựng dầu đảm bảo hoàn toàn rỗng | 521 | 696 | 915 | 675 | 210 | -69% |
| 4 | Bóng đèn huỳnh quang, neon thải | 38 | 91 | 35 | 12 | 3 | -75% |
| 5 | Các thiết bị linh kiện điện tử thải hoặc thiết bị điện thải | - | - | - | - | 71 | - |
| 6 | Các loại dầu thủy lực thải | 13.796 | 8.280 | 11.692 | 9.489 | 1.599 | -83% |
| 7 | Các loại dầu truyền nhiệt và cách điện thải khác | 112 | 1.040 | 17 | - | 64 | - |
| TỔNG | | 16.488 | 10.478 | 14.491 | 10.594 | 2.695 | -75% |

Nguồn: GEC

Việc phát sinh chất thải trong quá trình sản xuất được GEC quản lý theo đúng quy định Pháp luật. Trong năm 2019, tổng lượng chất thải nguy hại chỉ còn 2.695 kg, mức thấp nhất trong vòng 5 năm trở lại và ghi nhận giảm tới 75% so với cùng kỳ năm trước. So với mức đỉnh chất thải nguy hại năm 2015 là 16,5 tấn, số liệu năm 2019 giảm hơn 6 lần.

Chiếm tỷ trọng lớn nhất trong các chất thải nguy hại là các loại dầu thủy lực thải. Có thể thấy, trong giai đoạn 2015-2018, lượng dầu thải tương đối đồng đều nhau ở mức từ 8-14 tấn/năm. Tuy nhiên, đến năm 2019, nhờ áp dụng biện pháp lọc và tái sử dụng lại dầu, lượng dầu thải ra chỉ ở mức 1,6 tấn, giảm 83% so với cùng kỳ và giảm gần 9 lần so với mức đỉnh 5 năm của năm 2015. Việc lọc lại dầu để tái sử dụng đã được nghiên cứu, thử nghiệm cũng như đem mẫu đi phân tích chất lượng sau lọc tại trung tâm phân tích của Shell - Singapore nên lượng dầu được tái sử dụng vẫn đảm bảo quy định kỹ thuật.

CHẤT THẢI NGUY HẠI VÀ CHẤT SINH HOẠT



Nguồn: GEC



ĐÊM TRẮNG

Khi ánh đèn rực rỡ chiếu sáng từng khoảnh khắc...
Dòng người tấp nập... Thành phố trở lại sự
nhộn nhịp vốn có với ẩm thực, âm nhạc và giải trí...

ĐỘI NGŨ KỸ THUẬT CỦA GEC VẮN
ĐỒNG HÀNH VỚI MỖI NHÀ MÁY...
ĐỂ TỪNG NGỌN ĐÈN VẼN SÁNG,
ĐỂ NHỊP SỐNG VẼN LUÔN SÔI ĐỘNG...

ĐÊM TRẮNG... CHO MỘT HÀNH TRÌNH MỚI
BẮT ĐẦU...

- 98 Năng lực Ban Tổng Giám đốc
- 101 Lợi thế cạnh tranh - Khai thác và vận hành
- 111 Mô hình Kinh doanh - Xây dựng Chuỗi giá trị
- 116 Quan hệ Nhà đầu tư - Phát triển Thị trường vốn
- 122 Nghiên cứu và phát triển - Xu hướng Công nghệ
- 125 Báo cáo Tài chính Hợp nhất Kiểm toán
- 180 Báo cáo Tài chính Riêng Kiểm toán tóm tắt
- 184 Kiểm toán nội bộ - Cam kết minh bạch

NĂNG LỰC BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Bà **NGUYỄN THÁI HÀ**
Tổng Giám đốc



Ông **LÊ THANH VINH**
Phó Tổng Giám đốc thường trực



Ông **HÀ NGUYỄN HOÀNG**
Phó Tổng Giám đốc



Bà **TRẦN THỊ HỒNG THẨM**
Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng

Thông tin cá nhân

- ✦ Nữ, 39 tuổi, Việt Nam
- ✦ Thạc sĩ Kinh tế
- ✦ Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết tại GEC: 1.030.700 cổ phần - 0,51% VDL

Kinh nghiệm quản lý

- ✦ Quản lý và Điều hành tại Tập đoàn Thành Thành Công và ngân hàng thương mại: 17 năm
- ✦ Lãnh đạo cấp cao - GD trở lên: 7 năm
- ✦ TGD tại GEC: Năm 2018 - 1 năm 3 tháng

Các Công ty đã từng tham gia làm Lãnh đạo cấp cao

- ✦ CTCP Du lịch Thành Thành Công - Việt Nam
- ✦ CTCP Đầu tư Thành Thành Công - Việt Nam

Trách nhiệm quyền hạn tại GEC

- ✦ Xây dựng định hướng hoạt động và phát triển chung toàn Công ty
- ✦ Chịu trách nhiệm về kế hoạch và thực hiện hoạt động SXKD của Công ty
- ✦ Phụ trách trực tiếp công tác đầu tư dự án, đầu tư tài chính và các hoạt động M&A

Những đóng góp nổi bật trong sự nghiệp

- ✦ Tham mưu HĐQT trong việc QTCT theo chuẩn mực và định hướng chiến lược tại các Công ty
- ✦ Điều hành hoạt động của GEC hiệu quả, vượt các mục tiêu của ĐHCĐ
- ✦ Triển khai thành công 5 dự án ĐMT, quyết liệt trong việc mở rộng đầu tư sang lĩnh vực Điện Gió
- ✦ Phụ trách chuyển sản phẩm yếm của GEC thành công tại HOSE, hiện thực hóa phát triển Thị trường vốn quốc tế
- ✦ Phát triển mạnh mẽ đội ngũ Kỹ thuật, đa dạng hóa nguồn thu cho GEC

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác (trừ Công ty Mẹ - Con)

- ✦ Chủ tịch HĐQT - CTCP Du lịch Đồng Thuận - Việt Nam
- ✦ TV HĐQT - CTCP Thương mại Thành Thành Công - Việt Nam
- ✦ TV HĐQT - CTCP Du lịch Núi Tà Cú - Việt Nam
- ✦ Phó Chủ tịch HĐQT - CTCP Du lịch Thành Thành Công - Việt Nam
- ✦ TV HĐQT, Phó TGD, Chánh Văn phòng - CTCP Đầu tư Thành Thành Công - Việt Nam

Thông tin cá nhân

- ✦ Nam, 44 tuổi, Việt Nam
- ✦ Thạc sĩ Kinh tế Phát triển
- ✦ Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết tại GEC: 737.300 cổ phần - 0,36% VDL

Kinh nghiệm quản lý

- ✦ Quản lý và Điều hành tại các quỹ đầu tư và công ty bất động sản lớn: 17 năm
- ✦ Lãnh đạo cấp cao - GD trở lên: 14 năm
- ✦ Phó TGD tại GEC: Năm 2017 - 2 năm 10 tháng

Các Công ty đã từng tham gia làm Lãnh đạo cấp cao

- ✦ CTCP Năng lượng TTC - Việt Nam
- ✦ Tập đoàn Đầu tư KN - Việt Nam
- ✦ CTCP Đầu tư LDG - Việt Nam
- ✦ CTCP Hoa Lâm - Việt Nam
- ✦ CTCP Địa ốc Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) - Việt Nam
- ✦ CTCP Bất động sản Liên Minh và Quỹ đầu tư Ingate Capital - Việt Nam

Trách nhiệm quyền hạn tại GEC

- ✦ Phụ trách công tác tìm kiếm, M&A các dự án NLTT
- ✦ Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động của Công ty liên quan lĩnh vực ĐMT

Những đóng góp nổi bật trong sự nghiệp

- ✦ Góp phần triển khai, đưa vào vận hành các dự án ĐMT của GEC trước kế hoạch
- ✦ Vận hành thành công dự án ĐMT đầu tiên ở Việt Nam và sau đó là liên tiếp 4 dự án ĐMT từ tháng 10/2018 đến nay
- ✦ Đảm bảo sự vận hành ổn định của các dự án ĐMT, góp phần tìm kiếm cũng như phát triển các dự án ĐMT mới của GEC

Thông tin cá nhân

- ✦ Nam, 36 tuổi, Việt Nam
- ✦ Thạc sĩ Tự động hóa
- ✦ Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết tại GEC: 416.200 cổ phần - 0,20% VDL

Kinh nghiệm quản lý

- ✦ Quản lý và Điều hành tại Tập đoàn Thành Thành Công, GEC và các CTTV: 10 năm
- ✦ Lãnh đạo cấp cao - GD trở lên: 6 năm
- ✦ Phó TGD tại GEC: Năm 2019 - 1 năm

Các Công ty đã từng tham gia làm Lãnh đạo cấp cao

- ✦ CTCP Thủy điện Trường Phú - Việt Nam
- ✦ Công ty TNHH MTV Xây lắp và Cơ điện Gia Lai - Việt Nam
- ✦ CTCP Đầu tư Thành Thành Công - Việt Nam
- ✦ CTCP Thủy điện Gia Lai - Việt Nam

Trách nhiệm quyền hạn tại GEC

- ✦ Quản lý công tác nghiên cứu giải pháp về thiết bị và công nghệ cho nhà máy điện, cung cấp dịch vụ thí nghiệm và kỹ thuật điện
- ✦ Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động của Công ty liên quan lĩnh vực Kỹ thuật

Những đóng góp nổi bật trong sự nghiệp

- ✦ Góp phần chuyên nghiệp hóa, nâng cao năng lực đội ngũ Kỹ thuật tại GEC
- ✦ Hỗ trợ GEC tự triển khai các dự án ĐMT cũng như chế tạo thành công các hệ thống hiện đại như hệ thống ĐMT Xoay, hệ thống ĐMT Nổi, Robot Lau Pin
- ✦ Quản lý và vận hành hiệu quả đội ngũ O&M, đảm bảo quá trình vận hành thông suốt của các NM Điện tại GEC

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác (trừ Công ty Mẹ - Con)

- ✦ TV HĐQT - CTCP Thủy điện Trường Phú - Việt Nam
- ✦ Giám đốc Dịch vụ Năng lượng - CTCP Đầu tư Thành Thành Công - Việt Nam

Thông tin cá nhân

- ✦ Nữ, 36 tuổi, Việt Nam
- ✦ Thạc sĩ Kinh tế
- ✦ Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết tại GEC: 327.600 cổ phần - 0,16% VDL

Kinh nghiệm quản lý

- ✦ Quản lý và Điều hành tại GEC và các CTTV: 13 năm
- ✦ Lãnh đạo cấp cao - GD trở lên: 1 năm

Giám đốc Tài chính tại GEC:

- ✦ Năm 2019 - 8 tháng

Kế toán trưởng tại GEC:

- ✦ Năm 2016 - 3 năm 2 tháng

Trách nhiệm quyền hạn tại GEC

- ✦ Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động của Công ty liên quan lĩnh vực Tài chính Kế toán

Những đóng góp nổi bật trong sự nghiệp

- ✦ Góp phần xây dựng hệ thống Kế toán vững mạnh, minh bạch đối với CB và NĐT tham gia vào GEC
- ✦ Tham mưu Ban TGD về những thay đổi của chế độ Kế toán từng thời kỳ, phù hợp với xu hướng hội nhập Thị trường vốn quốc tế, đảm bảo việc tuân thủ các quy định của Pháp luật
- ✦ Góp phần huy động các nguồn vốn trong nước để phục vụ quá trình phát triển danh mục dự án NLTT của GEC.

NĂNG LỰC BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

LỢI THẾ CẠNH TRANH KHAI THÁC VÀ VẬN HÀNH



Ông **NGUYỄN ĐÌNH TUẤN**
Phó Tổng Giám đốc



Ông **PHAN THANH LẠC**
Phó Tổng Giám đốc



Ông **NGUYỄN LÊ HÙNG**
Phó Tổng Giám đốc

Thông tin cá nhân

- ♣ Nam, 56 tuổi, Việt Nam
- ♣ Kỹ sư Điện
- ♣ Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết tại GEC: 154.600 cổ phần - 0,075% VĐL

Kinh nghiệm quản lý

- ♣ Quản lý và Điều hành tại GEC và các CTTV: 25 năm
- ♣ Lãnh đạo cấp cao - GD trở lên: 17 năm
- ♣ Phó TGD tại GEC: Năm 2011 - 8 năm 9 tháng

Các Công ty đã từng tham gia làm Lãnh đạo cấp cao

- ♣ Công ty TNHH MTV Thủy điện Thượng Lộ - Việt Nam
- ♣ CTCP Thủy điện Trường Phú - Việt Nam
- ♣ CTCP Thủy điện Gia Lai - Việt Nam
- ♣ Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Điện Gia Lai - Việt Nam
- ♣ Công ty Điện Gia Lai - Việt Nam

Trách nhiệm quyền hạn tại GEC

- ♣ Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động của Công ty liên quan lĩnh vực Thủy điện

Những đóng góp nổi bật trong sự nghiệp

- ♣ Đóng góp ý kiến cho các Cơ quan Quản lý Ngành Năng lượng hỗ trợ xây dựng những chính sách đầu tư, quản lý, vận hành NMTĐ theo đúng chủ trương và đem lại hiệu quả kinh doanh cao nhất
- ♣ Đóng góp trong việc xây dựng, phát triển và vận hành 14 NMTĐ, đảm bảo các NMTĐ tại GEC hoạt động hiệu quả với hiệu suất tối ưu

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác (trừ Công ty Mẹ - Con)

- ♣ TV HĐQT - CTCP Thủy điện Trường Phú - Việt Nam

Thông tin cá nhân

- ♣ Nam, 59 tuổi, Việt Nam
- ♣ Cử nhân Kinh tế
- ♣ Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết tại GEC: 155.000 cổ phần - 0,076% VĐL

Kinh nghiệm quản lý

- ♣ Quản lý và Điều hành tại GEC và các CTTV: 24 năm
- ♣ Lãnh đạo cấp cao - GD trở lên: 8 năm
- ♣ Phó TGD tại GEC: Năm 2011 - 8 năm

Các Công ty đã từng tham gia làm Lãnh đạo cấp cao

- ♣ CTCP Thủy điện Kênh Bắc Ayun Hạ - Việt Nam
- ♣ CTCP Đầu tư Điện Tây Nguyên - Việt Nam

Trách nhiệm quyền hạn tại GEC

- ♣ Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động của Công ty liên quan lĩnh vực Hành chính Quản trị
- ♣ Chịu trách nhiệm giải quyết các công tác liên quan tới Chính quyền Địa phương

Những đóng góp nổi bật trong sự nghiệp

- ♣ Một trong những TV BDH tham gia xuyên suốt quá trình Cổ phần hóa, IPO, sáp nhập nhiều Công ty con cũng như các đợt phát hành tăng vốn trong quá trình phát triển của GEC
- ♣ Hỗ trợ trong việc quản lý vận hành các dự án Thủy điện của GEC với chi phí tối ưu

Thông tin cá nhân

- ♣ Nam, 40 tuổi, Việt Nam
- ♣ Kỹ sư Công nghệ thông tin
- ♣ Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết tại GEC: 111.800 cổ phần - 0,055% VĐL

Kinh nghiệm quản lý

- ♣ Quản lý và Điều hành tại Tập đoàn TTC, GEC và các công ty công nghệ thông tin: 16 năm
- ♣ Lãnh đạo cấp cao - GD trở lên: 10 năm
- ♣ Phó TGD tại GEC: Năm 2019 - 9 tháng

Các Công ty đã từng tham gia làm Lãnh đạo cấp cao

- ♣ CTCP Đầu tư Thành Thành Công - Việt Nam
- ♣ Công ty TNHH Microsoft Việt Nam - Mỹ
- ♣ Công ty TNHH Tích hợp Hệ thống CMC Sài Gòn - Việt Nam

Trách nhiệm quyền hạn tại GEC

- ♣ Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động của Công ty liên quan lĩnh vực Công nghệ Thông tin

Những đóng góp nổi bật trong sự nghiệp

- ♣ Đẩy mạnh và phát triển các ứng dụng Công nghệ Thông tin vào các hoạt động nghiệp vụ của GEC
- ♣ Triển khai thành công hệ thống ERP tại GEC, góp phần chuyên nghiệp hóa công tác quản lý và vận hành.

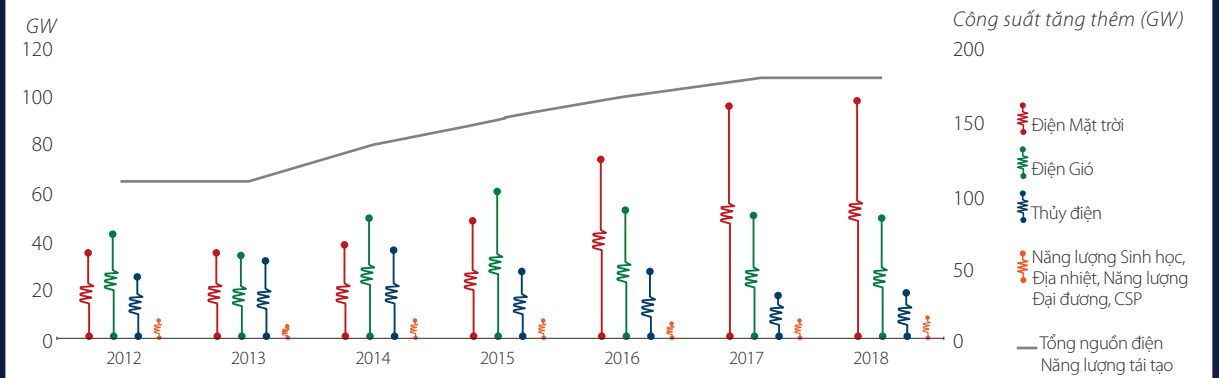
NGÀNH ĐIỆN THẾ GIỚI, ĐÔNG NAM Á VÀ VIỆT NAM

NGÀNH ĐIỆN THẾ GIỚI TIẾP TỤC CHỨNG KIẾN SỰ PHÁT TRIỂN MẠNH MẼ CỦA LĨNH VỰC NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO TRONG SUỐT THẬP KỶ

Với tổng công suất NLTT toàn cầu cuối năm 2018 lũy kế đạt khoảng 2.378 GW ~ 2,4 triệu MW, ước tính trong năm có khoảng 181 GW - 181.000 MW được lắp đặt, tăng hơn 8% so với năm 2017. Trong đó, ĐMT một lần nữa chứng minh thế mạnh khi đạt tăng trưởng cao nhất là 25% so với cùng kỳ, tăng thêm 100 GW - 100.000 MW, đạt 505 GW - 505.000 MW. Điện Gió đạt công suất 591 GW - 591.000 MW cao hơn ĐMT khoảng 17% nhưng chỉ tăng 9% so với năm ngoái. Thủy điện đạt 1.132 GW ~ 1,1 triệu MW, so với công suất ĐMT nhiều hơn gấp 2,2 lần nhưng tăng trưởng thấp nhất chỉ 2%.

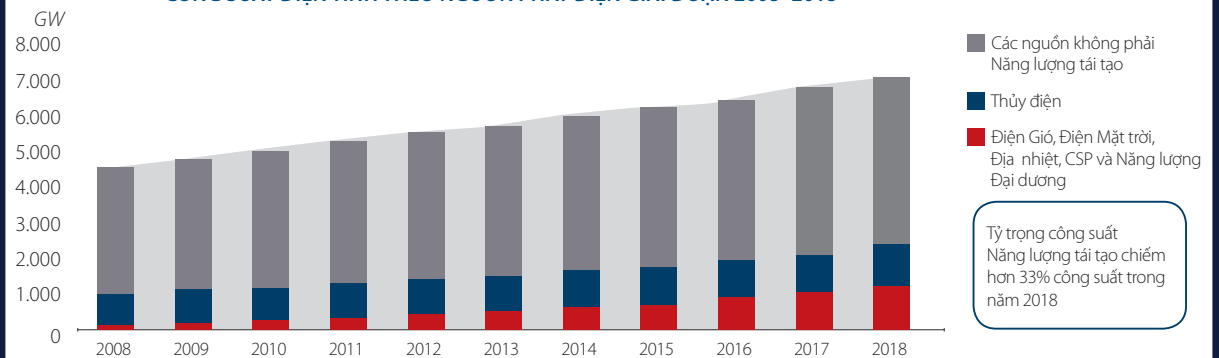
Cơ cấu công suất NLTT cũng có sự thay đổi tính đến thời điểm cuối năm 2018 khi NLTT đã chiếm hơn 33% tổng công suất phát điện trên toàn cầu, tăng 3% so với năm 2017. Về cơ cấu các thành phần NLTT, Thủy điện tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn nhất với 48%, tuy nhiên đã giảm 3% so với cùng kỳ, Điện Gió vẫn duy trì tỷ trọng ở mức 25%, trong khi ĐMT lần đầu tiên chiếm tỷ trọng trên 20%, tăng 3%, còn lại là Năng lượng Sinh học, Địa nhiệt, Năng lượng Đại dương và công nghệ ĐMT tập trung (CSP).

CÔNG SUẤT NGUỒN ĐIỆN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO TĂNG THÊM GIAI ĐOẠN 2012 - 2018 TOÀN CẦU



Ghi chú: Dữ liệu công suất Điện Mặt trời đang dùng dưới dạng dòng điện một chiều

CÔNG SUẤT ĐIỆN TÍNH THEO NGUỒN PHÁT ĐIỆN GIAI ĐOẠN 2008 - 2018

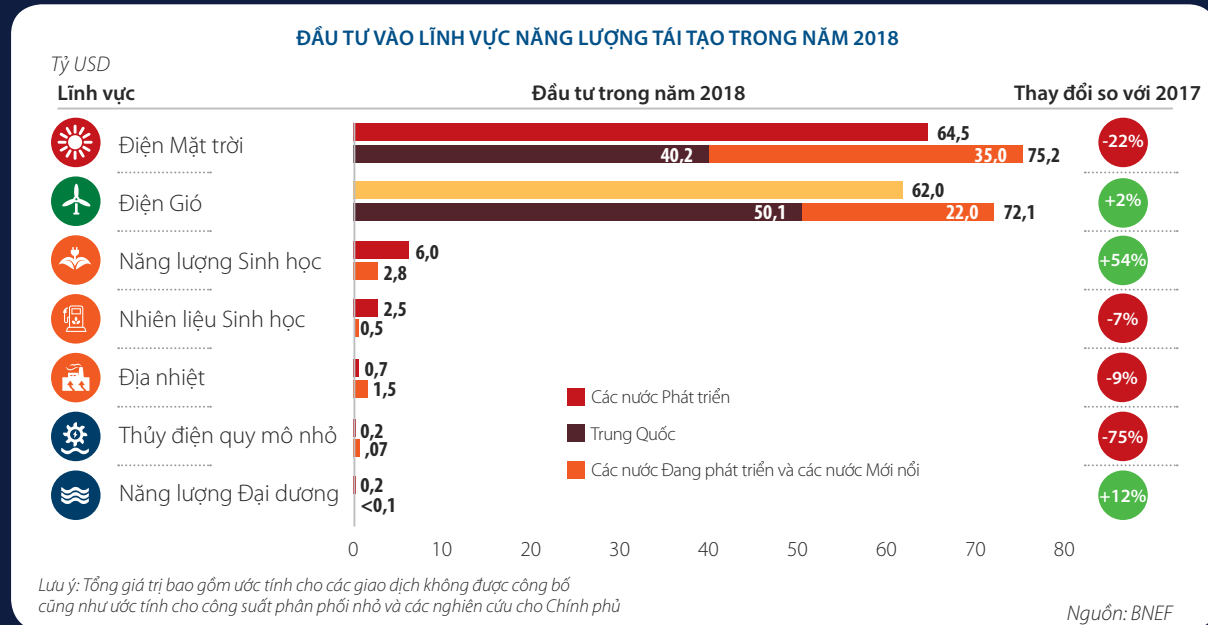


Nguồn: Báo cáo tình trạng Năng lượng tái tạo trên toàn cầu 2019, REN 21

Theo ước tính của Bloomberg, đầu tư vào lĩnh vực NLTT và nhiên liệu trên toàn cầu trong năm 2018 (không bao gồm các dự án Thủy điện lớn hơn 50 MW) vào khoảng 289 tỷ USD, thấp hơn 11% so với mức đầu tư 326 tỷ USD vào năm 2017. Mặc dù vậy, năm 2018 là năm thứ 9 liên tiếp ghi nhận tổng mức đầu tư vào lĩnh vực NLTT vượt trên 230 tỷ USD, cao gần gấp 3 lần so với số tiền đầu tư vào máy phát điện chạy bằng Than và Khí đốt mới cộng lại. ĐMT tiếp tục là lĩnh vực thu hút nhiều đầu tư nhất với giá trị 140 tỷ USD trong năm 2018, tuy giảm 22% so với năm ngoái nhưng chiếm tỷ trọng lớn nhất 49%. Đầu tư Điện Gió khoảng 134 tỷ USD, tiếp tục đứng sau ĐMT về trọng số với 46% nhưng vẫn ghi nhận mức tăng 2% trong năm 2018; tiếp theo là Năng lượng Sinh học đạt gần 9 tỷ USD, tăng 54% so với năm 2017 nhưng chỉ chiếm khoảng 3% cơ cấu; 2% còn lại là giá trị đầu tư của Nhiên liệu Sinh học, Địa nhiệt, Thủy điện có quy mô nhỏ và Năng lượng Đại dương, đa số đều ghi nhận giảm so với cùng kỳ trừ Năng lượng Đại dương tăng 12%. Trung Quốc vẫn là nước duy nhất của Châu Á đầu tư mạnh tay nhất vào ĐMT và Điện Gió với lần lượt 40 và 50 tỷ USD trong năm 2018, ít hơn các nước phát triển là xấp xỉ 65 và 62 tỷ USD.

LỢI THẾ CẠNH TRANH KHAI THÁC VÀ VẬN HÀNH (tiếp theo)

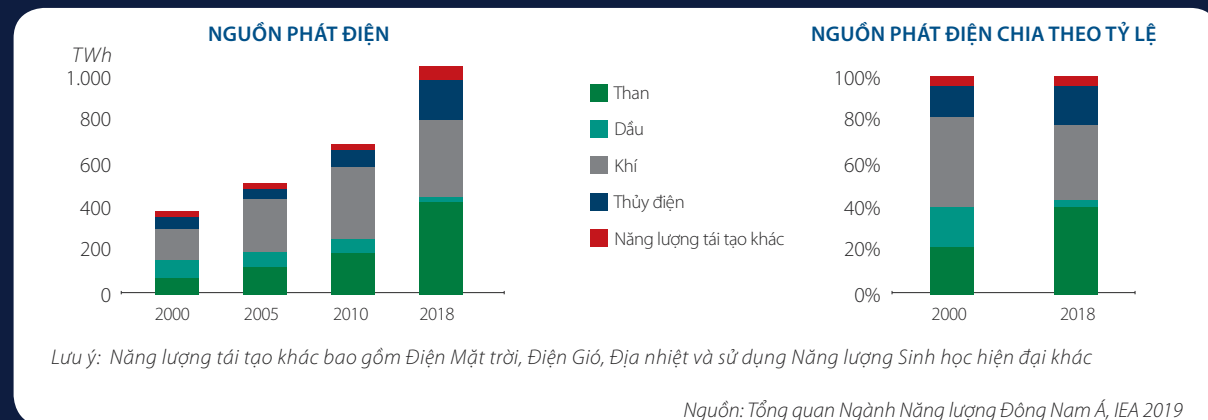
NGÀNH ĐIỆN THẾ GIỚI, ĐÔNG NAM Á VÀ VIỆT NAM (tiếp theo)



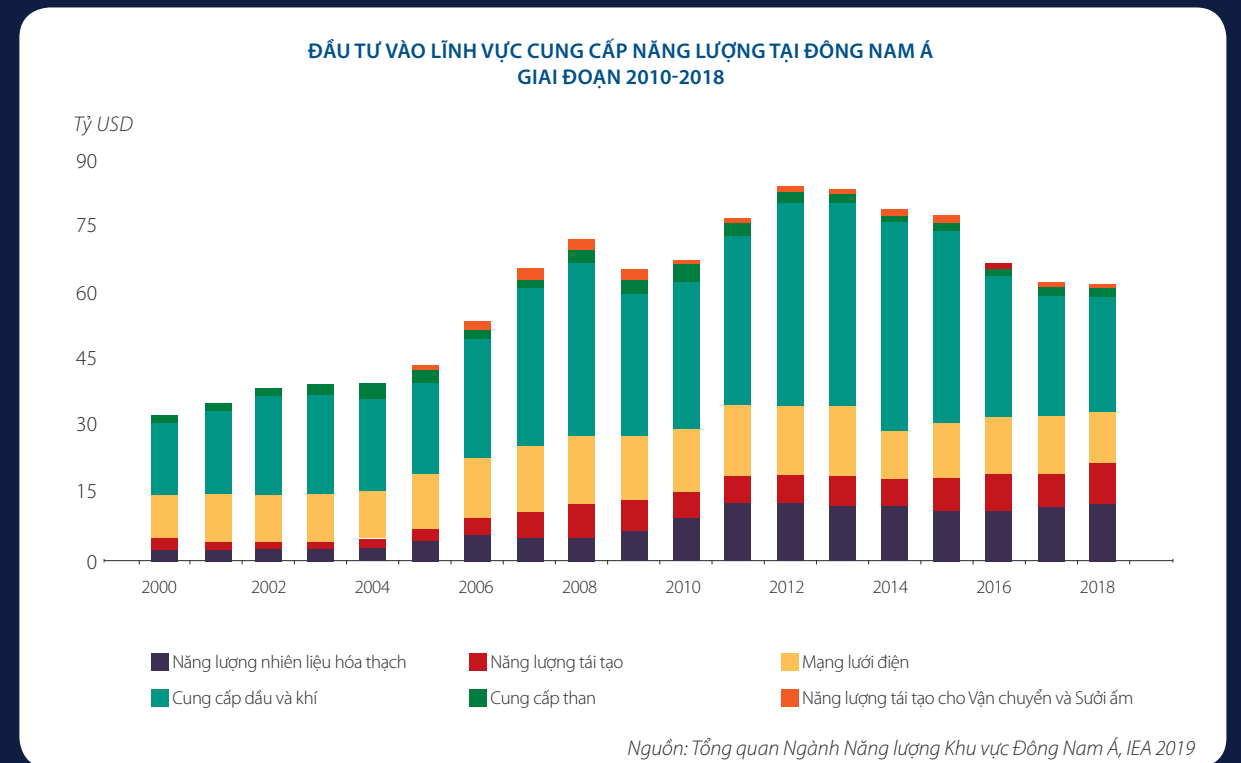
ĐÔNG NAM Á NỖ LỰC THAY THẾ NĂNG LƯỢNG THAN BẰNG NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO ĐỂ THỰC HIỆN TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ BỀN VỮNG

Đông Nam Á là một trong những Khu vực có nhu cầu tiêu thụ điện tăng trưởng nhanh nhất thế giới với tốc độ tăng trưởng trung bình 6%/năm trong giai đoạn 2000-2018. Tổng nhu cầu Năng lượng sơ cấp ở Đông Nam Á đã tăng hơn 80%, tăng trung bình 3,4% mỗi năm, vượt xa mức tăng trung bình của toàn cầu là 2% và sự tăng trưởng này đã được đáp ứng bằng cách tăng gấp đôi tỷ lệ sử dụng nhiên liệu hóa thạch. Dầu là nguyên liệu được sử dụng nhiều nhất trong các tất cả các loại nhiên liệu, sau đó là Than - nhiên liệu được sử dụng phần lớn cho sản xuất điện.

Hầu hết các hệ thống điện ở Đông Nam Á được thiết lập theo cơ chế chủ yếu một người mua và chiếm tỷ trọng nguồn phát điện phần lớn là từ các nhà máy Nhiệt điện chạy bằng Than và Khí đốt. So với năm 2000, Nhiệt điện than đã tăng gấp đôi tỷ trọng, chiếm 40% trong cơ cấu công suất nguồn phát điện tại Khu vực. Điện từ NLTT cũng bắt đầu được chú trọng khi đã có sự mở rộng Thủy điện ở Tiểu vùng Sông Mê Kông (Việt Nam, Lào, Thái Lan, Myanma), Indonesia và Malaysia; Địa nhiệt ở Indonesia (một trong những thị trường hàng đầu thế giới về tài nguyên này) và Năng lượng Sinh học (Thái Lan). Tiềm năng to lớn của Năng lượng Mặt trời và Gió cũng đã bắt đầu được khai thác. Một số quốc gia cũng đưa ra mục tiêu cụ thể nhằm thúc đẩy phát triển NLTT, điển hình như Singapore gia tăng công suất ĐMT lên đến 350 MW vào năm 2020 và tăng hơn 1 GW - 1.000 MW sau năm 2020; tại Thái Lan tăng tỷ trọng tiêu thụ NLTT lên 30% vào cuối năm 2036; tại Philippines tăng gấp 3 công suất lắp đặt của NLTT lên 15,3 GW - 15.300 MW vào năm 2030..., theo IEA thống kê năm 2019.

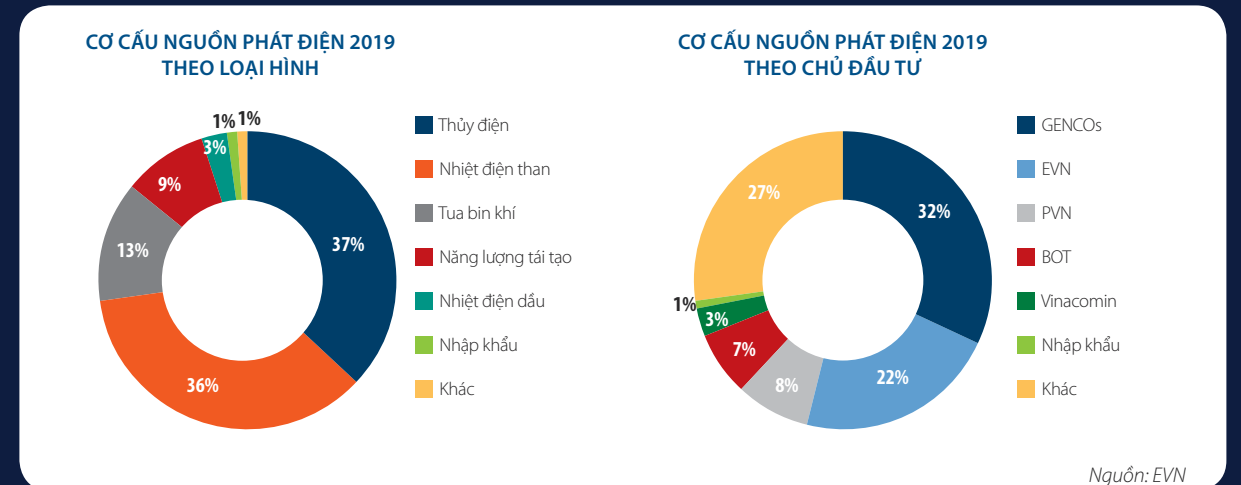


Đầu tư vào Ngành Năng lượng Đông Nam Á đạt giá trị khoảng 65 tỷ USD vào năm 2018, phần lớn giá trị đầu tư này có xu hướng giảm qua các năm, cụ thể giảm 25% so với thời điểm năm 2015. Điều này cho thấy tại Khu vực, mức đầu tư không đáp ứng đủ so với nhu cầu Năng lượng đang trên đà tăng tốc để đáp ứng các mục tiêu bền vững. Trong số các yếu tố khác nhau của đầu tư Năng lượng, hầu hết sự suy giảm những năm gần đây có liên quan đến Dầu khí, giảm hơn 40% kể từ năm 2015 do giá dầu giảm. Mặc dù nhu cầu sử dụng Dầu và Khí trên toàn cầu tăng trong năm 2018, thúc đẩy phê duyệt dự án ở nhiều nơi trên thế giới nhưng có ít dấu hiệu cho thấy sự gia tăng ở Đông Nam Á. Nguyên nhân là do việc đầu tư chuyển sang đáp ứng nhu cầu điện ngày càng tăng với sự tập trung vào lĩnh vực NLTT, mặc dù các NM Nhiệt điện (đốt than và khí đốt) vẫn chiếm phần lớn đầu tư vào công suất phát điện mới.



NGÀNH ĐIỆN VIỆT NAM CHỨNG KIẾN SỰ PHÁT TRIỂN BÙNG NỔ CỦA ĐIỆN MẶT TRỜI

Theo thống kê của EVN đến cuối năm 2019 thì tổng công suất lắp đặt nguồn điện toàn hệ thống đạt 54.880 MW, tăng 6.320 MW so với năm 2018. Thủy điện và Nhiệt điện than vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất với 37% và 36%, Tua bin Khí chiếm 13% xếp thứ 3 và tiếp theo là NLTT với 9%. Với việc chiếm tỷ trọng 54% trong cơ cấu sở hữu nguồn điện, EVN và các Tổng công ty phát điện trực thuộc EVN (GENCOs) quản lý tiếp tục chiếm giữ phần lớn thị phần Ngành, tiếp theo là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Petro Việt Nam trực thuộc quyền quản lý của Chính phủ 8%; các dự án BOT, Tập đoàn Công nghệ Than - Khoáng sản Việt Nam (Vinacomin) và nhập khẩu khoảng 11% và còn lại là các chủ đầu tư khác.

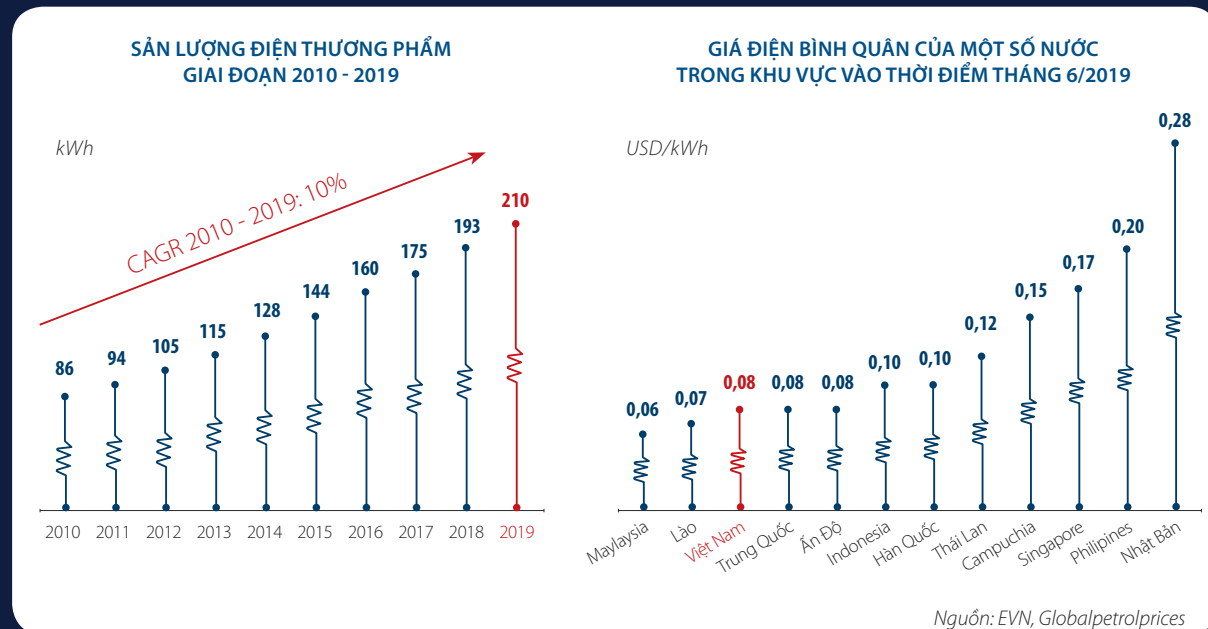


LỢI THẾ CẠNH TRANH KHAI THÁC VÀ VẬN HÀNH (tiếp theo)

NGÀNH ĐIỆN THẾ GIỚI, ĐÔNG NAM Á VÀ VIỆT NAM (tiếp theo)

NGÀNH ĐIỆN VIỆT NAM CHỨNG KIẾN SỰ PHÁT TRIỂN BÙNG NỔ CỦA ĐIỆN MẶT TRỜI (tiếp theo)

Theo EVN, sản lượng Điện thương phẩm năm 2010 chỉ đạt 86 tỷ kWh, nhưng đến năm 2019 đã tăng lên 210 tỷ kWh với CAGR 9 năm đạt khoảng 10%. Điều này đồng nghĩa với việc các công ty sản xuất điện luôn được đảm bảo đầu ra gần như tuyệt đối trong bối cảnh nhu cầu sử dụng điện ngày càng cao. Dựa trên thống kê của Global Petrol Prices đến thời điểm tháng 6/2019, giá điện bình quân của Việt Nam ở mức 0,08 USD/kWh ~ 1.845 đồng/kWh, chỉ bằng một nửa so với bình quân giá điện của các nước trên thế giới là 0,14 USD/kWh ~ 3.229 đồng/kWh theo tỷ giá trung tâm thời điểm cuối tháng 6/2019. Một số Quốc gia trong Khu vực Châu Á có giá điện cao hơn Việt Nam như Nhật Bản, Philippines, Singapore, Campuchia, Thái Lan, Hàn Quốc, Indonesia; thậm chí nếu so với Campuchia thì giá điện của Việt Nam cũng chỉ bằng 53%.

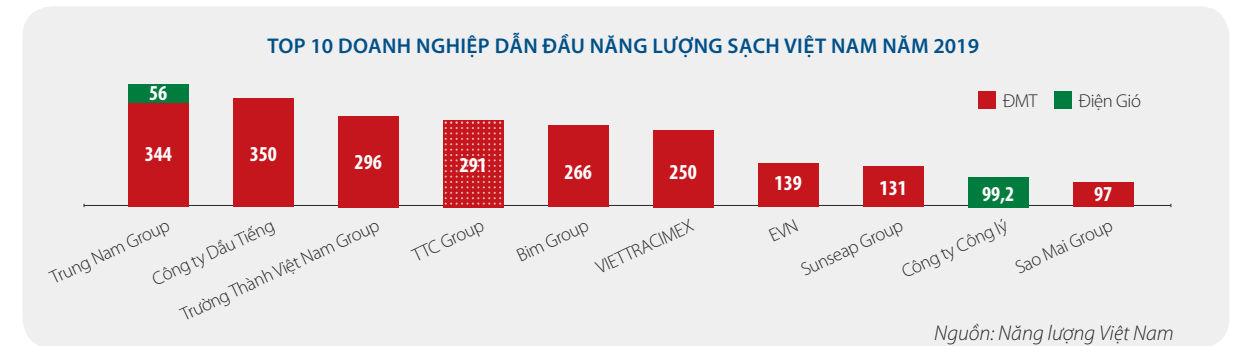


Theo Quyết định 63/2013/QĐ-TTg ngày 8/11/2013, thị trường Điện cạnh tranh tại Việt Nam được hình thành và phát triển qua 3 cấp độ: **(1) Thị trường Phát điện cạnh tranh:** Chính thức vận hành trong 6 năm từ 2012-2018; **(2) Thị trường Bán buôn điện cạnh tranh:** Thí điểm từ năm 2017-2019 và hoàn chỉnh từ năm 2019-2021; **(3) Thị trường Bán lẻ điện cạnh tranh:** Thí điểm từ năm 2021-2023 và vận hành hoàn chỉnh từ sau năm 2023.

Theo đúng lộ trình **Thị trường Bán buôn điện cạnh tranh (VWEM)** đã chính thức vận hành toàn diện từ 1/1/2019 và hiện đã có 90 nhà máy điện với tổng công suất đạt 23.054 MW, chiếm 42% tổng công suất lắp đặt của hệ thống điện tính đến cuối năm 2019. Đại diện Trung tâm Điều độ Hệ thống điện Quốc gia - A0 nhận định, thị trường mới đã làm thay đổi rõ rệt về mặt nhận thức và tổ chức công việc của các Tổng Công ty Điện lực, đem lại lợi ích lớn cho người sử dụng điện. Bởi khi có thêm nhiều người bán, nhiều người mua, thị trường sẽ có sự cạnh tranh và giá điện được phản ánh sát thực tế. Các đơn vị cung cấp điện sẽ chủ động hơn trong vận hành, rút ngắn thời gian bảo trì, sửa chữa, cắt giảm chi phí. Bên cạnh đó, BCT cũng đang cố gắng hoàn thiện hành lang pháp lý cho thị trường **VWEM**, đồng thời chỉ đạo các đơn vị hoàn thiện cơ sở hạ tầng, tổ chức các khóa đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ vận hành... đảm bảo thị trường **VWEM** vận hành minh bạch và hiệu quả.

Cùng với thị trường **VWEM**, Ngành NLTT cũng đang được Chính phủ quan tâm và thúc đẩy phát triển, Chính phủ đã có nhiều chính sách khuyến khích các loại hình nguồn điện NLTT qua các cơ chế **Biểu giá chi phí tránh được** áp dụng cho các NMTĐ nhỏ có công suất dưới 30 MW, **Cơ chế Giá FIT** cho Điện Sinh khối, ĐMT, Điện Gió. Nhờ đó, trong những năm gần đây, các NĐT trong và ngoài nước đã xúc tiến xây dựng nhiều dự án, đưa tỷ lệ các nguồn điện NLTT tăng lên nhanh chóng.

Để động viên khuyến khích phát triển nguồn NLTT, đồng thời tìm hiểu những nhân tố về áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến, cũng như thuận lợi, khó khăn và nguyện vọng của các NĐT trong lĩnh vực này, Hội đồng Khoa học của Tập chí Năng lượng Việt Nam (VER) chính thức công bố Top 10 Doanh nghiệp dẫn đầu Năng lượng sạch Việt Nam 2019 - VCE 10. Tiêu chí đánh giá VCE 10 dựa trên (1) Quy mô đầu tư nguồn NLTT, (2) Cập nhật xu thế Năng lượng sạch trên thế giới, (3) Công nghệ, thiết bị, (4) Các yếu tố quyết định đẩy mạnh phát triển NLTT, (5) Tốc độ đầu tư phát triển dự án Năng lượng sạch, (6) Trách nhiệm của doanh nghiệp đối với Xã hội... Bảng xếp hạng được các nhà khoa học dựa trên kết quả nghiên cứu, đánh giá độc lập từ cơ sở dữ liệu của BCT, EVN, Hiệp hội Năng lượng Việt Nam, VER và thông tin tổng hợp dựa trên kết quả thực tế của các doanh nghiệp, chủ đầu tư công bố tham gia đầu tư Năng lượng sạch tại Việt Nam. Tổng công suất nguồn điện của Top 10 doanh nghiệp dẫn đầu Năng lượng sạch với danh mục 29 NM ĐMT và Điện Gió là 2.319 MW. Trong đó, 2.164 MW ĐMT và 155 MW Điện Gió, chiếm 49% tổng công suất ĐMT, Điện Gió toàn quốc và chiếm 28% tổng nguồn NLTT, không kể Thủy điện vừa và lớn.



Đối với Thủy điện

Về quy hoạch **Thủy điện bậc thang** trên các dòng sông lớn, Ngành Điện hiện đã vận hành phát điện 74 công trình - 15.386 MW, đang thi công xây dựng 24 dự án - 1.605 MW, đang nghiên cứu đầu tư 18 dự án - 1.759 MW và 3 dự án - 128 MW chưa nghiên cứu đầu tư. Đối với quy hoạch **Thủy điện vừa và nhỏ**, đến nay đã vận hành phát điện 290 công trình - 4.500 MW, đang thi công xây dựng 138 dự án - 1.793 MW, đang nghiên cứu đầu tư 299 dự án - 3.297 MW và chưa nghiên cứu đầu tư 67 dự án - 412 MW. Hiện nay, các NMTĐ lớn nhất cả nước như Sơn La - 2.400 MW, Hòa Bình - 1.920 MW, Lai Châu - 1.200 MW... vẫn thuộc quản lý trực tiếp của EVN. Bên cạnh đó, đã có nhiều Công ty Thủy điện được niêm yết trên TTCK với số lượng gần 30 đơn vị như A Vương (AVC), Hủa Na (HNA), Hương Sơn (GSM), Thác Mơ (TMP), Vĩnh Sơn Sông Hình (VSH)...

Trong năm 2019, công tác vận hành của Thủy điện gặp nhiều khó khăn khi lượng mưa thấp hơn nhiều so với

trung bình nhiều năm. Tính riêng trong giai đoạn mùa lũ năm 2019, tổng lượng nước về các hồ chứa chỉ đạt 69% so với giá trị trung bình nhiều năm, thậm chí nhiều hồ còn thấp hơn 50% như Lai Châu, Bình Điện, Sông Bung 2, A Vương, Vĩnh Sơn, Đại Ninh. Trong số 39 hồ chứa Thủy điện lớn trên hệ thống - có khả năng điều tiết trên 1 tuần, chỉ có 13 hồ có lượng nước về trong mùa lũ đạt từ 80% trung bình nhiều năm trở lên. Với hoạt động phụ thuộc nhiều vào thời tiết và thủy văn, tình trạng El Nino quay trở lại trong năm 2019 làm giảm lượng nước về các hồ chứa đã gây ảnh hưởng đến hiệu suất phát điện của các NM, làm giảm nhỏ hơn hoặc bằng 30 MW hoặc cụm Thủy điện bậc thang có công suất nhỏ hơn hoặc bằng 60 MW đi vào vận hành trước tháng 11/2019 được hưởng cơ chế ưu đãi bán theo **Biểu giá chi phí tránh được** do BCT ban hành hàng năm. Quyết định này đã giúp cho các doanh nghiệp giảm thiểu thời gian và chi phí đàm phán hợp đồng.

GEC

Với công suất các NMTĐ nhỏ là 85,1 MW so với 290 công trình của 4.500 MW toàn quốc, GEC chiếm 2% thị phần:

- » Công suất 71/423 MW, GEC chiếm tỷ trọng 17% tại Khu vực Gia Lai
- » Công suất 8/57 MW, GEC chiếm tỷ trọng 14% tại Khu vực Lâm Đồng
- » Công suất 6/71 MW, GEC chiếm tỷ trọng 8% tại Khu vực Huế

Thủy điện của GEC chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi Biểu giá chi phí tránh được. So với năm 2018, các khung giờ mùa khô năm 2019 tăng 8% và chênh lệch không đáng kể trong các khung giờ mùa mưa. Cuối năm 2019, BCT đã ban hành biểu giá mới áp dụng cho năm 2020, riêng tại Khu vực Miền Trung, hầu hết các biểu giá trong các khung giờ đều tăng từ 8-14%, riêng giá tại khung giờ cao điểm giảm 10% so với năm 2019

Với quan điểm xây dựng kế hoạch ngân sách thận trọng, ước tính DT Thủy điện của GEC 2020 sẽ không bị ảnh hưởng đáng kể từ Biểu giá chi phí tránh được mới bởi sự cân đối bù trừ giữa sản lượng phát điện tại các thời điểm trong các mùa

Để đảm bảo cho kế hoạch kinh doanh trong năm 2020, GEC tăng cường triển khai thực hiện kiểm soát chi phí vận hành, sửa chữa theo thứ tự ưu tiên các hạng mục để tối ưu hiệu quả sản xuất điện, phối hợp cùng với Hội đồng Khoa học các công trình thủy công xác định các kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng theo đúng lịch định kỳ, để tối ưu chi phí, bảo đảm chất lượng, nâng cao hiệu quả hoạt động, nỗ lực hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2020.

LỢI THẾ CẠNH TRANH KHAI THÁC VÀ VẬN HÀNH (tiếp theo)

NGÀNH ĐIỆN THẾ GIỚI, ĐÔNG NAM Á VÀ VIỆT NAM (tiếp theo)

NGÀNH ĐIỆN VIỆT NAM CHỨNG KIẾN SỰ PHÁT TRIỂN BÙNG NỔ CỦA ĐIỆN MẶT TRỜI (tiếp theo)

Đối với Điện Mặt trời

Theo thống kê từ BCT, sau khi có Quyết định số 11/2017/QĐ-TTg năm 2017 về cơ chế khuyến khích đầu tư phát triển ĐMT, 126 dự án với tổng công suất 8.960 MW đã được bổ sung vào quy hoạch phát triển điện lực, có 89 dự án với tổng công suất gần 4.450 MW đi vào vận hành thương mại. Căn cứ theo VCE 10, các doanh nghiệp dẫn đầu lần lượt là CTCP Năng lượng Dầu Tiếng với 2 NM công suất 350 MW, CTCP Đầu tư Xây dựng Trung Nam với 2 NM 344 MW và CTCP Tập đoàn Trường Thành Việt Nam với 3 NM công suất là 296 MW, chiếm tỷ trọng lần lượt là 7,9%, 7,7% và 6,7% công suất vận hành toàn quốc.

So với hơn 4.000 MW ĐMT được đưa vào hệ thống từ tháng 4 đến hết tháng 6/2019, đã có sự chững lại trong việc triển khai các dự án ĐMT khi từ sau ngày 30/6/2019 tới nay. Do chưa đồng bộ giữa quy hoạch phát triển ĐMT với các lĩnh vực hạ tầng lưới điện đã làm ảnh hưởng trực tiếp (quá tải từ 260-360%) tại các tuyến đường dây 110 kV Tháp Chàm - Hậu Sanh - Tuy Phong - Phan Rí. Theo đó một số các NM ĐMT tại Khu vực thường xuyên phải cắt giảm từ 30-60% công suất. Việc các dự án ĐMT phát triển nhanh tại Khu vực này đã gây ra một số khó khăn cho Ngành Điện, đặc biệt là cơ quan quản lý truyền tải điện vì chỉ cần thời gian 6 tháng, NĐT có thể đưa dự án ĐMT vào vận hành, tuy nhiên để có một đường dây hay trạm biến áp đủ khả năng truyền tải toàn bộ lượng điện sản xuất ra tại khu vực đến các

Địa phương khác phải mất từ 2-3 năm. Sau một thời gian chờ đợi, Chính phủ cũng vừa ban hành cơ chế khuyến khích phát triển ĐMT tại Việt Nam theo văn bản số 13/2020/QĐ-TTg ngày 6/4/2020, theo đó các dự án ĐMT nổi lưới có quyết định chủ trương đầu tư trước ngày 23/11/2019, vận hành thương mại trước 31/12/2020 sẽ được hưởng mức giá 7,09 cents/kWh cho ĐMT Mặt đất và 7,69 cents/kWh cho ĐMT Nổi. Các mức giá này chưa gồm thuế VAT, được điều chỉnh theo biến động tỷ giá VND/USD và áp dụng trong 20 năm từ ngày dự án vận hành thương mại. Riêng tại tỉnh Ninh Thuận, các dự án nằm trong quy hoạch, vận hành thương mại trước 1/1/2021 được hưởng mức giá 9,35 cents/kWh. Với các dự án ĐMT Áp mái, để được hưởng mức giá 8,38 cents/kWh, dự án phải vận hành phát điện, xác nhận chỉ số công tơ từ 1/7/2019 - 31/12/2020. Các dự án không thuộc cơ chế ưu đãi trên sẽ được xác định thông qua cơ chế cạnh tranh.

Ngành Điện Việt Nam từ trước đến nay chưa từng thực hiện cơ chế đấu thầu các dự án ĐMT, tuy nhiên theo Cục trưởng Cục Điện lực và NLTT thuộc BCT cho biết, kinh nghiệm của thế giới cho thấy, đấu thầu phát triển các dự án ĐMT là xu hướng, bởi đây là hình thức lựa chọn NĐT công khai, minh bạch, công bằng nhất, tạo điều kiện cho mọi thành phần Kinh tế có thể tham gia. Vào tháng 3/2020, BCT cũng đã trình Thủ tướng phương án phát triển cơ chế xác định giá điện cạnh tranh cho các dự án ĐMT.

| Phương án | Ưu điểm | Nhược điểm |
|--|--|---|
| Phương án 1: Đấu giá theo dự án để xác định giá mua điện cạnh tranh ⚡ <i>Đối tượng:</i> 7 dự án ĐMT với tổng công suất 600 MW đã có trong quy hoạch và khoảng 1.000 MW sẽ BSQH ⚡ <i>Nguyên tắc:</i> Các dự án đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, có giá điện để xuất dưới mức giá trần, được đánh giá từ thấp đến cao. Mức giá trần cho ĐMT Nổi 7,69 cents/kWh và ĐMT mặt đất 7,09 cents/kWh ⚡ <i>Thời gian thực hiện:</i> Đến tháng 6/2021 | ⚡ Tăng cường quản lý phát triển hệ thống điện, phát triển nguồn theo đúng quy hoạch kế hoạch, đúng mục tiêu ⚡ Tối ưu công suất sẵn có của lưới truyền tải để phát triển các dự án ĐMT, giảm thiểu chi phí tích hợp nguồn ĐMT như chi phí nâng cấp, mở rộng hệ thống truyền tải, phân phối ⚡ Hạn chế tác động quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất | |
| Phương án 2: Phương án đấu giá theo trạm biến áp ⚡ <i>Đối tượng:</i> Quy mô công suất từ 10 MW - 100 MW ⚡ <i>Thời gian áp dụng:</i> Từ tháng 7/2021 | ⚡ Tăng cường quản lý phát triển hệ thống điện, phát triển nguồn theo đúng quy hoạch kế hoạch, đúng mục tiêu ⚡ Tối ưu công suất sẵn có của lưới truyền tải để phát triển các dự án ĐMT, giảm thiểu chi phí tích hợp nguồn ĐMT như chi phí nâng cấp, mở rộng hệ thống truyền tải, phân phối ⚡ Hạn chế tác động quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất | ⚡ Nếu số lượng trạm được chọn quá ít, sẽ làm gia tăng sự cạnh tranh giá đất tại các khu vực xung quanh, từ đó ảnh hưởng đến giá bán điện |
| Phương án 3: Phương án đấu thầu lựa chọn Nhà đầu tư cho dự án cụ thể ⚡ <i>Đối tượng:</i> Quy mô trên 100 MW ⚡ <i>Thời gian áp dụng:</i> Từ tháng 7/2021 | ⚡ Quy trình lựa chọn NĐT minh bạch, phân định rõ trách nhiệm các bên, đảm bảo hài hòa lợi ích ⚡ Tác động tích cực đến giảm chi phí phát triển dự án, giá mua Điện | ⚡ Hạn chế lớn nhất về yêu cầu thành phần Nhà nước tham gia ⚡ Thực tế triển khai các dự án áp dụng hình thức đối tác công tư hiện nay cho thấy việc bố trí vốn nhà nước cho các địa phương và Tập đoàn EVN để chuẩn bị hạ tầng đất đai, đường giao thông, hạ tầng đấu nối hệ thống điện rất khó khăn, mất nhiều thời gian và nguồn lực. |

GEC

Với công suất các NM ĐMT là 202 MW so với 89 công trình của 4.450 MW đang vận hành trên toàn quốc, GEC chiếm 5% thị phần:

- » Công suất 35/35 MW, GEC chiếm tỷ trọng 100% tại Khu vực Huế
- » Công suất 49/62 MW, GEC chiếm tỷ trọng 79% tại Khu vực Gia Lai
- » Công suất 37/87 MW, GEC chiếm tỷ trọng 43% tại Khu vực Đắk Nông
- » Công suất 41/157 MW, GEC chiếm tỷ trọng 26% tại Khu vực Long An
- » Công suất 41/936 MW, GEC chiếm tỷ trọng 4% tại Khu vực Bình Thuận

Các NM ĐMT của GEC đều được hưởng giá bán điện ưu đãi 9,35 cents/kWh trong thời gian 20 năm, được điều chỉnh theo tỷ giá trung tâm do Nhà nước công bố

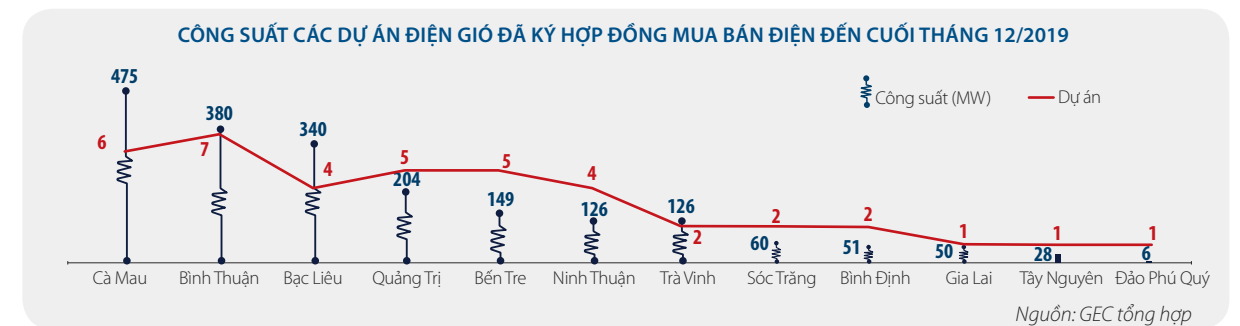
Kết thúc năm 2019, tỷ giá đã tăng thêm 330 đồng, lên mức 23.155 đồng/USD, tương đương 1,4% so với hồi đầu năm 2019. Theo các chuyên gia dự báo, tỷ giá sẽ tiếp tục ổn định trong năm 2020 nhờ chính sách điều hành ổn định của Ngân hàng Nhà nước

Đối với các dự án đã đi vào vận hành, GEC đã và đang phối hợp với chuyên gia nước ngoài để xây dựng đội ngũ kỹ sư quản lý vận hành lành nghề, chủ động đánh giá, cảnh báo và đưa ra các giải pháp phòng ngừa rủi ro có thể phát sinh nhằm đảm bảo công tác vận hành hiệu quả, liên tục và xuyên suốt.

Đối với Điện Gió

Cùng với ĐMT, Điện Gió cũng là một điểm nhấn trong hoạt động tại thị trường NLTT của Việt Nam. Tính đến thời điểm hiện tại, chỉ có 7 NĐT với 9 dự án Điện Gió đã được cấp chứng nhận vận hành thương mại có tổng công suất vào khoảng 353 MW. Doanh nghiệp dẫn đầu là Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Du lịch Công Lý với Điện Gió Công Lý triển khai trong 2 giai đoạn có tổng công suất 99 MW, chiếm 31% tổng công suất vận hành. Tiếp theo là Tập đoàn Trung Nam và Tập đoàn Tân Hoàn Cầu cùng chiếm tỷ trọng là 17% công suất vận hành. Hiện còn 31 dự án - tổng công suất 1.645 MW đã ký Hợp đồng mua bán Điện nhưng chưa vận hành thương mại.

Với các dự án vận hành thương mại trong năm 2020, có xuất hiện quá tải Khu vực Trà Vinh, Ninh Thuận và Bình Thuận, các khu vực khác đảm bảo giải tỏa tốt. Các dự án vận hành 2021 chỉ xuất hiện quá tải Khu vực Bình Thuận và Ninh Thuận, các Khu vực khác bình thường. Ngoài ra, hiện còn 59 dự án đã BSQH đến 2025 nhưng chưa ký Hợp đồng mua bán Điện, với tổng công suất khoảng 2.700 MW. Chính vì vậy, EVN đề nghị các chủ đầu tư tích cực đàm phán về đấu nối và ký Hợp đồng mua bán Điện với EVN nhằm đảm bảo tiến độ dự án do thời gian áp dụng Biểu giá FIT hiện nay không còn dài, chỉ còn 1 năm 8 tháng. Đặc biệt, các dự án nằm trong khu vực giải tỏa công suất tốt cần phối hợp với EVN để thực hiện các thử nghiệm và để công nhận nổi lưới. Cùng với đó, các NĐT Điện Gió cũng cần nâng cao chất lượng công bố và dự báo công suất nguồn, tuân thủ nghiêm ngặt quy định và yêu cầu vận hành.



Cũng như các dạng NLTT khác, Điện Gió có nhiều chính sách khuyến khích cho các công ty trong Ngành, chẳng hạn như giảm Thuế Doanh nghiệp, Thuế Nhập khẩu cũng như các ưu đãi cho thuê đất và hỗ trợ giải phóng mặt bằng... Ngoài ra, Chính phủ cũng đã cam kết tiếp tục phát triển cơ sở hạ tầng bến cảng và giao thông. Giá mua điện Biểu giá FIT áp dụng cho các dự án Điện Gió trên đất liền là 8,5 cents/kWh và 9,8 cents/kWh cho các dự án Điện Gió ngoài khơi, được quy định trong Quyết định số 39/2018/QĐ-TTg. Giá FIT phụ thuộc vào biến động của tỷ giá quy đổi vào ngày thanh toán và để được hưởng giá FIT hiện tại thì các dự án cần phải có ngày vận hành thương mại trước ngày 1/11/2021. Theo Quy hoạch Điện VII điều chỉnh, Việt Nam đặt mục tiêu đưa tổng công suất Điện Gió lên khoảng 800 MW vào năm 2020, 2.000 MW năm 2025 và 6.000 MW năm 2030. Trên thực tế, nhiều dự án Điện Gió đang "chững" lại và tính đến hiện tại, không có dự án quy mô lớn trong giai đoạn vận hành ở Việt Nam. So với sự phát triển bùng nổ của ĐMT khi công suất vận hành vượt xa công suất quy hoạch là 4.450 MW/850 MW thì đến cuối năm 2019 Điện Gió chỉ mới đạt 353 MW/800 MW. Nguyên nhân là do các dự án NLTT đòi hỏi các cơ chế hoạt động tốt, bên cạnh đó các vấn đề liên quan đến hệ thống lưới truyền tải và công suất lưới thấp là nguyên nhân khiến mục tiêu phát triển Điện Gió chưa đạt được tốc độ phát triển như ĐMT.

Để nghiên cứu toàn diện vấn đề này, tổ chức Hợp tác Phát triển Đức GIZ và Viện Năng lượng trong khuôn khổ Dự án Hỗ trợ Ngành Năng lượng Việt Nam - EU (EVEF) đã thực hiện các nghiên cứu về lưới điện tại 22 Tỉnh Thành. Đây là một phân tích trào lưu công suất để đảm bảo việc vận hành lâu dài. Theo kế hoạch, các kết quả sẽ được trình bày với Cục Điện lực và NLTT (EREA) vào cuối Quý II/2020.

GEC

Với công suất đang triển khai xây dựng là 30 MW so với 40 dự án của 1.995 MW đã ký được Hợp đồng mua bán Điện, GEC đang chiếm tỷ trọng 2%

Dự án Điện Gió V.PL Bến Tre là dự án GEC đã thực hiện M&A thành công vào cuối năm 2019 với công suất lắp máy là 70 MW cho 2 giai đoạn. Hiện tại, Dự án đang được gấp rút triển khai giai đoạn 1 - 30 MW để kịp hưởng giá điện ưu đãi 9,8 cents/kWh cho Điện Gió ngoài khơi

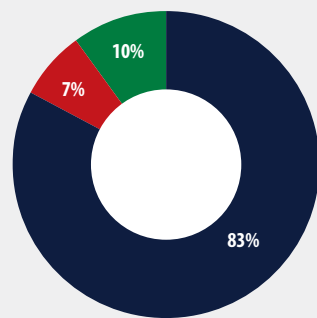
Bên cạnh Dự án V.PL đang triển khai, GEC không ngừng tìm kiếm các đối tác song hành trong và ngoài nước thông qua các hình thức hợp tác đầu tư, hỗ trợ tài chính kết hợp tổng thầu thi công... để mở rộng danh mục đầu tư tại các vị trí tiềm năng mà GEC đang nghiên cứu và thực hiện các giai đoạn pháp lý.

LỢI THẾ CẠNH TRANH KHAI THÁC VÀ VẬN HÀNH (tiếp theo)

LỢI THẾ CẠNH TRANH CỦA GEC (tiếp theo)

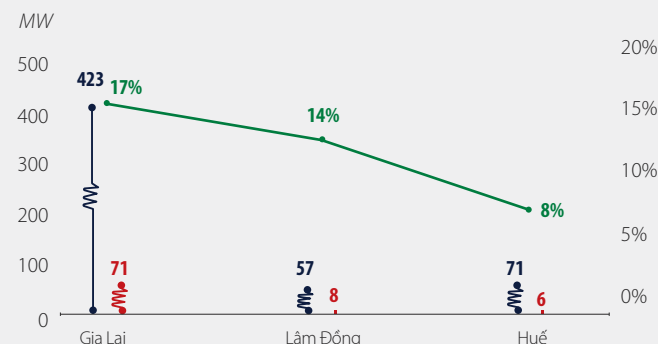
Trong Top 10 Doanh nghiệp dẫn đầu Năng lượng sạch Việt Nam năm 2019, GEC tham gia và trở thành đơn vị chủ lực của Ngành Năng lượng thuộc Tập đoàn TTC vào năm 2013, sở hữu 5 trong 7 NM ĐMT đi vào vận hành thương mại. Với chiến lược đến 2025 trở thành Tổng Công ty thuộc khối Tư nhân sở hữu và khai thác vận hành danh mục NM NLTT lớn nhất tại Việt Nam, GEC đang mở rộng quy mô SXKD điện năng trên cơ sở khai thác tối đa Chuỗi giá trị Ngành Năng lượng trong hoạt động phát triển NLTT bao gồm Thủy điện, ĐMT Mặt đất, ĐMT Áp mái, ĐMT Nổi và Điện Gió.

TỶ LỆ CÔNG SUẤT THỦY ĐIỆN THEO TỈNH THÀNH CỦA GEC NĂM 2019



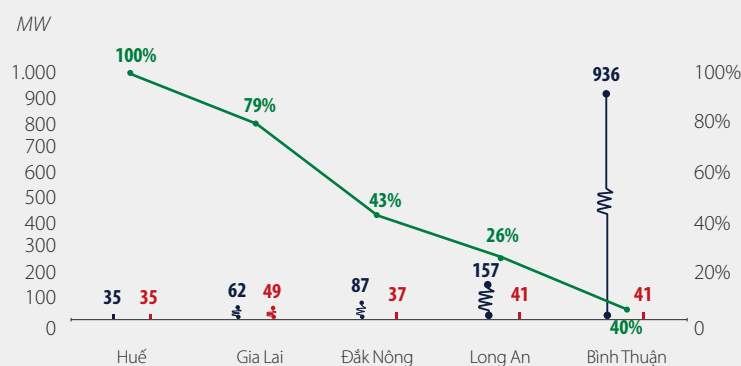
■ Gia Lai ■ Lâm Đồng ■ Huế

THỊ PHẦN THỦY ĐIỆN VỪA VÀ NHỎ TẠI CÁC TỈNH THÀNH GEC ĐANG HOẠT ĐỘNG NĂM 2019



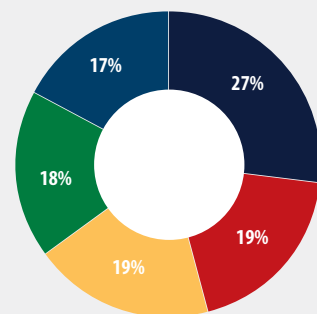
⚡ Toàn tỉnh ⚡ GEC — Thị phần của GEC

THỊ PHẦN ĐIỆN MẶT TRỜI TẠI CÁC TỈNH THÀNH GEC ĐANG HOẠT ĐỘNG NĂM 2019



⚡ Toàn tỉnh ⚡ GEC — Thị phần của GEC

TỶ LỆ CÔNG SUẤT ĐIỆN MẶT TRỜI THEO TỈNH THÀNH CỦA GEC NĂM 2019



■ Gia Lai ■ Bình Thuận ■ Đắk Nông ■ Huế ■ Long An

Nguồn: GEC

ƯU ĐIỂM VÀ CƠ HỘI - STRENGTHS AND OPPORTUNITIES

Ưu điểm - Strengths

- Chiến lược rõ ràng về phát triển đồng bộ các loại hình Năng lượng
 - Danh mục tiềm năng 1.650+ MW đến 2025 gồm ĐMT, Gió, ĐMT Nổi, Thủy điện, ĐMT Áp mái
 - Danh mục đầu tư đa dạng địa điểm có điều kiện tự nhiên thuận lợi cho NLTT
- Vận hành 2 NM ĐMT đầu tiên của Việt Nam 2018 với công suất 117 MWp
 - Có nhiều kinh nghiệm trong phát triển ĐMT
 - Quyết định lớn để phát triển các dự án trang trại ĐMT
- Đòng tiền ổn định từ 14 NMTĐ và 5 NM ĐMT
 - Biên LN Gộp hấp dẫn và cơ cấu vốn hợp lý
 - Mối quan hệ lâu năm với các Ngân hàng thương mại quốc doanh
- Đội ngũ nhiều kinh nghiệm và chuyên môn cao trong lĩnh vực NLTT
 - Hợp tác với các Nhà thầu EPC và Nhà cung cấp uy tín như Sharp, JGC...
- CĐ chiến lược quốc tế IFC và Armstrong
 - Cổ tức hàng năm ổn định và hợp lý
 - Là nền tảng để phát triển Thị trường vốn quốc tế

Cơ hội - Opportunities

- Nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển NLTT tại Việt Nam
 - Chính sách ưu đãi của Nhà nước hỗ trợ trực tiếp lĩnh vực NLTT
 - Tiềm năng phát triển ĐMT và Điện gió còn rất lớn
 - Điện Gió: Ưu đãi giá bán 8,5 cents/kWh và 9,8 cents/kWh cho các dự án gần bờ và xa bờ vận hành trước tháng 11/2021
 - Tăng tỷ giá trung tâm USD/VND sẽ làm tăng DT
- CAGR DTT và LNTT 2018-2025 là 43% và 35%
 - Những ưu đãi về Thuế TNDN, Thuế Nhập khẩu và Tiến sử dụng đất
 - Tự triển khai EPC thay vì Nhà thầu để tiết giảm chi phí và tăng các chỉ số LN
 - Nguồn tài chính tiềm năng từ các đối tác chiến lược và tài chính cho dự án mới
 - Giảm chi phí đầu tư nhờ tăng cường phát triển khoa học và kỹ thuật
- Chiến lược PTBV theo chuẩn IFC
 - Nhiệm yết HOSE vào tháng 9/2019 để từng bước xây dựng thương hiệu cổ phiếu và hỗ trợ huy động vốn
 - Nỗ lực thực hiện QTDN theo tiêu chuẩn quốc tế
 - Tiếp tục chiến lược đa dạng hóa các loại hình NLTT và tăng thu từ việc thương mại hóa các hoạt động kỹ thuật

NHƯỢC ĐIỂM VÀ THÁCH THỨC - WEAKNESSES AND THREATS

Nhược điểm - Weaknesses

- Hầu hết các NMTĐ có quy mô nhỏ
 - So với các Doanh nghiệp Nhà nước, quy mô công suất Thủy điện tương đối nhỏ
- Danh mục NLTT hiện chưa đủ đa dạng
 - Nhiều dự án NLTT đang trong giai đoạn hoàn thiện pháp lý
 - Hạn chế kinh nghiệm trong việc xây dựng, quản lý và vận hành dự án Điện Gió
- Lĩnh vực Kỹ thuật
 - Chưa xây dựng thương hiệu trên thị trường
 - Chưa thực hiện các hợp đồng thương mại giá trị lớn với trang trại ĐMT khác
 - Cung cấp dịch vụ chỉ mới tập trung nội bộ, chưa thực hiện bên ngoài để tối ưu hóa nguồn lực và nguồn thu

Thách thức - Threats

- Chính sách chưa ổn định dẫn đến sự bị động trong phát triển dự án
 - Quy hoạch chung Ngành Điện chưa thực sự tối ưu có thể gây rủi ro cho NĐT
 - Công nghệ phát triển nhanh sẽ tác động đáng kể đến chính sách mua điện của EVN
- Cơ sở hạ tầng Ngành Điện chưa được đồng bộ
 - Rủi ro trong quá trình vận hành
 - Lưới điện quốc gia quá tải tại một số khu vực và chưa ổn định
- Số lượng lớn dự án ĐMT đang chờ để duyệt BSQH
 - Giá ĐMT sau 30/6/2019 giảm đáng kể so với mức giá 9,35 cents/kWh
 - Cơ chế đấu thầu các dự án ĐMT sẽ gia tăng cạnh tranh
 - Ngày càng nhiều đối thủ trong và ngoài nước có kinh nghiệm trong việc xây dựng và quản lý vận hành ĐMT, Điện Gió tham gia thị trường.

Với thế mạnh trên 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực NLTT, GEC đang từng ngày chứng minh hiệu quả hoạt động so với các công ty cùng Ngành. GEC không ngừng cải tiến và nghiên cứu ứng dụng các công nghệ hiện đại vào hoạt động SXKD cũng như định hướng trở thành nhà cung cấp dịch vụ theo định hướng Chuỗi giá trị Ngành Năng lượng nhằm tạo ra, duy trì và phát triển lợi thế cạnh tranh riêng trong lĩnh vực Năng lượng.

Công tác Quản trị Điều hành

- Những thành tựu GEC đạt được đến thời điểm này phần lớn đến từ những quyết sách và định hướng đúng đắn của HĐQT cũng như từ sự chỉ đạo linh hoạt, bám sát tình hình thực tế của BDH
- HĐQT và BDH gồm những TV giàu kinh nghiệm với 27 năm trong công tác Quản trị và Điều hành, có chuyên môn đa dạng trong các lĩnh vực từ Năng lượng, Kinh tế, Tài chính, Kế toán... hoạch định lộ trình chiến lược hợp lý, triển khai nhanh chóng để đảm bảo mục tiêu tăng trưởng dài hạn của GEC
- GEC đặt chân vào Top 4 các Công ty phát triển ĐMT tại VN từ 1 đơn vị quản lý vận hành Thủy điện quy mô nhỏ

LỢI THẾ CẠNH TRANH KHAI THÁC VÀ VẬN HÀNH (tiếp theo)

LỢI THẾ CẠNH TRANH CỦA GEC (tiếp theo)

Tiền phong trong phát triển Điện Mặt trời

- GEC là đơn vị tiên phong trong lĩnh vực ĐMT tại VN với NM ĐMT Phong Điền - Huế 48 MWp (35 MW) hoạt động tháng 10/2018 và ĐMT Krông Pa - Gia Lai 69 MWp (49 MW) vận hành tháng 12/2018. DT năm 2019 của 2 Dự án trong năm 2019 khoảng 374 tỷ đồng, vượt so với DT dự kiến khi thi công dự án gần 8%
- Từ kinh nghiệm đúc kết khi triển khai các dự án ĐMT với các nhà thầu quốc tế, năm 2019 GEC đã hoàn tất M&A và tiến hành tự triển khai EPC NM ĐMT Trúc Sơn chỉ trong vòng 3 tháng và kịp đưa vào vận hành để hưởng giá điện ưu đãi 9,35 cents/kWh trong suốt 20 năm
- GEC đang xây dựng một danh mục dự án ĐMT, Điện Gió tiềm năng cũng như các lộ trình thực hiện chi tiết và đảm bảo tính khả thi để đạt được mục tiêu chiến lược trong ngắn, trung hạn và dài hạn trở thành đơn vị tư nhân dẫn đầu trong lĩnh vực NLTT

Quản lý vận hành các nhà máy Năng lượng tái tạo

- GEC mạnh dạn đầu tư hệ thống Công nghệ Thông tin hiện đại từng bước hướng đến vận hành tự động tại các NM NLTT với sự sát sao của đội ngũ có năng lực và hỗ trợ từ các chuyên gia nước ngoài
- Trên cơ sở tiếp nhận chuyển giao công nghệ từ các Nhà thầu Nhật Bản kết hợp với hệ thống quản lý vận hành tự động, trong năm 2019, các NM NLTT của GEC đã được khai thác tối ưu với hiệu suất vận hành (PR) luôn đạt cao hơn so với kỳ vọng của các nhà thầu EPC và hệ số an toàn thiết bị được duy trì gần sát mục tiêu 100%
- Với những kết quả tích cực đạt được trong thời gian vừa qua, GEC đã xây dựng mô hình quản lý vận hành tối ưu cho toàn bộ hệ thống các NM Năng lượng, đồng thời hướng đến mở rộng hoạt động cung cấp dịch vụ quản lý vận hành cho các NM NLTT khác trên thị trường
- GEC liên tục tổ chức khóa đào tạo nghiệp vụ liên quan để cập nhật kiến thức từ tổng quan đến chuyên ngành, tạo niềm tin và sự gắn bó lâu dài giữa nhân viên và Công ty, cũng như phát triển đội ngũ nhân sự chất lượng và vững vàng trong lĩnh vực ĐMT và Điện Gió

Mối quan hệ với các Định chế tài chính, Nhà thầu và Cơ quan Chính quyền

- GEC đang hoàn thiện, nâng cao và phát huy những thế mạnh hiện có để tạo ra và duy trì các mối quan hệ lâu dài với các định chế tài chính trong nước cũng như nước ngoài
- Chỉ tính riêng trong năm 2019, ngoài việc nhận tài trợ vốn dài hạn cho các dự án NLTT, GEC đã được các ngân hàng thương mại lớn tại Việt Nam đảm bảo cấp tín dụng ngắn hạn với tổng hạn mức trên 340 tỷ đồng để bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ hoạt động SXKD
- Hai định chế tài chính lớn IFC và Armstrong tiếp tục đồng hành với vai trò CB chiến lược góp phần củng cố giá trị thương hiệu, uy tín của GEC trên thị trường tài chính trong nước và quốc tế. Thành công trong việc phát hành đợt 1 - 219 tỷ đồng trái không chuyển đổi, không tài sản đảm bảo vào tháng 6/2019 với sự tham gia của nhiều tổ chức và cá nhân đã góp phần khẳng định uy tín của Công ty
- Việc đưa cổ phiếu GEG chuyển sàn niêm yết sang HOSE đã giúp Công ty gia tăng cơ hội tìm kiếm các nguồn tài chính tiềm năng từ các đối tác chiến lược cho các dự án mới, hỗ trợ huy động nguồn vốn quốc tế, đưa GEC đến gần với các chuẩn mực PTBV theo thông lệ tốt trên thị trường
- GEC tiếp tục duy trì mối quan hệ tốt đẹp với các Cơ quan Chính quyền các cấp từ Địa phương đến Trung ương, các nhà thầu trong và ngoài nước chuyên nghiệp và giàu kinh nghiệm. Qua đó, các dự án NLTT của GEC đều được triển khai và đưa vào vận hành đúng thời hạn để nhận được các chính sách ưu đãi về giá bán điện, các ưu đãi về thuế của Chính phủ cũng như hạn mức ưu đãi nhà thầu

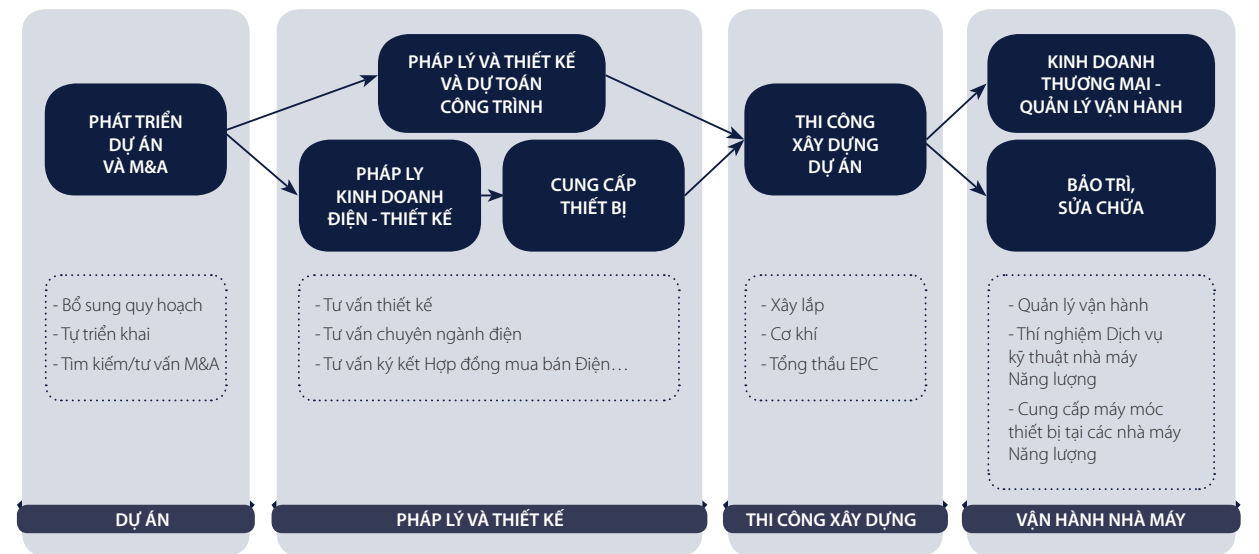
Phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ

- Để chuyên nghiệp hóa công tác nghiên cứu, cải tiến và ứng dụng các thành tựu Khoa học - Công nghệ áp dụng vào thực tiễn sản xuất, GEC đã thành lập Hội đồng Khoa học - Công nghệ vào đầu năm 2019 để vận động, khuyến khích các CBNV phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong hoạt động SXKD và nâng cao chất lượng môi trường lao động. Đồng thời xây dựng kế hoạch ngắn hạn, dài hạn, hàng năm về nghiên cứu ứng dụng Khoa học - Công nghệ và đánh giá những kết quả đạt được trong việc nghiên cứu
- Tính đến cuối năm 2019, GEC cũng đã đạt được những thành tựu nhất định khi công nhận 4 đề tài nghiên cứu được áp dụng thành công trong thực tế, mang lại lợi ích tài chính trong lĩnh vực Thủy điện và ĐMT: *Nghiên cứu, ứng dụng chế tạo Robot Lau Pin tự động cho các dự án ĐMT, Tăng thời gian sử dụng dầu nhớt cho các NMTĐ bằng phương pháp lọc dầu, Hệ phao nổi Năng lượng Mặt trời, Hệ khung Tracking Năng lượng Mặt trời*
- Các nghiên cứu này đã đạt được các thành công nhất định, không chỉ áp dụng đối với các nhà máy trong hệ thống mà còn được nhiều Khách hàng quan tâm, sử dụng. GEC tiếp tục chủ động nghiên cứu, cập nhật và ứng dụng các công nghệ tiên tiến nhằm gia tăng hiệu suất, tối ưu hiệu quả hoạt động của thiết bị.

MÔ HÌNH KINH DOANH XÂY DỰNG CHUỖI GIÁ TRỊ

Năm 2019, GEC bắt đầu trong thời gian tăng tốc xây dựng Chuỗi giá trị Ngành Năng lượng từ khâu Tìm kiếm và Phát triển dự án, Thực hiện pháp lý và Thiết kế, Tiến hành Thi công xây dựng cho đến Vận hành NM bao gồm cả Kinh doanh thương mại và Bảo trì sửa chữa. Chuỗi giá trị khép kín đã củng cố hoạt động của GEC từ việc nâng cao tay nghề của đội ngũ trong mọi lĩnh vực đến đa dạng hóa các nguồn thu để đảm bảo các chỉ số sinh lời ổn định và tiếp tục tăng trưởng.

Chuỗi giá trị hoạt động tại GEC



CHUỖI GIÁ TRỊ HOẠT ĐỘNG TẠI GEC

Tìm kiếm và phát triển dự án

Nhằm chuyên nghiệp hóa công tác tìm kiếm và phát triển các dự án tiềm năng, đầu năm 2019, Bộ phận Phát triển dự án được thành lập với nhiệm vụ chính là tìm kiếm, phân tích cơ hội đầu tư, thẩm định và đề xuất phương án M&A các dự án có tính khả thi; đồng thời tìm kiếm các đối tác tiềm năng đáp ứng các tiêu chí hợp tác phát triển. Ngoài việc đánh giá các dự án từ chủ đầu tư bên ngoài, Bộ phận cũng lập kế hoạch và thực hiện khảo sát, đánh giá tổng thể các vị trí phát triển dự án mới khả thi và xin chủ trương thực hiện.

Kết quả ban đầu cho thấy, GEC đã có một năm hoạt động hiệu quả trong công tác tìm kiếm và phát triển dự án, điển hình là việc hoàn tất M&A Dự án ĐMT Trúc Sơn có công suất 44,4 MWp vào cuối tháng 2/2019. Bên cạnh đó, một bước ngoặt mới trong quá trình phát triển ở lĩnh vực NLTT là vào tháng 11/2019, GEC đã chính thức mở rộng danh mục đầu tư sang lĩnh vực Điện Gió thông qua việc M&A Dự án Điện Gió V.PL Bến Tre với công suất lắp máy là 70 MW cho 2 giai đoạn với giai đoạn 1 - 30 MW và giai đoạn 2 - 40 MW. Hiện tại, giai đoạn 1 đang được triển khai xây dựng với tổng mức đầu tư dự kiến 1.320 tỷ đồng, nghĩa là suất đầu tư 1 MW vào khoảng 44 tỷ đồng. Theo thông lệ trên thị trường, suất đầu tư 1 dự án Điện Gió sẽ dao động từ 44-57 tỷ/MW tùy thuộc trên bờ hay xa bờ. Dự án của GEC dự kiến vận hành trước tháng 11/2021 để hưởng giá bán điện ưu đãi ngoài khơi 9,8 cents/kWh, tương đương 2.223 VND/kWh, điều chỉnh theo tỷ giá trung tâm. Đây cũng là giá bán điện tốt nhất trên thị trường hiện nay dành cho tất cả các loại hình NLTT.

Bên cạnh dự án V.PL Bến Tre đã được BSQH giai đoạn 1, GEC cũng đang khẩn trương hoàn tất các công tác BSQH, lập và thẩm định hồ sơ thiết kế kỹ thuật cho các dự án Điện Gió tại các vị trí ưu tiên khác tại Bến Tre, Gia Lai, Tiền Giang. Tốc độ gió trung bình các trạm quan trắc bình quân trong năm luôn ở mức rất tiềm năng để phát triển các nhà máy Điện Gió lớn khi tại Bến Tre khoảng 6,75 m/s, Tiền Giang 6,41-7,18 m/s và Gia Lai 7,31 m/s.

MÔ HÌNH KINH DOANH XÂY DỰNG CHUỖI GIÁ TRỊ (tiếp theo)

CHUỖI GIÁ TRỊ HOẠT ĐỘNG TẠI GEC (tiếp theo)

Pháp lý, thiết kế

Sau khi được BSQH, dự án sẽ được hoàn tất các hồ sơ pháp lý chuyên ngành liên quan như thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật, đánh giá tác động môi trường, Hợp đồng mua bán Điện... nhằm đáp ứng đủ tiêu chuẩn pháp lý Ngành Điện để đưa dự án đi vào vận hành. Tính đến thời điểm hiện nay, GEC có hơn 30 năm kinh nghiệm trong việc triển khai thực hiện hồ sơ pháp lý và đưa vào vận hành các công trình Thủy điện hiện hữu như Ayun Thượng 12 MW, Đăk Pi Hao 2 10 MW, Ia Puch 3 6,6 MW, Đăk Pi Hao 1 5 MW... Đồng thời, GEC còn mở rộng hoạt động cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý dự án cho các NMTĐ bên ngoài như Alin Thượng với công suất 2,5 MW, Alin B1 công suất 46 MW.

Thi công xây dựng

Đúc kết kinh nghiệm triển khai từ các tổng thầu triển khai EPC 4 NM ĐMT trước đó tại Huế, Gia Lai, Bình Thuận, Long An là Tập đoàn JGC và Liên doanh tổng thầu Sharp, GEC đã thành công trong việc tự triển khai các thủ tục pháp lý chuyên ngành, cũng như hoàn tất việc thi công NM ĐMT Trúc Sơn chỉ trong vòng 3 tháng tính từ thời điểm hoàn tất thủ tục M&A với chi phí tiết giảm tương đương 18% mức đầu tư toàn dự án. Thông thường các dự án ĐMT trên thị trường sẽ triển khai trong vòng 6 tháng trở lên để có thể đi vào hoạt động, suất đầu tư cho 1 MWp từ 18 tỷ đồng đến 22 tỷ đồng.

Vận hành nhà máy

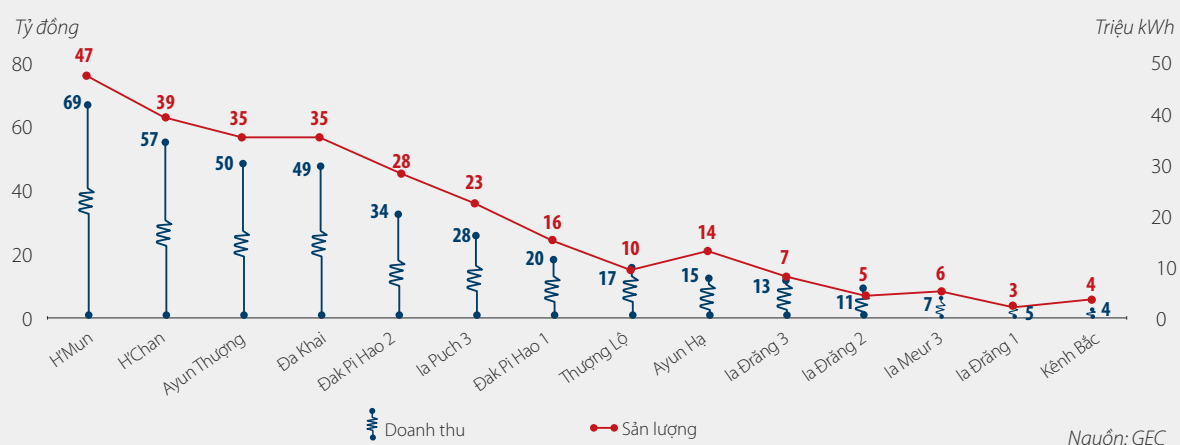
Tính đến cuối năm 2019, GEC đã và đang đưa vào quản lý vận hành 14 NMTĐ với tổng công suất 85,1 MW và 5 NM ĐMT với tổng công suất là 260 MWp. Để phát triển toàn diện Chuỗi giá trị Ngành, GEC còn cung cấp các dịch vụ tăng thêm như hoạt động Quản lý vận hành, Thí nghiệm, Dịch vụ kỹ thuật, hoạt động Cung cấp máy móc, thiết bị tại các NM Năng lượng. GEC đã có một năm hoạt động sôi nổi khi hoàn tất hầu hết các chỉ tiêu đã đặt ra. DTT đạt 1.159 tỷ đồng, vượt 16% kế hoạch và tăng 107% so với cùng kỳ. LNNT đạt gần 304 tỷ đồng, vượt 27% kế hoạch và tăng 47% so với năm 2018.

Hệ thống Nhà máy Thủy điện

Đóng vai trò là một trong những hoạt động cốt lõi, công tác vận hành các NMTĐ luôn được chú trọng với việc điều tiết nguồn nước tối ưu cũng như đảm bảo hiệu quả phát điện. Năm 2019 là năm chịu tác động El-Nino, tổng lượng nước tích được trong các hồ Thủy điện trong năm 2019 trên toàn quốc chỉ đạt hơn 24 tỷ m³, thiếu hụt khoảng trên 11 tỷ m³ so với mức nước dâng bình thường. Đối mặt với

những ảnh hưởng chung của thời tiết, đây cũng là nguyên nhân chính khiến cho Sản lượng và DT Thủy điện GEC chỉ đạt 79% và 89% kế hoạch. Với chiến lược tối ưu phát triển Điện Gió, Công ty dự kiến thanh toán một số Thủy điện với công suất vận hành nhỏ, hiệu suất chưa cao nhằm tối ưu hóa chi phí phí, tập trung nguồn lực dự kiến phát triển thêm các dự án ĐMT và Điện Gió trong năm 2020.

SẢN LƯỢNG - DOANH THU THỦY ĐIỆN CÁC NHÀ MÁY NĂM 2019



Hệ thống Nhà máy Điện Mặt trời

Năm 2019 là một năm đáng nhớ với GEC trên chặng đường phát triển đa dạng danh mục các loại hình NLTT. GEC mở rộng danh mục đầu tư với việc đưa vào vận hành thêm 3 NM ĐMT Đức Huệ 1 - 49 MWp, Hàm Phú 2 - 49 MWp và Trúc Sơn - 44,4 MWp, nâng tổng công suất ĐMT mà GEC và các đơn vị trực thuộc đang sở hữu lên gần 260 MWp với 5 NM hoạt động đa dạng khu vực địa lý khác nhau từ Huế, Gia Lai đến Long An, Bình Thuận và Đăk Nông.

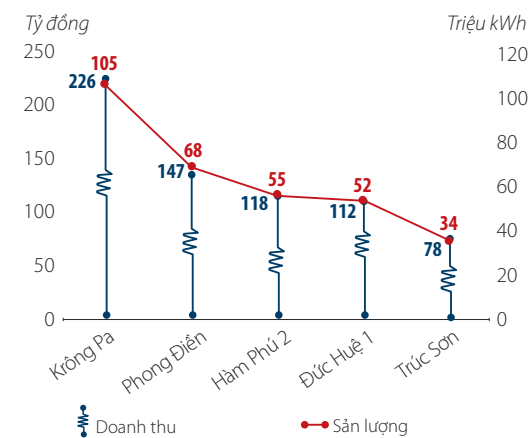
Với kinh nghiệm tiên phong, GEC đã hoàn thành vai trò tổng thầu EPC cho Dự án ĐMT Trúc Sơn với thời gian xây dựng và tổng chi phí đều được tiết giảm đáng kể. Đây là nền tảng quan trọng cho việc phát triển ĐMT trong giai đoạn tiếp theo để tối ưu hóa chi phí đầu tư trong bối cảnh giá Điện đối với các dự án vận hành sau ngày 30/6/2019 đã giảm đáng kể so với mức giá ưu đãi 9,35 cents/kWh và chuẩn bị bước sang một cơ chế hoàn toàn mới tại Việt Nam là đấu thầu cạnh tranh.

Bên cạnh đó, với thời tiết nắng nóng kéo dài, việc đưa vào vận hành vượt tiến độ 3 NM ĐMT trong năm 2019 là bước đi đúng đắn trong chiến lược đa dạng hóa các loại hình

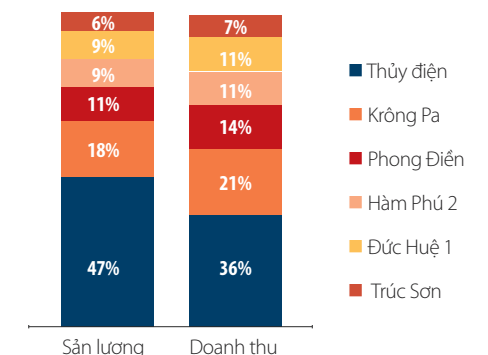
Năng lượng phù hợp với sự biến đổi của thời tiết, hỗ trợ Công ty bù đắp nguồn thu thiếu hụt từ các NMTĐ một cách hợp lý.

Sau 1 năm, cơ cấu DT đã dịch chuyển hiệu quả theo hướng đa dạng hóa các loại hình NLTT với sự phát triển mạnh mẽ của ĐMT. GEC giảm sự phụ thuộc gần như 80% vào Thủy điện trong năm 2018 thành tăng tỷ trọng DT ĐMT lên 58%. Tăng trưởng mạnh nhất 119% là DT đến từ hoạt động bán Điện bao gồm ĐMT và Thủy điện, trong đó tất cả các NM ĐMT đều vượt kế hoạch với tổng sản lượng đạt 314 triệu kWh, hoàn thành 132% kế hoạch, theo đó DT ĐMT ghi nhận 677 tỷ đồng, vượt 34% kế hoạch. Hai NM Đức Huệ 1 và Hàm Phú 2 tuy chỉ vận hành gần 9 tháng trong năm 2019 nhưng DT đều vượt lần lượt 47% và 48%, cả 2 NM chiếm 18% sản lượng Điện và 22% DT Điện. ĐMT Phong Điền vượt 12% kế hoạch Sản lượng, chiếm 12% sản lượng Điện và 14% DT Điện. Riêng ĐMT Krông Pa với công suất lớn nhất là 69 MWp đã đóng góp 18% và 21% sản lượng và DT Điện. Mặc dù chỉ mới vận hành nửa cuối năm 2019, nhưng ĐMT Trúc Sơn cũng đã kịp đóng góp 6% sản lượng và 7% DT Điện trong năm 2019.

SẢN LƯỢNG - DOANH THU NHÀ MÁY ĐIỆN MẶT TRỜI NĂM 2019



TỶ TRỌNG ĐÓNG GÓP CỦA THỦY ĐIỆN VÀ ĐIỆN MẶT TRỜI VÀO CƠ CẤU SẢN LƯỢNG VÀ DOANH THU NĂM 2019



Nguồn: GEC

Hoạt động cung cấp dịch vụ

Ngoài các hoạt động dịch vụ đã được duy trì qua các năm như cung cấp các dịch vụ về xây lắp và tư vấn, năm 2019 GEC mở rộng thêm dịch vụ O&M NM ĐMT với các hoạt động (1) Giám sát và điều khiển từ xa các hoạt động của NM, (2) Giám sát hiệu suất và phân tích các dự báo, (3) Bảo trì phòng ngừa và bảo trì sửa chữa, (4) Cung cấp các dịch vụ chuyên biệt như quét ảnh nhiệt toàn bộ NM, (5) Các công nghệ tiên tiến trong giám sát và phân tích các hoạt động của NM ĐMT.

Năm 2019 kết thúc, GEC cũng đã gặt hái những kết quả tích cực ban đầu trong việc thương mại hóa Robot lau các tấm pin Năng lượng Mặt trời cho các đơn vị bên ngoài. Đặc biệt, với mục tiêu tối ưu hóa sản lượng Điện sản xuất trong thực tế, hoạt động nghiên cứu của GEC thiết kế và vận hành thử nghiệm sản phẩm mới Hệ thống giá đỡ

xoay một trục với công nghệ cảm ứng thông minh nhằm tối ưu hóa hoạt động của các dự án ĐMT khi đưa tấm pin xoay theo ánh sáng mặt trời chiếu để tận dụng nguồn Năng lượng tối đa trong ngày. Công ty cũng nghiệm thu đề tài lắp đặt Hệ phao nổi Năng lượng Mặt trời - ĐMT nổi trên mặt nước tại Hồ Thủy điện Ayun Thượng. Nhờ vào điện tích và môi trường trao đổi nhiệt tốt hơn, hiệu suất tấm pin lắp trên Hệ phao nổi Năng lượng Mặt trời dự kiến sẽ đạt sản lượng cao hơn 14%. GEC kỳ vọng sớm đưa vào triển khai đại trà các hệ thống này, mở ra một hướng phát triển mới trong lĩnh vực NLTT, tối đa hóa các dạng nguồn thu cho GEC. Cơ cấu DT của GEC năm 2019 đến từ Bán điện là 91%, Bán hàng hóa 4%, Xây lắp 3% và Cung cấp dịch vụ 2%.

MÔ HÌNH KINH DOANH XÂY DỰNG CHUỖI GIÁ TRỊ (tiếp theo)

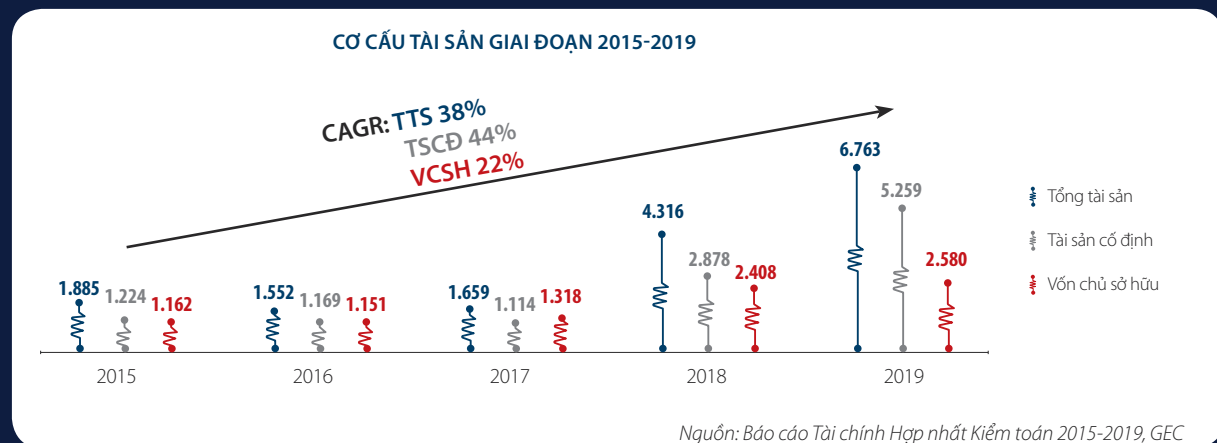
CHUỖI GIÁ TRỊ HOẠT ĐỘNG TẠI GEC (tiếp theo)

Đánh giá về các loại chi phí

Giá vốn hàng bán ghi nhận 510 tỷ đồng với mức tăng của Giá vốn vào khoảng 101%, thấp hơn mức tăng của DTT là 107% và tỷ trọng Giá vốn/DTT vẫn giảm nhẹ 1% so với cùng kỳ. Chi phí QLDN ghi nhận 111 tỷ đồng, hoàn thành tốt so với kế hoạch là 98% và tỷ trọng chi phí QLDN/DTT khoảng 10% đã giảm đáng kể so với cùng kỳ là 14%. Chi phí Tài chính tăng đáng kể do giải ngân nhiều gói vốn vay dài hạn để phục vụ các dự án ĐMT kịp hoạt động trước thời điểm quan trọng 30/6/2019. Mặc dù Chi phí Tài chính/DTT tăng nhưng tỷ trọng Chi phí Giá vốn/DTT và Chi phí QLDN/DTT vẫn đang được kiểm soát tốt nên đảm bảo hiệu quả HĐKD. Theo đó, LNTT năm 2019 đạt gần 304 tỷ đồng, vượt 27% so với kế hoạch và tăng 47% cùng kỳ.

Đánh giá về tình hình tài chính

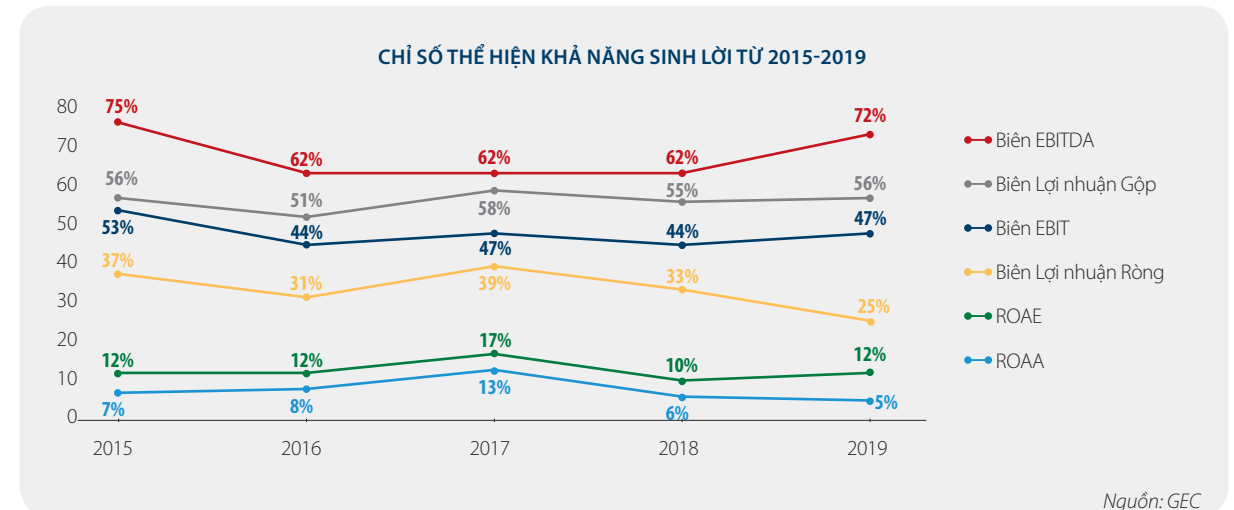
Việc đưa 3 NM ĐMT mới đóng điện thành công đã góp phần đưa TTS của GEC tăng thêm 55% đạt 6.763 tỷ đồng, trong đó Tài sản cố định đạt gần 5.259 tỷ đồng, tăng 83% so với thời điểm đầu năm. Việc hoàn tất công tác phát hành cổ phiếu ESOP cho Người lao động vào cuối Quý II 2019 đã đưa VCSH đạt gần 2.580 tỷ đồng, tăng 7% so với cuối năm 2018. CAGR TTS, Tài sản cố định và VCSH trong giai đoạn 2015-2019 lần lượt đạt 38%, 44% và 22%.



GEC đang tăng trưởng mạnh mẽ công suất phát điện trong danh mục đảm bảo dòng tiền ổn định trong 20 năm vòng đời các dự án. Công ty nhận được sự tín nhiệm cao từ các tổ chức tài chính thông qua việc chấp thuận tài trợ vốn đầu tư các dự án ĐMT bởi Ngân hàng Vietcombank và Vietinbank. Khoản vay từ các Ngân hàng và Trái phiếu dài hạn hơn 3.800 tỷ đồng là nguyên nhân chính làm tăng Hệ số Cơ cấu vốn, tuy nhiên vẫn nằm trong vòng kiểm soát. Chỉ số Nợ vay/TTS là 0,58 lần và Nợ vay/VCSH là 1,51 lần nhưng vẫn đảm bảo khả năng Thanh toán hiện hành, Thanh toán nhanh và Khả năng thanh toán lãi vay là 1,4 lần, 1,1 lần và 2,2 lần, duy trì ở mức an toàn. Trong quá trình phát triển của GEC, Nợ vay có xu hướng giảm và chỉ tăng khi đầu tư mới các dự án Năng lượng, cùng với đó là sự tăng trưởng của VDL tương ứng nhằm đảm bảo nguồn vốn đối ứng và cơ cấu tài chính tối ưu cho Công ty.

Một trong những yếu tố khiến cho mạng NLTT thu hút sự quan tâm của nhiều NĐT trong nước và quốc tế bên cạnh yếu tố đảm bảo các vấn đề về môi trường là khả năng sinh lời của các dự án khi được đầu tư hiệu quả. Trong 5 năm

trở lại đây, Biên LN Gộp của GEC luôn được duy trì ở mức cao, đạt trên 51%. Năm Dự án ĐMT đang vận hành của GEC sau khi quyết toán chi phí đều ghi nhận giảm so với dự toán ban đầu với tỷ lệ tiết kiệm từ 4-18% tùy dự án. Biên LN Gộp 2 mảng Thủy điện và ĐMT vẫn được duy trì ở mức cao, tương ứng 46% và 65%, tính chung cả mảng Điện là khoảng 60%, duy trì khả năng sinh lời hấp dẫn. Mặc dù Biên LN Ròng năm 2019 có giảm so với năm 2018 do ảnh hưởng của Chi phí Tài chính, tuy nhiên vẫn đạt khả quan 25%. Hoạt động kiểm soát chi phí đã giúp Công ty duy trì Biên EBITDA và Biên EBIT ở mức cao và ổn định qua các năm. Biên EBIT năm 2019 đạt 47% và Biên EBITDA đạt 72%, ghi nhận tăng trưởng 7% và 16% so với cùng kỳ. Ngoài ra, 14 NMTĐ của GEC đã đi vào hoạt động ổn định và trong đó nhiều NM đã khấu hao gần hết sẽ góp phần cải thiện hơn nữa các chỉ số này trong tương lai. Sau khi đưa các NM ĐMT đi vào vận hành trong năm 2019, chỉ số ROAE đã có sự gia tăng đáng khích lệ, cụ thể ROAE đạt 12%, tăng 20% so với cùng kỳ. Trong khi đó chỉ số ROAA chỉ đạt hơn 5% do các NM mới được đưa vào vận hành chưa ghi nhận DT tròn năm trong khi nguyên giá Tài sản đã được ghi nhận đầy đủ.



Trong năm 2019, Vòng quay khoản phải thu ghi nhận mức 7,2 lần/năm nghĩa là số ngày phải thu chỉ còn 51 ngày, thấp hơn so với mức 60 ngày của năm 2018 do đặc thù hợp đồng kinh doanh điện có thời gian thu hồi công nợ nhanh. Đối với hoạt động bán lẻ điện, mặc dù số lượng Khách hàng lớn tuy nhiên áp dụng chính sách bán Điện và thu tiền điện theo quy định của Ngành nên các Khách hàng luôn thanh toán tiền đúng quy định. Đối với hoạt động bán điện của các NM kết nối lưới điện Quốc gia, EVN là

Khách hàng duy nhất đồng thời công tác thanh toán được quy định cụ thể về thời gian thu tiền trong hợp đồng bán điện nên không phát sinh việc thanh toán chậm hoặc phải dự phòng cho các khoản phải thu này. Trong năm, Công ty đã thanh toán các khoản phải trả cho người bán - đây là công nợ phải thanh toán cho các nhà thầu thi công các dự án ĐMT nên vòng quay các khoản phải trả là 3,6 lần/năm, tương đương 101 ngày, thấp hơn năm ngoài 63% cho thấy GEC luôn rất uy tín trong việc thanh toán công nợ đúng hạn.

HỆ THỐNG CÁC CÔNG TY CON - CÔNG TY LIÊN KẾT

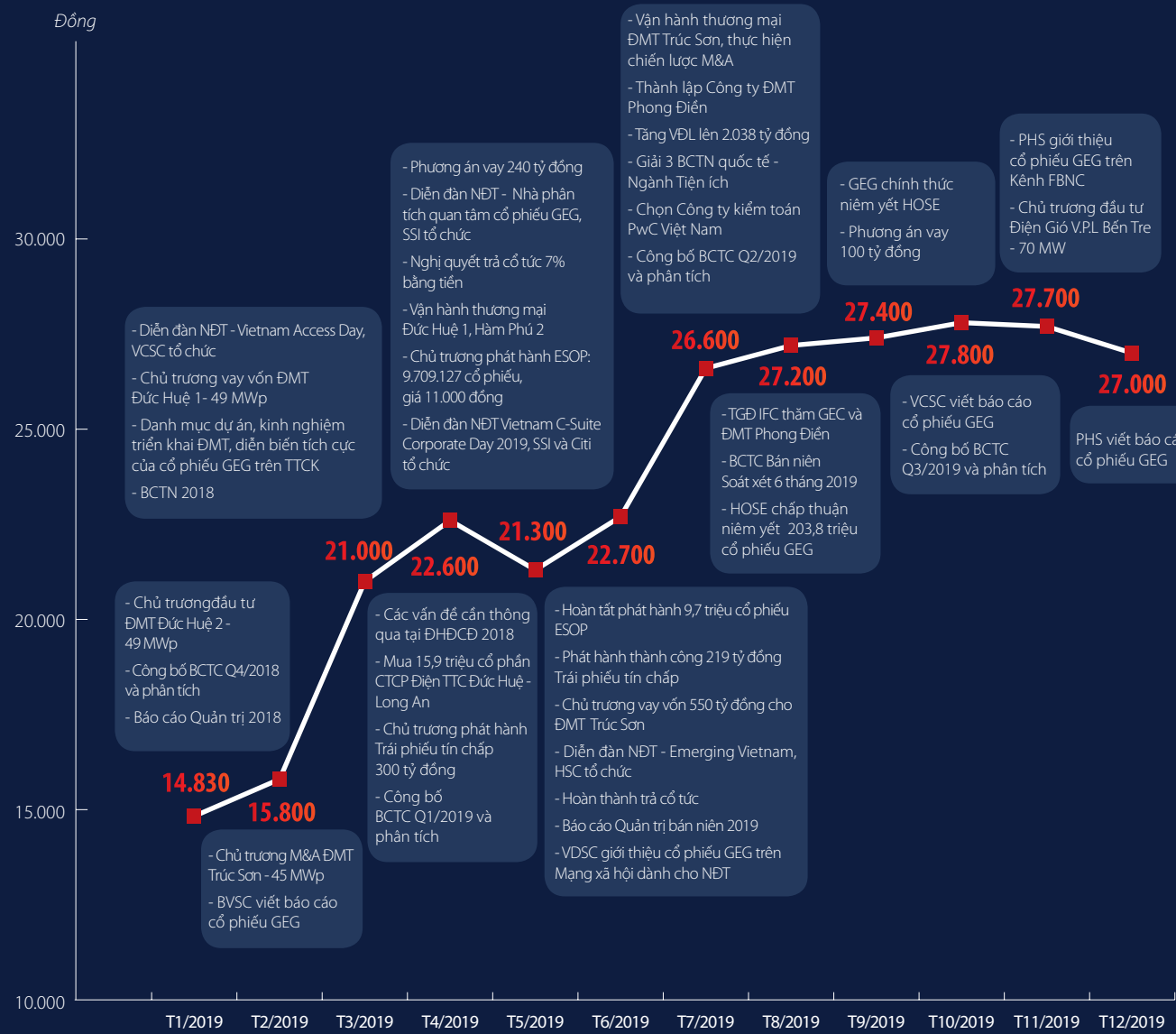
Tại ngày 31/12/2019, GEC sở hữu 11 Công ty Con. Lĩnh vực kinh doanh chi tiết của từng Công ty vui lòng xem tại trang 135 đến 137 - BCTC hợp nhất Kiểm toán bởi PwC thuộc BCTN CTCP Điện Gia Lai năm 2019.

| STT | Công ty | Ngành nghề kinh doanh | Trụ sở chính | Tỷ lệ sở hữu/Vốn thực góp | Tỷ lệ sở hữu/Vốn Điều lệ | Vốn Điều lệ (Tỷ đồng) | Dự án |
|-----|--|---|--------------|---------------------------|--------------------------|-----------------------|--------------------|
| 1 | CTCP Điện TTC Đức Huệ - Long An | | Long An | 99,94% | 51% | 324 | Đức Huệ 1 |
| 2 | CTCP ĐMT TTC Đức Huệ - Long An | | Long An | 66,14% | 51% | 324 | Đức Huệ 2 |
| 3 | CTCP Nhà máy ĐMT Trúc Sơn | | Đắk Nông | 99,96% | 99,96% | 302 | Trúc Sơn |
| 4 | CTCP ĐMT TTC Tây Sơn - Bình Định | | Bình Định | 100% | 51% | 207 | Tây Sơn 1 |
| 5 | CTCP Điện TTC Tây Sơn - Bình Định | Sản xuất, truyền tải, phân phối Điện | Bình Định | 100% | 51% | 207 | Tây Sơn 2 |
| 6 | CTCP Thủy điện Gia Lai | | Gia Lai | 58,10% | 58,10% | 205 | Hàm Phú 2 H'Mun |
| 7 | CTCP Năng lượng VPL | | Bến Tre | 89,9% | 89,9% | 200 | V.P.L Bến Tre |
| 8 | Công ty TNHH MTV Thủy điện Thượng Lộ | | Huế | 100% | 100% | 70 | Thượng Lộ |
| 9 | Công ty TNHH MTV Xây lắp và Cơ điện Gia Lai | Xây dựng công trình Thủy điện vừa nhỏ; sản xuất bê tông, sản phẩm từ xi măng, thạch cao | Gia Lai | 100% | 100% | 17 | - |
| 10 | CTCP Thủy điện Kênh Bắc - Ayun Hạ | Sản xuất, truyền tải, phân phối Điện | Gia Lai | 65,30% | 65,30% | 9 | Kênh Bắc |
| 11 | Công ty TNHH MTV Tư vấn và Phát triển Năng lượng Gia Lai | Kiến trúc, tư vấn kỹ thuật Điện có liên quan | Gia Lai | 100% | 100% | 1,5 | - |

QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG VỐN

Hoạt động QHNDT của GEC sôi nổi hơn bao giờ hết khi cổ phiếu GEG chính thức được giao dịch tại sàn HOSE vào ngày 19/9/2019 - bước ngoặt mới trong việc phát triển Thị trường vốn, cơ sở để hiện thực hóa chiến lược 5 năm 2020-2025. Đây là cột mốc quan trọng đưa cổ phiếu GEG đến gần hơn với các NĐT lớn, tiềm năng, tăng tính thanh khoản cho cổ phiếu, nâng cao năng lực tài chính, tăng tính minh bạch và củng cố thương hiệu GEG trên Thị trường vốn cũng như trong phân Ngành Năng lượng đang niềm yết.

DIỄN BIẾN GIÁ CỔ PHIẾU GEG VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ - THỊ TRƯỜNG VỐN NỔI BẬT TRONG NĂM 2019



Nguồn: Vietstock, GEC

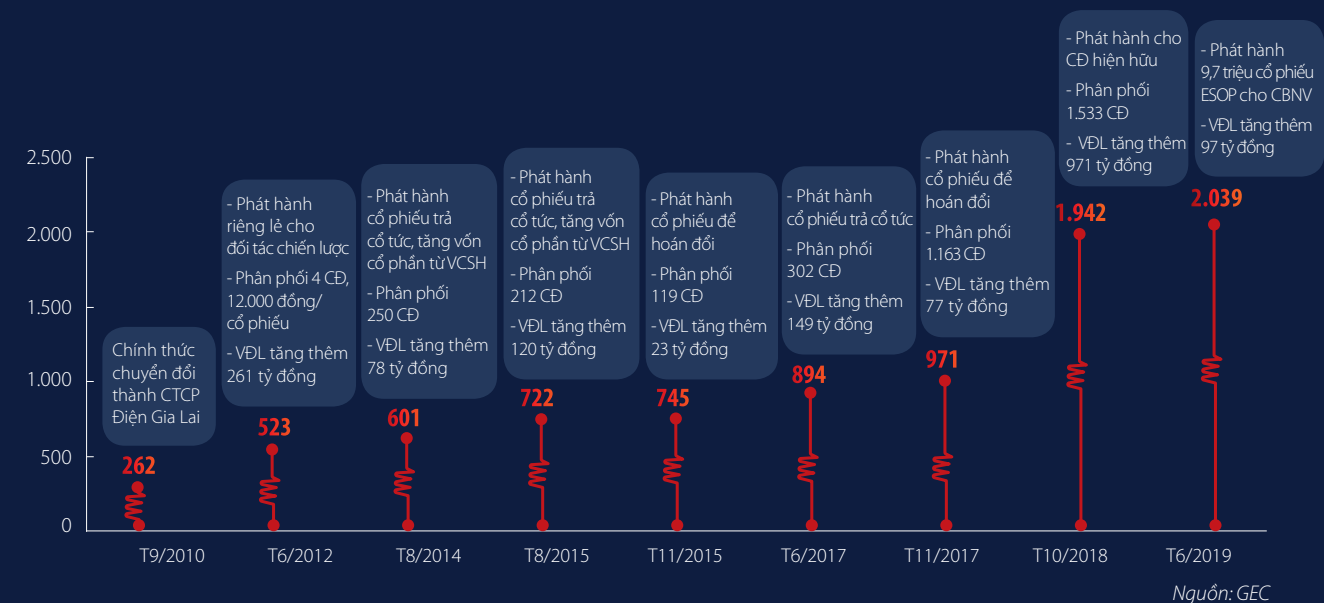
Để đảm bảo hoạt động QHNDT nắm bắt được những cơ hội phù hợp, hỗ trợ tốt cho chiến lược huy động vốn theo nhiều hình thức đa dạng từ vốn, nợ đến các công cụ tài chính hỗn hợp, trong năm 2019, GEC đã rất năng động trong việc gặp gỡ CB, NĐT tiềm năng để đáp ứng nhu cầu thông tin trên cơ sở hợp lý và cập nhật. Các cuộc gặp gỡ trực tiếp với NĐT, CB, Chuyên gia phân tích tại Công ty, Diễn đàn NĐT quan trọng trong và ngoài nước do các CTCK lớn tổ chức, GEC đã nhận được nhiều sự quan tâm từ nhiều NĐT khi họ đã hiện thực hóa kế hoạch giải ngân thông qua việc sở hữu cổ phiếu GEG trong ngắn và trung hạn.

| STT | Hoạt động | Nội dung |
|-----|--|--|
| 1 | Nhà đầu tư đến thăm và làm việc tại Công ty | <ul style="list-style-type: none"> 69 nhóm NĐT Châu Âu, Châu Á và Mỹ |
| 2 | Tham gia Diễn đàn Nhà đầu tư lớn trong năm | <ul style="list-style-type: none"> 7 sự kiện từ CTCK VCSC, SSI, HSC, MAS, VDSC, BVSC 71 NĐT tổ chức trong và ngoài nước quan tâm đến Cổ phiếu NLTT trong đó có GEG |
| 3 | Gặp gỡ Chuyên gia phân tích | <ul style="list-style-type: none"> 5 CTCK BVSC, VCBS, VDSC, VCSC, PHS 8 Quỹ Đầu tư trong và ngoài nước |
| 4 | Báo cáo phân tích từ các Công ty chứng khoán | <ul style="list-style-type: none"> 5 bài phân tích về Công ty và cổ phiếu GEG BVSC, VDSC, VCSC, PHS, Truyền hình FBNC |
| 5 | Báo cáo đạt tiêu chuẩn khu vực và thế giới | <ul style="list-style-type: none"> BCTN 2019, Báo cáo PTBV tóm tắt 2019 song ngữ Giải thưởng quốc tế, giải 3 Phân Ngành Tiện ích thế giới |
| 6 | Cập nhật tình hình Công ty | <ul style="list-style-type: none"> 18 bài viết phân tích song ngữ Hoạt động Quản trị Điều hành HĐQT, tình hình tài chính. |

Trong giai đoạn từ tháng 9/2019 trở về trước, mặc dù chỉ mới niêm yết tại sàn UPCOM nhưng GEC ngoài việc tuân thủ các quy định Pháp luật trong nước, đã phấn đấu áp dụng các chuẩn mực quốc tế vào hoạt động QTCT đặc biệt là CBTT để đảm bảo quyền lợi cho CB và NĐT.

| Phân loại | Văn bản pháp lý | Thông lệ Quản trị Công ty tốt | Phân loại | Văn bản pháp lý | Thông lệ Quản trị Công ty tốt |
|------------|--|---|-----------|-----------------|---|
| Trong nước | Luật Chứng khoán - Số 70 | Bộ Nguyên tắc QTCT theo thông lệ tốt nhất dành cho công ty đại chúng tại Việt Nam | Quốc tế | x | <ul style="list-style-type: none"> Bộ Nguyên tắc QTCT Thẻ điểm QTCT Khu vực ASEAN |
| | Luật Doanh nghiệp - Số 68 | | | | |
| | Nghị định 71 | | | | |
| | Nghị định 60 | | | | |
| | Nghị định 58 | | | | |
| | Thông tư 155 | | | | |
| | Thông tư 95 | | | | |
| | Quy chế CBTT tại SGDCK TP HCM | | | | |
| | Quy chế thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán | | | | |

QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ GEC TỪ 2010 ĐẾN 2019



Nguồn: GEC

Tháng 9/2010, GEC chính thức chuyển đổi thành CTCP Điện Gia Lai với VDL đăng ký là 262 tỷ đồng. 9 năm hoạt động và phát triển, GEC có 8 lần tăng vốn với VDL tăng gấp 8 lần đạt 2.039 tỷ đồng. Riêng trong năm 2019, GEC đã phát hành 9,7 triệu cổ phiếu ESOP cho các CBNV công tác lâu năm để tăng tính gắn bó. Số tiền thu được từ đợt bán ESOP này được dùng để tiếp tục phát triển các dự án ĐMT cũng như bổ sung Vốn Lưu động cho các HĐQT. Dự kiến năm 2020, GEC sẽ thông qua ĐHĐCĐ chủ trương tăng vốn bằng hình thức phát hành thêm cho CB hiện hữu theo tỷ lệ 4:1 nhằm huy động vốn để mở rộng danh mục ĐMT bao gồm nhiều loại hình như ĐMT Mặt đất, ĐMT Nổi, ĐMT Áp mái và đặc biệt quan trọng là phát triển các dự án Điện Gió.

QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG VỐN (tiếp theo)

BIẾN ĐỘNG CƠ CẤU CỔ ĐÔNG GEC 31/12/2019 SO VỚI 1/1/2019

| STT | Loại hình Cổ đông | Số lượng Cổ đông | | | | Số lượng cổ phần | | Tỷ trọng (%) | |
|------------|----------------------------|------------------|--------------|-----------|-----------|--------------------|--------------------|--------------|--------------|
| | | Cá nhân | | Tổ chức | | 2018 | 2019 | 2018 | 2019 |
| | | 2018 | 2019 | 2018 | 2019 | | | | |
| I | CĐ lớn sở hữu từ 5% | 1 | - | 4 | 4 | 166.546.628 | 143.799.632 | 85,77 | 70,53 |
| 1 | Trong nước | 1 | - | 2 | 2 | 98.974.872 | 76.227.876 | 50,97 | 37,39 |
| 2 | Ngoài nước | - | - | 2 | 2 | 67.571.756 | 67.571.756 | 34,80 | 33,14 |
| II | CĐ sở hữu từ 1%-5% | - | 1 | 2 | 3 | 5.170.000 | 25.276.076 | 2,66 | 12,40 |
| 1 | Trong nước | - | 1 | 1 | 2 | 2.400.000 | 21.166.996 | 1,23 | 10,38 |
| 2 | Ngoài nước | - | - | 1 | 1 | 2.770.000 | 4.109.080 | 1,43 | 2,02 |
| III | CĐ sở hữu dưới 1% | 1.531 | 1.478 | 29 | 28 | 22.465.922 | 34.815.969 | 11,57 | 17,07 |
| 1 | Trong nước | 1.516 | 1.450 | 22 | 20 | 20.787.876 | 32.314.513 | 10,71 | 15,84 |
| 2 | Ngoài nước | 15 | 28 | 7 | 8 | 1.678.046 | 2.501.456 | 0,86 | 1,23 |
| IV | Cổ phiếu quỹ | - | - | - | - | - | - | - | - |
| V | TỔNG CỘNG | 1.532 | 1.479 | 35 | 35 | 194.182.550 | 203.891.677 | 100 | 100 |
| 1 | Trong nước | 1.517 | 1.451 | 25 | 24 | 122.162.748 | 129.709.385 | 62,91 | 63,62 |
| 2 | Ngoài nước | 15 | 28 | 10 | 11 | 72.019.802 | 74.182.292 | 37,09 | 36,38 |

Đến cuối tháng 12/2019, GEC vẫn duy trì 4 CĐ tổ chức là CĐ lớn gồm 2 tổ chức trong nước chiếm 37,39% là CTCP Đầu tư Thành Thành Công, CTCP Xuất Nhập khẩu Bến Tre và 2 tổ chức nước ngoài đồng hành cùng GEC từ năm 2016 là Quỹ Năng lượng sạch Armstrong Singapore - Quỹ đầu tư chuyên hoạt động trong lĩnh vực NLTT chiếm 19,16% và Công ty Tài chính Quốc tế IFC - TV NHTG là 13,99%. Với sự tham gia của 2 CĐ chiến lược nước ngoài, tỷ lệ sở hữu của NĐT nước ngoài tại GEC luôn được giữ ổn định ở mức trên 33% trong suốt 4 năm qua.

Thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2019 chỉ đạt mức tăng 7,7%, kém hơn so với các thị trường khác như Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc với mức tăng trên 15%. Thanh khoản cũng không quá ấn tượng khi giá trị giao dịch trung bình chỉ đạt 4.127 tỷ đồng/phiên, giảm 26% so với năm 2018. Ngược lại, dòng tiền đổ vào Trái phiếu lên tới 296.712 tỷ đồng, tương đương 12,9 tỷ USD trong năm 2019, tăng 33% so với cùng kỳ, cho thấy một cơ hội phát triển khác của Thị trường vốn và sự chia sẻ ít nhiều nguồn lực cho các loại hình huy động vốn khác nhau trên thị trường. Trong năm 2019, mặc dù chiến tranh thương mại Mỹ Trung vẫn chưa có hồi kết, khối ngoại tiếp tục có những đóng góp quan trọng vào diễn biến của các chỉ số quan trọng. Cụ thể, khối ngoại mua vào 4,4 tỷ cổ phiếu, trị giá 175.031 tỷ đồng - 7,6 tỷ USD, trong khi bán ra gần 4,5 tỷ cổ phiếu, trị giá 167.731 tỷ đồng - 7,3 tỷ USD. Như vậy, tổng khối lượng bán ròng khoảng 92 triệu cổ phiếu, nhưng tính về giá trị là mua ròng 7.300 tỷ đồng - 317 triệu USD. Ở trạng thái ngược lại, tăng trưởng thị giá của cổ phiếu GEC được đánh giá tốt hơn sự giao động của VN-Index khi đóng cửa ở mức giá 27.000 đồng/cổ phiếu vào cuối năm, tăng mạnh 77% so với giai đoạn đầu năm. Tổng khối lượng giao dịch trung bình 1 năm của GEC tăng mạnh đạt 603.397 cổ phiếu/phiên, tăng gấp 4 lần so với khối lượng giao dịch bình quân trong năm 2018.

Tùy vào kế hoạch và tình hình kinh doanh thực tế trong năm, GEC luôn nỗ lực trong việc đảm bảo quyền lợi của CĐ thông qua việc chi trả cổ tức đều đặn bằng tiền hoặc cổ phiếu, ở mức cổ tức hấp dẫn so với mặt bằng chung các Công ty niêm yết trên thị trường. Cổ tức của GEC chủ yếu bằng tiền mặt với mức trung bình là 10%/năm, riêng năm 2016 Công ty đã thực hiện chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 20%. Đây là sự khác biệt của GEC so với các công ty khác khi đa phần các công ty niêm yết vốn hóa vừa và nhỏ đều chia cổ tức bằng cổ phiếu hoặc có năm không chia trong các năm gần đây.

GEG TRONG NĂM 2019

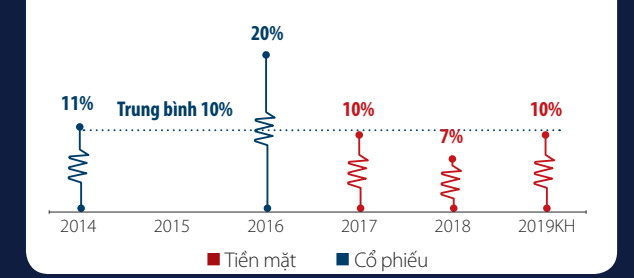
| Mã cổ phiếu | GEG |
|---|-----------------|
| Giá cao nhất - Giá thấp nhất (ĐỒNG) | 29.100 - 13.820 |
| Khối lượng giao dịch trung bình HOSE (Cổ phiếu) | 182.501.921 |
| Khối lượng giao dịch trung bình Ngành Điện (Cổ phiếu) | 177.135 |
| Khối lượng giao dịch trung bình GEG (Cổ phiếu) | 603.397 |
| Giá trị giao dịch trung bình HOSE (Tỷ đồng) | 4.127 |
| Giá trị giao dịch trung bình Ngành Điện (Tỷ đồng) | 3,5 |
| Giá trị giao dịch trung bình GEG (Tỷ đồng) | 14,7 |

GEG TÍNH ĐẾN CUỐI NĂM 2019

| Vốn hóa thị trường (Tỷ đồng) | 5.506 |
|--------------------------------------|-------------|
| Số lượng cổ phiếu lưu hành (Cổ phần) | 203.891.677 |
| Giá cổ phiếu (ĐỒNG) | 27.000 |
| Giá trị sổ sách (ĐỒNG) | 12.668 |
| Giới hạn sở hữu nước ngoài (%) | 49 |
| Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (%) | 36,38 |
| Tỷ lệ trôi nổi (%) | 22,31 |

Từ đầu năm 2019, VN-Index khi đóng cửa ở mức giá 27.000 đồng/cổ phiếu vào cuối năm, tăng mạnh 77% so với giai đoạn đầu năm. Tổng khối lượng giao dịch trung bình 1 năm của GEC tăng mạnh đạt 603.397 cổ phiếu/phiên, tăng gấp 4 lần so với khối lượng giao dịch bình quân trong năm 2018.

LỊCH SỬ CHIA CỔ TỨC 2014-2019



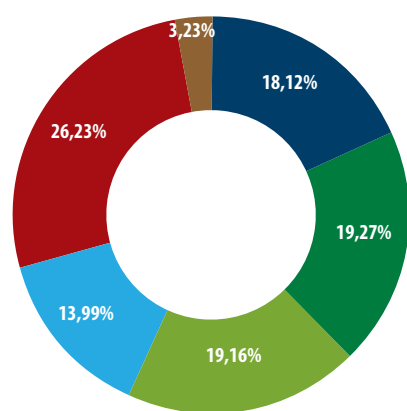
Nguồn: GEC

SO SÁNH VỚI CÁC CỔ PHIẾU CÙNG NGÀNH TRONG NĂM 2019

| STT | Chứng khoán | Nhóm Ngành | Sàn Giao dịch | Công suất (MW) | Vốn hóa (Nghìn tỷ đồng) | Cổ phiếu lưu hành | Giao dịch bình quân (Cổ phần/phiên) | Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (%) | Cổ tức 2019 (%) | EPS (đồng) |
|-------------------------|-------------|------------|---------------|----------------|-------------------------|--------------------|-------------------------------------|-----------------------------|-----------------|--------------|
| 1 | GEG | NLTT | HOSE | 345 | 5.506 | 203.891.677 | 603.397 | 36,4 | 7 | 1.159 |
| 2 | ASM | | | 87 | 1.519 | 258.867.849 | 2.225.285 | 1,5 | 10 | 2.486 |
| 3 | BCG | NLTT | HOSE | 34 | 676 | 108.005.760 | 472.948 | 20,0 | 0 | 1.105 |
| 4 | LCG | | | 12 | 932 | 132.299.543 | 757.739 | 30,9 | 12 | 1.870 |
| 5 | AVC | | UPCOM | 210 | 2.101 | 75.052.052 | 1.307 | 0 | 5 | 2.159 |
| 6 | CHP | | | 170 | 2.806 | 138.598.505 | 12.687 | 3,5 | 15 | 692 |
| 7 | VSH | Thủy điện | HOSE | 136 | 4.413 | 206.241.246 | 28.930 | 12,8 | 4 | 745 |
| 8 | SHP | | | 127 | 2.106 | 93.710.200 | 12.327 | 5,0 | 20 | 2.219 |
| 9 | SEB | | HNX | 48 | 992 | 31.999.969 | 1.933 | 0,15 | 5 | 3.348 |
| 10 | GHC | | UPCOM | 28 | 668 | 20.500.000 | 3.988 | 2,25 | 20 | 4.702 |
| TRUNG BÌNH NGÀNH | | | | | 3.526 | 205.560.000 | 177.135 | - | - | 2.158 |

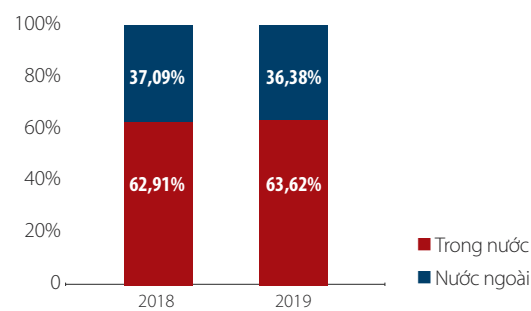
Nguồn: Vietstock

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG THEO TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ ĐÔNG LỚN

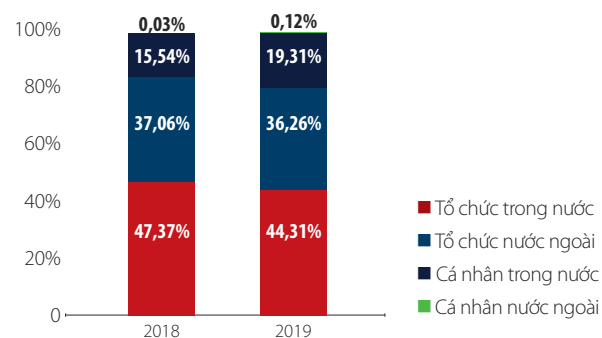


- CTCP Đầu tư Thành Thành Công
- CTCP Xuất Nhập khẩu Bến Tre
- Armstrong
- IFC
- Cá nhân và tổ chức trong nước
- Cá nhân và tổ chức nước ngoài

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG THEO ĐỊA LÝ



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG THEO LOẠI HÌNH



Nguồn: GEC

QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG VỐN (tiếp theo)

Tính đến hết năm 2019, GEC sở hữu danh mục NLTT lớn nhất và khá đa dạng, cũng là yếu tố quan trọng để GEC thu hút được sự chú ý của NĐT nước ngoài. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại GEC thuộc hàng cao nhất trong Ngành Điện lên đến 36,4%, chủ yếu từ 2 CĐ lớn là IFC và Armstrong nắm giữ khoảng 33,2%. Vốn hóa của GEC đạt 5.506 tỷ đồng, cao hơn khoảng 1,6 lần so với trung bình Ngành và các Công ty NLTT khác đang niêm yết như ASM - Sao Mai An Giang, BCG - Bamboo Capital và LCG - Licogi 16.

VĐL trung bình của Ngành Điện vào khoảng 2.056 tỷ đồng, tương đương VĐL của GEC, tuy nhiên cổ phiếu GEG lại có tính thanh khoản tốt hơn nhiều khi khối lượng giao dịch bình quân 52 tuần vượt trội, gấp 3,4 lần so với Ngành. Trong năm 2019, có 3 CTCK là BVSC, VCSC và PHS đã kết nối với bộ phận QHNĐT của GEC để thực hiện các Báo cáo phân tích tổng quan về Công ty. Ngoài ra, CTCK PHS cũng đã có buổi giới thiệu về cổ phiếu GEG trên Kênh truyền hình FBNC với khuyến nghị "Quan sát và Mua".

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG LỚN, NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN TRONG NĂM 2019

| TT | Người/ Tổ chức giao dịch | Vị trí/Quan hệ với Người Nội bộ | Cổ phần 1/1/2019 | | Cổ phần 31/12/2019 | | Lý do | Hạn chế chuyển nhượng (T6/2019 - T6/2020) |
|--------------------|------------------------------|---------------------------------|------------------|-----------|--------------------|-----------|--------------------|---|
| | | | Số lượng | Tỷ lệ (%) | Số lượng | Tỷ lệ (%) | | |
| CỔ ĐÔNG LỚN | | | | | | | | |
| 1 | CTCP Xuất nhập khẩu Bến Tre | | 44.400.580 | 22,87 | 39.280.580 | 19,27 | Đáp ứng tỷ lệ HOSE | - |
| 2 | Armstrong | | 39.057.174 | 20,11 | 39.057.174 | 19,16 | Phát hành ESOP | - |
| 3 | CTCP Đầu tư Thành Thành Công | CĐ lớn | 44.714.296 | 23,03 | 36.947.296 | 18,12 | Đáp ứng tỷ lệ HOSE | - |
| 4 | IFC | | 28.514.582 | 14,68 | 28.514.582 | 13,99 | Phát hành ESOP | - |
| 5 | Bà Đặng Huỳnh Ước My | | 9.859.996 | 5,08 | 7.259.996 | 3,56 | Đáp ứng tỷ lệ HOSE | - |

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

| | | | | | | | | |
|---------------------------|------------------------|---------------|---------|--------|-----------|------|----------|---------|
| 6 | Ông Tân Xuân Hiến | Chủ tịch HĐQT | 536.058 | 0,27 | 1.596.058 | 0,78 | Mua ESOP | 952.000 |
| Người có liên quan | | | | | | | | |
| 6.1 | Hồ Thị Ánh Ngọc | Vợ | 663.722 | 0,342 | - | - | Bán hết | - |
| 6.2 | Tân Xuân Hậu | Em - CBNV | 7.505 | 0,004 | 14.005 | 0,01 | Mua ESOP | 14.000 |
| 6.3 | Tân Xuân Hùng | Em | 1.401 | 0,0007 | - | - | Bán hết | - |
| 7 | Bà Đỗ Thu Ngân | | - | 0 | 800.000 | 0,39 | Mua ESOP | 560.000 |
| 8 | Bà Phạm Ngọc Thanh Mai | TV HĐQT | 15.000 | 0,007 | 715.000 | 0,35 | Mua ESOP | 490.000 |
| 9 | Nguyễn Thùy Vân | | - | 0 | 700.000 | 0,34 | Mua ESOP | 490.000 |
| 10 | Andrew Mark Affleck | | - | 0 | 200.000 | 0,10 | Mua ESOP | 140.000 |

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

| | | | | | | | | |
|---------------------------|----------------------|---------|---------|-------|-----------|------|---------------------|---------|
| 11 | Bà Nguyễn Thái Hà | TGD | 30.700 | 0,02 | 1.030.700 | 0,51 | Mua ESOP | 700.000 |
| 12 | Ông Lê Thanh Vinh | | 37.300 | 0,02 | 737.300 | 0,36 | Mua ESOP | 490.000 |
| 13 | Hà Nguyễn Hoàng | Phó TGD | 16.200 | 0,01 | 416.200 | 0,20 | Mua ESOP | 280.000 |
| 14 | Ông Phan Thanh Lạc | | 366.524 | 0,19 | 155.000 | 0,08 | Bán bớt và mua ESOP | 84.000 |
| Người có liên quan | | | | | | | | |
| 14.1 | Nguyễn Thị Diệu | Vợ | 126.761 | 0,065 | - | - | Bán hết | - |
| 15 | Ông Nguyễn Đình Tuấn | Phó TGD | 187.606 | 0,10 | 154.600 | 0,08 | Bán bớt và mua ESOP | 84.000 |
| 16 | Nguyễn Lê Hùng | | 11.800 | 0,01 | 111.800 | 0,05 | Mua ESOP | 70.000 |

NGƯỜI NỘI BỘ KHÁC

| | | | | | | | | |
|----|-------------------------|----------------------------------|---------|------|---------|------|---------------------|---------|
| 17 | Bà Trần Thị Hồng Thắm | GĐ Tài chính kiêm Kế toán trưởng | 27.600 | 0,01 | 327.600 | 0,16 | Mua ESOP | 210.000 |
| 18 | Ông Phạm Thành Tuấn Anh | Người được ủy quyền CBTT | 361.923 | 0,18 | 331.127 | 0,16 | Bán bớt và mua ESOP | 231.789 |

Nguồn: GEC

Trong năm 2019, để mở rộng danh mục dự án đặc biệt là 3 NM ĐMT và chuẩn bị cho dự án Điện Gió sẽ vận hành thương mại trước tháng 11/2021, GEC huy động vốn thông qua 2 hình thức chủ yếu là tín dụng Ngân hàng và phát hành Trái phiếu. Tổng dư nợ vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty năm 2019 ghi nhận 3.897 tỷ đồng, tăng 2,6 lần so với cùng kỳ trong đó nợ vay từ các tổ chức tín dụng chiếm đến 94%. GEC duy trì mối quan hệ tốt với hệ thống các ngân hàng quốc doanh lớn nhất cả nước gồm Vietcombank, Vietinbank, Agribank với tổng dư nợ vay từ các tổ chức này là 3.657 tỷ đồng để phục vụ vốn cho các dự án ĐMT đi vào vận hành trước thời hạn trong năm 2019.

Ngoài ra, GEC đã phát hành thành công gói Trái phiếu tín chấp thu về 219 tỷ đồng được tư vấn bởi CTCK SSI. Trong bối cảnh thị trường Trái phiếu phát triển mạnh với nhiều công ty phát hành Trái phiếu với lãi suất hấp dẫn hơn thì việc phát hành thành công thể hiện sự quan tâm và tin tưởng của NĐT đối với GEC. Số tiền sau đợt phát hành đã được dùng trong việc phát triển danh mục NLTT và bổ sung nguồn Vốn Lưu động trong các tháng cuối năm 2019.

| Tổ chức tín dụng | Dư nợ 31/12/2019 | | | Dư nợ 31/12/2018 | | |
|---------------------------------|------------------------|-----------------------|--|-------------------------|------------------------|-----------------------|
| | Vay ngắn hạn (tỷ đồng) | Vay dài hạn (tỷ đồng) | Kỳ hạn (năm) | Lãi suất trung bình năm | Vay ngắn hạn (tỷ đồng) | Vay dài hạn (tỷ đồng) |
| Vietcombank | 5 | 2.100 | | | 0 | 685 |
| Vietinbank | 240 | 532 | ✦ Vay ngắn hạn: 12 tháng ✦ Vay dài hạn: trung bình 11 năm | 9,6% | 6 | 73 |
| Agribank | 51 | 462 | | | 50 | 415 |
| Trái phiếu | 15 | 485 | | | 15 | 282 |
| Vay dài hạn đáo hạn trong 1 năm | 236 | -236 | | | 35 | -35 |
| Vay khác | 7 | - | | | - | - |
| TỔNG CỘNG | 554 | 3.343 | | | 106 | 1.420 |

Nguồn: GEC

LỊCH TÀI CHÍNH TRONG NĂM 2020

| | |
|---|--|
| <p>Tháng 1/2020</p> <ul style="list-style-type: none"> ✦ BCTC Hợp nhất Quý 4/2019 ✦ BCTC Riêng Quý 4/2019 ✦ Diễn giải BCTC Quý 4/2019 ✦ Báo cáo QTCT 2019 | <p>Tháng 6/2020</p> <ul style="list-style-type: none"> ✦ HSC Emerging Vietnam - HSC ✦ ĐHĐCĐ thường niên 2019 |
| <p>Tháng 3/2020</p> <ul style="list-style-type: none"> ✦ BCTC Hợp nhất Kiểm toán 2019 ✦ BCTC Riêng Kiểm toán 2019 | <p>Tháng 7/2020</p> <ul style="list-style-type: none"> ✦ BCTC Hợp nhất Quý 2/2020 ✦ BCTC Riêng Quý 2/2020 ✦ Diễn giải BCTC Quý 2/2020 ✦ Báo cáo QTCT Bán niên 2020 |
| <p>Tháng 4/2020</p> <ul style="list-style-type: none"> ✦ BCTN 2019 ✦ BCTC Hợp nhất Quý 1/2020 ✦ BCTC Riêng Quý 1/2020 ✦ Diễn giải BCTC Quý 1/2020 | <p>Tháng 8/2020</p> <ul style="list-style-type: none"> ✦ BCTC Hợp nhất Soát xét 6 tháng 2020 ✦ BCTC Riêng Soát xét 6 tháng 2020 |
| <p>Tháng 5/2020</p> <ul style="list-style-type: none"> ✦ Diễn đàn NĐT Citi-SSI Vietnam C-Suite Corporate Day - SSI & Citi | <p>Tháng 10/2020</p> <ul style="list-style-type: none"> ✦ BCTC Hợp nhất Quý 3/2020 ✦ BCTC Riêng Quý 3/2020 ✦ Diễn giải BCTC Quý 3/2020 |

NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN XU HƯỚNG CÔNG NGHỆ

Thương hiệu GEC đang từng bước khẳng định uy tín trên thị trường Năng lượng Việt Nam ở nhiều khía cạnh, từ quy mô đầu tư nguồn NLTT, cập nhật xu thế Năng lượng sạch, công nghệ và thiết bị trên thế giới cho đến tốc độ đầu tư phát triển dự án Năng lượng sạch, tuy nhiên vẫn tuân thủ đầy đủ những trách nhiệm đối với Xã hội. Trong năm 2019, nhiều thể mạnh của GEC đã được phát huy, từ việc triển khai thành công nhiều dự án ĐMT đến chính thức bước chân vào lĩnh vực Điện Gió. Bên cạnh đó, hoạt động R&D liên tục thành công trong việc chế tạo những thiết bị, hệ thống mới tối ưu hóa sản lượng Điện sản xuất trong thực tế, hỗ trợ trực tiếp vào tăng trưởng DT. GEC đã nghiên cứu phát triển thành công và vận hành thử nghiệm sản phẩm mới *Hệ thống ĐMT tự động xoay theo hướng mặt trời (Tracking Solar system)* nhằm tối ưu hóa hoạt động của các dự án ĐMT. GEC cũng đã nghiệm thu để tải lắp đặt *Hệ thống ĐMT nổi (Floating Solar system)*, thành quả của việc áp dụng công nghệ mới trong cả thiết kế và thi công. *Phát triển ứng dụng IoT trong lĩnh vực quan trắc khí tượng thủy văn tại các NMTĐ, Hệ thống Giám sát tình trạng làm việc của các dây tẩm Panel Năng lượng Mặt trời (String PV)* đã được ứng dụng trong năm qua.

CÁC GIẢI PHÁP CÔNG NGHỆ HỖ TRỢ TỐI ƯU HÓA SẢN XUẤT TRONG NĂM 2019

NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG CÁC GIẢI PHÁP CÔNG NGHỆ

| Dự án | Tiến độ | Đầu tư dự kiến | Nội dung đầu tư và hiệu quả cải thiện |
|---|---|----------------|---|
| Hệ thống Giám sát tình trạng làm việc của các dây tẩm Panel Năng lượng Mặt trời (String PV) | <ul style="list-style-type: none"> Thời gian thực hiện: Tháng 8/2019 - 12/2019 Tiến độ hiện tại: <ul style="list-style-type: none"> Hoàn thành nghiên cứu, chuẩn hóa công nghệ, thiết bị, giá thành Trình phê duyệt triển khai năm 2020 Dự kiến áp dụng tại tất cả các NM ĐMT | 1 tỷ/ NM | <p>Nội dung đầu tư:</p> <ul style="list-style-type: none"> Nghiên cứu chế tạo hệ thống giám sát tình trạng làm việc của các dây tẩm Panel Năng lượng Mặt trời (String PV) Giám sát, chuẩn đoán liên tục tình trạng làm việc của các String Panel tại các Combiner Box (hộp đấu nối tổng của các dây tẩm Panel) Phát hiện nhanh các String (chuỗi) bị sự cố và tình trạng hấp thụ bức xạ của các String gần kề Giám sát liên tục tình trạng làm việc của các tấm pin nhằm phát hiện kịp thời các hư hỏng để khắc phục nâng cao sản lượng phát điện <p>Hiệu quả cải thiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> Chuẩn hóa chất lượng, giá thành hướng đến sản xuất đại trà cung ứng cho các NM ĐMT của GEC Chế tạo ứng dụng nội bộ hỗ trợ tiết kiệm chi phí so với mua ngoài Tối ưu hoá hiệu quả vận hành phát điện của NM |
| Hệ thống Điện Mặt trời Nổi mẫu 31,05 kWp (Floating Solar system) | <ul style="list-style-type: none"> Thời gian thực hiện: Tháng 9/2019 - 12/2019 Tiến độ hiện tại: <ul style="list-style-type: none"> Nghiệm thu đóng điện đưa vào sử dụng Đang được thí điểm tại mặt hồ NMTĐ Ayun Thượng 1A | 750 triệu đồng | <p>Nội dung đầu tư:</p> <ul style="list-style-type: none"> Lắp đặt hệ khung mẫu và pin nổi trên mặt hồ Đánh giá tính khả thi về vị trí lắp trên mặt hồ, kết cấu, cơ cấu neo đậu hướng đến nhân rộng Thu thập dữ liệu, tính ổn định hệ thống, chuẩn hóa và tối ưu về vật liệu, giá thành đầu tư hệ thống, hướng đến triển khai cho dự án quy mô lớn <p>Hiệu quả cải thiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> Ước tính giảm 15-40% tổn thất điện năng Máy biến áp 110 KV do hầu như chạy không tải Giảm chi phí điện tự dùng phải trả hàng tháng cho EVN |
| Hệ thống Điện Mặt trời mẫu 20,7 kWp tự động xoay theo hướng mặt trời (Tracking Solar system) | <ul style="list-style-type: none"> Thời gian thực hiện: Tháng 7/2019 - 9/2019 Tiến độ hiện tại: <ul style="list-style-type: none"> Hoàn thành đóng điện tháng 10/2019 Đang vận hành và theo dõi sản lượng tăng thêm Được thí điểm tại TTC Diên Phú | 500 triệu đồng | <p>Nội dung đầu tư:</p> <ul style="list-style-type: none"> Xây dựng một hệ khung chuẩn bao gồm bộ cảm biến để tự động xoay tấm pin theo hướng Mặt trời Thu thập số liệu thực tế, so sánh với hệ cố định để đánh giá, phân tích Đưa ra phương án đầu tư hiệu quả Hướng đến sản xuất đại trà <p>Hiệu quả cải thiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> Tối ưu vật liệu, kết cấu, giá thành Tận dụng bức xạ Mặt trời hiệu quả nhất có thể, tăng lượng bức xạ Năng lượng đến giàn pin Mặt trời, tăng sản lượng Điện sản xuất Sản lượng tăng thêm từ 15-20%, được kiểm chứng bằng việc thu thập dữ liệu 3 tháng tại cùng vị trí giữa hệ xoay và hệ cố định Làm chủ công nghệ mới, hỗ trợ tiết giảm chi phí đầu tư, vận hành và bảo trì... nâng cao hiệu quả dự án |

| Dự án | Tiến độ | Đầu tư dự kiến | Nội dung đầu tư và hiệu quả cải thiện |
|--|--|----------------|---|
| Phát triển ứng dụng IoT trong lĩnh vực quan trắc khí tượng thủy văn tại các Nhà máy Thủy điện | <ul style="list-style-type: none"> Thời gian thực hiện: Tháng 5/2019 - 12/2019 Tiến độ hiện tại: <ul style="list-style-type: none"> Hoàn thành công tác nghiên cứu vận hành thử nghiệm Dự kiến triển khai hàng loạt các NMTĐ năm 2020 | 300 triệu/ NM | <p>Nội dung đầu tư:</p> <ul style="list-style-type: none"> Chế tạo, ứng dụng thực tiễn cho NMTĐ thuộc GEC và các CTTV Ứng dụng công nghệ trong việc thu thập các dữ liệu như mực nước, lưu lượng, thời tiết, lượng mưa tại các hồ chứa, đập thủy điện Toàn bộ dữ liệu được mã hóa đưa lên đám mây rồi truyền về ứng dụng máy tính trung tâm tại GEC và Sở Tài nguyên Môi trường giám sát theo dõi <p>Hiệu quả cải thiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> Tiết kiệm 30% chi phí so với mua sản phẩm dịch vụ của bên ngoài, dựa trên dự toán dự kiến chế tạo của Bộ phận R&D Từng bước tiếp cận cách mạng công nghiệp 4.0 |

TỐI ƯU HÓA SẢN XUẤT - TIẾT KIỆM CHI PHÍ - TĂNG DOANH THU

| Dự án | Tiến độ | Đầu tư dự kiến | Nội dung đầu tư và hiệu quả cải thiện |
|--|---|--------------------------|--|
| Lắp đặt hệ thống Điện Mặt trời Áp mái quy mô 214 kWp | <ul style="list-style-type: none"> Thời gian thực hiện: Tháng 5/2019 - 6/2019 Tiến độ hiện tại: <ul style="list-style-type: none"> Đóng điện vận hành thương mại 29/6/2019 Lắp đặt tại khu TTC Diên Phú | 2,6 tỷ đồng | <p>Nội dung đầu tư:</p> <ul style="list-style-type: none"> Lắp đặt hệ thống ĐMT Áp mái tại Khu sản xuất TTC Diên Phú, công suất 214 kWp, sản lượng 290.000 kWh/năm Thu thập số liệu, đánh giá chất lượng hệ thống theo thời gian để có hướng đầu tư nhân rộng việc bán điện Áp mái <p>Hiệu quả cải thiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> Cải thiện chất lượng và tổn thất điện năng do nguồn điện sản xuất gây ra Giảm phát thải khí CO₂ Bù trừ lượng điện năng tiêu thụ, tăng DT khoảng 600 triệu/năm theo nghiên cứu của Bộ phận R&D, cho khu sản xuất từ việc tận dụng điện tích mái để bán điện cho EVN |
| Thiết kế, xây dựng Hệ thống điều khiển giám sát dữ liệu Nhà máy Thủy điện Ayun Hạ | <ul style="list-style-type: none"> Thời gian thực hiện: Tháng 5/2019 - 7/2019 Tiến độ hiện tại: <ul style="list-style-type: none"> Đã hoàn thành đưa vào sử dụng thử nghiệm Dự kiến 2020 trình phê duyệt chủ trương thực hiện chính thức | 750 triệu đồng | <p>Nội dung đầu tư:</p> <ul style="list-style-type: none"> Tự thiết kế, xây dựng hệ thống giám sát dữ liệu tập trung tại máy tính Phòng Điều khiển trung tâm Giám sát tập trung và liên tục, hỗ trợ giảm các rủi ro, nguy cơ tìm ẩn sự cố của NM <p>Hiệu quả cải thiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> Thuận lợi trong công tác giám sát, điều khiển quá trình vận hành phát điện của toàn bộ NM Quá trình hoạt động của thiết bị NM được lưu trữ dưới dạng file, biểu đồ giúp truy vấn, phân tích dữ liệu và xử lý nhanh sự cố |
| Sản xuất Robot Lau Pin đại trà ứng dụng cho các Nhà máy Điện Mặt trời | <ul style="list-style-type: none"> Thời gian thực hiện: Tháng 4/2019 - 7/2019 Tiến độ hiện tại: <ul style="list-style-type: none"> Hoàn thành sản xuất cho các NM Tiếp tục sản xuất theo đơn đặt hàng của các khách hàng | 700 triệu đồng/ 10 Robot | <p>Nội dung đầu tư:</p> <ul style="list-style-type: none"> Sản xuất 10 Robot Lau Pin để sử dụng cho các NM ĐMT trong GEC Lau sạch các tấm pin, nâng hiệu quả hoạt động cho hệ thống ĐMT của GEC Đã áp dụng cho các NM ĐMT thuộc GEC và CTTV <p>Hiệu quả cải thiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> Tiết kiệm nước 10 lần, giảm 7 nhân công lao động truyền thống, chủ động nguồn lực Tiết kiệm thời gian, tăng sản lượng DT do việc vệ sinh bề mặt hấp thụ bức xạ của tấm Panel kịp thời Tăng DT gần 2 tỷ đồng/năm từ việc cung ứng sản phẩm Robot cho khách hàng bên ngoài như Tập đoàn Trung Nam, Dấu tiếng Tây Ninh, AMI Khánh Hòa, ĐMT Hòa Hội - Phú Yên, ĐMT Sơn Mỹ - Bình Thuận... GEC tự hào là đơn vị tiên phong trong nước trong lĩnh vực sản xuất và ứng dụng Robot trong việc lau rửa tấm Panel Năng lượng Mặt trời |
| Giải pháp Tái sử dụng dầu bằng phương pháp lọc dầu | <ul style="list-style-type: none"> Thời gian thực hiện: Tháng 3/2019 - 8/2019 Tiến độ hiện tại: Đang triển khai lọc dầu định kỳ cho các nhà máy theo kế hoạch 2020 | 257 triệu đồng | <p>Nội dung đầu tư:</p> <ul style="list-style-type: none"> Triển khai nhân rộng việc tái sử dụng dầu bằng phương pháp lọc dầu cho toàn bộ các nhà máy thuộc GEC Mẫu dầu sau khi lọc được gửi các đơn vị độc lập như CASTROL, Phòng LAB Singapore... để đánh giá chất lượng <p>Hiệu quả cải thiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> Hạn chế dầu thải ra bên ngoài, giảm tác động Môi trường Tiết kiệm mỗi năm cho Công ty hàng tỷ đồng so với việc thay dầu mới định kỳ theo dự toán của Phòng R&D. |

NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN XU HƯỚNG CÔNG NGHỆ (tiếp theo)



Những Nhân sự chủ chốt của Khối Kỹ thuật

KẾ HOẠCH R&D TRONG NĂM 2020

Năm 2020, Bộ phận R&D sẽ tập trung chuẩn hóa và tiếp tục hoàn thiện các giải pháp cho **Nghiên cứu ứng dụng các giải pháp công nghệ và Tối ưu hóa sản xuất - Tiết kiệm Chi phí - Tăng Doanh thu** nhằm đưa vào ứng dụng thực tiễn tại GEC cũng như định hướng thương mại hóa đối với một số sản phẩm và sáng kiến. Hoạt động này vừa để đa dạng hóa các nguồn thu cho GEC ngoài việc phát điện từ Thủy điện, ĐMT, Điện Gió mà còn nâng tầm đội ngũ Kỹ thuật của Công ty, chủ động trong hoạt động SXKD, tạo nên sự cộng hưởng tích cực trong quá trình vận hành các NM. Ngoài ra, Bộ phận R&D sẽ tiếp tục nghiên cứu các thành tựu của cách mạng công nghiệp 4.0 trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo AI và IoT để tìm kiếm giải pháp, cơ hội ứng dụng tối ưu trong lĩnh vực HĐKD của GEC.

Hệ thống giám sát tình trạng làm việc của các dây tẩm Panel Năng lượng Mặt trời (String PV)

- ❖ Chuẩn hóa đưa vào ứng dụng thực tế tại các tất cả các NM ĐMT hiện hữu của Công ty
- ❖ Hướng đến cung ứng sản phẩm cho Khách hàng với DT dự kiến trên 2 tỷ đồng

Sản xuất Robot Lau Pin đại trà ứng dụng cho các nhà máy Điện Mặt trời

- ❖ Phát triển và sản xuất đại trà thêm dòng sản phẩm R1 ứng dụng lau rửa Panel cho các hệ ĐMT Áp mái
- ❖ Các dòng sản phẩm Robot R1, R4 (áp dụng chủ yếu cho các dự án Áp mái) và R2, R3 (áp dụng cho các trang trại Điện Năng) nhằm đáp ứng đa dạng các loại hình dự án
- ❖ Tiếp tục đẩy mạnh công tác quảng bá và cung ứng các dòng sản phẩm Robot R1, R2, R3, R4 cho Khách hàng bên ngoài, ngoài việc sử dụng tại các trang trại của GEC
- ❖ DT dự kiến tăng thêm 2 tỷ đồng

Phát triển ứng dụng IoT trong lĩnh vực quan trắc Khí tượng thủy văn các Nhà máy Thủy điện

- ❖ Chế tạo ứng dụng cho các NMTĐ trực thuộc GEC theo quy định bắt buộc của Ngành Điện
- ❖ Làm chủ công nghệ, tiết giảm chi phí đầu tư khoảng 1 tỷ đồng so với thuê dịch vụ bên ngoài
- ❖ Tập trung tìm kiếm cơ hội đầu tư và triển khai Dự án dựa trên thành quả đã nghiên cứu

Hệ thống Điện Mặt trời tự động xoay theo hướng Mặt trời (Solar tracking system)/Hệ thống Điện Mặt trời nổi (Floating Solar system)

- ❖ Tiếp tục chuẩn hóa kết cấu, vật liệu để tối ưu giá thành sản xuất
- ❖ Tìm kiếm cơ hội đầu tư hiệu quả, hợp tác đầu tư và cung ứng sản phẩm với các đối tác bên ngoài.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN

Năm Tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Số 5900181213 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp lần đầu
ngày 9 tháng 9 năm 2010 và thay đổi lần thứ 16 cấp ngày 24 tháng 6 năm 2019.

Hội đồng Quản trị

| | |
|-------------------------|---|
| Ông Tân Xuân Hiến | Chủ tịch |
| Ông Jean-Paul Pinard | Thành viên (từ ngày 24 tháng 4 năm 2019) |
| Ông Deepak Chank Khanna | Thành viên (đến ngày 24 tháng 4 năm 2019) |
| Bà Nguyễn Thùy Vân | Thành viên |
| Ông Andrew Mark Affleck | Thành viên |
| Bà Phạm Ngọc Thanh Mai | Thành viên |
| Bà Đỗ Thu Ngân | Thành viên độc lập (đến ngày 31 tháng 12 năm 2019) |

Ủy ban Kiểm toán

| | |
|-------------------------|--|
| Bà Nguyễn Thùy Vân | Chủ tịch |
| Ông Deepak Chank Khanna | Thành viên (đến ngày 24 tháng 4 năm 2019) |
| Bà Phạm Ngọc Thanh Mai | Thành viên |

Ban Tổng Giám đốc

| | |
|----------------------|--|
| Bà Nguyễn Thái Hà | Tổng Giám đốc |
| Ông Phan Thanh Lạc | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Đình Tuấn | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Lê Thanh Vinh | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Hà Nguyên Hoàng | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Lê Hùng | Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 15 tháng 4 năm 2019) |

Người đại diện theo pháp luật

| | |
|-------------------|----------|
| Ông Tân Xuân Hiến | Chủ tịch |
|-------------------|----------|

Trụ sở chính

Số 114 Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng Thành phố Pleiku,
Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai ("Công ty") ủy quyền cho Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi giả định đơn vị hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 130 đến trang 179. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Thái Hà

Tổng Giám đốc

Người được Người đại diện theo pháp luật ủy quyền

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP



GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN GIA LAI

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai (“Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2019, và được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt ngày 27 tháng 3 năm 2020. Báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 130 đến trang 179.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Mai Viết Hùng Trân

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0048-2018-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM9323
TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2020

Võ Ngọc Huyền

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
2610-2018-006-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

MẪU SỐ B 01-DN/HN

VND

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------|--|-------------|--------------------------|--------------------------|
| 100 | TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 1.190.392.725.330 | 1.229.872.510.447 |
| 110 | Tiền và các khoản tương đương tiền | 4 | 105.369.786.743 | 609.411.234.157 |
| 111 | Tiền | | 41.394.120.296 | 48.669.299.897 |
| 112 | Các khoản tương đương tiền | | 63.975.666.447 | 560.741.934.260 |
| 120 | Đầu tư tài chính ngắn hạn | | 12.000.000.000 | 252.000.000.000 |
| 123 | Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 5(a) | 12.000.000.000 | 252.000.000.000 |
| 130 | Các khoản phải thu ngắn hạn | | 688.223.591.129 | 245.522.072.322 |
| 131 | Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 6 | 213.458.474.069 | 109.562.153.409 |
| 132 | Trả trước cho người bán ngắn hạn | 7 | 74.261.127.861 | 103.336.396.377 |
| 135 | Phải thu về cho vay ngắn hạn | 8 | 157.900.000.000 | - |
| 136 | Phải thu ngắn hạn khác | 9(a) | 243.109.307.488 | 32.849.459.242 |
| 137 | Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 10 | (511.028.312) | (228.723.883) |
| 139 | Tài sản thiếu chờ xử lý | | 5.710.023 | 2.787.177 |
| 140 | Hàng tồn kho | | 314.266.073.214 | 24.721.958.269 |
| 141 | Hàng tồn kho | 11 | 314.266.073.214 | 24.721.958.269 |
| 150 | Tài sản ngắn hạn khác | | 70.533.274.244 | 98.217.245.699 |
| 151 | Chi phí trả trước ngắn hạn | 12(a) | 4.016.324.932 | 3.810.607.152 |
| 152 | Thuế Giá trị Gia tăng ("GTGT") được khấu trừ | | 65.908.880.789 | 94.389.457.115 |
| 153 | Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | | 608.068.523 | 17.181.432 |
| 200 | TÀI SẢN DÀI HẠN | | 5.572.826.698.456 | 3.130.686.395.290 |
| 210 | Các khoản phải thu dài hạn | | 573.204.382 | 785.499.803 |
| 216 | Phải thu dài hạn khác | 9(b) | 1.264.387.882 | 1.276.341.882 |
| 219 | Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 10 | (691.183.500) | (490.842.079) |
| 220 | Tài sản cố định | | 5.258.943.513.481 | 2.877.671.877.869 |
| 221 | Tài sản cố định hữu hình | 13(a) | 5.239.715.688.579 | 2.871.235.092.019 |
| 222 | Nguyên giá | | 6.139.920.226.003 | 3.494.120.676.243 |
| 223 | Giá trị khấu hao lũy kế | | (900.204.537.424) | (622.885.584.224) |
| 227 | Tài sản cố định vô hình | 13(b) | 19.227.824.902 | 6.436.785.850 |
| 228 | Nguyên giá | | 21.138.099.372 | 7.448.934.975 |
| 229 | Giá trị khấu hao lũy kế | | (1.910.274.470) | (1.012.149.125) |
| 240 | Tài sản dở dang dài hạn | | 262.815.515.612 | 215.763.242.101 |
| 242 | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 14 | 262.815.515.612 | 215.763.242.101 |
| 250 | Đầu tư tài chính dài hạn | | 2.600.000.000 | - |
| 253 | Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 5(b) | 2.600.000.000 | - |
| 260 | Tài sản dài hạn khác | | 47.894.464.981 | 36.465.775.517 |
| 261 | Chi phí trả trước dài hạn | 12(b) | 35.277.229.931 | 22.302.642.267 |
| 262 | Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 24 | 6.488.769.008 | 6.234.469.009 |
| 269 | Lợi thế thương mại | 15 | 6.128.466.042 | 7.928.664.241 |
| 270 | TỔNG TÀI SẢN | | 6.763.219.423.786 | 4.360.558.905.737 |

VND

| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------|--|-------------|--------------------------|--------------------------|
| 300 | NỢ PHẢI TRẢ | | 4.183.591.094.623 | 1.952.623.594.905 |
| 310 | Nợ ngắn hạn | | 836.408.133.707 | 528.243.118.007 |
| 311 | Phải trả người bán ngắn hạn | 16 | 80.713.949.471 | 368.213.754.992 |
| 312 | Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 17 | 11.796.642.987 | 1.341.163.081 |
| 313 | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 18 | 15.931.688.434 | 15.713.948.521 |
| 314 | Phải trả Người lao động | | 1.530.099.939 | 1.617.106.333 |
| 315 | Chi phí phải trả ngắn hạn | 19 | 13.694.099.460 | 4.327.202.805 |
| 318 | Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | | 25.531.756 | 2.727.271 |
| 319 | Phải trả ngắn hạn khác | 20 | 127.513.150.076 | 9.862.783.621 |
| 320 | Vay ngắn hạn | 21(a) | 553.636.649.775 | 106.374.337.883 |
| 322 | Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 22 | 31.566.321.809 | 20.790.093.500 |
| 330 | Nợ dài hạn | | 3.347.182.960.916 | 1.424.380.476.898 |
| 331 | Phải trả người bán dài hạn | | - | 96.362.637 |
| 338 | Vay dài hạn | 21(b) | 3.343.142.603.654 | 1.420.255.279.818 |
| 342 | Dự phòng phải trả dài hạn | 23 | 3.450.265.592 | 3.455.589.342 |
| 343 | Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | | 590.091.670 | 573.245.101 |
| 400 | VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 2.579.628.329.163 | 2.407.935.310.832 |
| 410 | Vốn chủ sở hữu | | 2.579.628.329.163 | 2.407.935.310.832 |
| 411 | Vốn góp của chủ sở hữu | 25, 26 | 2.038.916.770.000 | 1.941.825.500.000 |
| 411a | - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | | 2.038.916.770.000 | 1.941.825.500.000 |
| 412 | Thặng dư vốn cổ phần | 26 | 38.672.862.153 | 28.963.735.153 |
| 418 | Quỹ đầu tư phát triển | 26 | 78.812.869.051 | 60.968.109.047 |
| 421 | Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối | 26 | 164.750.484.627 | 145.084.524.459 |
| 421a | - LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước | | 81.399.995.653 | 81.879.674.381 |
| 421b | - LNST chưa phân phối của năm nay | | 83.350.488.974 | 63.204.850.078 |
| 429 | Lợi ích Cổ đông không kiểm soát | 26 | 258.475.343.332 | 231.093.442.173 |
| 440 | TỔNG NGUỒN VỐN | | 6.763.219.423.786 | 4.360.558.905.737 |

Nghiêm Thị Lệ Quyên
Người lập

Trần Thị Hồng Thắm
Kế toán trưởng



Nguyễn Thái Hà
Tổng Giám đốc
Ngày 27 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 02 – DN/HN

VND

| Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước | |
|-------|--|---------|-------------------|-----------------|
| 10 | Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 29 | 1.159.374.278.952 | 559.488.474.875 |
| 11 | Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp | 30 | 509.711.047.062 | 253.487.961.656 |
| 20 | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11) | | 649.663.231.890 | 306.000.513.219 |
| 21 | Doanh thu hoạt động tài chính | 31 | 24.241.133.071 | 19.454.754.655 |
| 22 | Chi phí tài chính | 32 | 257.818.850.423 | 41.137.903.234 |
| 23 | - Trong đó: Chi phí lãi vay | 32 | 244.931.515.892 | 40.157.402.594 |
| 25 | Chi phí bán hàng | | 624.900.198 | 588.486.215 |
| 26 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 33 | 111.170.664.590 | 76.636.113.903 |
| 30 | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26) | | 304.289.949.750 | 207.092.764.522 |
| 31 | Thu nhập khác | | 972.920.848 | 2.423.137.964 |
| 32 | Chi phí khác | | 1.315.105.672 | 2.577.130.502 |
| 40 | Lỗ khác (40 = 31 - 32) | | (342.184.824) | (153.992.538) |
| 50 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) | | 303.947.764.926 | 206.938.771.984 |
| 51 | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành | 34 | 13.686.317.528 | 20.639.269.039 |
| 52 | Thu nhập thuế TNDN hoãn lại | 34 | (254.299.999) | (967.227.728) |
| 60 | Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) | | 290.515.747.397 | 187.266.730.673 |
| | Phân bổ cho: | | | |
| 61 | Lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty mẹ | | 250.999.983.798 | 144.693.225.170 |
| 62 | Lợi nhuận sau thuế TNDN của Cổ đông không kiểm soát | | 39.515.763.599 | 42.573.505.503 |
| 70 | Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 27(a) | 1.146 | 1.078 |
| 71 | Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 27(b) | 1.146 | 1.078 |

Nghiêm Thị Lệ Quyên
Người lập

Trần Thị Hồng Thắm
Kế toán trưởng



Nguyễn Thái Hà
Tổng Giám đốc
Ngày 27 tháng 3 năm 2020

Các thuyết minh từ trang 134 đến trang 179 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

Mẫu số B 03 – DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (theo phương pháp gián tiếp)

VND

| Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước | |
|--|---|---------------------|---------------------|-----------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | |
| 01 | Lợi nhuận kế toán trước thuế Điều chỉnh cho các khoản: | 303.947.764.926 | 206.938.771.984 | |
| 02 | Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ") | 285.015.783.034 | 97.545.316.944 | |
| 03 | Các khoản dự phòng | 477.322.100 | 269.636.543 | |
| 04 | Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 523.857.886 | 812.537.808 | |
| 05 | Lãi từ hoạt động đầu tư | (23.708.166.041) | (19.126.994.659) | |
| 06 | Chi phí lãi vay | 247.285.032.554 | 40.157.402.594 | |
| 08 | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động | 813.541.594.459 | 326.596.671.214 | |
| 09 | Tăng các khoản phải thu | (295.700.046.844) | (95.208.039.030) | |
| 10 | (Tăng)/giảm hàng tồn kho | (289.427.752.445) | 831.702.675 | |
| 11 | (Giảm)/tăng các khoản phải trả | (282.425.353.337) | 7.666.461.734 | |
| 12 | Tăng chi phí trả trước | (13.180.305.444) | (10.534.544.809) | |
| 14 | Tiền lãi vay đã trả | (246.682.608.022) | (50.130.091.792) | |
| 15 | Thuế TNDN đã nộp | (12.973.903.877) | (25.814.715.713) | |
| 17 | Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | (5.917.361.561) | (12.291.611.514) | |
| 20 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | (332.765.737.071) | 141.115.832.765 | |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| 21 | Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ | (2.667.667.656.710) | (1.810.021.007.097) | |
| 22 | Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ | 2.784.066.944 | 216.363.636 | |
| 23 | Tiền chi cho vay | (252.400.000.000) | (273.800.000.000) | |
| 24 | Tiền thu hồi cho vay | 334.500.000.000 | 123.816.108.552 | |
| 25 | Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | (81.980.000.000) | - | |
| 27 | Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 22.654.307.147 | 13.904.056.547 | |
| 30 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | (2.642.109.282.619) | (1.945.884.478.362) | |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| 31 | Tiền thu từ phát hành cổ phiếu | 270.260.397.000 | 1.049.815.798.000 | |
| 33 | Tiền thu từ đi vay | 2.901.352.147.173 | 1.489.392.404.794 | |
| 34 | Tiền chi trả nợ gốc vay | (533.556.028.107) | (197.374.556.274) | |
| 36 | Tiền cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | (166.922.935.987) | (150.656.453.713) | |
| 40 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 2.471.133.580.079 | 2.191.177.192.807 | |
| 50 | Lưu chuyển tiền thuần trong năm | (503.741.439.611) | 386.408.547.210 | |
| 60 | Tiền và tương đương tiền đầu năm | 4 | 609.411.234.157 | 222.999.837.459 |
| 61 | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | | (300.007.803) | 2.849.488 |
| 70 | Tiền và tương đương tiền cuối năm | 4 | 105.369.786.743 | 609.411.234.157 |

Nghiêm Thị Lệ Quyên
Người lập

Trần Thị Hồng Thắm
Kế toán trưởng



Nguyễn Thái Hà
Tổng Giám đốc
Ngày 27 tháng 3 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 – DN/HN

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Điện Gia Lai (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Điện Gia Lai theo Quyết định số 821/QĐ-UBND ngày 1 tháng 6 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Gia Lai và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900181213 đăng ký lần đầu ngày 9 tháng 9 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai phê duyệt và Giấy chứng nhận điều chỉnh mới nhất được cấp ngày 24 tháng 6 năm 2019.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết và giao dịch trên thị trường chứng khoán tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) theo Quyết định số 341/QĐ- SGDHCM ngày 28 tháng 8 năm 2019 và Thông báo số 1173/TB-SGDHCM ngày 10 tháng 9 năm 2019 của HOSE.

Lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn là năng lượng, thương mại và cung cấp dịch vụ.

Hoạt động chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) là sản xuất, truyền tải và phân phối điện; lắp đặt hệ thống điện; xây dựng công trình công nghiệp, thủy điện, xây dựng đập đê, đắp đường và các công trình khác; tư vấn khảo sát, thiết kế, thi công và giám sát các công trình thủy điện vừa và nhỏ, đường dây và trạm biến áp (có cấp điện áp từ 110KV trở xuống); bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; cung cấp dịch vụ xây dựng, dịch vụ tư vấn kỹ thuật và đầu tư tài chính.

Chu kỳ hoạt động kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại số 114 Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Tại ngày cuối năm, Công ty có năm chi nhánh độc lập và hai văn phòng đại diện (tại ngày đầu năm: năm chi nhánh độc lập và hai văn phòng đại diện), cụ thể như sau:

- Chi nhánh TTC Lâm Đồng tại Thôn 1, Xã Đạ Sar, Huyện Lạc Dương, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam;
- Chi nhánh TTC Chư Prông tại số 268 Đường Hùng Vương, Thị Trấn Chư Prông, Huyện Chư Prông, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam;
- Chi nhánh TTC Mang Yang tại Làng Ró, Xã Lơ Pang, Huyện Mang Yang, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam;
- Chi nhánh TTC Ayun Hạ tại Quốc lộ 25, Thôn Thanh Thượng A, Xã Ayun Hạ, Huyện Phú Thiện, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam;
- Chi nhánh TTC Thừa Thiên Huế tại số 189 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam;
- Văn phòng đại diện TTC Hồ Chí Minh tại số 253 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; và
- Văn phòng đại diện TTC Hà Nội tại Nhà số 09, Ngõ 310, Ngách 22 Đường Nghi Tàm, Phường Tứ Liên, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tại ngày cuối năm, Công ty có 11 công ty con đang hoạt động và 4 công ty con đã thành lập nhưng chưa góp vốn (tại ngày đầu năm: 9 công ty con đang hoạt động và 8 công ty con đã thành lập nhưng chưa góp vốn) được trình bày như sau:

| | Nơi thành lập, đăng ký hoạt động | Lĩnh vực kinh doanh | Tỷ lệ sở hữu trên vốn thực góp (%) | | Tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ (%) | |
|---|----------------------------------|--|------------------------------------|------------|-----------------------------------|------------|
| | | | Số cuối năm | Số đầu năm | Số cuối năm | Số đầu năm |
| a) Công ty con đang hoạt động | | | | | | |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai | Tỉnh Gia Lai | Sản xuất, truyền tải và phân phối điện | 58,10 | 58,10 | 58,10 | 58,10 |
| Công ty TNHH Một thành viên Thủy điện Thượng Lộ | Tỉnh Thừa Thiên Huế | Sản xuất, truyền tải và phân phối điện | 100,00 | 100,00 | 100,00 | 100,00 |
| Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp và Cơ điện Gia Lai | Tỉnh Gia Lai | Xây dựng các công trình thủy điện vừa và nhỏ; sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao | 100,00 | 100,00 | 100,00 | 100,00 |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Kênh Bắc - Ayun Hạ | Tỉnh Gia Lai | Sản xuất, truyền tải và phân phối điện | 65,30 | 65,30 | 65,30 | 65,30 |
| Công ty Cổ phần Điện Mặt trời TTC Tây Sơn - Bình Định | Tỉnh Bình Định | Sản xuất, truyền tải và phân phối điện | 100,00 | 100,00 | 51,00 | 51,00 |
| Công ty Cổ phần Điện TTC Tây Sơn - Bình Định | Tỉnh Bình Định | Sản xuất, truyền tải và phân phối điện | 100,00 | 100,00 | 51,00 | 51,00 |
| Công ty Cổ phần Điện Mặt trời TTC Đức Huệ - Long An | (i) Tỉnh Long An | Sản xuất, truyền tải và phân phối điện | 99,94 | 51,00 | 51,00 | 51,00 |
| Công ty Cổ phần Điện Mặt trời TTC Đức Huệ - Long An | (ii) Tỉnh Long An | Sản xuất, truyền tải và phân phối điện | 66,14 | 83,61 | 51,00 | 51,00 |
| Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn và Phát triển Năng lượng Gia Lai | Tỉnh Gia Lai | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật điện có liên quan | 100,00 | 100,00 | 100,00 | 100,00 |
| Công ty Cổ phần Nhà máy Điện Mặt trời Trúc Sơn | (iii) Tỉnh Đắk Nông | Sản xuất, truyền tải và phân phối điện | 99,96 | - | 99,96 | - |
| Công ty Cổ phần Năng lượng VPL | (iv) Tỉnh Bến Tre | Sản xuất, truyền tải và phân phối điện | 89,90 | - | 89,90 | - |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

| | Nơi thành lập, đăng ký hoạt động | Lĩnh vực kinh doanh | Tỷ lệ sở hữu trên vốn thực góp (%) | | Tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ (%) | |
|--|----------------------------------|--|------------------------------------|------------|-----------------------------------|------------|
| | | | Số cuối năm | Số đầu năm | Số cuối năm | Số đầu năm |
| b) Công ty con đã thành lập, nhưng chưa góp vốn | | | | | | |
| Công ty Cổ phần Điện TTC Bắc Bình - Bình Thuận | Tỉnh Bình Thuận | Sản xuất, truyền tải và phân phối điện | - | - | 51,00 | 51,00 |
| Công ty Cổ phần Điện Mặt trời TTC Bắc Bình - Bình Thuận | Tỉnh Bình Thuận | Sản xuất, truyền tải và phân phối điện | - | - | 51,00 | 51,00 |
| Công ty Cổ phần Năng lượng TTC Bắc Bình - Bình Thuận | Tỉnh Bình Thuận | Sản xuất, truyền tải và phân phối điện | - | - | 51,00 | 51,00 |
| Công ty Cổ phần TNHH Một Thành viên Điện Mặt trời Phong Điền | Tỉnh Thừa Thiên Huế | Sản xuất, truyền tải và phân phối điện | - | - | 100,00 | - |

Trong năm, theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 06/2019/NQ-HĐQT ngày 15 tháng 3 năm 2019, Tập đoàn cũng đã chấm dứt hoạt động những công ty con sau đây:

| | Nơi thành lập, đăng ký hoạt động | Lĩnh vực kinh doanh | Tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ % |
|--|----------------------------------|--|---------------------------------|
| Công ty Cổ phần Điện TTC Nhị Hà - Ninh Thuận | Tỉnh Ninh Thuận | Sản xuất, truyền tải và phân phối điện | 51 |
| Công ty Cổ phần Điện mặt trời TTC Nhị Hà - Ninh Thuận | Tỉnh Ninh Thuận | Sản xuất, truyền tải và phân phối điện | 51 |
| Công ty Cổ phần Năng lượng TTC Nhị Hà - Ninh Thuận | Tỉnh Ninh Thuận | Sản xuất, truyền tải và phân phối điện | 51 |
| Công ty Cổ phần Điện TTC Hàm Thuận Bắc - Bình Thuận | Tỉnh Bình Thuận | Sản xuất, truyền tải và phân phối điện | 51 |
| Công ty Cổ phần Điện mặt trời TTC Hàm Thuận Bắc - Bình Thuận | Tỉnh Bình Thuận | Sản xuất, truyền tải và phân phối điện | 51 |

Thông tin các giao dịch đầu tư vào công ty con trong năm như sau:

- Trong năm, Công ty tăng vốn góp tại Công ty Cổ phần Điện TTC Đức Huệ - Long An với giá trị đầu tư thêm là 82,62 tỷ đồng, tương đương 8.262.000 cổ phiếu. Ngoài ra, theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 08/2019/NQ-HĐQT ngày 17 tháng 4 năm 2019, Công ty đã nhận chuyển nhượng 15.856.000 cổ phiếu từ một Cổ đông khác với giá trị là 214,056 tỷ đồng. Theo đó, Công ty sở hữu 99,94% theo vốn thực góp của Công ty Cổ phần Điện TTC Đức Huệ - Long An.
- Trong năm, Công ty tăng vốn góp tại Công ty Cổ phần Điện Mặt trời TTC Đức Huệ - Long An với giá trị đầu tư tăng thêm là 162,69 tỷ đồng, tương đương 16.269.000 cổ phiếu. Theo đó, Công ty sở hữu 66,14% theo vốn thực góp của Công ty Cổ phần Điện Mặt trời TTC Đức Huệ - Long An.

- Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 03/2019/NQ-HĐQT ngày 20 tháng 2 năm 2019, Hội đồng Quản trị Công ty đã phê duyệt chủ trương đầu tư dự án điện mặt trời bằng hình thức mua bán và sáp nhập. Theo đó, Công ty đã nhận chuyển nhượng 22.144.425 cổ phần chưa góp vốn từ các Cổ đông sáng lập của Công ty Cổ phần Nhà máy Điện Mặt trời Trúc Sơn, chiếm 99,94% vốn điều lệ. Sau đó, Công ty tiếp tục tăng vốn góp với giá trị đầu tư thêm là 80,42 tỷ đồng, tương đương 8.042.000 cổ phiếu, và chiếm 99,96% vốn điều lệ trong công ty này.

- Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 25/2019/NQ-HĐQT ngày 18 tháng 11 năm 2019, Hội đồng Quản trị Công ty đã phê duyệt chủ trương đầu tư dự án điện gió bằng phương án chuyển nhượng mua lại cổ phần của các chủ sở hữu dự án. Theo đó, Công ty đã nhận chuyển nhượng 17.980.000 cổ phần từ các Cổ đông của Công ty Cổ phần Năng lượng VPL, chiếm 89,9% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Năng lượng VPL (Thuyết minh 3) theo các điều khoản của Hợp đồng mua bán cổ phần ngày 18 tháng 11 năm 2019.

Tại ngày cuối năm, Tập đoàn có 582 nhân viên (ngày đầu năm: 529 nhân viên).

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam ("VND" hay "Đồng"). Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tập đoàn được xác định dựa vào đơn vị tiền tệ chủ yếu sử dụng trong các giao dịch bán hàng, cung cấp dịch vụ, có ảnh hưởng lớn đến giá bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; đơn vị tiền tệ dùng để niêm yết giá bán và nhận thanh toán; đơn vị tiền tệ sử dụng chủ yếu trong việc mua hàng hóa, dịch vụ; có ảnh hưởng lớn đến chi phí nhân công, nguyên vật liệu và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác, và thông thường dùng để thanh toán cho các chi phí đó.

Ngoài ra, Tập đoàn còn sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán để huy động các nguồn lực tài chính (như phát hành cổ phiếu, trái phiếu) và thường xuyên thu được từ các hoạt động kinh doanh và tích trữ lại.

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Tỷ giá chuyển khoản này là tỷ giá mua và tỷ giá bán trung bình của ngân hàng thương mại. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp, nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tập đoàn có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Tập đoàn. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Phương pháp kế toán mua được Tập đoàn sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của Cổ đông không kiểm soát. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất. Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Tập đoàn áp dụng.

Báo cáo tài chính của các công ty trong Tập đoàn sử dụng để hợp nhất phải được lập cho cùng một kỳ kế toán. Nếu ngày kết thúc kỳ kế toán khác nhau, thời gian chênh lệch không vượt quá 3 tháng. Báo cáo tài chính sử dụng để hợp nhất phải được điều chỉnh cho ảnh hưởng của những giao dịch và sự kiện quan trọng xảy ra giữa ngày kết thúc kỳ kế toán của các công ty và ngày kết thúc kỳ kế toán của Tập đoàn. Độ dài của kỳ báo cáo và sự khác nhau về thời điểm lập báo cáo tài chính phải được thống nhất qua các kỳ.

Nghiệp vụ và lợi ích của Cổ đông không kiểm soát

Tập đoàn áp dụng chính sách cho các nghiệp vụ đối với Cổ đông không kiểm soát giống như nghiệp vụ với các bên không thuộc Tập đoàn

Lợi ích Cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của Cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối vốn chủ sở hữu. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong công ty con dẫn đến việc mất quyền kiểm soát đối với công ty con, thì chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Phần sở hữu còn lại trong công ty này sẽ được hạch toán như một khoản đầu tư tài chính thông thường hoặc kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ khi công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát công ty con.

2.6 Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tập đoàn trong tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con được coi là một loại tài sản và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó nhưng không quá 10 năm.

Khi bán khoản đầu tư vào công ty con, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa phân bổ hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Tập đoàn đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con định kỳ hàng năm. Lợi thế thương mại được ghi nhận theo giá vốn trừ hao mòn lũy kế trừ tổn thất lợi thế thương mại lũy kế. Nếu có bằng chứng cho thấy phần giá trị lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

2.7 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.8 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản nợ phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản nợ phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

2.9 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền, bao gồm tất cả các chi phí mua và các chi phí khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phải lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong năm.

2.10 Đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm kế toán.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.10 Đầu tư tài chính (tiếp theo)

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm kế toán.

(c) Dự phòng giảm giá đầu tư vào đơn vị khác

Dự phòng giảm giá đầu tư vào đơn vị khác được lập vào cuối năm kế toán khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư. Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy mà Tập đoàn nắm giữ lâu dài, dự phòng được lập khi giá gốc cao hơn giá trị thị trường. Đối với các khoản đầu tư khác, dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Tập đoàn nhận đầu tư bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ mà Ban Tổng Giám đốc đã dự đoán từ khi đầu tư. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

2.11 Cho vay

Cho vay là các khoản cho vay với mục đích thu lãi hàng kỳ theo kế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản còn chưa thu để ghi nhận dự phòng các khoản cho vay khó đòi vào cuối năm kế toán. Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ/năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Cho vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản cho vay tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

2.12 Tài sản cố định ("TSCĐ")

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao/hao mòn lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Khấu hao và hao mòn

TSCĐ được khấu hao/hao mòn theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

| | |
|---------------------------------|------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 5 - 48 năm |
| Máy móc và thiết bị | 5 - 20 năm |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 5 - 20 năm |
| Thiết bị quản lý | 3 - 10 năm |
| Phần mềm máy tính | 3 - 8 năm |
| Khác | 2 - 20 năm |

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 40 đến 50 năm phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc thời hạn hoạt động của dự án.

Quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không khấu hao.

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản để hình thành tài sản cố định, chi phí vay được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.13 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.14 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

2.15 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, cung cấp dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không liên quan đến giao dịch mua, hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn hoặc dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

2.16 Vay và chi phí đi vay

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng và các đối tượng khác.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay và nợ thuê tài chính tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng vốn cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn thì Tập đoàn xác định chi phí đi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đủ tiêu chuẩn đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.17 Chi phí phải trả

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa và dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo.

2.18 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải trả phải lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng phải trả đã lập chưa sử dụng ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

2.19 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật lao động Việt Nam, Người lao động của Tập đoàn đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian Người lao động đã làm việc thực tế cho Tập đoàn trừ đi thời gian Người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tập đoàn chi trả trợ cấp thôi việc.

Trợ cấp thôi việc của Người lao động được trích trước cuối mỗi kỳ báo cáo theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân theo hợp đồng lao động của sáu tháng gần nhất tính đến trước ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất này.

Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi Người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

2.20 Dự phòng cho các khoản chi phí khôi phục và hoàn trả mặt bằng

Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Tập đoàn lập dự phòng cho các khoản chi phí khôi phục phát sinh khi hoàn trả mặt bằng và đất thuê theo nguyên tắc được trình bày tại Thuyết minh 40 và các quy định hiện hành có liên quan. Cách xác định số dư của khoản dự phòng là bằng giá trị hiện tại của tổng ước tính chi phí cần thiết để hoàn tất nghĩa vụ thu dọn, khôi phục và hoàn trả mặt bằng vào cuối thời hạn thuê. Giá trị dự phòng tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay của kỳ báo cáo.

2.21 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước chủ yếu bao gồm Tập đoàn ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Tập đoàn sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

2.22 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các Cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; và chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

LNST chưa phân phối phần ảnh hưởng kết quả kinh doanh lũy kế sau thuế TNDN của Tập đoàn tại thời điểm báo cáo và sau khi đã trích các quỹ được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt tại thời điểm báo cáo.

2.23 Phân chia lợi nhuận

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

LNST TNDN có thể được chia cho các Cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn thực hiện phân phối lợi nhuận thuần như sau:

(a) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ LNST TNDN của Tập đoàn và được các Cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông.

(b) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ LNST TNDN của Tập đoàn và được các Cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

2.24 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tập đoàn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng sản phẩm hoặc hàng hóa.

(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(c) Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.24 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

(c) Doanh thu hợp đồng xây dựng (tiếp theo)

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận. Các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã thống nhất với khách hàng và được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này đã phát sinh.

(d) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng

2.25 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hợp đồng xây dựng được ghi nhận trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành của các dự án xây dựng và tỷ suất lãi gộp ước tính theo nguyên tắc thận trọng và phù hợp với doanh thu. Nếu tổng chi phí của hợp đồng vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng thì khoản lỗ ước tính được ghi nhận là chi phí.

Giá vốn bán hàng và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.26 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay, chi phí lãi trả chậm và lỗ tỷ giá hối đoái.

2.27 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ, chủ yếu là chi phí khác.

2.28 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Tập đoàn chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp và chi phí khác.

2.29 Thuế thu TNDN và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế TNDN, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế theo thuế suất thuế TNDN của năm hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế TNDN hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.30 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các Cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho các Cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho tổng của số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm trong năm.

2.31 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Giám đốc, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.32 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Tập đoàn một cách toàn diện.

2.33 Ước tính kế toán

Việc soạn lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến các số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.33 Ước tính kế toán (tiếp theo)

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- Thời gian hữu dụng ước tính của TSCĐ (các Thuyết minh 2.12 và 13);
- Các khoản dự phòng phải thu khó đòi (các Thuyết minh 6, 9(b) và 10);
- Các khoản dự phòng phải trả dài hạn (Thuyết minh 23); và
- Ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản chênh lệch tạm thời (Thuyết minh 24).

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

3 HỢP NHẤT KINH DOANH

a) Mua cổ phần của Công ty Cổ phần Nhà máy Điện Mặt trời Trúc Sơn

Như đã trình bày tại Thuyết minh 1, ngày 1 tháng 3 năm 2019, Công ty đã nhận chuyển nhượng 22.144.425 cổ phần chưa góp vốn từ các Cổ đông sáng lập của Công ty Cổ phần Nhà máy Điện Mặt trời Trúc Sơn, chiếm 99,94% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Nhà máy Điện Mặt trời Trúc Sơn với tổng giá mua là 221,4 tỷ đồng.

Việc hợp nhất kinh doanh này có ảnh hưởng đến tài sản của Tập đoàn tại ngày mua như sau:

| VND | |
|---------------------------------|--------------------------------------|
| | Giá trị hợp lý ghi nhận tại ngày mua |
| Tài sản | |
| Tiền | 213.399.371 |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 640.000.000 |
| Tài sản ngắn hạn khác | 116.042.545 |
| Tài sản dở dang dài hạn | 1.293.019.084 |
| | 2.262.461.000 |
| Nợ phải trả | |
| Nợ ngắn hạn | 2.126.711.000 |
| Tài sản thuần | 135.750.000 |
| Lợi ích Cổ đông không kiểm soát | (135.750.000) |
| Tổng giá phí | |
| Tiền | 221.444.250.000 |

b) Mua cổ phần của Công ty Cổ phần Năng lượng VPL

Như đã trình bày tại Thuyết minh 1, ngày 18 tháng 11 năm 2019, Công ty đã nhận chuyển nhượng 17.980.000 cổ phần từ các Cổ đông của Công ty Cổ phần Năng lượng VPL, chiếm 89,9% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Năng lượng VPL với tổng giá mua là 179,8 tỷ đồng.

Việc hợp nhất kinh doanh này có ảnh hưởng đến tài sản của Tập đoàn tại ngày mua như sau:

| VND | |
|-------------------------------------|---|
| | Giá trị hợp lý tạm tính ghi nhận tại ngày mua |
| Tài sản | |
| Tiền | 20.930.029 |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 198.231.373.600 |
| Tài sản ngắn hạn khác | 255.384.564 |
| Tài sản dở dang dài hạn | 2.691.665.636 |
| | 201.199.353.829 |
| Nợ phải trả | |
| Nợ ngắn hạn | 180.000.000 |
| Nợ dài hạn | 1.165.000.000 |
| | 1.345.000.000 |
| Tài sản thuần | 199.854.353.829 |
| Lợi thế thương mại (Thuyết minh 15) | 130.935.908 |
| Lợi ích Cổ đông không kiểm soát | (20.185.289.737) |
| Tổng giá phí | |
| Tiền | 61.977.360.000 |
| Nợ phải trả (Thuyết minh 20) (*) | 117.822.640.000 |
| | 179.800.000.000 |

(*) Tại ngày cuối năm, Tập đoàn đã chuyển trả một phần giá trị chuyển nhượng với số tiền là 61,997 tỷ đồng, phần giá trị chuyển nhượng còn lại sẽ được thanh toán theo các điều khoản của Hợp đồng mua bán cổ phần ngày 18 tháng 11 năm 2019 (Thuyết minh 20).

Tại ngày cuối năm, Tập đoàn đang trong quá trình xác định giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả hoặc nợ tiềm tàng có thể xác định được của Công ty Cổ phần Năng lượng VPL tại ngày mua và sử dụng giá trị hợp lý tạm tính để ghi nhận giao dịch hợp nhất kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

VND

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---------------------------------|------------------------|------------------------|
| Tiền mặt | 1.042.507.503 | 89.945.034 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 40.351.612.793 | 48.579.354.863 |
| Các khoản tương đương tiền (*) | 63.975.666.447 | 560.741.934.260 |
| | 105.369.786.743 | 609.411.234.157 |

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn ban đầu không quá 3 tháng.

5 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

VND

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------------------|----------------|-----------------|
| Tiền gửi có kỳ hạn (*) | 12.000.000.000 | 252.000.000.000 |

(*) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn ban đầu hơn 3 tháng và dưới 1 năm.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác khác

VND

| | Số cuối năm | | | Số đầu năm | | |
|---|---------------|----------------|----------|------------|----------------|----------|
| | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Dự phòng | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Dự phòng |
| Công ty Cổ phần Điện gió Tiền Giang (*) | 2.600.000.000 | (**) | - | - | - | - |

(*) Theo tờ trình số 13/2019/TT-TGD ngày 17 tháng 9 năm 2019, Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt chủ trương mua 1.830.000 cổ phiếu chào bán riêng lẻ, với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu, chiếm 9,15% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Điện gió Tiền Giang. Tại ngày cuối năm, Tập đoàn đã góp 2,6 tỷ đồng. Công ty Cổ phần Điện gió Tiền Giang có địa điểm hoạt động tại Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang. Hoạt động chính của công ty này là sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

(**) Tại ngày cuối năm, giá trị hợp lý các khoản đầu tư này chưa xác định được, do chưa có đủ thông tin cần thiết để đánh giá giá trị hợp lý.

6 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

VND

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-----------------------------------|------------------------|------------------------|
| Bên thứ ba (*) | 142.059.927.128 | 47.966.335.584 |
| Bên liên quan (Thuyết minh 37(b)) | 71.398.546.941 | 61.595.817.825 |
| | 213.458.474.069 | 109.562.153.409 |

(*) Chi tiết cho khách hàng chiếm từ 10% trở lên trong tổng phải thu khách hàng bên thứ ba như sau:

VND

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|----------------------|-----------------|----------------|
| Công ty Mua Bán Điện | 133.141.455.372 | 39.593.137.890 |

Tại ngày cuối năm và đầu năm, số dư các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng đã quá hạn thanh toán lần lượt là 742 triệu đồng và 375,7 triệu đồng như đã trình bày tại Thuyết minh 10.

7 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-----------------------------------|-----------------------|------------------------|
| Bên thứ ba (*) | 47.694.596.781 | 102.097.671.377 |
| Bên liên quan (Thuyết minh 37(b)) | 26.566.531.080 | 1.238.725.000 |
| | 74.261.127.861 | 103.336.396.377 |

(*) Chi tiết các khoản trả trước cho người bán chiếm từ 10% trở lên trong tổng trả trước cho người bán ngắn hạn bên thứ ba như sau:

VND

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|----------------|----------------|
| Công ty TNHH ABB | 35.228.977.255 | - |
| Sharp Solar Solution Asia Co., Ltd | - | 48.143.407.904 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng và Công nghiệp NSN | - | 18.684.421.015 |
| Công ty Cổ phần Hawee Xây dựng Công nghiệp | - | 17.939.725.941 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

8 PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

VND

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|-----------------------------------|-----------------|----------|------------|----------|
| | Giá trị | Dự Phòng | Giá trị | Dự Phòng |
| Bên liên quan (Thuyết minh 37(b)) | 157.900.000.000 | - | - | - |

Biến động các khoản cho vay ngắn hạn trong năm như sau:

VND

| | Tại ngày đầu năm | Chi cho vay | Thu hồi nợ vay | Tại ngày cuối năm |
|--|------------------|-----------------|------------------|-------------------|
| Bên liên quan (Thuyết minh 37(b)) | | | | |
| Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín | - | 170.000.000.000 | (59.000.000.000) | 111.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Trường Phú | - | 31.000.000.000 | (1.000.000.000) | 30.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Biên Hòa - Thành Long | - | 15.900.000.000 | (2.500.000.000) | 13.400.000.000 |
| Công ty Cổ phần Năng lượng sạch Ninh Thuận | - | 3.500.000.000 | - | 3.500.000.000 |
| Công ty Cổ phần Năng lượng TTC | - | 20.000.000.000 | (20.000.000.000) | - |
| | - | 240.400.000.000 | (82.500.000.000) | 157.900.000.000 |

Chi tiết số dư cuối năm của các khoản cho vay ngắn hạn như sau:

VND

| Bên đi vay | Số cuối năm | Thời hạn cho vay | Lãi suất (%/năm) | Hình thức đảm bảo |
|--|-----------------|----------------------|------------------|-------------------|
| Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín | 72.000.000.000 | Đến tháng 2 năm 2020 | 9,5 | Tín chấp |
| | 39.000.000.000 | Đến tháng 1 năm 2020 | 9,0 | Tín chấp |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Trường Phú | 20.000.000.000 | Đến tháng 1 năm 2020 | 13,0 | Tín chấp |
| | 10.000.000.000 | | 9,5 | Tín chấp |
| Công ty Cổ phần Biên Hòa - Thành Long | 7.000.000.000 | Đến tháng 1 năm 2020 | 10,5 | Tín chấp |
| | 3.500.000.000 | | 10,0 | Tín chấp |
| Công ty Cổ phần Năng lượng sạch Ninh Thuận | 2.900.000.000 | Đến tháng 1 năm 2020 | 10,0 | Tín chấp |
| | 3.500.000.000 | | 10,0 | Tín chấp |
| | 157.900.000.000 | | | |

9 PHẢI THU KHÁC

(a) Ngắn hạn

VND

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|-----------------|----------|----------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Phải thu về hợp đồng hợp tác đầu tư (*) | 198.000.000.000 | - | - | - |
| Tạm ứng cho nhân viên | 36.477.455.839 | - | 16.463.909.157 | - |
| Lãi dự thu | 6.657.720.508 | - | 5.981.957.931 | - |
| Ký quỹ, ký cược | 224.620.000 | - | 6.025.400.697 | - |
| Khác | 1.749.511.141 | - | 4.378.191.457 | - |
| | 243.109.307.488 | - | 32.849.459.242 | - |
| Trong đó | | | | |
| Bên thứ ba | 239.181.995.382 | - | 29.192.055.980 | - |
| Bên liên quan (Thuyết minh 37(b)) | 3.927.312.106 | - | 3.657.403.262 | - |
| | 243.109.307.488 | - | 32.849.459.242 | - |

(*) Phải thu về hợp đồng hợp tác đầu tư thể hiện khoản hợp tác đầu tư với các cá nhân theo Hợp đồng Hợp tác Đầu tư số 01/HĐHTĐT/VPL ngày 10 tháng 6 năm 2017 cho mục đích đầu tư chứng khoán và các tài sản tài chính trong thời hạn 3 năm kể từ ngày ký kết hợp đồng này. Theo đó, tại ngày lập của báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn đã ghi nhận khoản phải thu này như khoản phải thu ngắn hạn.

Tại ngày cuối năm và ngày đầu năm, Tập đoàn không có khoản phải thu ngắn hạn khác nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

(b) Dài hạn

VND

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|-----------------------------------|---------------|---------------|---------------|---------------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Ký quỹ, ký cược | 568.204.382 | - | 580.158.382 | - |
| Khác | 696.183.500 | (691.183.500) | 696.183.500 | (483.828.450) |
| | 1.264.387.882 | (691.183.500) | 1.276.341.882 | (483.828.450) |
| Trong đó | | | | |
| Bên thứ ba | 766.183.500 | (691.183.500) | 778.137.500 | (483.828.450) |
| Bên liên quan (Thuyết minh 37(b)) | 498.204.382 | - | 498.204.382 | - |
| | 1.264.387.882 | (691.183.500) | 1.276.341.882 | (483.828.450) |

Tại ngày cuối năm và đầu năm, số dư các khoản phải thu dài hạn khác đã quá hạn thanh toán là 691 triệu đồng như đã trình bày tại Thuyết minh 10.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

10 NỢ XẤU

VND

| | Số cuối năm | | | |
|---|----------------------|------------------------|------------------------|-------------------|
| | Giá trị gốc | Giá trị có thể thu hồi | Dự phòng | Thời gian quá hạn |
| Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán | | | | |
| Công ty Cổ phần Gia Lâm | 691.183.500 | - | (691.183.500) | Trên 3 năm |
| Công ty TNHH GKC | 280.028.312 | - | (280.028.312) | Trên 3 năm |
| Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên | 462.000.000 | 231.000.000 | (231.000.000) | Trên 1 năm |
| | 1.433.211.812 | 231.000.000 | (1.202.211.812) | |

VND

| | Số cuối năm | | | |
|--|----------------------|------------------------|----------------------|-------------------|
| | Giá trị gốc | Giá trị có thể thu hồi | Dự phòng | Thời gian quá hạn |
| Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán | | | | |
| Công ty Cổ phần Gia Lâm | 691.183.500 | 207.355.050 | (483.828.450) | Trên 3 năm |
| Công ty TNHH GKC | 280.028.312 | 140.014.156 | (140.014.156) | Trên 2 năm |
| Khác | 95.723.356 | - | (95.723.356) | Trên 3 năm |
| | 1.066.935.168 | 347.369.206 | (719.565.962) | |

11 HÀNG TỒN KHO

VND

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|----------------------|------------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Hàng hóa | 252.263.642.321 | - | - | - |
| Nguyên vật liệu | 35.837.959.166 | - | 8.039.479.372 | - |
| Chi phí SXKD dở dang | 14.972.093.074 | - | 14.329.156.851 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 10.976.809.111 | - | 2.353.322.046 | - |
| Thành phẩm | 215.569.542 | - | - | - |
| | 314.266.073.214 | - | 24.721.958.269 | - |

Tại ngày cuối năm và ngày đầu năm, một phần giá trị hàng tồn kho luân chuyển đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho khoản vay từ ngân hàng của Tập đoàn (Thuyết minh số 21).

12 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

(a) Ngắn hạn

VND

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|----------------------|----------------------|----------------------|
| Công cụ, dụng cụ | 1.453.412.250 | 1.353.395.357 |
| Chi phí mua bảo hiểm | 877.460.754 | 983.770.748 |
| Chi phí đi thuê | 11.950.000 | 574.486.828 |
| Khác | 1.673.501.928 | 898.954.219 |
| | 4.016.324.932 | 3.810.607.152 |

(b) Dài hạn

VND

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí mua bảo hiểm | 10.915.416.669 | - |
| Chi phí trả trước tiền thuê đất | 5.195.385.121 | 5.388.440.016 |
| Chi phí bảo trì nhà máy thủy điện | 4.456.593.537 | 5.649.525.788 |
| Công cụ, dụng cụ và thiết bị văn phòng | 2.971.795.387 | 2.658.646.726 |
| Lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa (*) | 1.421.985.772 | 3.554.964.436 |
| Khác | 10.316.053.445 | 5.051.065.301 |
| | 35.277.229.931 | 22.302.642.267 |

(*) Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ việc xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty Điện Gia Lai cho mục đích cổ phần hóa theo Biên bản thẩm định giá trị doanh nghiệp tại ngày 1 tháng 10 năm 2009. Lợi thế kinh doanh được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm kể từ ngày cổ phần hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

13 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

VND

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị quản lý | Khác | Tổng cộng |
|--|--------------------------|--------------------------|---------------------------------|-----------------------|------------------------|--------------------------|
| Nguyên giá | | | | | | |
| Tại ngày đầu năm | 992.611.192.899 | 2.109.043.842.187 | 148.109.491.605 | 36.414.150.464 | 207.941.999.088 | 3.494.120.676.243 |
| Mua trong năm | 266.022.995 | 3.694.698.091 | 4.595.423.695 | 4.259.937.666 | 6.796.415.273 | 19.612.497.720 |
| Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 14) | 495.679.670.151 | 1.819.347.022.975 | 156.439.763.869 | 70.188.032.585 | 91.991.740.212 | 2.633.646.229.792 |
| Phân loại lại do quyết toán dự án | 233.752.745.582 | (123.382.170.399) | 51.711.562.177 | (25.544.152.954) | (136.537.984.406) | - |
| Thanh lý, nhượng bán | - | - | (7.266.577.752) | - | - | (7.266.577.752) |
| Khác | - | (192.600.000) | - | - | - | (192.600.000) |
| Tại ngày cuối năm | 1.722.309.631.627 | 3.808.510.792.854 | 353.589.663.594 | 85.317.967.761 | 170.192.170.167 | 6.139.920.226.003 |
| Khấu hao lũy kế | | | | | | |
| Tại ngày đầu năm | 281.384.190.896 | 219.125.310.779 | 66.697.902.711 | 4.416.030.349 | 51.262.149.489 | 622.885.584.224 |
| Khấu hao trong năm | 56.184.147.623 | 95.397.269.071 | 13.924.972.758 | 5.119.571.401 | 111.629.836.972 | 282.255.797.825 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | - | (4.860.607.125) | - | - | (4.860.607.125) |
| Khác | - | (76.237.500) | - | - | - | (76.237.500) |
| Tại ngày cuối năm | 337.568.338.519 | 314.446.342.350 | 75.762.268.344 | 9.535.601.750 | 162.891.986.461 | 900.204.537.424 |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Tại ngày đầu năm | 711.227.002.003 | 1.889.918.531.408 | 81.411.588.894 | 31.998.120.115 | 156.679.849.599 | 2.871.235.092.019 |
| Tại ngày cuối năm | 1.384.741.293.108 | 3.494.064.450.504 | 277.827.395.250 | 75.782.366.011 | 7.300.183.706 | 5.239.715.688.579 |

Tại ngày cuối năm, TSCĐ hữu hình với tổng giá trị còn lại là 5.112,7 tỷ đồng (tại ngày đầu năm: 2.865,1 tỷ đồng) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng (Thuyết minh 21).

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày cuối năm là 52,3 tỷ đồng (tại ngày đầu năm: 50,9 tỷ đồng).

(b) Tài sản cố định vô hình

VND

| | Quyền sử dụng đất | Phần mềm máy tính | Khác | Tổng cộng |
|--|-----------------------|----------------------|-------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | | |
| Tại ngày đầu năm | 6.454.228.000 | 822.967.791 | 171.739.184 | 7.448.934.975 |
| Mua trong năm | - | 147.074.101 | - | 147.074.101 |
| Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 14) | 7.718.619.431 | 5.823.470.865 | - | 13.542.090.296 |
| Tại ngày cuối năm | 14.172.847.431 | 6.793.512.757 | 171.739.184 | 21.138.099.372 |
| Khấu hao lũy kế | | | | |
| Tại ngày đầu năm | 392.622.219 | 528.245.363 | 91.281.543 | 1.012.149.125 |
| Khấu hao trong năm | 753.695.500 | 115.400.980 | 29.028.865 | 898.125.345 |
| Tại ngày cuối năm | 1.146.317.719 | 643.646.343 | 120.310.408 | 1.910.274.470 |
| Giá trị còn lại | | | | |
| Tại ngày đầu năm | 6.061.605.781 | 294.722.428 | 80.457.641 | 6.436.785.850 |
| Tại ngày cuối năm | 13.026.529.712 | 6.149.866.414 | 51.428.776 | 19.227.824.902 |

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã hao mòn hết nhưng còn sử dụng tại ngày cuối năm là 329,4 triệu đồng (tại ngày đầu năm: 190 triệu đồng).

Tại ngày cuối năm, TSCĐ vô hình với tổng giá trị còn lại là 9,5 tỷ đồng (tại ngày đầu năm: 6,3 tỷ đồng) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng (Thuyết minh 21).

14 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi tiết xây dựng cơ bản dở dang theo từng dự án như sau:

VND

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------------------|------------------------|
| Dự án điện mặt trời Đức Huệ - Long An 2 (*) | 223.150.023.724 | 92.469.854 |
| Dự án điện mặt trời áp mái (**) | 26.630.357.352 | - |
| Dự án điện mặt trời Hàm Phú 1 (***) | 7.132.518.012 | 6.952.411.433 |
| Dự án điện gió VPL | 2.691.665.636 | - |
| Dự án Hiện đại hoá xưởng cơ khí Diên Phú | 64.143.216 | 1.154.994.931 |
| Dự án điện mặt trời Hàm Phú 2 | - | 147.982.696.483 |
| Dự án điện mặt trời Đức Huệ - Long An 1 | - | 49.861.097.907 |
| Dự án nâng cao hiệu suất phát điện nhà máy Thủy điện Đăkpihao2 | - | 4.741.650.479 |
| Dự án triển khai phần mềm ERP | - | 2.493.159.189 |
| Khác | 3.146.807.672 | 2.484.761.825 |
| | 262.815.515.612 | 215.763.242.101 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

14 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG (TIẾP THEO)

- (*) Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 05/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 4 tháng 1 năm 2019, Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Điện Mặt trời TTC Đức Huệ - Long An đã thông qua chủ trương đầu tư Dự án Điện mặt trời Đức Huệ - Long An 2 với tổng mức đầu tư ước tính trước thuế là 947 tỷ đồng.
- (**) Đây là các dự án điện mặt trời mái nhà theo hình thức hợp tác kinh doanh giữa Công ty Cổ phần Điện TTC Đức Huệ - Long An với các hộ dân. Theo đó, Công ty Cổ phần Điện TTC Đức Huệ - Long An sẽ góp chi phí xây dựng và thiết bị, hộ dân sẽ góp chi phí đất đai và chi phí khác. Cũng theo thỏa thuận, Công ty Cổ phần Điện TTC Đức Huệ - Long An sẽ đứng ra điều hành toàn bộ dự án. Lợi nhuận của dự án sẽ được phân chia cho các bên theo tỷ lệ góp vốn sau khi đã hoàn tất các nghĩa vụ thuế và nợ vay (nếu có).
- (***) Theo Nghị quyết số 06/2019/NQ-HĐQT ngày 15 tháng 3 năm 2019, Hội đồng Quản trị của Công ty quyết định điều chỉnh dự án điện mặt trời Hàm Phú 1 thành dự án trang trại Hàm Phú. Theo đó, Công ty thực hiện đầu tư trồng cây công nghiệp trên diện tích đất dành cho phát triển dự án điện mặt trời Hàm Phú 1 và trả lại diện tích đất rừng cho Nhà nước. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, dự án vẫn chưa được triển khai.

Tổng chi phí lãi vay đã được vốn hóa trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 5,9 tỷ đồng (tại ngày đầu năm: 11,4 tỷ đồng).

Biến động về chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

| VND | | |
|---|------------------------|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Số dư đầu năm | 215.763.242.101 | 215.763.242.101 |
| Tăng trong năm | 2.695.084.896.768 | 1.852.146.744.516 |
| Chuyển sang TSCĐ hữu hình (Thuyết minh 13(a)) | (2.633.646.229.792) | (1.851.464.674.490) |
| Chuyển sang chi phí trả trước | - | (376.558.176) |
| Chuyển sang TSCĐ vô hình (Thuyết minh 13(b)) | (13.542.090.296) | - |
| Khác | (844.303.169) | (305.511.850) |
| Số dư cuối năm | 262.815.515.612 | 215.763.242.101 |

15 LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

| VND | |
|--------------------------------|----------------------|
| | Lợi thế thương mại |
| Nguyên giá | |
| Tại ngày đầu năm | 18.002.047.989 |
| Tăng trong năm (Thuyết minh 3) | 130.935.908 |
| Tại ngày cuối năm | 18.132.983.897 |
| Khấu hao lũy kế | |
| Tại ngày đầu năm | 10.073.383.748 |
| Khấu hao trong năm | 1.931.134.107 |
| Tại ngày cuối năm | 12.004.517.855 |
| Giá trị còn lại | |
| Tại ngày đầu năm | 7.928.664.241 |
| Tại ngày cuối năm | 6.128.466.042 |

16 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|-----------------------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Bên thứ ba (*) | 71.329.794.053 | 71.329.794.053 | 353.553.085.999 | 353.553.085.999 |
| Bên liên quan (Thuyết minh 37(b)) | 9.384.155.418 | 9.384.155.418 | 14.660.668.993 | 14.660.668.993 |
| | 80.713.949.471 | 80.713.949.471 | 368.213.754.992 | 368.213.754.992 |

(*) Chi tiết nhà cung cấp có số dư chiếm từ 10% trở lên trong tổng phải trả người bán ngắn hạn bên thứ ba như sau:

| VND | | |
|---------------------------------------|----------------|------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Sharp Energy Solution Corporation | 12.754.000.000 | - |
| Công ty cổ phần Thiết bị Điện Cẩm Phả | 7.755.000.000 | - |

Tại ngày cuối năm và ngày đầu năm, Tập đoàn không có bất kỳ khoản phải trả người bán nào bị quá hạn.

17 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

| VND | | |
|-----------------------------------|-----------------------|----------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Bên thứ ba | 270.400.000 | 44.400.000 |
| Bên liên quan (Thuyết minh 37(b)) | 11.526.242.987 | 1.296.763.081 |
| | 11.796.642.987 | 1.341.163.081 |

18 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản phải nộp Nhà nước như sau:

| VND | | | | | | |
|-----------------------|-----------------------|------------------------|--------------------------|--------------------------|-------------------------|-----------------------|
| | Tại ngày đầu năm | Số phải nộp trong năm | Số đã thực nộp trong năm | Cần trừ trong năm | Phân loại lại trong năm | Tại ngày cuối năm |
| Thuế GTGT | 4.511.528.700 | 213.598.435.851 | (87.613.225.845) | (128.416.146.077) | - | 2.080.592.629 |
| Thuế TNDN | 5.762.185.318 | 13.252.126.944 | (12.973.903.877) | - | 520.840.661 | 6.561.249.046 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 1.679.937.388 | 10.199.977.628 | (9.398.614.319) | - | - | 2.481.300.697 |
| Thuế tài nguyên | 2.157.326.614 | 24.615.639.287 | (24.512.154.867) | - | - | 2.260.811.034 |
| Khác | 1.602.970.501 | 12.303.044.067 | (11.362.279.540) | - | 4.000.000 | 2.547.735.028 |
| | 15.713.948.521 | 273.969.223.777 | (145.860.178.448) | (128.416.146.077) | 524.840.661 | 15.931.688.434 |

19 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

| VND | | |
|----------------------------|-----------------------|----------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Lãi vay | 6.013.444.141 | 1.829.704.669 |
| Chi phí đã hình thành TSCĐ | 4.463.618.471 | 230.000.000 |
| Khác | 3.217.036.848 | 2.267.498.136 |
| | 13.694.099.460 | 4.327.202.805 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

20 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

VND

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-----------------------------------|------------------------|----------------------|
| Chuyển nhượng cổ phần (*) | 117.822.640.000 | - |
| Cổ tức phải trả | 3.811.393.013 | 3.526.499.229 |
| Phí dịch vụ môi trường rừng | 1.045.875.100 | 3.424.160.592 |
| Khác | 4.833.241.963 | 2.912.123.800 |
| | 127.513.150.076 | 9.862.783.621 |
| Trong đó | | |
| Bên thứ ba | 127.512.250.076 | 9.860.130.348 |
| Bên liên quan (Thuyết minh 37(b)) | 900.000 | 2.653.273 |
| | 127.513.150.076 | 9.862.783.621 |

(*) Như trình bày ở Thuyết minh 1, đây là giá trị chuyển nhượng cổ phần còn lại phải trả cho các Cổ đông sáng lập của Công ty VPL.

Tại ngày cuối năm và ngày đầu năm, Tập đoàn không có bất kỳ khoản phải trả ngắn hạn khác nào bị quá hạn.

21 VAY

(a) Ngắn hạn

VND

| | Tại ngày đầu năm | Tăng | Giảm | Phân loại lại | Tại ngày cuối năm |
|--|------------------------|------------------------|--------------------------|------------------------|------------------------|
| Vay ngân hàng (*) | 55.942.677.883 | 429.532.025.369 | (190.066.933.477) | - | 295.407.769.775 |
| Vay bên liên quan (Thuyết minh 37(b)) | - | 12.000.000.000 | (5.000.000.000) | - | 7.000.000.000 |
| Trái phiếu phát hành đáo hạn trong vòng một năm | 15.000.000.000 | - | (15.000.000.000) | 15.000.000.000 | 15.000.000.000 |
| Vay dài hạn ngân hàng đáo hạn trong vòng một năm (Thuyết minh 21(b)) | 35.316.000.000 | - | (34.573.000.000) | 235.351.000.000 | 236.094.000.000 |
| Vay dài hạn khác đáo hạn trong vòng một năm (Thuyết minh 21(b)) | 115.660.000 | - | - | 19.220.000 | 134.880.000 |
| Vay khác | - | 6.187.000.000 | (6.187.000.000) | - | - |
| | 106.374.337.883 | 447.719.025.369 | (250.826.933.477) | 250.370.220.000 | 553.636.649.775 |

(*) Chi tiết số dư cuối năm của các khoản vay ngân hàng ngắn hạn như sau:

VND

| | Số cuối năm | Mục đích vay | Kỳ hạn trả gốc | Lãi suất % | Tài sản thế chấp |
|---|------------------------|---|---|------------|---|
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ("Vietinbank") - Chi nhánh 1 - Hồ Chí Minh | 239.600.442.960 | Thanh toán mua pin mặt trời cho mục đích thương mại | 11 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên | (*) | Khoản phải thu hình thành từ hợp đồng mua bán với Công ty Cổ phần Nhà máy Điện Mặt trời Trúc Sơn, Công ty Cổ phần Điện TTC Đức Huệ - Long An, và Công ty Cổ phần Năng lượng TTC |
| Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam ("Agribank") - Chi nhánh Gia Lai | 50.800.000.000 | Bổ sung nhu cầu vốn lưu động | Thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa 8 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên | (**) | Nguồn thu bán điện của nhà máy Phong Điền |
| Vietinbank - Chi nhánh Gia Lai | 5.007.326.815 | Bổ sung nhu cầu vốn lưu động | 6 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên | (***) | Nợ phải thu và hàng tồn kho luân chuyển |
| | 295.407.769.775 | | | | |

(a) Ngắn hạn (tiếp theo)

(*) Lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh 1 tháng/ lần theo lãi suất thông báo của Vietinbank - Chi nhánh 1 - Hồ Chí Minh và không thấp hơn mức sàn lãi suất cho từng kỳ của ngân hàng. Tại ngày cuối năm, lãi suất cho vay là 8,5%/năm.

(**) Lãi suất cho vay trong hạn được xác định lãi suất cho vay có điều chỉnh được tính bằng mức phí điều hòa vốn thấp nhất của Agribank tại thời điểm điều chỉnh cộng 1,5% đối với chi nhánh thiếu vốn. Tại ngày cuối năm, lãi suất cho vay là 6%/năm.

(***) Lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh 1 tháng/lần theo lãi suất cơ sở do Vietinbank - Chi nhánh Gia Lai thông báo cộng biên lãi suất 3,5%/năm. Tại ngày cuối năm, lãi suất cho vay là 9,1%/năm (tại ngày đầu năm: 9,1%/năm).

(b) Dài hạn

VND

| | Tại ngày đầu năm | Tăng | Giảm | Phân loại lại | Tại ngày cuối năm |
|------------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Vay ngân hàng (*) | 1.138.703.119.819 | 2.237.458.121.804 | (282.729.094.630) | (235.351.000.000) | 2.858.081.146.993 |
| Phát hành trái phiếu (**) | 285.000.000.000 | 219.000.000.000 | - | (15.000.000.000) | 489.000.000.000 |
| Chi phí phát hành trái phiếu | (3.505.500.000) | (2.825.000.000) | 2.353.516.662 | - | (3.976.983.338) |
| Khác | 57.659.999 | - | - | (19.220.000) | 38.439.999 |
| | 1.420.255.279.818 | 2.453.633.121.804 | (280.375.577.968) | (250.370.220.000) | 3.343.142.603.654 |

(i) Lãi suất trong 12 tháng đầu tiên cố định 7,8%/năm. Trong các năm tiếp theo, lãi suất định kỳ điều chỉnh 3 tháng/lần theo lãi suất tiền gửi tiết kiệm bằng tiền Đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng của Vietcombank - Chi nhánh Gia Lai cộng biên lãi suất 2,6%/năm.

Tài sản thế chấp bao gồm nhà máy điện mặt trời Krông Pa, các nhà máy thủy điện bao gồm Ayun Thượng A1, Ayun Hạ, Đa Khai, Đak Pi Hao 2, Ia Puch 3, Đak Pi Hao 1 (Thuyết minh 13), 11.919.364 cổ phiếu đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai và bảo lãnh của Cổ đông.

(ii) Lãi suất cho vay trong hạn áp dụng cho mỗi kỳ trả nợ được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam có kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau (hoặc tương đương) của Vietcombank - Chi nhánh Gia Lai công bố trong từng thời kỳ cộng với mức biên là 2,6%/năm. Lãi suất cố định 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 7,8%/năm.

Tài sản thế chấp là tài sản và/hoặc quyền tài sản thuộc dự án Nhà máy điện mặt trời TTC-Hàm Phú 2; nhà máy thủy điện H'mun và nhà máy thủy điện H'Chan (Thuyết minh 13).

(iii) Lãi suất cho vay trong hạn áp dụng cho mỗi kỳ trả nợ được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam có kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Vietcombank - Chi nhánh Hồ Chí Minh, và được điều chỉnh 3 tháng/lần cộng với biên lãi suất 1,7%/năm cho năm đầu tiên và 3%/năm cho các năm tiếp theo.

Tài sản thế chấp là dự án Điện Đức Huệ 1 - Long An, Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng mua bán Điện giữa Công ty Cổ phần Điện TTC Đức Huệ - Long An và Tập đoàn Điện lực Việt Nam; các dự án thủy điện của Công ty bao gồm Ayun Thượng A1, Ayun Hạ, Đa Khai, Đak Pi Hao 2, Ia Puch 3 (Thuyết minh 13), quyền sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Điện TTC Đức Huệ - Long An và thư bảo lãnh của Công ty.

(iv) Lãi suất cho vay trong hạn áp dụng cho mỗi kỳ trả nợ được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm bằng đồng Việt Nam có kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Vietinbank - Chi nhánh 1 Hồ Chí Minh công bố trong từng thời kỳ cộng với biên độ lãi suất. Biên độ lãi suất tối thiểu từ 2,9% đến 4% tùy thuộc từng giai đoạn và lãi suất cho vay trong hạn tối thiểu là 9,7%.

Tài sản thế chấp là dự án Điện mặt trời Trúc Sơn (Thuyết minh 13), quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng mua bán Điện của Dự án; toàn bộ cổ phiếu/quyền đối với phần vốn góp của các Cổ đông của Công ty Cổ phần Nhà máy Điện Mặt trời Trúc Sơn - Công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

21 VAY (tiếp theo)

(b) Dài hạn (tiếp theo)

- (v) Lãi suất cho vay trong hạn áp dụng cho mỗi kỳ hạn trả nợ được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm bằng đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau toàn bộ của Agribank - Chi nhánh Gia Lai tại ngày đầu tiên của kỳ hạn trả nợ lãi cộng 2,7%/năm (riêng năm đầu tính từ ngày nhận nợ đầu tiên cộng 2,5%/năm).

Tài sản thế chấp bao gồm dự án điện mặt trời Phong Điền và các công trình phụ trợ (Thuyết minh 13).

(*) Chi tiết số dư cuối năm của các khoản vay ngân hàng dài hạn như sau:

| VND | | | | |
|--|--------------------------|--|-----------------------|------------------------------|
| | Số cuối năm | Mục đích vay | Kỳ hạn trả gốc | Lãi suất và tài sản thế chấp |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank") - Chi nhánh Gia Lai | 785.800.000.000 | Đầu tư vào dự án nhà máy điện mặt trời Kông Pa | Đến tháng 11 năm 2030 | (i) |
| Vietcombank - Chi nhánh Gia Lai | 708.834.226.542 | Đầu tư vào dự án nhà máy điện mặt trời Hàm Phú 2 | Đến tháng 1 năm 2030 | (ii) |
| Vietcombank - Chi nhánh Hồ Chí Minh | 600.750.000.000 | Đầu tư vào dự án nhà máy điện mặt trời TTC - Đức Huệ 1 | Đến tháng 3 năm 2031 | (iii) |
| Vietinbank - Chi nhánh 1 Hồ Chí Minh | 468.361.320.179 | Đầu tư vào dự án nhà máy điện mặt trời Trúc Sơn | Đến tháng 6 năm 2029 | (iv) |
| Agribank - Chi nhánh Gia Lai | 462.000.000.000 | Đầu tư vào dự án nhà máy điện mặt trời Phong Điền | Đến tháng 9 năm 2029 | (v) |
| Vietinbank - Chi nhánh 1 Hồ Chí Minh | 56.302.115.182 | Đầu tư vào dự án nhà máy thủy điện của Thượng Lộ | Đến tháng 1 năm 2026 | (vi) |
| Vietcombank - Chi nhánh Gia Lai | 4.320.485.090 | Đầu tư mua sắm, sửa chữa lớn Nhà máy H'Chan và H'Mun | Đến tháng 5 năm 2021 | (vii) |
| Vietinbank - Chi nhánh Gia Lai | 3.544.000.000 | Dự án Hiện đại hoá xưởng cơ khí Diên Phú | Đến tháng 7 năm 2022 | (viii) |
| Vietinbank - Chi nhánh Quận 1 Hồ Chí Minh | 4.263.000.000 | Đầu tư vào dự án nhà máy thủy điện Kênh Bắc - Ayun Hạ | Đến tháng 6 năm 2022 | (ix) |
| | 3.094.175.146.993 | | | |
| Đáo hạn trong vòng 1 năm | (236.094.000.000) | | | |
| | 2.858.081.146.993 | | | |

- (vi) Lãi suất cho vay được quy định trên từng giấy nhận nợ, được xác định và điều chỉnh 3 tháng/lần theo lãi suất huy động tiết kiệm bằng tiền Việt Nam đồng kỳ hạn 12 tháng của Vietcombank - Chi nhánh 1 TPHCM cộng chi phí huy động vốn tăng thêm và biên độ lãi suất 3%/năm. Tại ngày cuối năm, lãi suất là 10,3%/năm (tại ngày đầu năm: 9,8%/năm).

Tài sản thế chấp là nhà máy thủy điện Thượng Lộ (Thuyết minh 13).

- (vii) Lãi suất cho vay trong hạn áp dụng cho mỗi kỳ trả nợ được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm bằng đồng Việt Nam có kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Vietcombank - Chi nhánh Gia Lai công bố trong từng thời kỳ cộng với mức biên là 2,6%/năm.

Tài sản thế chấp là 2 nhà máy thủy điện H'mun và H'Chan (Thuyết minh 13).

- (viii) Lãi suất được cố định trong vòng 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất định kỳ điều chỉnh 12 tháng/lần theo lãi suất huy động 12 tháng trả lãi sau bằng tiền Việt Nam đồng của VietinBank - Chi nhánh Gia Lai cộng chi phí huy động vốn tăng thêm và biên độ lãi suất 2,5%/năm.

Tài sản thế chấp là tài sản hình thành trong tương lai và quyền sử dụng đất (Thuyết minh 13, 14).

- (ix) Lãi suất định kỳ điều chỉnh 1 tháng/lần theo lãi suất huy động 12 tháng trả lãi sau bằng tiền Việt Nam đồng của ngân hàng Vietinbank cộng biên độ lãi suất. Trường hợp lãi suất cho vay xác định quy định nêu trên thấp hơn mức sàn lãi suất cho vay kỳ hạn tương ứng của Vietinbank thì lãi suất cho vay được xác định bằng mức sàn lãi suất cho vay kỳ hạn tương ứng do Vietinbank thông báo tại ngày xác định lãi suất.

Tài sản thế chấp là nhà máy thủy điện Kênh Bắc - Ayun Hạ (Thuyết minh 13).

- (**) Trái phiếu phát hành

Chi tiết số dư cuối năm của trái phiếu phát hành như sau:

| VND | |
|---|------------------------|
| | Số cuối năm |
| Trái phiếu không chuyển đổi, bảo đảm bằng tài sản thanh toán và được phát hành dưới hình thức bút toán ghi sổ (a) | 270.000.000.000 |
| Trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi, không bảo đảm và không kèm theo chứng quyền (b) | 219.000.000.000 |
| | 489.000.000.000 |

- (a) Thực hiện theo Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐQT ngày 5 tháng 2 năm 2018 và Nghị quyết số 18/2018/NQ-HĐQT ngày 8 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Quản trị Công ty về việc phát hành trái phiếu trên thị trường sơ cấp. Công ty đã chỉ định Công ty TNHH Chứng khoán Vietcombank - Chi nhánh Gia Lai làm đại lý phát hành, đại lý đăng ký và đại lý quản lý chuyển nhượng liên quan đến phát hành trái phiếu với hạn mức 900 tỷ đồng được chia làm ba giai đoạn để đầu tư vào các dự án của Công ty.

Tại ngày cuối năm, số dư thể hiện số dư nợ còn lại từ lần phát hành đợt 1 năm 2018 với 300 trái phiếu, mệnh giá 1 tỷ đồng/trái phiếu, kỳ hạn là 10 năm. Lãi suất áp dụng cho 2 kỳ tính lãi đầu tiên là 7,8%/năm, các kỳ tính lãi tiếp theo là lãi suất tham chiếu cộng biên độ lãi suất 2,6%/năm. Mục đích là để đầu tư vào 2 dự án nhà máy năng lượng mặt trời Phong Điền và Kông Pa.

Tài sản thế chấp cho khoản phát hành trái phiếu này bao gồm dự án điện mặt trời Kông Pa, các dự án thủy điện của Tập đoàn bao gồm Ayun Thượng A1, Ayun Hạ, Đa Khai, Đak Pi Hao 2, la Puch 3, Đak Pi Hao 1 (Thuyết minh 13), 11.919.364 cổ phiếu đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai và bảo lãnh của Cổ đông.

- (b) Thực hiện theo Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐQT ngày 25 tháng 4 năm 2019 của Hội đồng Quản trị Công ty về việc phát hành trái phiếu nhằm đáp ứng nhu cầu vốn hoạt động và đảm bảo khả năng tín dụng của Tập đoàn trong giai đoạn đầu tư. Tập đoàn đã chỉ định Công ty TNHH Chứng khoán SSI làm đại lý đăng ký, đại lý lưu ký, đại lý thanh toán và đại lý quản lý chuyển nhượng liên quan đến phát hành trái phiếu với hạn mức 300 tỷ đồng, tương đương 3.000 trái phiếu, mệnh giá 100 triệu đồng/trái phiếu, lãi suất trái phiếu và chi phí phát hành tối đa 14%/năm, kỳ hạn từ 2 - 3 năm và có thể trả trước hạn cho trái chủ khi Tập đoàn có đủ nguồn lực.

Trong năm, Tập đoàn đã phát hành 2.190 trái phiếu, mệnh giá 100 triệu đồng/trái phiếu, lãi suất 11,5%/năm - 12%/năm và kỳ hạn 2 năm kể từ ngày phát hành và có thể trả trước hạn cho trái chủ khi Tập đoàn có đủ nguồn lực.

Tại ngày cuối năm và ngày đầu năm, Tập đoàn không có khoản vay ngắn hạn và dài hạn nào bị quá hạn thanh toán.

22 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Biến động về quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

| VND | | |
|---------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Số dư đầu năm | 20.790.093.500 | 17.259.147.276 |
| Tăng trong năm (Thuyết minh 26) | 24.613.836.804 | 15.500.745.606 |
| Sử dụng trong năm | (13.837.608.495) | (11.969.799.382) |
| Số dư cuối năm | 31.566.321.809 | 20.790.093.500 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

23 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn bao gồm dự phòng trợ cấp thôi việc của Người lao động.

24 THUẾ TNDN HOÀN LẠI

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế TNDN hiện hành với thuế TNDN hiện hành phải trả và khi thuế TNDN hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế. Số liệu về bù trừ như sau:

VND

| | Năm nay | Năm trước |
|--|----------------------|----------------------|
| Tài sản thuế TNDN hoãn lại được thu hồi sau 12 tháng | 7.461.665.654 | 6.728.026.301 |
| Thuế TNDN hoãn lại phải trả trong vòng 12 tháng | (972.896.646) | (493.557.292) |
| | 6.488.769.008 | 6.234.469.009 |

Biến động về thuế TNDN hoãn lại được bù trừ các số dư liên quan đến cùng một cơ quan thuế trong năm như sau:

VND

| | Năm nay | Năm trước |
|---|----------------------|----------------------|
| Số dư đầu năm | 6.234.469.009 | 5.267.241.281 |
| Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm (Thuyết minh 34) | 254.299.999 | 967.227.728 |
| Số dư cuối năm | 6.488.769.008 | 6.234.469.009 |

Chi tiết tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả:

VND

| | Năm nay | Năm trước |
|-------------------------------------|---------------|---------------|
| Chênh lệch lợi nhuận chưa thực hiện | 6.488.769.008 | 6.234.469.009 |

Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và 31 tháng 12 năm 2018 là 20%.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận dựa trên khả năng thu được thu nhập chịu thuế trong tương lai để căn trừ các khoản chênh lệch tạm thời đã phát sinh này.

25 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-------------|-------------|
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký, đã phát hành và đang lưu hành | 203.891.677 | 194.182.550 |

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|--------------------------|--------------|--------------------------|--------------|
| | Cổ phiếu phổ thông | % | Cổ phiếu phổ thông | % |
| Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Bến Tre | 392.805.800.000 | 19,3 | 444.005.800.000 | 22,9 |
| AVH Pte. Ltd. | 390.571.740.000 | 19,2 | 390.571.740.000 | 20,1 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công | 369.472.960.000 | 18,1 | 447.142.960.000 | 23,0 |
| International Finance Corporation | 285.145.820.000 | 14,0 | 285.145.820.000 | 14,7 |
| Công ty TNHH Một Thành viên Đường TTC Biên Hòa - Đồng Nai | 89.070.000.000 | 4,4 | - | - |
| Bà Đặng Huỳnh Úc My | 72.599.960.000 | 3,6 | 98.599.960.000 | 5,1 |
| Công ty TNHH Một Thành viên Thành Thành Công Gia Lai | 50.000.000.000 | 2,5 | - | - |
| Khác | 389.250.490.000 | 18,9 | 276.359.220.000 | 14,2 |
| | 2.038.916.770.000 | 100,0 | 1.941.825.500.000 | 100,0 |

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

VND

| | Số cổ phiếu | Cổ phiếu phổ thông |
|---|--------------------|--------------------------|
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 | 97.091.275 | 970.912.750.000 |
| Cổ phiếu mới phát hành | 97.091.275 | 970.912.750.000 |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 | 194.182.550 | 1.941.825.500.000 |
| Cổ phiếu mới phát hành (Thuyết minh 26) (*) | 9.709.127 | 97.091.270.000 |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 | 203.891.677 | 2.038.916.770.000 |

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng trên một cổ phiếu.

Công ty không có cổ phiếu ưu đãi.

(*) Theo chương trình lựa chọn cho Người lao động trong Công ty được phê duyệt bởi các Cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2019, Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 11/2019/NQ-HĐQT ngày 15 tháng 5 năm 2019 và Nghị quyết số 14/2019/NQ-HĐQT ngày 18 tháng 6 năm 2019, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 9.709.127 cổ phần tương đương 5% số lượng cổ phiếu đang lưu hành cho Người lao động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

26 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

VND

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Quỹ đầu tư và phát triển | LNST chưa phân phối | Lợi ích Cổ đông không kiểm soát | Tổng cộng |
|--|--------------------------|-----------------------|--------------------------|------------------------|---------------------------------|--------------------------|
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 | 970.912.750.000 | 28.940.687.153 | 56.347.900.991 | 120.011.502.443 | 141.804.106.178 | 1.318.016.946.765 |
| Phát hành cổ phiếu | 970.912.750.000 | 23.048.000 | - | - | - | 970.935.798.000 |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | - | 144.693.225.170 | 42.573.505.503 | 187.266.730.673 |
| Trích quỹ đầu tư phát triển | - | - | 7.752.056.298 | (7.752.056.298) | - | - |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - | - | (13.371.829.266) | (2.128.916.340) | (15.500.745.606) |
| Thay đổi tỉ lệ sở hữu trong công ty con | - | - | - | (100.494) | 100.494 | - |
| Chia cổ tức | - | - | - | (97.091.275.000) | (34.572.144.000) | (131.663.419.000) |
| Góp vốn từ Cổ đông không kiểm soát | - | - | - | - | 78.880.000.000 | 78.880.000.000 |
| Điều chỉnh khác | - | - | (3.131.848.242) | (1.404.942.096) | 4.536.790.338 | - |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 | 1.941.825.500.000 | 28.963.735.153 | 60.968.109.047 | 145.084.524.459 | 231.093.442.173 | 2.407.935.310.832 |
| Phát hành cổ phiếu (Thuyết minh 25(c)) | 97.091.270.000 | 9.709.127.000 | - | - | - | 106.800.397.000 |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | - | 250.999.983.798 | 44.564.052.514 | 295.564.036.312 |
| Trích quỹ đầu tư phát triển | - | - | 17.844.760.004 | (17.844.760.004) | (5.048.288.915) | (5.048.288.915) |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 22) | - | - | - | (22.148.752.669) | (2.465.084.135) | (24.613.836.804) |
| Thay đổi tỉ lệ sở hữu trong công ty con | - | - | - | (55.412.725.957) | (79.263.274.042) | (134.675.999.999) |
| Tăng do hợp nhất kinh doanh | - | - | - | - | 20.321.039.737 | 20.321.039.737 |
| Chia cổ tức | - | - | - | (135.927.785.000) | (34.806.544.000) | (170.734.329.000) |
| Góp vốn từ Cổ đông không kiểm soát | - | - | - | - | 84.080.000.000 | 84.080.000.000 |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 | 2.038.916.770.000 | 38.672.862.153 | 78.812.869.051 | 164.750.484.627 | 258.475.343.332 | 2.579.628.329.163 |

27 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

VND

| | Năm nay | Năm trước |
|--|------------------------|------------------------|
| Lợi nhuận thuần phân bổ cho các Cổ đông (VND) | 250.999.983.798 | 144.693.225.170 |
| Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*) | (22.148.752.669) | (13.371.829.266) |
| | 228.851.231.129 | 131.321.395.904 |
| Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu) | 199.646.301 | 121.792.405 |
| Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND) | 1.146 | 1.078 |

(*) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến năm nay dựa vào kế hoạch phân phối lợi nhuận của Công ty.

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Công ty không có cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu.

28 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

(a) Ngoại tệ các loại

Khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số tiền tệ khác Đô la Mỹ là 15.304,8 Đô la Mỹ (tại ngày đầu năm: 25.836,3 Đô la Mỹ).

(b) Tài sản thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang là 37,4 tỷ đồng và 44,9 tỷ đồng tương ứng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018 (Thuyết minh 39(a)).

29 DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

VND

| | Năm nay | Năm trước |
|---------------------------------|--------------------------|------------------------|
| Doanh thu bán điện | 1.056.885.008.939 | 483.456.423.005 |
| Doanh thu bán hàng hóa | 47.679.229.030 | - |
| Doanh thu hợp đồng xây dựng (*) | 29.084.183.358 | 56.675.427.818 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 25.725.857.625 | 19.356.624.052 |
| | 1.159.374.278.952 | 559.488.474.875 |

(*) Doanh thu lũy kế hợp đồng xây dựng

VND

| | Năm nay | Năm trước |
|---|-----------------|-----------------|
| Doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng chưa hoàn thành được ghi nhận đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này | 174.923.408.760 | 142.197.472.034 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

30 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

VND

| | Năm nay | Năm trước |
|--------------------------|------------------------|------------------------|
| Giá vốn bán điện | 420.383.714.918 | 194.918.521.584 |
| Giá vốn hàng hóa | 46.790.746.707 | - |
| Giá vốn hợp đồng xây lắp | 25.346.556.175 | 51.088.851.732 |
| Giá vốn dịch vụ cung cấp | 17.190.029.262 | 7.480.588.340 |
| | 509.711.047.062 | 253.487.961.656 |

31 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

VND

| | Năm nay | Năm trước |
|-----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Lãi tiền gửi và cho vay | 23.330.069.724 | 15.949.363.169 |
| Lãi từ tạm ứng nhà cung cấp | - | 3.131.833.332 |
| Khác | 911.063.347 | 373.558.154 |
| | 24.241.133.071 | 19.454.754.655 |

32 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VND

| | Năm nay | Năm trước |
|---------|------------------------|-----------------------|
| Lãi vay | 244.931.515.892 | 40.157.402.594 |
| Khác | 12.887.334.531 | 980.500.640 |
| | 257.818.850.423 | 41.137.903.234 |

33 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VND

| | Năm nay | Năm trước |
|-----------------------|------------------------|-----------------------|
| Chi phí lương | 58.593.073.135 | 33.682.530.451 |
| Dịch vụ mua ngoài | 4.644.373.507 | 6.969.120.707 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 3.837.706.809 | 3.526.114.038 |
| Công cụ, dụng cụ | 2.835.362.075 | 2.139.098.670 |
| Khác | 41.260.149.064 | 30.319.250.037 |
| | 111.170.664.590 | 76.636.113.903 |

34 THUẾ TNDN

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Tập đoàn là 20% thu nhập chịu thuế. Riêng đối với các dự án đầu tư thủy điện và điện mặt trời sẽ áp dụng mức thuế suất và mức ưu đãi thuế theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư theo từng dự án và các quy định về ưu đãi thuế TNDN theo Điều 23, Thông tư số 78/2014/TT-BTC ("Thông tư 78") - Hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành luật TNDN, cụ thể như sau:

Dự án thuộc Công ty Cổ phần Điện Gia Lai

- Đối với Nhà máy thủy điện Đa Khai: Tập đoàn được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10%, được miễn bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2011 đến năm 2014) và giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2015 đến năm 2023).
- Đối với Nhà máy thủy điện Đăk Pi Hao 1: Tập đoàn được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10%, được miễn bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2014 đến năm 2017) và giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2018 đến năm 2026).
- Đối với Nhà máy thủy điện Ayun Thượng 1A: Tập đoàn được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10%, được miễn bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2011 đến năm 2014) và giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2015 đến năm 2023).
- Đối với Nhà máy thủy điện Đăk Pi Hao 2: Tập đoàn được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hiện hành, được miễn bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2008 đến năm 2011) và giảm 50% trong bảy (7) năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2012 đến năm 2018). Thời gian ưu đãi được kéo dài thêm 2 năm (từ năm 2019 đến năm 2020) theo hướng dẫn về việc chuyển đổi ưu đãi tại khoản 2, điều 23, Thông tư 78.
- Đối với Nhà máy thủy điện Ia Puch 3: Tập đoàn được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hiện hành, được miễn bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2009 đến năm 2012) và giảm 50% trong bảy (7) năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2013 đến năm 2019). Thời gian ưu đãi được kéo dài thêm 2 năm (từ năm 2020 đến năm 2021) theo hướng dẫn về việc chuyển đổi ưu đãi tại khoản 2, điều 23, Thông tư 78.
- Đối với Nhà máy điện mặt trời Phong Điền: Tập đoàn được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hiện hành, được miễn bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế. Công ty đăng ký miễn thuế từ năm 2019 đến năm 2022 và giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2023 đến năm 2031).
- Đối với Nhà máy điện mặt trời Krông Pa: Tập đoàn được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hiện hành, được miễn bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế. Công ty đăng ký miễn thuế từ năm 2019 đến năm 2022 và giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2023 đến năm 2031).
- Đối với các Nhà máy thủy điện Ayun Hạ, Ia Đrăng 1, Ia Đrăng 2 - hạng mục công trình đường dây 35KV xuất tuyến 371/F7 Chư Prông - Trà Bá, Ia Đrăng 3 và Ia Meur: Tập đoàn áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hiện hành sau khi hết thời gian ưu đãi thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

34 THUẾ TNDN (tiếp theo)

Dự án thuộc Công ty Cổ phần Điện Gia Lai (tiếp theo)

- Đối với dự án thủy điện H'Chan, Tập đoàn được áp dụng thuế suất 10% trong vòng 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh (từ năm 2006), thuế TNDN được miễn trong 4 năm (từ năm 2006 đến năm 2009) và được giảm 50% trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2010 đến năm 2018) kể từ khi có thu nhập chịu thuế do dự án đầu tư mang lại.
- Đối với dự án thủy điện H'Mun, Tập đoàn được giảm 50% thuế TNDN cho 9 năm (từ năm 2015 đến năm 2023).
- Đối với dự án điện mặt trời TTC - Hàm Phú 2, Tập đoàn được áp dụng mức thuế suất 10%, được miễn bốn (4) năm tính từ khi có thu nhập do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2019 đến năm 2022) và được giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo (từ năm 2023 đến năm 2031).

Dự án thuộc Công ty Cổ phần Thủy điện Kênh Bắc - Ayun Hạ

- Đối với dự án nhà máy thủy điện Kênh Bắc - Ayun Hạ, Tập đoàn được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong mười lăm (15) năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động, được miễn bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2012 đến năm 2015) và giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2016 đến năm 2024).

Dự án thuộc Công ty TNHH Một thành viên Thủy điện Thượng Lộ

- Đối với dự án nhà máy thủy điện Thượng Lộ, Tập đoàn được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong mười lăm (15) năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động, được miễn bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2016 đến năm 2019) và giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2020 đến năm 2028).

Dự án thuộc Công ty Cổ phần Điện TTC Đức Huệ - Long An

- Đối với dự án nhà máy điện TTC Đức Huệ 1 - Long An, Tập đoàn được áp dụng mức thuế suất 10% trong mười lăm (15) năm kể từ khi doanh nghiệp hoạt động (năm 2019) và áp dụng mức thuế suất 17% cho các năm tiếp theo, được miễn bốn (4) năm tính từ khi có thu nhập do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2019 đến năm 2022) và được giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo (từ năm 2023 đến năm 2031).

Dự án thuộc Công ty Cổ phần Nhà máy Điện Mặt trời Trúc Sơn

- Đối với dự án nhà máy điện mặt trời Trúc Sơn, Tập đoàn được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong mười lăm (15) năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động (năm 2019), được miễn bốn (4) năm tính từ khi có thu nhập chịu thuế do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2019 đến năm 2022) và được giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo (từ năm 2023 đến năm 2031).

Số thuế TNDN trên lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

| | VND | |
|---|------------------------|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 303.947.764.926 | 206.938.771.984 |
| Điều chỉnh: | | |
| Chi phí không được khấu trừ | 26.144.989.041 | 20.241.565.897 |
| Thay đổi lợi nhuận chưa thực hiện | (1.271.499.995) | (7.830.563.390) |
| Lỗi tính thuế mà không ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại | 562.975.806 | - |
| Chênh lệch tạm thời mà không được ghi nhận thuế TNDN hoãn lại | 371.014.156 | - |
| Lỗi tính thuế đã được sử dụng | (15.323.216) | - |
| Thu nhập chịu thuế ước tính | 329.739.920.718 | 219.349.774.491 |
| Thuế tính ở thuế suất 20% | 11.220.661.767 | 22.976.435.850 |
| Thuế tính ở thuế suất 10% | 27.521.998.490 | 10.446.759.524 |
| Thuế được miễn hoặc giảm | (25.317.768.250) | (13.911.278.688) |
| Bổ sung chi phí thuế TNDN năm trước | 7.125.522 | 160.124.625 |
| Chi phí thuế TNDN (*) | 13.432.017.529 | 19.672.041.311 |
| Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất: | | |
| Thuế TNDN - hiện hành | 13.686.317.528 | 20.639.269.039 |
| Thu nhập thuế TNDN - hoãn lại (Thuyết minh 24) (**) | (254.299.999) | (967.227.728) |
| | 13.432.017.529 | 19.672.041.311 |

(*) Chi phí thuế TNDN cho kỳ kế toán tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

(**) Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm chủ yếu là các khoản chênh lệch tạm thời khi tính thuế TNDN hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

35 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm, nhưng không bao gồm giá mua hàng hóa liên quan tới hoạt động thương mại của Công ty. Chi tiết được trình bày như sau:

| | VND | |
|-------------------------------|------------------------|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 283.084.648.927 | 77.826.358.606 |
| Chi phí nhân viên | 114.511.420.335 | 95.023.979.091 |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 64.369.255.024 | 58.129.344.917 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 51.659.648.452 | 26.212.093.402 |
| Khác | 69.128.857.111 | 54.659.948.088 |
| | 582.753.829.849 | 311.851.724.104 |

36 THUYẾT MINH CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT ("BCLCTT")

(a) Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến BCLCTT

| | VND | |
|-------------------------------------|-----------------|-----------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Mua tài sản cố định chưa thanh toán | 343.928.965.786 | 342.494.918.098 |

(b) Số tiền đi vay thực thu trong năm

| | VND | |
|------------------------------|-------------------|-------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Vay theo kế ước thông thường | 2.685.177.147.173 | 1.189.207.904.794 |
| Phát hành trái phiếu thường | 219.000.000.000 | 300.000.000.000 |

(c) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

| | VND | |
|--|-----------------|-----------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường | 518.556.028.107 | 197.374.556.274 |
| Tiền trả nợ gốc trái phiếu thường | 15.000.000.000 | - |

37 THUYẾT MINH CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Tập đoàn có các giao dịch và số dư với các bên liên quan sau:

Cổ đông

Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công
 Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Bến Tre
 Công ty TNHH Một Thành viên Thành Thành Công Gia Lai

Bên liên quan khác

Tổng Công ty Điện lực Miền Trung
 Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín
 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Tâm Bình An
 Công ty Cổ phần Lộc Thổ
 Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công
 Công ty Cổ phần Năng lượng TTC
 Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh
 Công ty TNHH Mía đường TTC Attapeu
 Công ty TNHH Một Thành viên Mía đường TTC Attapeu
 Công ty Cổ phần Thủy điện Trường Phú
 Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công - Chi nhánh Bến Tre - Trung tâm lễ hành
 Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa - Ninh Hòa
 Công ty Cổ phần Điện Gió Mê Kông
 Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình
 Công ty Cổ phần In Thanh Niên
 Công ty Cổ phần Thành Thành Nam
 Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa - Phan Rang
 Công ty Cổ phần Đường Nước Trong
 Công ty TNHH Một Thành viên Đường TTC Biên Hòa - Đồng Nai
 Công ty TNHH Một Thành viên Khai thác Công trình Thủy lợi Gia Lai
 Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Xanh TTC
 Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi - TTC Hotel Premium - Phan Thiết
 Công ty TNHH Nhiệt điện Ninh Hòa
 Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi - TTC Palace Bình Thuận
 Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi
 Công ty Cổ phần Thành Thành Công Biên Hòa
 Công ty Cổ phần Năng lượng Sạch Ninh Thuận
 Công ty Cổ phần Chè Ngọc Bảo
 Công ty Cổ phần Biên Hòa - Thành Long
 Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Biên Hòa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, các giao dịch trọng yếu sau đây được thực hiện với các bên liên quan như sau:

| VND | | | |
|--|--|-----------------|-----------------|
| Bên liên quan | Nội dung nghiệp vụ | Năm nay | Năm trước |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công | Mua hàng hóa và dịch vụ | 30.706.183.990 | 39.000.670.651 |
| | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 2.393.000.440 | 1.261.913.098 |
| | Góp vốn | 163.360.000.000 | 78.780.000.000 |
| | Chuyển nhận cổ phần | 214.056.000.000 | - |
| | Lãi chậm thanh toán | 1.485.054.575 | - |
| | Ứng trước tiền mua hàng | - | 1.238.725.000 |
| Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Bến Tre | Chi phí chi hộ | - | 49.999.998 |
| | Mua hàng hóa và dịch vụ | 50.318.182 | 12.040.000 |
| Công ty TNHH Một Thành viên Thành Thành Công Gia Lai | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | - | 805.000.000 |
| Tổng Công ty Điện lực Miền Trung | Doanh thu bán điện | 274.677.793.160 | 371.036.450.163 |
| | Chia cổ tức | 2.400.000.000 | 2.400.000.000 |
| | Khác | - | 2.140.363.499 |
| Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín | Thu hồi khoản cho vay | 59.000.000.000 | 23.500.000.000 |
| | Lãi cho vay | 3.660.657.532 | 607.977.550 |
| | Cho vay | 170.000.000.000 | 43.000.000.000 |
| | Lãi ứng trước tiền mua hàng | - | 3.131.833.332 |
| Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Tâm Bình An | Cho vay | - | 20.000.000.000 |
| | Lãi cho vay | - | 2.878.607.308 |
| | Thu hồi khoản cho vay | - | 58.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Lộc Thổ | Thu hồi khoản cho vay | - | - |
| | Lãi cho vay | - | 827.884.323 |
| Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công | Cho vay | - | 32.000.000.000 |
| | Mua hàng hóa và dịch vụ | 3.777.724.091 | 1.910.166.401 |
| Công ty Cổ phần Năng lượng TTC | Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ | 239.506.055.004 | 92.454.545 |
| | Ứng trước tiền mua hàng | 10.000.000.000 | - |
| | Mua hàng hóa dịch vụ | 1.147.434.800 | 507.871.000 |
| | Chi phí chi hộ | - | 30.400.000 |
| | Vay | 12.000.000.000 | - |
| | Chi phí lãi vay | 132.691.235 | - |
| | Trả nợ vay | 5.000.000.000 | - |
| | Cho vay | 20.000.000.000 | - |
| | Thu hồi khoản cho vay | 20.000.000.000 | - |
| | Lãi cho vay | 183.561.644 | - |
| Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh | Mua hàng hóa dịch vụ | - | 59.850.000 |
| Công ty TNHH Mía đường TTC Attapeu | Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ | 90.545.460 | 90.545.460 |

37 THUYẾT MINH CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

| VND | | | |
|--|--|----------------|----------------|
| Bên liên quan | Nội dung nghiệp vụ | Năm nay | Năm trước |
| Công ty TNHH Một Thành viên Mía đường TTC Attapeu | Doanh thu bán hàng hóa | 136.395.000 | - |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Trường Phú | Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ | 36.540.417.609 | 63.285.648.934 |
| | Ứng trước mua hàng hóa và dịch vụ | 10.000.000.000 | - |
| | Cho vay | 31.000.000.000 | - |
| | Thu hồi khoản cho vay | 1.000.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công - Chi nhánh Bến Tre - Trung tâm lữ hành | Lãi cho vay | 1.337.698.637 | - |
| | Chi phí chi hộ | - | 2.599.545 |
| | Mua hàng hóa và dịch vụ | - | 27.709.999 |
| Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa - Ninh Hòa | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 1.023.337.430 | 830.152.728 |
| Công ty Cổ phần Điện Gió Mê Kông | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | - | 141.272.728 |
| | Cho vay | - | 1.800.000.000 |
| | Lãi cho vay | - | 12.180.822 |
| | Thu hồi khoản cho vay | - | 1.800.000.000 |
| Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình | Mua hàng hóa và dịch vụ | 413.184.098 | 405.748.008 |
| Công ty Cổ phần In Thanh Niên | Mua dịch vụ | - | 97.381.091 |
| Công ty Cổ phần Thành Thành Nam | Mua hàng hóa và dịch vụ | 3.147.597.594 | 2.150.135.247 |
| Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa - Phan Rang | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | - | 476.400.000 |
| Công ty Cổ phần Đường Nước Trong | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | - | 1.300.000.000 |
| Công ty TNHH Một Thành viên Đường TTC Biên Hòa - Đồng Nai | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | - | 3.171.000.000 |
| Công ty TNHH Một Thành viên Khai thác Công trình Thủy lợi Gia Lai | Mua dịch vụ | 196.862.956 | 669.276.744 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Xanh TTC | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 434.895.573 | 1.438.998.762 |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi - TTC Hotel Premium - Phan Thiết | Mua dịch vụ | - | 6.672.727 |
| Công ty TNHH Nhiệt điện Ninh Hòa | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 203.023.144 | 34.360.818 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

37 THUYẾT MINH CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

VND

| Bên liên quan | Nội dung nghiệp vụ | Năm nay | Năm trước |
|---|--|----------------|---------------|
| Chi Nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi - TTC Palace Bình Thuận | Mua dịch vụ | - | 19.031.818 |
| Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi | Mua dịch vụ | - | 402.000.000 |
| Công ty Cổ phần Thành Thành Công Biên Hòa | Doanh thu cung cấp dịch vụ | 574.700.000 | - |
| | Phạt vi phạm hợp đồng | 50.573.600 | - |
| | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Năng Lượng Sạch Ninh Thuận | Cho vay | 3.500.000.000 | - |
| | Lãi cho vay | 159.178.080 | - |
| | Mua hàng hóa, dịch vụ | 20.022.000 | - |
| | Lãi cho vay | 360.794.520 | - |
| Công ty Cổ phần Biên Hòa - Thành Long | Cho vay | 15.900.000.000 | - |
| | Thu hồi cho vay | 2.500.000.000 | - |
| | Mua hàng hóa dịch vụ | 11.969.669.600 | - |
| Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Biên Hòa | Mua hàng hóa dịch vụ | 6.922.056 | - |
| Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc | Lương và các quyền lợi gộp khác | 16.025.059.850 | 8.525.863.522 |

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

VND

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 6) | | |
| Tổng Công ty Điện lực Miền Trung | 40.627.304.642 | 38.744.337.198 |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Trường Phú | 27.805.335.186 | 21.381.608.303 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công | 2.592.325.483 | 873.903.324 |
| Công ty TNHH Một thành viên Nhiệt điện Ninh Hòa | 223.325.458 | 27.801.000 |
| Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công | 136.395.000 | - |
| Công ty TNHH Một thành viên Đường Biên Hòa - Ninh Hòa | 13.861.172 | 181.728.000 |
| Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa - Đồng Nai | - | 286.440.000 |
| Công ty Cổ phần Du lịch TTC - CN Cần Thơ | - | 100.000.000 |
| | 71.398.546.941 | 61.595.817.825 |

VND

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------------------|-----------------------|
| Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh 7) | | |
| Công ty Cổ phần Biên Hòa - Thành Long | 16.566.531.080 | - |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Trường Phú | 10.000.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công | - | 1.238.725.000 |
| | 26.566.531.080 | 1.238.725.000 |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh 8) | | |
| Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín | 111.000.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Trường Phú | 30.000.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Biên Hòa - Thành Long | 13.400.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Năng Lượng Sạch Ninh Thuận | 3.500.000.000 | - |
| | 157.900.000.000 | - |
| Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 9(a)) | | |
| Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín | 1.999.479.451 | - |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Trường Phú | 1.291.202.523 | 62.509.896 |
| Công ty Cổ phần Biên Hòa - Thành Long | 477.452.052 | - |
| Công ty Cổ phần Năng Lượng Sạch Ninh Thuận | 159.178.080 | - |
| Tổng Công ty Điện lực Miền Trung | - | 3.367.615.868 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công | - | 74.987.498 |
| Công ty Cổ phần Điện Gió Mê Kông | - | 38.850.000 |
| Công ty Cổ phần Năng lượng TTC | - | 33.440.000 |
| Cá nhân khác | - | 80.000.000 |
| | 3.927.312.106 | 3.657.403.262 |
| Phải thu dài hạn khác (Thuyết minh 9(b)) | | |
| Công ty Cổ phần Thành Thành Nam | 498.204.382 | 498.204.382 |
| | | |
| Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 16) | | |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công | 7.020.903.685 | 12.816.612.422 |
| Công ty Cổ phần Thành Thành Nam | 1.509.666.570 | 14.785.600 |
| Công ty Cổ phần Biên Hòa - Thành Long | 526.617.062 | - |
| Công ty TNHH Một thành viên Khai thác Công trình Thủy lợi Gia Lai | 206.706.101 | 152.440.977 |
| Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công | 120.262.000 | 183.212.000 |
| Công ty Cổ phần Trường Phú | - | 1.379.200.000 |
| Công ty Cổ phần Năng lượng TTC | - | 65.608.994 |
| Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình | - | 48.809.000 |
| | 9.384.155.418 | 14.660.668.993 |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh 17) | | |
| Công ty Cổ phần Năng lượng TTC | 10.000.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Biên Hòa Thành Long | 1.437.362.987 | 437.362.987 |
| Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa | 88.880.000 | 252.868.000 |
| Công ty TNHH Một thành viên Nhiệt điện Gia Lai | - | 550.000.000 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Xanh TTC | - | 56.532.094 |
| | 11.526.242.987 | 1.296.763.081 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

37 THUYẾT MINH CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

VND

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)

VND

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|----------------|------------------|
| Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 20) | | |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công | 900.000 | 1.232.000 |
| Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình | - | 1.421.273 |
| | 900.000 | 2.653.273 |
| Vay ngắn hạn (Thuyết minh 21(a)) | | |
| Công ty Cổ phần Năng lượng TTC | 7.000.000.000 | |

38 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau. Nhằm phục vụ công tác quản lý, Tập đoàn được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm và dịch vụ và bao gồm các bộ phận báo cáo theo hoạt động như sau:

- Hoạt động sản xuất và bán điện: sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Hoạt động xây lắp: xây dựng các công trình thủy điện và công trình dân dụng vừa và nhỏ;
- Hoạt động cung cấp dịch vụ: cung cấp các dịch vụ tư vấn bảo trì, vận hành các dự án thủy điện; và
- Hoạt động bán hàng hóa: mua bán, nhập khẩu pin mặt trời và phụ tùng thiết bị ngành điện.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Tập đoàn như sau:

VND

| | Hoạt động sản xuất và bán điện | Hoạt động xây lắp | Hoạt động cung cấp dịch vụ | Hoạt động bán hàng hóa | Loại trừ | Tổng cộng |
|---|--------------------------------|-----------------------|----------------------------|------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Doanh thu | | | | | | |
| Bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 1.056.885.008.939 | 29.084.183.358 | 25.725.857.625 | 47.679.229.030 | - | 1.159.374.278.952 |
| Trong nội bộ Tập đoàn | - | 3.641.753.368 | 23.882.579.666 | 244.086.058.728 | (271.610.391.762) | - |
| Tổng doanh thu | 1.056.885.008.939 | 32.725.936.726 | 49.608.437.291 | 291.765.287.758 | (271.610.391.762) | 1.159.374.278.952 |
| Kết quả hoạt động kinh doanh | | | | | | |
| Lợi nhuận gộp của bộ phận | 610.922.856.070 | 4.369.611.569 | 28.620.047.808 | 10.844.607.584 | (5.093.891.141) | 649.663.231.890 |
| Chi phí không phân bổ | | | | | | (111.795.564.788) |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | | | | 24.241.133.071 |
| Chi phí tài chính | | | | | | (257.818.850.423) |
| Lợi nhuận khác | | | | | | (342.184.824) |
| Lợi nhuận trước thuế TNDN | | | | | | 303.947.764.926 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | | | | | | (13.686.317.528) |
| Thu nhập thuế TNDN hoãn lại | | | | | | 254.299.999 |
| Lợi nhuận sau thuế TNDN | | | | | | 290.515.747.397 |

| | Hoạt động sản xuất và bán điện | Hoạt động xây lắp | Hoạt động cung cấp dịch vụ | Hoạt động bán hàng hóa | Loại trừ | Tổng cộng |
|---|--------------------------------|-------------------|----------------------------|------------------------|----------|--------------------------|
| Tài sản và công nợ tại ngày 31.12.2019 | | | | | | |
| Tài sản bộ phận | 5.490.863.047.093 | 54.355.983.977 | 141.059.440.513 | 799.071.165.460 | - | 6.485.349.637.043 |
| Tài sản không phân bổ | - | - | - | - | - | 277.869.786.743 |
| Tổng tài sản | | | | | | 6.763.219.423.786 |
| Công nợ bộ phận | 3.536.344.161.701 | 38.256.365.626 | 100.674.295.328 | 507.700.648.542 | - | 4.182.975.471.197 |
| Công nợ không phân bổ | - | - | - | - | - | 615.623.426 |
| Tổng công nợ | | | | | | 4.183.591.094.623 |

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Tập đoàn như sau:

VND

| | Hoạt động sản xuất và bán điện | Hoạt động xây lắp | Hoạt động cung cấp dịch vụ | Hoạt động bán hàng hóa | Loại trừ | Tổng cộng |
|---|--------------------------------|-----------------------|----------------------------|------------------------|------------------------|-------------------------|
| Doanh thu | | | | | | |
| Bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 483.456.423.005 | 56.675.427.818 | 19.356.624.052 | - | - | 559.488.474.875 |
| Trong nội bộ Tập đoàn | - | - | 7.765.246.789 | - | (7.765.246.789) | - |
| Tổng doanh thu | 483.456.423.005 | 56.675.427.818 | 27.121.870.841 | - | (7.765.246.789) | 559.488.474.875 |
| Kết quả hoạt động kinh doanh | | | | | | |
| Lợi nhuận gộp của bộ phận | 288.537.901.421 | 5.586.576.086 | 7.214.701.912 | - | 4.661.333.800 | 306.000.513.219 |
| Chi phí không phân bổ | | | | | | (77.224.600.118) |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | | | | 19.454.754.655 |
| Chi phí tài chính | | | | | | (41.137.903.234) |
| Lợi nhuận khác | | | | | | (153.992.538) |
| Lợi nhuận trước thuế TNDN | | | | | | 206.938.771.984 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | | | | | | (20.639.269.039) |
| Thu nhập thuế TNDN hoãn lại | | | | | | 967.227.728 |
| Lợi nhuận sau thuế TNDN | | | | | | 187.266.730.673 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

38 BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

VND

| | Hoạt động sản xuất và bán điện | Hoạt động xây lắp | Hoạt động cung cấp dịch vụ | Hoạt động bán hàng hóa | Loại trừ | Tổng cộng |
|---|--------------------------------|-------------------|----------------------------|------------------------|----------|--------------------------|
| Tài sản và công nợ tại ngày 31.12.2018 | | | | | | |
| Tài sản bộ phận | 3.355.110.731.014 | 51.519.293.819 | 92.517.646.747 | - | - | 3.499.147.671.580 |
| Tài sản không phân bổ | - | - | - | - | - | 861.411.234.157 |
| Tổng tài sản | | | | | | 4.360.558.905.737 |
| Công nợ bộ phận | 1.860.749.150.049 | 31.868.931.820 | 59.429.540.664 | - | - | 1.952.047.622.533 |
| Công nợ không phân bổ | - | - | - | - | - | 575.972.372 |
| Tổng công nợ | | | | | | 1.952.623.594.905 |

39 CÁC CAM KẾT

a) Thuê hoạt động

Tập đoàn phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

VND

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Dưới 1 năm | 5.394.075.053 | 5.349.287.715 |
| Từ 1 đến 5 năm | 4.721.828.132 | 11.316.571.460 |
| Trên 5 năm | 27.239.634.551 | 28.232.489.513 |
| Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu | 37.355.537.736 | 44.898.348.688 |

b) Chi đầu tư tài sản

Các cam kết về chi tiêu tạo lập TSCĐ đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

VND

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--------------------------------|-----------------|-------------------|
| Nhà xưởng, máy móc và thiết bị | 200.103.879.668 | 1.476.949.019.264 |

c) Góp vốn

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất này, Tập đoàn có cam kết góp vốn vào một số doanh nghiệp như sau:

(i) Các công ty chưa được góp vốn

| | Tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ % |
|--|---------------------------------|
| Công ty Cổ phần Điện TTC Bắc Bình - Bình Thuận | 51 |
| Công ty Cổ phần Điện Mặt trời TTC Bắc Bình - Bình Thuận | 51 |
| Công ty Cổ phần Năng lượng TTC Bắc Bình - Bình Thuận | 51 |
| Công ty Cổ phần TNHH Một Thành viên Điện Mặt trời Phong Điền | 100 |

(ii) Các công ty đã được góp vốn

VND

| | Tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ | Số tiền cam kết sẽ góp | Số tiền đã thực góp | Số tiền còn phải góp |
|---|-------------------------------|------------------------|---------------------|----------------------|
| Công ty Cổ phần Điện TTC Tây Sơn - Bình Định | 51 % | 105.570.000.000 | 2.550.000.000 | 103.020.000.000 |
| Công ty Cổ phần Điện Mặt trời TTC Tây Sơn - Bình Định | 51 % | 105.570.000.000 | 2.550.000.000 | 103.020.000.000 |
| Công ty Cổ phần Điện gió Tiên Giang | 9,15 % | 18.300.000.000 | 2.600.000.000 | 15.700.000.000 |

40 NỢ TIẾM TANG

Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Tập đoàn phải lập dự phòng cho các khoản chi phí khôi phục phát sinh khi hoàn trả mặt bằng và đất thuê theo quy định và chính sách áp dụng đối với ngành nghề sản xuất kinh doanh của Tập đoàn. Theo đó, Tập đoàn có nghĩa vụ thu dọn, khôi phục và hoàn trả mặt bằng vào cuối thời hạn thuê hoặc thời hạn kết thúc dự án. Tại ngày báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn chưa ghi nhận khoản dự phòng này do chưa đủ thông tin cần thiết để lập dự phòng hoàn nguyên môi trường đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn.

41 CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Ngày 21 tháng 1 năm 2020, Tập đoàn đã hoàn tất việc thoái vốn khỏi Công ty Cổ phần Thủy điện Kênh Bắc - Ayun Hạ bằng việc bán toàn bộ 588.000 cổ phần, tương đương 65,33% vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Thủy điện Kênh Bắc - Ayun Hạ theo chủ trương của Hội đồng Quản trị tại Trích yếu Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 02A/2020/TYNQ-HĐQT ngày 8 tháng 1 năm 2020.

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được Ban Tổng Giám đốc duyệt ngày 27 tháng 3 năm 2020.

Nghiêm Thị Lệ Quyên
Người lập

Trần Thị Hồng Thắm
Kế toán trưởng



Nguyễn Thái Hà
Tổng Giám đốc
Ngày 27 tháng 3 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG KIỂM TOÁN

tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

MẪU SỐ B 01-DN

VND

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------|--|-------------|--------------------------|--------------------------|
| 100 | TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 642.524.860.464 | 966.416.078.355 |
| 110 | Tiền và các khoản tương đương tiền | 3 | 78.705.218.186 | 572.264.189.785 |
| 111 | Tiền | | 21.705.218.186 | 15.247.093.885 |
| 112 | Các khoản tương đương tiền | | 57.000.000.000 | 557.017.095.900 |
| 120 | Đầu tư tài chính ngắn hạn | | - | 252.000.000.000 |
| 123 | Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | | - | 252.000.000.000 |
| 130 | Các khoản phải thu ngắn hạn | | 309.833.249.928 | 100.872.524.438 |
| 131 | Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 4 | 102.559.633.365 | 72.023.088.780 |
| 132 | Trả trước cho người bán ngắn hạn | 5 | 25.266.691.276 | 3.964.652.165 |
| 135 | Phải thu về cho vay ngắn hạn | 6 | 130.200.000.000 | 1.291.000.000 |
| 136 | Phải thu ngắn hạn khác | 7(a) | 51.806.925.287 | 23.590.996.316 |
| 139 | Tài sản thiếu chờ xử lý | | - | 2.787.177 |
| 140 | Hàng tồn kho | | 228.892.255.271 | 7.897.779.840 |
| 141 | Hàng tồn kho | 8 | 228.892.255.271 | 7.897.779.840 |
| 150 | Tài sản ngắn hạn khác | | 25.094.137.079 | 33.381.584.292 |
| 151 | Chi phí trả trước ngắn hạn | 9(a) | 3.033.804.977 | 3.171.334.425 |
| 152 | Thuế Giá trị Gia tăng ("GTGT") được khấu trừ | | 22.060.332.102 | 30.210.249.867 |
| 200 | TÀI SẢN DÀI HẠN | | 3.905.600.220.009 | 2.942.966.568.403 |
| 210 | Các khoản phải thu dài hạn | | 568.204.382 | 780.499.803 |
| 216 | Phải thu dài hạn khác | 7(b) | 1.259.387.882 | 1.271.341.882 |
| 219 | Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | | (691.183.500) | (490.842.079) |
| 220 | Tài sản cố định | | 2.570.481.534.371 | 2.543.636.227.324 |
| 221 | Tài sản cố định hữu hình | 10(a) | 2.561.630.907.786 | 2.539.816.319.252 |
| 222 | Nguyên giá | | 3.091.565.645.737 | 2.912.839.214.826 |
| 223 | Giá trị khấu hao lũy kế | | (529.934.737.951) | (373.022.895.574) |
| 227 | Tài sản cố định vô hình | 10(b) | 8.850.626.585 | 3.819.908.072 |
| 228 | Nguyên giá | | 9.788.567.784 | 4.571.417.184 |
| 229 | Giá trị khấu hao lũy kế | | (937.941.199) | (751.509.112) |
| 240 | Tài sản dở dang dài hạn | | 8.368.479.489 | 15.186.876.903 |
| 242 | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 11 | 8.368.479.489 | 15.186.876.903 |
| 250 | Đầu tư tài chính dài hạn | | 1.305.701.413.681 | 364.467.860.449 |
| 251 | Đầu tư vào công ty con | 12(a) | 1.307.965.896.909 | 366.935.646.909 |
| 253 | Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 12(b) | 2.600.000.000 | - |
| 254 | Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | | (4.864.483.228) | (2.467.786.460) |
| 260 | Tài sản dài hạn khác | | 20.480.588.086 | 18.895.103.924 |
| 261 | Chi phí trả trước dài hạn | 9(b) | 20.480.588.086 | 18.895.103.924 |
| 270 | TỔNG TÀI SẢN | | 4.548.125.080.473 | 3.909.382.646.758 |

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 54 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này

VND

| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------|--|-------------|--------------------------|--------------------------|
| 300 | NỢ PHẢI TRẢ | | 2.209.126.396.802 | 1.741.575.548.237 |
| 310 | Nợ ngắn hạn | | 539.080.423.721 | 381.118.713.750 |
| 311 | Phải trả người bán ngắn hạn | 13 | 16.846.619.837 | 315.198.040.326 |
| 312 | Người mua trả tiền trước ngắn hạn | | 1.270.400.000 | 594.400.000 |
| 313 | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 14 | 6.748.006.278 | 8.459.725.103 |
| 314 | Phải trả Người lao động | | 7.182.217 | 1.840.797 |
| 315 | Chi phí phải trả ngắn hạn | 15 | 4.993.911.728 | 3.133.443.028 |
| 319 | Phải trả ngắn hạn khác | 16 | 121.811.458.185 | 4.484.502.606 |
| 320 | Vay ngắn hạn | 17(a) | 371.935.322.960 | 40.660.660.000 |
| 322 | Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 18 | 15.467.522.516 | 8.586.101.890 |
| 330 | Nợ dài hạn | | 1.670.045.973.081 | 1.360.456.834.487 |
| 338 | Vay dài hạn | 17(b) | 1.666.461.456.661 | 1.356.889.164.636 |
| 342 | Dự phòng phải trả dài hạn | | 2.994.424.750 | 2.994.424.750 |
| 343 | Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | | 590.091.670 | 573.245.101 |
| 400 | VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 2.338.998.683.671 | 2.167.807.098.521 |
| 410 | Vốn chủ sở hữu | | 2.338.998.683.671 | 2.167.807.098.521 |
| 411 | Vốn góp của chủ sở hữu | 19, 20 | 2.038.916.770.000 | 1.941.825.500.000 |
| 411a | - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | | 2.038.916.770.000 | 1.941.825.500.000 |
| 412 | Thặng dư vốn cổ phần | 20 | 38.672.862.153 | 28.963.735.153 |
| 418 | Quỹ đầu tư phát triển | 20 | 35.594.096.475 | 24.927.813.411 |
| 421 | Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối | 20 | 225.814.955.043 | 172.090.049.957 |
| 421a | - LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước | | 32.013.494.071 | 44.201.454.253 |
| 421b | - LNST chưa phân phối của năm nay | | 193.801.460.972 | 127.888.595.704 |
| 440 | TỔNG NGUỒN VỐN | | 4.548.125.080.473 | 3.909.382.646.758 |

Nguyễn Văn Lưu
Người lập

Trần Thị Hồng Thắm
Kế toán trưởng



Nguyễn Thái Hà
Tổng Giám đốc
Ngày 27 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG KIỂM TOÁN

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 02 – DN

VND

| Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|-------|---|-----------------|-----------------|
| 10 | Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 748.808.477.220 | 314.813.574.479 |
| 11 | Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp | 371.719.402.706 | 138.908.459.543 |
| 20 | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11) | 377.089.074.514 | 175.905.114.936 |
| 21 | Doanh thu hoạt động tài chính | 97.284.887.684 | 62.941.473.166 |
| 22 | Chi phí tài chính | 161.710.336.099 | 35.757.646.555 |
| 23 | - Trong đó: Chi phí lãi vay | 153.733.601.190 | 32.343.782.642 |
| 25 | Chi phí bán hàng | 624.900.198 | 588.486.215 |
| 26 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 91.254.315.087 | 65.322.353.098 |
| 30 | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26) | 220.784.410.814 | 137.178.102.234 |
| 31 | Thu nhập khác | 994.167.555 | 15.011.146.609 |
| 32 | Chi phí khác | 471.430.346 | 3.101.800.798 |
| 40 | Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32) | 522.737.209 | 11.909.345.811 |
| 50 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) | 221.307.148.023 | 149.087.448.045 |
| 51 | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành | 4.056.742.103 | 10.196.200.217 |
| 52 | Chi phí thuế TNDN hoãn lại | - | 598.884.950 |
| 60 | Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) | 217.250.405.920 | 138.292.362.878 |

Nguyễn Văn Lưu
Người lập

Trần Thị Hồng Thắm
Kế toán trưởng



Nguyễn Thái Hà
Tổng Giám đốc
Ngày 27 tháng 3 năm 2020

Mẫu số B 03 – DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG KIỂM TOÁN

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (theo phương pháp gián tiếp)

VND

| Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|--|---------------------|---------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 01 | Lợi nhuận kế toán trước thuế Điều chỉnh cho các khoản: | 221.307.148.023 | 149.087.448.045 |
| 02 | Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ") | 160.944.304.110 | 64.719.818.906 |
| 03 | Các khoản dự phòng | 2.597.038.189 | 2.613.037.364 |
| 04 | Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 524.057 | 812.475.367 |
| 05 | Lãi từ hoạt động đầu tư | (97.101.307.081) | (73.946.379.386) |
| 06 | Chi phí lãi vay | 153.733.601.190 | 32.343.782.642 |
| 08 | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động | 441.481.308.488 | 175.630.182.938 |
| 09 | Tăng các khoản phải thu | (44.423.061.499) | (43.519.026.193) |
| 10 | (Tăng)/giảm hàng tồn kho | (220.878.112.931) | (143.155.050) |
| 11 | (Giảm)/tăng các khoản phải trả | (4.692.000.617) | (24.012.976.535) |
| 12 | Tăng chi phí trả trước | (1.447.954.714) | (9.386.839.915) |
| 14 | Tiền lãi vay đã trả | (151.913.665.904) | (31.086.333.528) |
| 15 | Thuế TNDN đã nộp | (4.917.194.997) | (10.991.619.254) |
| 17 | Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | (10.050.012.144) | (7.550.973.662) |
| 20 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 3.159.305.682 | 48.939.258.801 |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 21 | Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ | (482.287.626.708) | (1.538.690.314.680) |
| 22 | Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ | 2.405.970.627 | 19.600.831.000 |
| 23 | Tiền chi cho vay | (254.600.000.000) | (276.400.000.000) |
| 24 | Tiền thu hồi cho vay | 377.691.000.000 | 148.869.250.000 |
| 25 | Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | (825.807.610.000) | (110.070.000.000) |
| 27 | Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 73.599.167.020 | 86.681.532.124 |
| 30 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | (1.108.999.099.061) | (1.670.008.701.556) |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 31 | Tiền thu từ phát hành cổ phiếu | 106.800.397.000 | 971.069.898.000 |
| 33 | Tiền thu từ đi vay | 996.316.201.250 | 1.427.594.833.806 |
| 34 | Tiền chi trả nợ gốc vay | (354.997.762.927) | (188.566.703.169) |
| 36 | Tiền cổ tức đã trả cho chủ sở hữu | (135.835.944.900) | (96.672.260.772) |
| 40 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 612.282.890.423 | 2.113.425.767.865 |
| 50 | Lưu chuyển tiền thuần trong năm | (493.556.902.956) | 492.356.325.110 |
| 60 | Tiền và tương đương tiền đầu năm | 572.264.189.785 | 79.904.952.746 |
| 61 | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | (2.068.643) | 2.911.929 |
| 70 | Tiền và tương đương tiền cuối năm | 78.705.218.186 | 572.264.189.785 |

Nguyễn Văn Lưu
Người lập

Trần Thị Hồng Thắm
Kế toán trưởng



Nguyễn Thái Hà
Tổng Giám đốc
Ngày 27 tháng 3 năm 2020

KIỂM TOÁN NỘI BỘ CAM KẾT MINH BẠCH

NHỮNG THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

Tháng 9 năm 2019, 204 triệu cổ phiếu GEG đã chính thức được giao dịch và trở thành TV thứ 378 tại HOSE, TV thứ 25 phân Ngành Dịch vụ tiện ích trong đó 15 Mã là Năng lượng Thủy điện, Nhiệt điện, Khí; 10 Mã là Dịch vụ Năng lượng. GEC hiện là một trong những Mã hiếm hoi hoạt động thuần và đa dạng danh mục thuộc NLTT.

Theo dữ liệu từ UBCKNN, tính đến cuối năm 2019, HOSE là sàn chứng khoán có quy mô lớn nhất Việt Nam, chiếm 74% vốn hóa toàn thị trường với 379 doanh nghiệp niêm yết, giá trị vốn hóa đạt gần 142 tỷ USD, tương đương 60% GDP năm 2018. Việc chuyển sàn đưa GEC đến gần hơn với các NĐT lớn, tiềm năng; tăng tính thanh khoản cho cổ phiếu; nâng cao năng lực tài chính; tăng tính minh bạch và củng cố thương hiệu GEC trên thị trường tài chính cũng như Năng lượng. HOSE luôn yêu cầu khắt khe hơn đối với các tiêu chuẩn về vốn hóa,

hiệu quả kinh doanh và hoạt động Quản trị Điều hành, là nền tảng cho việc nâng tầm Thị trường vốn quốc tế tại Việt Nam.

Đáp ứng yêu cầu Quản trị chuẩn mực quốc tế từ 2 CD chiến lược nước ngoài là IFC và Armstrong, GEC đã triển khai xây dựng và vận hành UBKT - Ủy ban chuyên trách của HĐQT trong năm 2018. Mục tiêu hướng đến của GEC là nỗ lực tiệm cận các tiêu chuẩn mới nhất về hoạt động QTCT trong đó quan tâm đúng mực đến tính minh bạch, kịp thời của hoạt động CBTT với các BLQ.

Với tinh thần trách nhiệm cao, thông qua việc thực hiện một cách nghiêm túc những thủ tục kiểm tra, soát xét những khía cạnh trọng yếu để đảm bảo thông tin, số liệu, chỉ số được lựa chọn và trình bày một cách phù hợp trong BCTN 2019, UBKT cam kết các nội dung đáp ứng đầy đủ các quy định về CBTT trong và ngoài nước:

TIÊU CHUẨN VIỆT NAM

- Thống nhất với BCTC kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của GEC: Công ty TNHH PWC Việt Nam kiểm toán
- Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19 tháng 8 năm 2016: Ban hành quy chế CBTT tại HOSE
- Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2015: Hướng dẫn CBTT trên TTCK

TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ

- 2019: Bộ Nguyên tắc QTCT theo Thông lệ Tốt nhất do UBCKNN xây dựng với sự hỗ trợ kỹ thuật của Tổ chức Tài chính Quốc tế IFC và Cục Kinh tế Liên bang Thụy Sĩ (SECO)
- 2017-2018: Thẻ điểm QTCT Khu vực ASEAN - ASEAN SCORECARD
- 2016: Bộ Tiêu chuẩn Quốc tế về lập Báo cáo PTBV toàn cầu GRI
- 2015: Quy tắc QTCT của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế OECD
- 2013: Báo cáo Tích hợp theo chuẩn mực Quốc tế IIRC

UBKT đánh giá BCTN năm 2019 được thể hiện một cách trung thực và hợp lý, đảm bảo nhu cầu thông tin cho các BLQ trọng yếu bao gồm (1) Cơ quan Ban Ngành, (2) CD, NĐT, (3) Đối tác, (4) Cộng đồng và Xã hội. Dưới góc độ của người đọc, chúng tôi tin tưởng BCTN đã nỗ lực truyền tải nhiều hơn những thông tin có giá trị đến từ 2 khía cạnh Tài chính và Phi Tài chính, là cơ sở cho lòng tin mà các BLQ đã chọn GEC để cùng hợp tác phát triển.

THAY MẶT ỦY BAN KIỂM TOÁN
CHỦ TỊCH



BÀ NGUYỄN THÙY VÂN

| | |
|------------------|---|
| ARMSTRONG | AVH PTE. LTD. - Armstrong Asset Management Pte. Ltd |
| ATVSLD | An toàn vệ sinh lao động |
| BCT | Bộ Công thương |
| BCTC | Báo cáo Tài chính |
| BCTN | Báo cáo thường niên |
| BKS | Ban Kiểm soát |
| BLQ | Bên liên quan |
| BSQH | Bổ sung quy hoạch |
| BVSC | Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt |
| CAGR | Tỷ lệ tăng trưởng kép |
| CBNV | Cán bộ nhân viên |
| CBTT | Công bố thông tin |
| CD | Cổ đông |
| CTCP | Công ty Cổ phần |
| CTTV | Công ty Thành viên |
| ĐHĐCĐ | Đại hội đồng Cổ đông |
| DK | Dự kiến |
| ĐMT | Điện Mặt trời |
| DTT | Doanh thu thuần |
| EBIT | Lợi nhuận trước Lãi vay và Thuế |
| EBITDA | Lợi nhuận trước Lãi vay, Thuế và Khấu hao |
| FIT | Biểu giá Điện hỗ trợ |
| GEC | Công ty Cổ phần Điện Gia Lai, Công ty |
| HĐKD | Hoạt động kinh doanh |
| HĐQT | Hội đồng Quản trị |
| HOSE/HSX | Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh |
| HSC | Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh |
| KH | Kế hoạch |
| KQKD | Kết quả kinh doanh |
| KSNB | Kiểm soát nội bộ |
| KTNB | Kiểm toán nội bộ |
| LNST | Lợi nhuận sau thuế |
| LNSTT | Lợi nhuận trước thuế |
| LYKCD | Lấy ý kiến Cổ đông |
| M&A | Mua bán và sáp nhập |

| | |
|----------------|--|
| MAS | Công ty Trách nhiệm hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset |
| NĐT | Nhà đầu tư |
| NHTG | Ngân hàng Thế giới |
| NLTT | Năng lượng tái tạo |
| NMTĐ | Nhà máy Thủy điện |
| O&M | Vận hành và Bảo trì |
| PHS | Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng |
| PTBV | Phát triển bền vững |
| QCUX | Quy chế ứng xử |
| QHNDT | Quan hệ Nhà đầu tư |
| QLRR | Quản lý rủi ro |
| QTCT | Quản trị Công ty |
| QTDN | Quản trị Doanh nghiệp |
| QTRR | Quản trị rủi ro |
| R&D | Nghiên cứu và Phát triển |
| ROAA | Lợi nhuận trên Tổng tài sản bình quân |
| ROAE | Lợi nhuận trên Vốn Chủ sở hữu bình quân |
| SGDCK | Sở Giao dịch Chứng khoán |
| SSI | Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI |
| SXKD | Sản xuất kinh doanh |
| TGD | Tổng Giám đốc |
| TNHH | Trách nhiệm hữu hạn |
| TT | Thực tế |
| TTCK | Thị trường Chứng khoán |
| TTS | Tổng tài sản |
| TV | Thành viên |
| UBCKNN | Ủy ban Chứng khoán Nhà nước |
| UBKT | Ủy ban Kiểm toán |
| VBLQ | Văn bản lập quy |
| VCBS | Công ty Trách nhiệm hữu hạn Chứng khoán Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam |
| VCSC | Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt |
| VCSH | Vốn Chủ sở hữu |
| VĐL | Vốn Điều lệ |
| VDSC | Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt |